

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1933 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 17 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chấp thuận cho bổ sung nhu cầu sử dụng đất của các hộ gia đình,
cá nhân trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 516/TTr-STNMT ngày 28/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho bổ sung nhu cầu sử dụng đất đối với 6.430 trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất, với tổng diện tích 3.168.802,2 m².

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Sau khi có Quyết định chấp thuận, các cơ quan, đơn vị sau đây có trách nhiệm:

1. UBND huyện Bù Đốp, UBND huyện Bù Đăng, UBND huyện Hớn Quản, UBND huyện Đồng Phú, UBND thị xã Phước Long và UBND thành phố Đồng Xoài:

- Tiến hành cập nhật danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất tại biểu chi tiết kèm theo vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của địa phương.

- Chịu trách nhiệm đối với việc chuyển mục đích sang đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân; phải kiểm tra, thẩm định kỹ để đảm bảo các điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất, phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo chỉ tiêu được duyệt và các điều kiện khác theo quy định; không giải quyết các trường hợp có tên trong danh sách phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất nếu không đảm bảo các điều kiện trên và các quy định có liên quan.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương nêu trên cập nhật và lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo đúng quy định.

b) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và cơ quan liên quan về danh sách, số liệu Tờ trình số 516/TTr-STNMT ngày 28/9/2022 và đảm bảo thống nhất, đồng bộ với nội dung trình của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 3. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo đơn vị chuyên môn đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Cục Thuế, Chủ tịch UBND huyện Bù Đốp, Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng, Chủ tịch UBND huyện Hớn Quản, Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Chủ tịch UBND thị xã Phước Long, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT_(BH-93-QĐ-05/10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Anh Minh

**DANH SÁCH NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT ĐĂNG KÝ BỔ SUNG NHU CẦU
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022**
(Kèm theo Quyết định số 1933./QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m ²)	Thửa đất	Tờ bản đồ	Loại đất trước khi CMĐ (*)	Loại đất sau khi CMĐ (*)
I	Thị xã Phước Long		185.280,0				
1	Nguyễn Thị Lệ	Long Phước	500,0	LP	ĐL	CLN	ODT
2	Dương Văn Dũng	Long Phước	300,0	708; 709	13	CLN	ODT
3	Bùi Hồn	Long Phước	500,0	BP		CLN	ODT
4	Hà Hùng Cường	Long Phước	500,0	61	18	CLN	ODT
5	Nguyễn Hữu Thái	Long Phước	2.000,0	61	18	CLN	SKC
6	Vũ Trường Quý	Long Phước	100,0	592	21	CLN	ODT
7	Nguyễn Tiến Tài	Long Phước	500,0	607; 630	14	CLN	ODT
8	Hoàng Long Biên	Long Phước	200,0	598	15	CLN	ODT
9	Nguyễn Duy Trường	Long Phước	500,0	315	9	CLN	ODT
10	Nguyễn Thành Von	Long Phước	400,0	427, 428	9	CLN	ODT
11	Nguyễn Duy Hoàng	Long Phước	400,0	331	9	CLN	ODT
12	Đoàn Văn Lệnh	Long Phước	50,0	211	24	CLN	ODT
13	Lương Đại Hùng	Long Phước	150,0	152	22	CLN	ODT
14	Hoàng Bính	Long Phước	100,0	136	9	CLN	ODT
15	Trần Văn Tuyền	Long Phước	200,0	61	14	CLN	ODT
16	Nguyễn Quốc Kim	Long Phước	500,0	330	9	CLN	ODT
17	Nguyễn Thị Thuyền	Long Phước	100,0	197	2	CLN	ODT
18	Võ Thành Sơn	Long Phước	200,0	151A	21	CLN	ODT
19	Nguyễn Nam Trung	Long Phước	400,0	206	2	CLN	ODT
20	Phạm Đình Oai	Long Phước	200,0	330	14	CLN	ODT
21	Phạm Công Hiệu	Long Phước	100,0	311	13	CLN	ODT
22	Nguyễn Minh Tuấn	Long Phước	100,0	442	21	CLN	ODT
23	Bùi Thiên Hiệp	Long Phước	400,0	517	19	CLN	ODT
24	Nguyễn Thị Thủy	Long Phước	200,0	83	9	CLN	ODT
25	Trần Huy Hiệp	Long Phước	10.000,0	394	9	CLN	SKC
26	Võ Văn Sỹ	Long Phước	63,0	829	13	CLN	ODT
27	Phạm Ngọc Linh	Long Phước	200,0	101	17	CLN	ODT
28	Huỳnh Thị Việt Trinh	Long Phước	50,0	311	13	CLN	ODT
29	Lê Đình Tiến	Long Phước	250,0	205	2	CLN	ODT
30	Đinh Hùng Đại	Long Phước	100,0	693	13	CLN	ODT
31	Vũ Trường Quý	Long Phước	100,0	592	21	CLN	ODT
32	Nguyễn Thành Tuấn	Long Phước	300,0	73	8	CLN	ODT
33	Dương Văn Dũng	Long Phước	500,0	708, 709	13	CLN	ODT
34	Nguyễn Hữu Thái	Long Phước	500,0	61	18	CLN	ODT
35	Lương Chí Công	Long Phước	400,0	96	20	CLN	ODT
36	Hồ Quang Trung	Long Phước	100,0	508	21	CLN	ODT
37	Nguyễn Thị Hương	Long Phước	500,0	204	24	CLN	ODT
38	Nguyễn Thị Hương	Long Phước	1.200,0	204	24	CLN	SKC
39	Võ Duy Hào	Long Phước	100,0	647	21	CLN	ODT
40	Lê Thuận	Long Phước	500,0	126	6	CLN	ODT
41	Lê Thuận	Long Phước	500,0	126	6	CLN	SKC
42	Phạm Đức Duy	Long Phước	250,0	154	14	CLN	ODT
43	Bùi Anh Trùy- Hoàng Thị Nhường	Long Phước	500,0	01, 02	0	CLN	ODT
44	Nguyễn Đình Phùng	Long Phước	250,0	207	15	CLN	ODT

45	Trương Thị Tuyết	Long Phước	300,0	157	14	CLN	ODT
46	Nguyễn Thị Tuyết	Long Phước	300,0	517	15	CLN	ODT
47	Trần Thiên Tào	Long Phước	200,0	234	14	CLN	ODT
48	Nguyễn Thị Gương	Long Phước	500,0	186, 262	14, 15	CLN	ODT
49	Bùi Thị Diễm Chi	Long Phước	300,0	341	15	CLN	ODT
50	Trương Thị Tuyết	Long Phước	100,0	157	14	CLN	ODT
51	Trần Cao Thái	Long Phước	500,0	741	15	CLN	ODT
52	Nguyễn Văn Danh	Long Phước	100,0	364	24	CLN	ODT
53	Trần Bình Hiệp	Phước Bình	200,0	142	35	CLN	ODT
54	Trần Bình Hiệp	Phước Bình	300,0	70	13	CLN	ODT
55	Phạm Văn Dương	Phước Bình	200,0	224	21	CLN	ODT
56	Trương Thị Lệ Hoài	Phước Bình	300,0	34	21	CLN	ODT
57	Nguyễn Thị Mai	Phước Bình	200,0	260	27	CLN	ODT
58	Võ Minh Quảng	Phước Bình	100,0	268	21	CLN	ODT
59	Võ Đình Mạnh	Phước Bình	200,0	238	21	CLN	ODT
60	Nguyễn Minh Phong	Phước Bình	2.000,0	76	35	CLN	SKC
61	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	Phước Bình	2.000,0	149	35	CLN	SKC
62	Ngô Thị Lan Anh	Phước Bình	100,0	296,298	26	CLN	ODT
63	Nguyễn Tấn Phong	Phước Bình	50,0	365	24	CLN	ODT
64	Nguyễn Thị Mai	Phước Bình	150,0	260	27	CLN	ODT
65	Bùi Thị Kim Mai	Phước Bình	150,0	352	25	CLN	ODT
66	Trần Thị Hồng	Phước Bình	100,0	216	33	CLN	ODT
67	Huỳnh Thị Ngọc Hiệp	Phước Bình	100,0	350	33	CLN	ODT
68	Lê Văn Thuận	Phước Bình	300,0	139	11	CLN	ODT
69	Nguyễn Thanh Phong	Phước Bình	200,0	167	22	CLN	ODT
70	Trần Thị Thu Đào	Phước Bình	100,0	238	25	CLN	ODT
71	Lê Văn Chiến	Phước Bình	200,0	6	30	CLN	ODT
72	Nguyễn Minh	Phước Bình	200,0	449	25	CLN	ODT
73	Nguyễn Văn Cừ	Phước Bình	50,0	90	30	CLN	ODT
74	Hoàng Đình Sơn	Phước Bình	100,0	98	33	CLN	ODT
75	Nguyễn Thị Lới	Phước Bình	100,0	199	19	CLN	ODT
76	Hồ Thị Hương Loan	Phước Bình	240,0	56a	26	CLN	ODT
77	Hồ Thị Hương Loan	Phước Bình	400,0	278	26	CLN	ODT
78	Nguyễn Thị Tư	Phước Bình	64,0	875	13	CLN	ODT
79	Hoàng Hoài	Phước Bình	500,0	76	34	CLN	ODT
80	Nguyễn Thanh Hùng	Phước Bình	200,0	223	21	CLN	ODT
81	Nghiêm Văn Hòa	Phước Bình	500,0		0	CLN	ODT
82	Lê Văn Thuận	Phước Bình	500,0	139	11	CLN	ODT
83	Lê Văn Tâm	Phước Bình	300,0	90	11	CLN	ODT
84	Phan Nhân Hùng	Phước Bình	300,0	24	29	CLN	ODT
85	Hoàng Hoài	Phước Bình	4.000,0	76	34	CLN	SKC
86	Lê Hữu Phước	Phước Bình	100,0	350	25	CLN	ODT
87	Bùi Thanh Văn	Phước Bình	300,0	171	22	CLN	ODT
88	Nguyễn Hoàng Nam	Phước Bình	300,0	147; 148;149	31	CLN	ODT
89	Trần Quốc Hoàn	Phước Bình	100,0	44	16	CLN	ODT
90	Đặng Văn Hòa	Phước Bình	200,0	102	31	CLN	ODT
91	Nguyễn Thị Bích Liên	Phước Bình	500,0	146; 199	35	CLN	ODT
92	Trần Quốc Tuyền	Phước Bình	100,0	222	25	CLN	ODT
93	Trần Minh Hùng	Phước Bình	200,0	258	13	CLN	ODT
94	Nguyễn Thị Bích Phương	Phước Bình	100,0	230	33	CLN	ODT
95	Nguyễn Quốc Vinh	Phước Bình	300,0	38; 128	21	CLN	ODT
96	Võ Thị Mỹ Nga	Phước Bình	300,0	114	22	CLN	ODT
97	Đặng Thị Tuyết Lan	Phước Bình	300,0	576 (305 cũ)	25	CLN	ODT
98	Nguyễn Minh	Phước Bình	100,0	449	25	CLN	ODT
99	Võ Minh Tài	Phước Bình	200,0	134	21	CLN	ODT

100	Hồ Văn Hiếu	Phước Bình	50,0	781	13	CLN	ODT
101	Trần Đình Nhân	Phước Bình	100,0	325	34	CLN	ODT
102	Trần Việt Triều	Phước Bình	200,0	347	33	CLN	ODT
103	Trần Thị Mỹ Chi	Phước Bình	50,0	409	27	CLN	ODT
104	Trần Thị Thu Hương	Phước Bình	150,0	411	27	CLN	ODT
105	Võ Minh Quảng	Phước Bình	100,0	276	21	CLN	ODT
106	Nguyễn Thị Tây Bá Linh	Phước Bình	1.000,0	215	26	CLN	SKC
107	Nguyễn Thị Tây Bá Linh	Phước Bình	780,0	358	26	CLN	SKC
108	Hồ Thiện Huy	Phước Bình	200,0	147	22	CLN	ODT
109	Đỗ Tấn Lợi	Phước Bình	100,0	168	25	CLN	ODT
110	Đoàn Thị Ngọc	Phước Bình	400,0	186	22	CLN	ODT
111	Phạm Quốc Trung	Phước Bình	200,0	175	21	CLN	ODT
112	Lê Thị Mỹ Phương	Phước Bình	100,0	10	16	CLN	ODT
113	Nguyễn Minh Phong	Phước Bình	500,0	168	35	CLN	SKC
114	Nguyễn Minh Phong	Phước Bình	3.200,0	274	35	CLN	SKC
115	Nguyễn Minh Phong	Phước Bình	3.000,0	149	35	CLN	SKC
116	Nguyễn Minh Phong	Phước Bình	2.000,0	76	35	CLN	SKC
117	Nguyễn Thị Hương	Phước Bình	500,0	20	32	CLN	ODT
118	Nguyễn Thị Hương	Phước Bình	2.000,0	20	32	CLN	SKC
119	Hoàng Thị Bích Loan	Phước Bình	250,0	55	12	CLN	ODT
120	Phạm Cung	Phước Bình	150,0	198	33	CLN	ODT
121	Lê Hoàng Anh	Phước Bình	3.000,0	53c	25	CLN	TMD
122	Lê Thị Liệu	Phước Bình	4.000,0	489	25	CLN	TMD
123	Phạm Văn Dương	Phước Bình	400,0	223	21	CLN	ODT
124	Bùi Thị Ngân	Phước Bình	300,0	260	35	CLN	ODT
125	Trần Văn Tuyên	Phước Bình	400,0	161, 162, 164, 166, 167	11	CLN	ODT
126	Trần Quốc Đông	Phước Bình	300,0	263	27	CLN	ODT
127	Nguyễn Thị Mai	Phước Bình	100,0	260	27	CLN	ODT
128	Nguyễn Tiến Dương	Sơn Giang	500,0	602	31	CLN	ODT
129	Nguyễn Thị Ngân	Sơn Giang	300,0	603	31	CLN	ODT
130	Bùi Thị Diễm Trâm	Sơn Giang	400,0	62	13	CLN	ODT
131	Nguyễn Trường Giang	Sơn Giang	100,0	59	21	CLN	ODT
132	Phan Giang Nam	Sơn Giang	200,0	207	30	CLN	ODT
133	Bùi Thanh Văn	Sơn Giang	500,0	111	30	CLN	ODT
134	Bùi Thị Hoàng Hà	Sơn Giang	300,0	110	30	CLN	ODT
135	Vũ Chí Trung	Sơn Giang	200,0	818	29	CLN	ODT
136	Phạm Thị Hồng Phước	Sơn Giang	300,0	242	11	CLN	ODT
137	Trương Thành Sơn	Sơn Giang	300,0	521	27	CLN	ODT
138	Nguyễn Tấn Hạnh	Sơn Giang	300,0	265	11	CLN	ODT
139	Nguyễn Văn Cường	Sơn Giang	200,0	211	20	CLN	ODT
140	Nguyễn Quang Linh	Sơn Giang	150,0	198	16	CLN	ODT
141	Nguyễn Tấn Duy	Sơn Giang	1.000,0	179	23	CLN	SKC
142	Phạm Hữu Phước	Sơn Giang	300,0	670	27	CLN	ODT
143	Cao Niên	Sơn Giang	50,0	665	29	CLN	ODT
144	Trần Văn Nhân	Sơn Giang	300,0	357	31	CLN	ODT
145	Bùi Văn Linh	Sơn Giang	50,0	65	30	CLN	ODT
146	Lã Văn Mong	Sơn Giang	50,0	509	29	CLN	ODT
147	Nguyễn Chánh Thanh	Sơn Giang	500,0	708	27	CLN	ODT
148	Nguyễn Văn Nở	Sơn Giang	200,0	146	29	CLN	ODT
149	Phan Giang Nam	Sơn Giang	100,0	207	30	CLN	ODT
150	Nguyễn Văn Lộc	Sơn Giang	200,0	203; 204	30	CLN	ODT
151	Hồ Sỹ Quý	Sơn Giang	100,0	206	30	CLN	ODT
152	Nguyễn Thanh Thế	Sơn Giang	100,0	202	30	CLN	ODT
153	Đàm Xuân Vũ	Sơn Giang	200,0	201	30	CLN	ODT

154	Nguyễn Thị Ngoan	Sơn Giang	200,0	544	31	CLN	ODT
155	Lữ Khách Tha Phương	Sơn Giang	134,0	118	27	CLN	ODT
156	Lê Thế Ân	Sơn Giang	100,0	311	11	CLN	ODT
157	Trần Thị Hương	Sơn Giang	400,0	753	29	CLN	ODT
158	Trần Trọng Đức	Sơn Giang	200,0	611	31	CLN	ODT
159	Võ Đình Hùng	Sơn Giang	50,0	538	27	CLN	ODT
160	Phan Thanh	Sơn Giang	300,0	582	31	CLN	ODT
161	Lê Thị Hồng Phần	Sơn Giang	500,0	529	29	CLN	ODT
162	Nguyễn Văn Vinh	Sơn Giang	150,0	173	11	CLN	ODT
163	Lê Ngọc Trúc	Sơn Giang	100,0	443	29	CLN	ODT
164	Bùi Văn Xuyên	Sơn Giang	100,0	444	29	CLN	ODT
165	Mai Hoài Dũng	Sơn Giang	300,0	113	15	CLN	ODT
166	Dương Thị Lệ Thủy	Sơn Giang	200,0	820	29	CLN	ODT
167	Dương Thị Lệ Thủy	Sơn Giang	200,0	821	29	CLN	ODT
168	Nguyễn Văn Định	Sơn Giang	400,0	120	29	CLN	ODT
169	Vũ Thị Hương Thủy	Sơn Giang	100,0	331	30	CLN	ODT
170	Trần Đình Lợi	Sơn Giang	500,0	779	29	CLN	ODT
171	Hoàng Thị Huyền Trang	Sơn Giang	50,0	614	29	CLN	ODT
172	Lưu Thiện Tân	Sơn Giang	500,0	577	31	CLN	ODT
173	Huỳnh Thị Ngọc Bích	Sơn Giang	100,0	217	11	CLN	ODT
174	Lê Thị Mỹ	Sơn Giang	200,0	218	11	CLN	ODT
175	Huỳnh Tấn Hiếu	Sơn Giang	200,0	219	11	CLN	ODT
176	Trần Thị Thảo	Sơn Giang	300,0	617	31	CLN	ODT
177	Nguyễn Thị Ngân	Sơn Giang	200,0	603	31	CLN	ODT
178	Hoàng Xuân Dũng	Sơn Giang	200,0	73	17	CLN	ODT
179	Nguyễn Thị Ngân	Sơn Giang	125,0	573	27	CLN	ODT
180	Nguyễn Văn Xốp	Sơn Giang	200,0	59	31	CLN	ODT
181	Đào Thị Hồng Cháp	Sơn Giang	500,0	778	29	CLN	ODT
182	Phạm Đoàn Hiệp	Sơn Giang	200,0	594	31	CLN	ODT
183	Hồ Bình	Sơn Giang	300,0	721	27	CLN	ODT
184	Đặng Hữu Bình	Sơn Giang	300,0	693	29	CLN	ODT
185	Giang Thị Thanh	Sơn Giang	100,0	453	29	CLN	ODT
186	Giang Văn Thông	Sơn Giang	300,0	109	29	CLN	ODT
187	Phạm Văn Phúc	Sơn Giang	100,0	276	27	CLN	ODT
188	Lê Văn Xuân	Sơn Giang	50,0	82	22	CLN	ODT
189	Nguyễn Văn Tiến	Sơn Giang	200,0	29	17	CLN	ODT
190	Nguyễn Quang Linh	Sơn Giang	200,0	198	16	CLN	ODT
191	Dương Văn Dẫn	Sơn Giang	200,0	430	27	CLN	ODT
192	Trương Thị Hồng Phúc	Sơn Giang	500,0	841	29	CLN	ODT
193	Nguyễn Văn Sỹ	Sơn Giang	140,0	391	27	CLN	ODT
194	Võ Đình Tuấn	Sơn Giang	100,0	224	20	CLN	ODT
195	Nguyễn Đức Sơn	Sơn Giang	500,0	10	20	CLN	ODT
196	Lã Văn Hoan	Sơn Giang	200,0	81	19	CLN	ODT
197	Võ Đình Tuấn	Sơn Giang	150,0	224	20	CLN	ODT
198	Vũ Chí Trung	Sơn Giang	350,0	818	29	CLN	ODT
199	Nguyễn Thị Ngọc Trang	Sơn Giang	200,0	644; 645	29	CLN	ODT
200	Nguyễn Ngọc Trung	Sơn Giang	100,0	643	29	CLN	ODT
201	Nguyễn Ngọc Trọng	Sơn Giang	200,0	646; 647	29	CLN	ODT
202	Phạm Ngọc Loan	Sơn Giang	250,0	167	27	CLN	ODT
203	Nguyễn Thái Công	Long Giang	500,0	272	11	CLN	ONT
204	Trần Thị Ngọc Thảo	Long Giang	500,0	63	2	CLN	ONT
205	Phan Thị Ly	Long Giang	500,0	LG1, LG2	ĐL	CLN	ONT
206	Đinh Viết Kính	Long Giang	2.000,0	80	9	CLN	SKC
207	Đinh Viết Kính	Long Giang	500,0	80	9	CLN	ONT
208	Nguyễn Văn Thái	Long Giang	500,0	LG	ĐL	CLN	ONT

209	Nguyễn Thị Bồng	Long Giang	500,0	LG	ĐL	CLN	ONT
210	Đào Hữu Thọ	Long Giang	500,0	1	886-2021	CLN	ONT
211	Hà Tiến Trường	Long Giang	3.000,0	01, 02	560-2021; 561-2021	CLN	SKC
212	Trần Tấn Tài	Long Giang	300,0	LG	ĐL	CLN	ONT
213	Đoàn Văn Đạo	Long Giang	500,0	2	887-2021	CLN	ONT
214	Nguyễn Công Hình	Long Giang	300,0	213	6	CLN	ONT
215	Phạm Văn Nhon	Long Giang	1.000,0	23	9	CLN	SKC
216	Hồ Thị Ân	Long Giang	200,0	295	10	CLN	ONT
217	Nguyễn Công Toại	Long Giang	400,0	237	9	CLN	ONT
218	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	Long Giang	200,0	158	4	CLN	ONT
219	Lê ngọc Tráng	Long Giang	200,0	126	1	CLN	ONT
220	Lê ngọc Tráng	Long Giang	200,0	127	1	CLN	ONT
221	Lê ngọc Tráng	Long Giang	200,0	128	1	CLN	ONT
222	Lê ngọc Tráng	Long Giang	200,0	129	1	CLN	ONT
223	Bùi Thanh bình	Long Giang	500,0	24	5	CLN	ONT
224	Nguyễn Chấn	Long Giang	500,0	LG	ĐL	CLN	ONT
225	Nguyễn Thái Công	Long Giang	500,0	273	11	CLN	ONT
226	Nguyễn Thị Kim Dung	Long Giang	500,0	16	3	CLN	ONT
227	Vũ Văn Lý	Long Giang	300,0	LG	ĐL	CLN	ONT
228	Nguyễn Ngọc Lợi	Long Giang	200,0	256	11	CLN	ONT
229	Trần Thị Nghiệp	Long Giang	100,0	60	11	CLN	ONT
230	Trần thị Ninh	Long Giang	300,0	137	14	CLN	ONT
231	Lê Trung Dũng	Long Giang	200,0	299	16	CLN	ONT
232	Đoàn Văn Đức	Long Giang	500,0	LG	ĐL	CLN	ONT
233	Đinh Thị Cường	Long Giang	100,0	196	12	CLN	ONT
234	Nguyễn Triều	Long Giang	100,0	22	14	CLN	ONT
235	Phạm Quang Thái Dương	Long Giang	300,0	8	3	CLN	ONT
236	Nguyễn Xuân Nghĩa	Long Giang	500,0	38	7	CLN	ONT
237	Nguyễn Đạo	Long Giang	100,0	347	4	CLN	ONT
238	Điền Nghin	Long Giang	200,0	95	5	CLN	ONT
239	Đinh Văn Sanh	Long Giang	500,0	276	10	CLN	ONT
240	Đinh Văn Sanh	Long Giang	500,0	277	10	CLN	ONT
241	Huỳnh Thị Hòa	Long Giang	200,0	213	12	CLN	ONT
242	Nguyễn Thị Phận	Long Giang	200,0	258	11	CLN	ONT
243	Nguyễn Văn Tân	Long Giang	500,0	1	582-2022	CLN	ONT
244	Đoàn Văn Đạo	Long Giang	500,0	2	887-2021	CLN	ONT
245	Đoàn Văn Đạo	Long Giang	2.000,0	2	887-2021	CLN	SKC
246	Nguyễn Thái Công	Long Giang	500,0	272	11	CLN	ONT
247	Nguyễn Thị Nguyễn	Long Giang	500,0	16	9	CLN	ONT
248	Trần Đình Tứ	Long Giang	500,0	293	10	CLN	ONT
249	Trương Thế Hoài	Long Giang	500,0	67,68, 96	9	CLN	ONT
250	Dương Văn Châu	Long Giang	500,0	208, 288	12	CLN	ONT
251	Nguyễn Thị Bích Vân	Long Giang	5.000,0	3	9	CLN	SKC
252	Đặng Văn Tùng	Long Giang	500,0	54	1	CLN	ONT
253	Vũ Minh Sơn	Long Giang	500,0	1	273-2022	CLN	ONT
254	Vũ Minh Sơn	Long Giang	500,0	2	274-2022	CLN	ONT
255	Vũ Minh Sơn	Long Giang	500,0	3	275-2022	CLN	ONT
256	Vũ Minh Sơn	Long Giang	500,0	4	276-2022	CLN	ONT
257	Vũ Minh Sơn	Long Giang	500,0	5	277-2022	CLN	ONT
258	Vũ Minh Sơn	Long Giang	500,0	6	478-2022	CLN	ONT
259	Vũ Minh Sơn	Long Giang	500,0	7	279-2022	CLN	ONT
260	Vũ Văn Diệp	Long Thủy	100,0	32	40	CLN	ODT
261	Lê Thị Kim Liên	Long Thủy	200,0	30; 31	40	CLN	ODT
262	Trần Thị Cẩm Trang	Long Thủy	300,0	33	40	CLN	ODT

263	Trần Thị Cẩm Trang	Long Thủy	200,0	33	40	CLN	TMD
264	Nguyễn Trần Ánh Ngọc	Long Thủy	500,0	138	4	CLN	ODT
265	Nguyễn Minh Tùng	Long Thủy	450,0	154	14	CLN	ODT
266	Phạm Văn Cẩm	Long Thủy	200,0	355	6	CLN	ODT
267	Trần Đình Tứ	Long Thủy	400,0	314	6	CLN	ODT
268	Huỳnh Minh Cẩm	Long Thủy	400,0	2	3	CLN	ODT
269	Huỳnh Minh Cẩm	Long Thủy	1.000,0	2	3	CLN	SKC
270	Đàm Thị Lựu	Long Thủy	500,0	191, 205, 206	33	CLN	ODT
271	Lê Cao Vàng	Long Thủy	500,0	202, 234	33	CLN	ODT
272	Trương Duy Điều	Long Thủy	150,0	405	6	CLN	ODT
273	Nguyễn Thị Như Nguyệt	Long Thủy	230,0	147	19	CLN	ODT
274	Trịnh Thị Hạnh	Long Thủy	100,0	19	6	CLN	ODT
275	Nguyễn Thị Phi Yến	Long Thủy	100,0	30	18	CLN	ODT
276	Lê Thị Phương Mai	Long Thủy	47,0	65	35	CLN	ODT
277	Trương Thị Mận	Long Thủy	300,0	543	6	CLN	ODT
278	Phạm Văn Cường	Long Thủy	100,0	131	6	CLN	ODT
279	Phạm Văn Dũng	Long Thủy	100,0	74	6	CLN	ODT
280	Nguyễn Văn Năm	Long Thủy	200,0	251	33	CLN	ODT
281	Nguyễn Thị Thu Vân	Long Thủy	150,0	4	4	CLN	ODT
282	Đổng Phúc Khơ	Long Thủy	400,0	628	6	CLN	ODT
283	Hồ Quốc Hùng	Long Thủy	150,0	36	1	CLN	ODT
284	Trần Xuân Chinh	Long Thủy	100,0	7	35	CLN	ODT
285	Trần Lâm	Long Thủy	200,0	61	10	CLN	ODT
286	Nguyễn Duy Long	Long Thủy	200,0	494	6	CLN	ODT
287	Nguyễn Thị Thâm	Long Thủy	500,0	22	4	CLN	ODT
288	Nguyễn Văn Năm	Long Thủy	200,0	129	19	CLN	ODT
289	Nguyễn Văn Chương	Long Thủy	230,0	630	6	CLN	ODT
290	Lê Cường Thịnh	Phước Tín	300,0	1	1811-2020	CLN	ONT
291	Trần Viết Kế	Phước Tín	300,0	PT	ĐL	CLN	ONT
292	Cao Xuân Trường	Phước Tín	200,0	2	1098-2021	CLN	ONT
293	Trần Hữu Sơn	Phước Tín	100,0	1	1087-2019	CLN	ONT
294	Phan Nguyễn Chiêu Anh	Phước Tín	500,0	2	1006-2020	CLN	ONT
295	Lê Thanh Phong	Phước Tín	100,0	PT	ĐL	CLN	ONT
296	Nguyễn Đắc Xuân	Phước Tín	300,0	02	1992-2021	CLN	ONT
297	Hà Huy Bình	Phước Tín	300,0	01	1895-2021	CLN	ONT
298	Bùi Thị Ngải	Phước Tín	100,0		00	CLN	ONT
299	Trần Đen	Phước Tín	400,0	PT	ĐL	CLN	ONT
300	Nhâm Sỹ Toàn	Phước Tín	400,0	01	1799-2021	CLN	ONT
301	Lê Thị Na	Phước Tín	200,0	02	1472-2022	CLN	ONT
302	Nguyễn Tuấn Anh	Phước Tín	200,0	PT	ĐL	CLN	ONT
303	Đặng Thị Phương	Phước Tín	300,0	01	1294-2019	CLN	ONT
304	Trương Văn Đào	Phước Tín	5.000,0	01-PT		CLN	SKC
305	Cao Thị Huệ	Phước Tín	400,0	PT	ĐL	CLN	ONT
306	Lê Trung Tiến	Phước Tín	500,0	PT	ĐL	CLN	ONT
307	Hoàng Công Hưng	Phước Tín	500,0	06	95	CLN	ONT
308	Nguyễn Hữu Hiến	Phước Tín	500,0	01	1264-2018	CLN	ONT
309	Lương Ngọc Hà	Phước Tín	200,0	PT	ĐL	CLN	ONT
310	Nguyễn Văn Phụng	Phước Tín	500,0		390	CLN	ONT
311	Võ Thị Sừ	Phước Tín	400,0	01	509-2019	CLN	ONT
312	Đặng Hoàng Nhã	Phước Tín	3.000,0	01	179-2021	CLN	SKC
313	Lâm Thị Thu Hồng	Phước Tín	250,0	PT	ĐL	CLN	ONT
314	Trương Gia Bảo	Phước Tín	100,0	PT	ĐL	CLN	ONT
315	Chu Văn Khuyên	Phước Tín	100,0	PT	ĐL	CLN	ONT
316	Nguyễn Văn Thanh	Phước Tín	300,0	PT	ĐL	CLN	ONT
317	Hoàng Hoàng Hào	Phước Tín	500,0	PT	ĐL	CLN	ONT

318	Phan Anh Tuấn	Phước Tín	500,0	PT	ĐL	CLN	ONT
319	Trịnh Minh Đoàn	Phước Tín	500,0	1	1303-2021	CLN	ONT
320	Trịnh Minh Đoàn	Phước Tín	500,0	3	1301-2021	CLN	ONT
321	Nguyễn Thị Thiêng	Phước Tín	500,0	1	1303-2021	CLN	ONT
322	Lê Văn Thức	Phước Tín	500,0	PT	ĐL	CLN	ONT
323	Đinh Việt Ngọc	Phước Tín	500,0	1	1982-2021	CLN	ONT
324	Trần Thị Mai Trang	Phước Tín	500,0	PT1		CLN	ONT
325	Nguyễn Thị Tân	Phước Tín	2.000,0	PT	ĐL	CLN	SKC
326	Huỳnh Thanh Phong	Phước Tín	500,0	PT	ĐL	CLN	ONT
327	Nguyễn Minh Phong	Phước Tín	1.600,0	2	1812-2020	CLN	SKC
328	Nguyễn Minh Phong	Phước Tín	9.500,0	1	1932-2021	CLN	SKC
329	Nguyễn Minh Phong	Phước Tín	9.000,0	1	120-2020	CLN	SKC
330	Ngô Đức Phong	Phước Tín	500,0	PT	ĐL	CLN	ONT
331	Phạm Vũ Minh Đức	Phước Tín	3.000,0	PT	ĐL	CLN	SKC
332	Đinh Huy Hiệp	Phước Tín	1.600,0	PT	ĐL	CLN	SKC
333	Cao Duy Bình	Phước Tín	2.100,0	1	1135-2020	CLN	SKC
334	Lê Đình Huy	Phước Tín	500,0	PT	ĐL	CLN	ONT
335	Vũ Văn Ánh	Phước Tín	1.500,0	1	661-2021	CLN	SKC
336	Trần Thị Hạnh	Phước Tín	400,0	PT	ĐL	CLN	ONT
337	Trần Thị Kim Thu	Phước Tín	500,0	PT	ĐL	CLN	ONT
338	Vương Thị Thi	Phước Tín	150,0	PT	ĐL	CLN	ONT
339	Đinh Hoàng Sơn	Phước Tín	200,0	PT	ĐL	CLN	ONT
340	Nguyễn Xuân Thước	Phước Tín	400,0	1	1239-2021	CLN	ONT
341	Trương Gia Bảo	Phước Tín	200,0	PT	ĐL	CLN	ONT
342	Phùng Thị Hồng Hạnh	Phước Tín	300,0	1	817-2017	CLN	ONT
343	Lê Thị Na, Phạm Thị Kim Thanh	Phước Tín	400,0	2	1472-2021	CLN	ONT
344	Trần Thị Phương	Phước Tín	400,0		0	CLN	ONT
345	Nguyễn Văn Duy	Phước Tín	400,0	1	1338-2021	CLN	ONT
346	Đào Thị Nga	Phước Tín	100,0	6	1277-2021	CLN	ONT
347	Nguyễn Mạnh Hùng	Thác Mơ	150,0	474	53	CLN	DGT
348	Nguyễn Thị Như Nguyệt	Thác Mơ	230,0	147	19	CLN	ODT
349	Trịnh Thị Hạnh	Thác Mơ	100,0	19	6	CLN	ODT
350	Nguyễn Thị Phi Yến	Thác Mơ	100,0	30	18	CLN	ODT
351	Lê Thị Phương Mai	Thác Mơ	47,0	65	35	CLN	ODT
352	Trương Thị Mận	Thác Mơ	300,0	543	6	CLN	ODT
353	Phạm Văn Cường	Thác Mơ	100,0	131	6	CLN	ODT
354	Phạm Văn Dũng	Thác Mơ	100,0	74	6	CLN	ODT
355	Nguyễn Văn Năm	Thác Mơ	200,0	251	33	CLN	ODT
356	Nguyễn Thị Thu Vân	Thác Mơ	150,0	4	4	CLN	ODT
357	Đồng Phúc Khơ	Thác Mơ	400,0	628	6	CLN	ODT
358	Hồ Quốc Hùng	Thác Mơ	150,0	36	1	CLN	ODT
359	Trần Xuân Chính	Thác Mơ	100,0	7	35	CLN	ODT
360	Trần Thanh Nhân	Thác Mơ	100,0	17	60	CLN	ODT
361	Bùi Ngọc Thảo	Thác Mơ	200,0	164	48	CLN	ODT
362	Nguyễn Văn Đáng	Thác Mơ	500,0	204, 1, 15	53, 32, 55	CLN	ODT
363	Lê Thị Vân	Thác Mơ	100,0	67	57	CLN	ODT
II	Huyện Hớn Quản		583.573,3				
1	Nguyễn Văn Vy	An Khương	1.000,0	30	27	CLN	ONT
2	Dương Tuấn Vinh	An Khương	300,0	70	27	CLN	ONT
3	Trần Thái Sơn	An Khương	300,0	681	2	CLN	ONT
4	Phạm Thế Anh	An Khương	300,0	671	2	CLN	ONT
5	Nguyễn Duy Tân	An Khương	200,0	674	2	CLN	ONT
6	Lê Phú Bảo	An Khương	400,0	670	2	CLN	ONT

7	Đặng Văn Đức	An Khương	300,0	267	11	CLN	ONT
8	Nguyễn Thị Hồng Thắm	An Khương	400,0	406	10	CLN	ONT
9	Lê Thị Duyên	An Khương	250,0	834	2	CLN	ONT
10	Lê Thị Duyên	An Khương	350,0	839	2	CLN	ONT
11	Nguyễn Xuân Hoài	An Khương	300,0	67	27	CLN	ONT
12	Nguyễn Văn Sơn	An Khương	300,0	68	27	CLN	ONT
13	Nguyễn Văn Sơn	An Khương	300,0	69	27	CLN	ONT
14	Nguyễn Tiến Hiếu	An Khương	200,0	692	29	CLN	ONT
15	Nguyễn Tiến Hiếu	An Khương	250,0	693	29	CLN	ONT
16	Lưu Thị Hiền	An Khương	400,0	627	2	CLN	ONT
17	Nguyễn Hoàng Phúc	An Khương	300,0	628	2	CLN	ONT
18	Nguyễn Thị Thanh Thủy	An Khương	200,0	905	2	CLN	ONT
19	Võ Hoàng Sơn	An Khương	3.200,0	13	11	CLN	ONT
20	Bùi Thị Dung	An Khương	200,0	186	4	CLN	ONT
21	Điền Đức	An Khương	400,0	726	5	CLN	ONT
22	Phạm Thanh Sơn	An Khương	300,0	272	29	CLN	ONT
23	Huỳnh Quang Việt	An Khương	700,0	1018	6	CLN	ONT
24	Huỳnh Quang Việt	An Khương	600,0	109	28	CLN	ONT
25	Huỳnh Quang Việt	An Khương	1.400,0	244	6	CLN	ONT
26	Huỳnh Quang Việt	An Khương	200,0	349	19	CLN	ONT
27	Huỳnh Quang Việt	An Khương	2.500,0	510	2	CLN	ONT
28	Lê Minh Thắng	An Khương	1.200,0	623	5	CLN	ONT
29	Lê Thị Huyền	An Khương	300,0	1140	6	CLN	ONT
30	Nguyễn Văn Hùng	An Khương	1.800,0	476	6	CLN	ONT
31	Huỳnh Thị Bích Thảo	An Khương	1.500,0	459	5	CLN	ONT
32	Nguyễn Đăng Vương	An Khương	300,0	1036	6	CLN	ONT
33	Nguyễn Thị Lập	An Khương	2.100,0	366	23	CLN	ONT
34	Đỗ Thị Lan	An Khương	500,0	548	5	CLN	ONT
35	Trịnh Thế Bộ	An Khương	1.600,0	167	14	CLN	ONT
36	Nguyễn Hoàng Hà	An Khương	100,0	1032	6	CLN	ONT
37	Nguyễn Hoàng Hà	An Khương	100,0	1033	6	CLN	ONT
38	Nguyễn Hoàng Hà	An Khương	100,0	1034	6	CLN	ONT
39	Nguyễn Hoàng Hà	An Khương	100,0	1035	6	CLN	ONT
40	Nguyễn Thị Thúy	An Khương	200,0	1055	6	CLN	ONT
41	Huỳnh Quốc Vương	An Khương	200,0	722	2	CLN	ONT
42	Khưu Văn Khanh	An Khương	200,0	860	5	CLN	ONT
43	Vũ Quý Hợi	An Khương	300,0	891	6	CLN	ONT
44	Huỳnh Tú Trân	An Khương	300,0	899	6	CLN	ONT
45	Ngô Văn Độ	An Khương	300,0	315	19	CLN	ONT
46	Vũ Trung	An Khương	300,0	218	9	CLN	ONT
47	Nguyễn Hoàng Hà	An Khương	200,0	1031	6	CLN	ONT
48	Đinh Thị Hồng	An Khương	200,0	1029	6	CLN	ONT
49	Đinh Thị Hồng	An Khương	200,0	1028	6	CLN	ONT
50	Nguyễn Thị Thu Diệp	An Khương	200,0	1027	6	CLN	ONT
51	Nguyễn Hoàng Hà	An Khương	200,0	1026	6	CLN	ONT
52	Nguyễn Thị Mai	An Khương	200,0	1025	6	CLN	ONT
53	Nguyễn Hoàng Hà	An Khương	200,0	1024	6	CLN	ONT
54	Nghiêm Xuân Tiến	An Khương	200,0	222	8	CLN	ONT
55	Đặng Thị Hạnh	An Khương	100,0	615	2	CLN	ONT
56	Điền Thị Kim Cúc	An Khương	100,0	892	23	CLN	ONT
57	Thị Phụng	An Khương	100,0	895	23	CLN	ONT
58	Nguyễn Văn Phương	An Khương	200,0	588	2	CLN	ONT
59	Huỳnh Thị Vui	An Khương	300,0	762	7	CLN	ONT
60	Đào Thị Mai	An Khương	200,0	546	7	CLN	ONT
61	Trần Thanh Lương	An Khương	100,0	389	29	CLN	ONT

62	Nguyễn Trọng Phúc	An Khương	300,0	357	13	CLN	ONT
63	Lê Văn Phiếu	An Khương	400,0	651	5	CLN	ONT
64	Điền Sâu	An Khương	1.800,0	734	5	CLN	ONT
65	Lê Thị Mỹ Hạnh	An Khương	200,0	956	6	CLN	ONT
66	Lâm Thị Á	An Khương	200,0	711	6	CLN	ONT
67	Đào Văn Dũng	An Khương	200,0	793	5	CLN	ONT
68	Lê Thị Hiền	An Khương	200,0	871	5	CLN	ONT
69	Nhị Thị Hồng Tuyên	An Khương	700,0	376	6	CLN	ONT
70	Trần Thị Thắm	An Khương	600,0	137	30	CLN	ONT
71	Phạm Thị Vân	An Khương	400,0	37	25	CLN	ONT
72	Mai Xuân Ninh	An Khương	500,0	203	28	CLN	ONT
73	Mai Xuân Ninh	An Khương	200,0	207	9	CLN	ONT
74	Mai Xuân Ninh	An Khương	200,0	208	9	CLN	ONT
75	Thị Hương	An Khương	400,0	94	5	CLN	ONT
76	Hán Thị Toàn	An Khương	200,0	224	9	CLN	ONT
77	Hán Thị Toàn	An Khương	200,0	225	9	CLN	ONT
78	Hán Thị Toàn	An Khương	200,0	226	9	CLN	ONT
79	Trần Thị Thủy Vân	An Khương	1.700,0	1071	5	CLN	ONT
80	Đoàn Văn Thiện	An Khương	600,0	326	5	CLN	ONT
81	Phạm Văn Cường	An Khương	2.000,0	28	5	CLN	ONT
82	Nguyễn Thị Nga	An Khương	200,0	336	29	CLN	ONT
83	Nguyễn Thị Nga	An Khương	300,0	337	29	CLN	ONT
84	Hán Thị Toàn	An Khương	200,0	227	9	CLN	ONT
85	Hoàng Văn Ký	An Khương	200,0	581	5	CLN	ONT
86	Lê Văn Nam	An Khương	400,0	320	2	CLN	ONT
87	Nguyễn Thị Thủy	An Khương	300,0	325	21	CLN	ONT
88	Lê Văn Nam	An Khương	400,0	321	2	CLN	ONT
89	Lê Văn Nam	An Khương	600,0	465	2	CLN	ONT
90	Trần Ngọc Khánh	An Khương	200,0	926	2	CLN	ONT
91	Nguyễn Công Chung	An Khương	494,5	288	28	NTS	CLN
92	Trần Thị Thanh Tâm	An Khương	500,0	117	28	CLN	ONT
93	Đoàn Viễn Chinh	An Khương	1.900,0	118	5	CLN	ONT
94	Nguyễn Văn Hải Huy	An Khương	400,0	1076	5	CLN	ONT
95	Nguyễn Thị Mai	An Khương	200,0	247	8	CLN	ONT
96	Nguyễn Quang Hải	An Khương	200,0	254	8	CLN	ONT
97	Nguyễn Quang Hải	An Khương	200,0	255	8	CLN	ONT
98	Nguyễn Văn Khá	An Khương	1.228,8	7	31	NTS	CLN
99	Thị Vêu	An Khương	900,0	149	28	CLN	ONT
100	Thị Lệ	An Khương	1.200,0	684	5	CLN	ONT
101	Bạch Ngọc Luyến	An Khương	300,0	401	10	CLN	ONT
102	Phạm Quốc Trung	An Khương	900,0	359	19	CLN	ONT
103	Đỗ Văn Hoan	An Khương	800,0	733	5	CLN	ONT
104	Phạm Quốc Trung	An Khương	700,0	271	11	CLN	ONT
105	Hồ Đức Thiện	An Khương	700,0	240	4	CLN	ONT
106	Hồ Đức Thiện	An Khương	700,0	241	4	CLN	ONT
107	Hồ Đức Thiện	An Khương	1.000,0	242	4	CLN	ONT
108	Điền Út	An Khương	900,0	139	30	CLN	ONT
109	Huỳnh Mộng Thu Thảo	An Khương	500,0	76	18	CLN	ONT
110	Lê Văn Lương, Nguyễn Trọng Dũng	An Khương	300,0	765	29	CLN	ONT
111	Điền Bê	An Khương	400,0	398	6	CLN	ONT
112	Mai Xuân Ninh	An Khương	400,0	254	13	CLN	ONT
113	Hồ Đình Phú	An Khương	300,0	851	5	CLN	ONT
114	Nguyễn Trung Vương	An Khương	300,0	724	22	CLN	ONT
115	Nguyễn Hoàng Lam	An Khương	700,0	297	11	CLN	ONT

116	Thị Hâm	An Khương	300,0	214	16	CLN	ONT
117	Ngô Văn Thành	An Khương	400,0	314	19	CLN	ONT
118	Phạm Thị Dung	An Phú	400,0	405	9	CLN	ONT
119	Phan Thị Ngọc Trâm	An Phú	400,0	698	4	CLN	ONT
120	Mai Xuân Nông	An Phú	200,0	9	7	CLN	ONT
121	Lưu Thị Kim Loan	An Phú	300,0	239	3	CLN	ONT
122	Nguyễn Thị Vân	An Phú	200,0	1	9	CLN	ONT
123	Nguyễn Văn Minh	An Phú	500,0	12	18	CLN	ONT
124	Võ Đức Thiên	An Phú	900,0	208	3	CLN	ONT
125	Lưu Thị Kim Loan	An Phú	500,0	238	3	CLN	ONT
126	Tường Minh Hóa	An Phú	1.000,0	97	TĐ 4810-2020	CLN	ONT
127	Trần Ngọc Thành	An Phú	200,0	216		CLN	ONT
128	Văn Đình Minh	An Phú	1.000,0	17	4	CLN	ONT
129	Nguyễn Thị Ngọc Hà	An Phú	200,0	1038	2	CLN	ONT
130	Đoàn Thanh Hải	An Phú	800,0	100	4	CLN	ONT
131	Thái Thị Nở	An Phú	500,0	347	9	CLN	ONT
132	Thái Thị Nở	An Phú	400,0	342	9	CLN	ONT
133	Đặng Văn Thơm	An Phú	200,0	12	17	CLN	ONT
134	Lê Thị Linh	An Phú	200,0	579	4	CLN	ONT
135	Phan Thị Lê	An Phú	200,0	639	4	CLN	ONT
136	Phan Thị Lê	An Phú	200,0	638	4	CLN	ONT
137	Bùi Thị Ngọc	An Phú	500,0	29	24	CLN	ONT
138	Điều Tâm	An Phú	200,0	392	2	CLN	ONT
139	Nguyễn Văn Tùng	An Phú	600,0	51	3	CLN	ONT
140	Lê Khắc Thắng	An Phú	300,0	974	2	CLN	ONT
141	Trương Văn Dương	An Phú	300,0	672	4	CLN	ONT
142	Trương Văn Dương	An Phú	500,0	670	4	CLN	ONT
143	Trương Văn Dương	An Phú	300,0	671	4	CLN	ONT
144	Ngô Thanh Hùng	An Phú	400,0	10	5	CLN	ONT
145	Trần Văn Tú	An Phú	200,0	212	3	CLN	ONT
146	Phạm Thị Hà	An Phú	300,0	416	2	CLN	ONT
147	Trần Đình Huân	An Phú	200,0	637	4	CLN	ONT
148	Tổng Thạch Trường Thiên	An Phú	200,0	675	4	CLN	ONT
149	Nguyễn Đình Sơn	An Phú	300,0	848	2	CLN	ONT
150	Nguyễn Thị Hòa	An Phú	500,0	704	2	CLN	ONT
151	Điều Nức	An Phú	100,0	369	2	CLN	ONT
152	Nguyễn Phương Đông	An Phú	500,0	1044	2	CLN	ONT
153	Nguyễn Phương Đông	An Phú	500,0	1043	2	CLN	ONT
154	Nguyễn Phương Đông	An Phú	500,0	1041	2	CLN	ONT
155	Nguyễn Phương Đông	An Phú	500,0	1042	2	CLN	ONT
156	Lê Thị Lan Sa	An Phú	200,0	619	4	CLN	ONT
157	Bùi Văn Mạc	An Phú	500,0	445	2	CLN	ONT
158	Trần Văn Đò	An Phú	300,0	204	3	CLN	ONT
159	Phạm Văn Dưỡng	An Phú	500,0	59	TĐ 840-2020	CLN	ONT
160	Điều Lâm	An Phú	300,0	168		CLN	ONT
161	Nguyễn Đình Sơn	An Phú	100,0	631	4	CLN	ONT
162	Thân Văn Lập	An Phú	500,0	154	3	CLN	ONT
163	Phùng Thị Hồng Hạnh	An Phú	400,0	236	10	CLN	ONT
164	Nguyễn Minh Trung	An Phú	500,0	297	10	CLN	ONT
165	Phùng Thị Hồng Hạnh	An Phú	100,0	211	10	CLN	ONT
166	Dương Văn Minh	An Phú	500,0	296	10	CLN	ONT
167	Bùi Văn Bắc	An Phú	600,0	269	4	CLN	ONT

168	Trần Thị Yến Anh	An Phú	300,0	572	4	CLN	ONT
169	Lê Thanh Nghị	An Phú	200,0	220	24	CLN	ONT
170	Lưu Thanh Lộc	An Phú	500,0	63	3	CLN	ONT
171	Nguyễn Đình Thắng	An Phú	400,0	504	4	CLN	ONT
172	Nguyễn Văn Quý	An Phú	800,0	530	2	CLN	ONT
173	Nguyễn Văn Quý	An Phú	800,0	521	2	CLN	ONT
174	Trương Thị Hà	An Phú	300,0	11	3	CLN	ONT
175	Lê Thành Nhân	An Phú	400,0	697	4	CLN	ONT
176	Lê Thành Nhân	An Phú	400,0	695	4	CLN	ONT
177	Nguyễn Đình Ngoại	An Phú	500,0	29	17	CLN	ONT
178	Nguyễn Ngọc Sơn	An Phú	300,0	220	10	CLN	ONT
179	Trần Thị Kim Chi	An Phú	200,0	996	2	CLN	ONT
180	Hoàng Thị Thuyết	An Phú	500,0	97	5	CLN	ONT
181	Bùi Văn Biêng	An Phú	500,0	24	25	CLN	ONT
182	Bùi Văn Biêng	An Phú	700,0	513	4	CLN	ONT
183	Trần Đình Hán	An Phú	300,0	736	4	CLN	ONT
184	Nguyễn Thị Mận	An Phú	200,0	1025	2	CLN	ONT
185	Tổng Bảo Phi	An Phú	200,0	123	4	CLN	ONT
186	Đào Văn Phi	An Phú	200,0	129	4	CLN	ONT
187	Hồ Ngọc Sơn	An Phú	200,0	638	4	CLN	ONT
188	Hồ Ngọc Sơn	An Phú	200,0	639	4	CLN	ONT
189	Khổng Xuân Hòa	An Phú	500,0	84	4	CLN	ONT
190	Phan Thị Bình	An Phú	600,0	60	5	CLN	ONT
191	Trần Thị Giang	An Phú	400,0	380	2	CLN	ONT
192	Phạm Văn Toàn	An Phú	200,0	1035	2	CLN	ONT
193	Nguyễn Văn Quý	An Phú	600,0	227	3	CLN	ONT
194	Nguyễn Văn Hà	An Phú	400,0	15	25	CLN	ONT
195	Điền Bâm	An Phú	600,0	1086	2	CLN	ONT
196	Hoàng Thị Thủy	An Phú	200,0	215	24	CLN	ONT
197	Châu Tấn Tài	An Phú	200,0	97	5	CLN	ONT
198	Đào Văn Kiệt	An Phú	200,0	81	4	CLN	ONT
199	Cao Thanh Tùng	An Phú	200,0	1004	2	CLN	ONT
200	Cao Thanh Tùng	An Phú	200,0	1005	2	CLN	ONT
201	Nguyễn Thị Đăng	An Phú	200,0	1019	2	CLN	ONT
202	Bùi Văn Dương	An Phú	200,0	1002	2	CLN	ONT
203	Nguyễn Thị Khả	An Phú	200,0	781	2	CLN	ONT
204	Phạm Đăng Anh	An Phú	800,0	61	5	CLN	ONT
205	Đào Thị Vinh	An Phú	400,0	738	4	CLN	ONT
206	Phùng Thị Tuyết	An Phú	500,0	9	18	CLN	ONT
207	Võ Xuân Điều	An Phú	300,0	168	3	CLN	ONT
208	Hoàng Thị Nguyệt	An Phú	100,0	1021	2	CLN	ONT
209	Huỳnh Hữu Phước	An Phú	200,0	629	4	CLN	ONT
210	Phạm Tiến	An Phú	500,0	196	3	CLN	ONT
211	Phan Ngọc Thẩm	An Phú	1.800,0	123	6113-2021	CLN	ONT
212	Trần Thị Thanh Hải	An Phú	500,0	694	4	CLN	ONT
213	Lê Đình Lệ	An Phú	600,0	1249	2	CLN	ONT
214	Võ Thị Hòa	An Phú	300,0	220	10	CLN	ONT
215	Nguyễn Thị Thảo	An Phú	100,0	149	TĐ 5171-2021	CLN	ONT
216	Cổ Văn Cường	An Phú	100,0	339	TĐ 7203-2021	CLN	ONT
217	Cổ Văn Cường	An Phú	100,0	340	TĐ 7204-2021	CLN	ONT
218	Lê Quang Trâm	An Phú	200,0	614	4	CLN	ONT
219	Nguyễn Thị Tâm	An Phú	1.800,0	193	24	CLN	ONT

220	Thị Nhách	An Phú	200,0	410	2	CLN	ONT
221	Nguyễn Văn Cả	An Phú	300,0	920	2	CLN	ONT
222	Nguyễn Văn Cả	An Phú	200,0	242	3	CLN	ONT
223	Nguyễn Văn Tài	An Phú	400,0	258	3	CLN	ONT
224	Nguyễn Bá Hải	Đồng Nơ	500,0	231	20	CLN	ONT
225	Lại Văn Quang	Đồng Nơ	500,0	83	23	CLN	ONT
226	Đỗ Thị Hải	Đồng Nơ	500,0	33	21	CLN	ONT
227	Nguyễn Văn Sơn	Đồng Nơ	200,0	236	14	CLN	ONT
228	Võ Quốc Hiền	Đồng Nơ	300,0	4	16	CLN	ONT
229	Hồ Cao Kỳ	Đồng Nơ	200,0	52	29	CLN	ONT
230	Phùng Xuân Thảo	Đồng Nơ	100,0	34	22	CLN	ONT
231	Trần Thạch	Đồng Nơ	700,0	73	19	CLN	ONT
232	Phạm Thị Dung	Đồng Nơ	100,0	319	22	CLN	ONT
233	Trương Đắc Tiến	Đồng Nơ	800,0	22	21	CLN	ONT
234	Lê Văn Thạch	Đồng Nơ	400,0	143	20	CLN	ONT
235	Lê Thị Hòa	Đồng Nơ	800,0	88	23	CLN	ONT
236	Trần Phong Lan	Đồng Nơ	200,0	64	17	CLN	ONT
237	Nguyễn Đình Lam	Đồng Nơ	200,0	74	24	CLN	ONT
238	Trần Châu Long	Đồng Nơ	300,0	535	22	CLN	ONT
239	Trần Thị Bích Nga	Đồng Nơ	200,0	244	20	CLN	ONT
240	Nguyễn Thị Hậu	Đồng Nơ	400,0	558	22	CLN	ONT
241	Lai Văn Quang	Đồng Nơ	500,0	71	23	CLN	ONT
242	Nguyễn Thị Bạch Yến	Đồng Nơ	200,0	563	22	CLN	ONT
243	Hồ Văn Thương	Đồng Nơ	300,0	106	18	CLN	ONT
244	Hồ Văn Vinh	Đồng Nơ	500,0	24	18	CLN	ONT
245	Kiều Văn Hoàng	Đồng Nơ	500,0	599	22	CLN	ONT
246	Nguyễn Văn Hương	Đồng Nơ	100,0	220	22	CLN	ONT
247	Hồ Văn Phú	Đồng Nơ	200,0	45	28	CLN	ONT
248	Hồ Hữu Cường	Đồng Nơ	300,0	5	32	CLN	ONT
249	Nguyễn Bá Quý	Đồng Nơ	200,0	29	23	CLN	ONT
250	Võ Ngọc Vượng	Đồng Nơ	300,0	126	21	CLN	ONT
251	Phạm Hữu Thẩm	Đồng Nơ	1.000,0	41	21	CLN	ONT
252	Phạm Hữu Thẩm	Đồng Nơ	700,0	47	21	CLN	ONT
253	Đình Tiếp	Đồng Nơ	800,0	12	32	CLN	ONT
254	Nguyễn Tiến Mạnh	Đồng Nơ	200,0	266	14	CLN	ONT
255	Hồ Sỹ Hợi	Đồng Nơ	200,0	34	31	CLN	ONT
256	Tô Duy Phát	Đồng Nơ	100,0	149	16	CLN	ONT
257	Bùi Trọng Cương	Đồng Nơ	100,0	229	20	CLN	ONT
258	Võ Xuân Sứ	Đồng Nơ	400,0	221	22	CLN	ONT
259	Lê Xuân Niên	Đồng Nơ	200,0	315	22	CLN	ONT
260	Hồ Ngọc Châu	Đồng Nơ	200,0	29	31	CLN	ONT
261	Hồ Ngọc Châu	Đồng Nơ	300,0	25	28	CLN	ONT
262	Nguyễn Văn Nam	Đồng Nơ	500,0	46	21	CLN	ONT
263	Hoàng Vũ	Đồng Nơ	200,0	21	35	CLN	ONT
264	Nguyễn Thị Lâm	Đồng Nơ	300,0	151	16	CLN	ONT
265	Hồ Hữu Tiến	Đồng Nơ	100,0	10	28	CLN	ONT
266	Nguyễn Ngọc Chánh	Đồng Nơ	500,0	153	24	CLN	ONT
267	Nguyễn Khắc Kỳ	Đồng Nơ	300,0	40	22	CLN	ONT
268	Nguyễn Thị Luyện	Đồng Nơ	1.000,0	23	22	CLN	ONT
269	Trương Thị Hân	Đồng Nơ	2.000,0	10	14	CLN	ONT
270	Nguyễn Vũ Hiệp	Đồng Nơ	100,0	295	22	CLN	ONT
271	Vũ Thị Nhẽ	Đồng Nơ	300,0	55	15	CLN	ONT
272	Hoàng Thị Nhan	Đồng Nơ	200,0	54	15	CLN	ONT
273	Phan Thị Được	Minh Đức	600,0	78	23	CLN	ONT
274	Điền Nho	Minh Đức	400,0	33	29	CLN	ONT

275	Nguyễn Minh Trí	Minh Đức	500,0	76	27	CLN	ONT
276	Nguyễn Thị Hoàng	Minh Đức	200,0	55	27	CLN	ONT
277	Nguyễn Hai	Minh Đức	300,0	99	20	CLN	ONT
278	Đoàn Quang Phương	Minh Đức	800,0	109	20	CLN	ONT
279	Trần Trung Tâm	Minh Đức	700,0	91	28	CLN	ONT
280	Nguyễn Thị Đăng	Minh Đức	700,0	28	20	CLN	ONT
281	Nguyễn Mỹ Phúc	Minh Đức	900,0	1	20	CLN	ONT
282	Nguyễn Thanh Bình	Minh Đức	100,0	674	24	CLN	ONT
283	Đoàn Thị Hoa	Minh Đức	200,0	428	28	CLN	ONT
284	Nguyễn Thị Hòa	Minh Đức	200,0	617	24	CLN	ONT
285	Đào Anh Dũng	Minh Đức	1.000,0	11	23	CLN	ONT
286	Đào Anh Dũng	Minh Đức	1.000,0	14	23	CLN	ONT
287	Đào Anh Dũng	Minh Đức	560,0	275	24	CLN	ONT
288	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Minh Đức	500,0	381	28	CLN	ONT
289	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Minh Đức	500,0	364	28	CLN	ONT
290	Hoàng Văn Hoàng	Minh Đức	200,0	32	34	CLN	ONT
291	Nguyễn Thị Liễu	Minh Đức	200,0	36	24	CLN	ONT
292	Trần Văn Đạo	Minh Đức	400,0	20	28	CLN	ONT
293	Vũ Thị Ngọc Thanh	Minh Đức	200,0	691	24	CLN	ONT
294	Huỳnh Văn Hết	Minh Đức	600,0	441	29	CLN	ONT
295	Lê Văn Cường	Minh Đức	300,0	52	18	CLN	ONT
296	Lê Văn Cường	Minh Đức	300,0	173	18	CLN	ONT
297	Trần Thị Ngọc	Minh Đức	800,0	50	18	CLN	ONT
298	Trần Thị Ngọc	Minh Đức	500,0	565	24	CLN	ONT
299	Bùi Thu Diệu	Minh Đức	400,0	114	23	CLN	ONT
300	Phạm Phước Thành	Minh Đức	300,0	15	19	CLN	ONT
301	Nguyễn Đăng Liêm	Minh Đức	1.000,0	442	29	CLN	ONT
302	Phạm Phước Thành	Minh Đức	300,0	27	19	CLN	ONT
303	Nguyễn Tiến Công	Minh Đức	200,0	261	24	CLN	ONT
304	Lê Văn Hồng	Minh Đức	500,0	82	28	CLN	ONT
305	Lê Văn Minh	Minh Đức	400,0	174	18	CLN	ONT
306	Lê Văn Minh	Minh Đức	400,0	51	18	CLN	ONT
307	Nguyễn Thị Xuân Hương	Minh Đức	400,0	179	24	CLN	ONT
308	Nguyễn Triệu Hoàng Minh	Minh Đức	100,0	131	35	CLN	ONT
309	Lê Thị Diễm Trinh	Minh Đức	300,0	82	19	CLN	ONT
310	Nguyễn Đình Trường	Minh Đức	600,0	184	24	CLN	ONT
311	Vũ Thị Diệp	Minh Đức	200,0	461	28	CLN	ONT
312	Trần Thị Thu	Minh Đức	500,0	42	23	CLN	ONT
313	Nguyễn Minh Thiện	Minh Đức	1.000,0	39	17	CLN	ONT
314	Võ Hoàng Linh	Minh Đức	300,0	125	35	CLN	ONT
315	Dương Thị Tài Lành	Minh Đức	1.500,0	192	18	CLN	ONT
316	Dương Thị Tài Lành	Minh Đức	800,0	194	18	CLN	ONT
317	Trần Viết Thung	Minh Đức	5.000,0	143	18	CLN	ONT
318	Nguyễn Thanh Bình	Minh Đức	1.300,0	26	22	CLN	ONT
319	Ngô Văn Nhon	Minh Đức	1.000,0	30	22	CLN	ONT
320	Vũ Văn Hà	Minh Đức	300,0	439	29	CLN	ONT
321	Hồ Thị Thanh Phương	Minh Đức	1.000,0	337	28	CLN	ONT
322	Điền Ngoan	Minh Đức	1.600,0	46	29	CLN	ONT
323	Nguyễn Văn Hiền	Minh Đức	1.000,0	33	20	CLN	ONT
324	Mai Nhật Thành	Minh Đức	1.000,0	50	22	CLN	ONT
325	Nguyễn Như Hậu	Minh Đức	200,0	111	20	CLN	ONT
326	Lê Phúc Hậu	Minh Đức	500,0	104	27	CLN	ONT
327	Nguyễn Thành Nam	Minh Đức	1.600,0	82	27	CLN	ONT
328	Lê Văn Phúc	Minh Đức	1.500,0	191	23	CLN	ONT

329	Lâm Văn Thành	Minh Đức	800,0	20	34	CLN	ONT
330	Nguyễn Thị Kim Lang	Minh Đức	200,0	241	30	CLN	ONT
331	Chu Văn Lâm	Minh Đức	200,0	140	35	CLN	ONT
332	Đoàn Thị Cúc	Minh Đức	500,0	92	20	CLN	ONT
333	Phan Thị Ngọc Hà	Minh Đức	300,0	455	29	CLN	ONT
334	Điền Á	Minh Đức	200,0	192	30	CLN	ONT
335	Trần Văn On	Minh Đức	300,0	199	30	CLN	ONT
336	Bùi Văn Tăng	Minh Đức	800,0	330	20	CLN	ONT
337	Trịnh Thị Huế	Minh Đức	400,0	202	30	CLN	ONT
338	Lâm Văn Giảng	Minh Đức	1.000,0	11	34	CLN	ONT
339	Lâm Văn Giảng	Minh Đức	1.000,0	70	27	CLN	ONT
340	Điền Thị Thanh	Minh Đức	200,0	257	30	CLN	ONT
341	Lê Văn Lương	Minh Đức	1.000,0	5	20	CLN	ONT
342	Mai Thị Hoa, Vũ Văn Xuân	Minh Đức	200,0	488	29	CLN	ONT
343	Đỗ Văn Thắng	Minh Đức	500,0	159	27	CLN	ONT
344	Phạm Thị Hương	Minh Đức	700,0	3	29	CLN	ONT
345	Thượng Thị Sum	Minh Đức	400,0	14	31	CLN	ONT
346	Nguyễn Thị Phượng	Minh Đức	500,0	94	28	CLN	ONT
347	Nguyễn Thị Phượng	Minh Đức	500,0	425	28	CLN	ONT
348	Đặng Kiên Chi	Minh Đức	400,0	137	27	CLN	ONT
349	Hoàng Thị Bích Hà	Minh Đức	500,0	136	27	CLN	ONT
350	Vũ Văn Xuân	Minh Đức	100,0	132	35	CLN	ONT
351	Điền Nho	Minh Đức	200,0	149	30	CLN	ONT
352	Châu Tiến Mạnh	Minh Đức	300,0	465	28	CLN	ONT
353	Lê Văn Vinh	Minh Đức	800,0	57	22	CLN	ONT
354	Nguyễn Tấn Soong	Minh Đức	300,0	745	24	CLN	ONT
355	Lê Thị Trang	Minh Đức	1.100,0	20	5	CLN	ONT
356	Nguyễn Hữu Tài	Minh Đức	300,0	124	35	CLN	ONT
357	Nguyễn Hữu Tài	Minh Đức	200,0	126	35	CLN	ONT
358	Nguyễn Hữu Tài	Minh Đức	200,0	127	35	CLN	ONT
359	Thị Lễn	Minh Đức	400,0	192	30	CLN	ONT
360	Nguyễn Quốc Ngọc	Minh Đức	400,0	440	29	CLN	ONT
361	Phạm Thị Nương	Minh Đức	100,0	132	27	CLN	ONT
362	Phan Hải Đường	Minh Đức	300,0	508	29	CLN	ONT
363	Thị Đên	Minh Đức	1.600,0	505	29	CLN	ONT
364	Nguyễn Thanh Lâm	Minh Tâm	200,0	222	1341-2021	CLN	ONT
365	Nguyễn Thanh Lâm	Minh Tâm	300,0	197	1316-2021	CLN	ONT
366	Nguyễn Thanh Lâm	Minh Tâm	900,0	194	1313-2021	CLN	ONT
367	Nguyễn Thanh Lâm	Minh Tâm	500,0	195	1314-2021	CLN	ONT
368	Nguyễn Thanh Lâm	Minh Tâm	500,0	196	1315-2021	CLN	ONT
369	Phan Huy Bình	Minh Tâm	1.000,0	269	233-2021	CLN	ONT
370	Nguyễn Văn Thép	Minh Tâm	200,0	184	2	CLN	ONT
371	Huỳnh Thị Nhánh	Minh Tâm	4.000,0	93	11	CLN	ONT
372	Nguyễn Văn Công	Minh Tâm	800,0	419	5	CLN	ONT
373	Lưu Thế Phương	Minh Tâm	300,0	434	5	CLN	ONT
374	Bùi Thị Dân	Minh Tâm	300,0	225	4	CLN	ONT
375	Trần Tân	Minh Tâm	600,0	200	4	CLN	ONT
376	Trần Tân	Minh Tâm	600,0	192	4	CLN	ONT
377	Nguyễn Trọng Bảy	Minh Tâm	300,0	88	6	CLN	ONT
378	Nguyễn Thị Bích	Minh Tâm	200,0	395	6	CLN	ONT
379	Thị Thi	Minh Tâm	300,0	22	17	CLN	ONT
380	Đoàn Thị Hoa	Minh Tâm	100,0	10	11	CLN	ONT
381	Đồng Văn Tân	Minh Tâm	1.000,0	33	1	CLN	ONT
382	Phạm Thị Liên	Minh Tâm	300,0	290	11	CLN	ONT

383	Nguyễn Đức Hùng	Minh Tâm	500,0	209	4	CLN	ONT
384	Ninh Văn Chung	Minh Tâm	100,0	144	1	CLN	ONT
385	Nguyễn Văn Lánh	Minh Tâm	200,0	392	6	CLN	ONT
386	Đại Quang Hợp	Minh Tâm	200,0	377	4	CLN	ONT
387	Đoàn Thanh Lâm	Minh Tâm	100,0	459	5	CLN	ONT
388	Võ Viết Hùng	Minh Tâm	100,0	435	5	CLN	ONT
389	Võ Thị Thùy	Minh Tâm	200,0	393	6	CLN	ONT
390	Nguyễn Hoài Thắng	Minh Tâm	200,0	611	11	CLN	ONT
391	Trần Thăng Nam	Minh Tâm	1.300,0	23	14	CLN	ONT
392	Trần Xuân Thái	Minh Tâm	200,0	399	6	CLN	ONT
393	Trịnh Văn Mạnh	Minh Tâm	400,0	256	4	CLN	ONT
394	Hoàng Văn Thanh	Minh Tâm	200,0	186	2	CLN	ONT
395	Nguyễn Văn Đến	Phước An	200,0	114	46	CLN	ONT
396	Nguyễn Văn Thành	Phước An	1.000,0	281	30	CLN	ONT
397	Điều Bồi	Phước An	800,0	167	35	CLN	ONT
398	Điều Bồi	Phước An	700,0	168	35	CLN	ONT
399	Nguyễn Thị Nga	Phước An	100,0	280	30	CLN	ONT
400	Trần Thị Mỹ Nga	Phước An	500,0	388	27	CLN	ONT
401	Trần Thị Mỹ Nga	Phước An	500,0	389	27	CLN	ONT
402	Nguyễn Thế Khải	Phước An	300,0	635	53	CLN	ONT
403	Nguyễn Thị Thu Trang	Phước An	200,0	637	53	CLN	ONT
404	Nguyễn Hữu Đoàn	Phước An	700,0	78	55	CLN	ONT
405	Bùi Văn Hiệu	Phước An	800,0	264	18	CLN	ONT
406	Lại Khắc Thành	Phước An	300,0	863	10	CLN	ONT
407	Đoàn Thị Hận	Phước An	1.000,0	53	17	CLN	ONT
408	Nguyễn Võ Phương	Phước An	3.000,0	364	27	CLN	ONT
409	Nguyễn Võ Phương	Phước An	3.000,0	362	27	CLN	ONT
410	Lê Thị Liên	Phước An	100,0	602	53	CLN	ONT
411	Phạm Thế Hùng	Phước An	200,0	176	25	CLN	ONT
412	Điều Sơn	Phước An	400,0	94	40	CLN	ONT
413	Thị Lạnh	Phước An	400,0	39	40	CLN	ONT
414	Điều Chuyển	Phước An	300,0	80	45	CLN	ONT
415	Nguyễn Văn Thuận	Phước An	400,0	289	18	CLN	ONT
416	Lê Quốc	Phước An	200,0	19	36	CLN	ONT
417	Lâm Văn Phong	Phước An	100,0	48	11	CLN	ONT
418	Nguyễn Văn Phước	Phước An	200,0	15	44	CLN	ONT
419	Nguyễn Thị Tinh	Phước An	100,0	32	39	CLN	ONT
420	Lê Tân	Phước An	400,0	423	11	CLN	ONT
421	Trần Tuấn Hạnh	Phước An	100,0	298	30	CLN	ONT
422	Trần Hoàng Anh	Phước An	200,0	24	37	CLN	ONT
423	Trần Hoàng Anh	Phước An	200,0	21	36	CLN	ONT
424	Phạm Ngọc Lâm	Phước An	300,0	47	14	CLN	ONT
425	Nguyễn Văn Long	Phước An	800,0	166	6	CLN	ONT
426	Nguyễn Thị Thu	Phước An	300,0	1	33	CLN	ONT
427	Nguyễn Văn Trọng	Phước An	300,0	60	31	CLN	ONT
428	Võ Thị Thu Thùy	Phước An	300,0	399	31	CLN	ONT
429	Lý Văn Tuấn	Phước An	200,0	636	53	CLN	ONT
430	Nguyễn Văn Mừng	Phước An	2.000,0	547	50	CLN	ONT
431	Cao Minh Thiện	Phước An	300,0	298	30	CLN	ONT
432	Ngô Phương Nữ	Phước An	400,0	79	47	CLN	ONT
433	Ngô Huỳnh Nga	Phước An	200,0	9	50	CLN	ONT
434	Huỳnh Tấn Phú	Phước An	300,0	281	53	CLN	ONT
435	Hoàng Thị Thanh	Phước An	200,0	586	50	CLN	ONT
436	Nguyễn Văn Minh	Phước An	200,0	598	50	CLN	ONT
437	Lê Thị Ngọc	Phước An	200,0	74	52	CLN	ONT

438	Nguyễn Thị Sen	Phước An	200,0	79	50	CLN	ONT
439	Điền Nguyễn Thị Huệ	Phước An	700,0	75	50	CLN	ONT
440	Thị Sét	Phước An	400,0	37	49	CLN	ONT
441	Trần Khắc Nghi	Phước An	400,0	600	50	CLN	ONT
442	Điền Úc	Phước An	500,0	14	39	CLN	ONT
443	Nguyễn Thị Tân Xuân	Phước An	500,0	4	24	CLN	ONT
444	Nguyễn An Thạnh	Phước An	100,0	641	53	CLN	ONT
445	Nguyễn Thị Thu Trang	Phước An	200,0	645	53	CLN	ONT
446	Nguyễn Thị Thúy	Phước An	1.000,0	6	37	CLN	ONT
447	Thị Gái	Phước An	1.400,0	633	55	CLN	ONT
448	Điền Hiền	Phước An	700,0	80	55	CLN	ONT
449	Điền Hiền	Phước An	700,0	629	53	CLN	ONT
450	Trần Thị Châu	Phước An	900,0	312	35	CLN	ONT
451	Lê Đình Tùng	Phước An	1.800,0	24	44	CLN	ONT
452	Nguyễn Văn Giới	Phước An	200,0	25	49	CLN	ONT
453	Nguyễn Văn Giới	Phước An	200,0	26	49	CLN	ONT
454	Nguyễn Văn Giới	Phước An	200,0	22	49	CLN	ONT
455	Nguyễn Văn Giới	Phước An	600,0	13	49	CLN	ONT
456	Lê Thị Hải	Phước An	2.500,0	87	11	CLN	ONT
457	Vũ Thế Thủ	Phước An	500,0	118	1	CLN	ONT
458	Nguyễn Tân Thành	Phước An	1.000,0	29	40	CLN	ONT
459	Nguyễn Thị Dàn	Phước An	1.000,0	40	32	CLN	ONT
460	Hoàng Văn Thân	Phước An	300,0	113	40	CLN	ONT
461	Nguyễn Thị Sen	Phước An	1.500,0	46	51	CLN	ONT
462	Nguyễn Thị Sen	Phước An	1.500,0	48	51	CLN	ONT
463	Nguyễn Ngọc Ân	Phước An	300,0	378	26	CLN	ONT
464	Nguyễn Thị Dương	Phước An	200,0	103	49	CLN	ONT
465	Trần Thị Hào	Phước An	200,0	53	39	CLN	ONT
466	Hoàng Thị Hương	Phước An	200,0	1	39	CLN	ONT
467	Điền Quen	Phước An	200,0	29	39	CLN	ONT
468	Điền Quen	Phước An	200,0	52	39	CLN	ONT
469	Điền Nghe	Phước An	300,0	16	39	CLN	ONT
470	Điền Kem	Phước An	100,0	92	40	CLN	ONT
471	Hoàng Văn Trị	Phước An	200,0	57	39	CLN	ONT
472	Hoàng Văn Trị	Phước An	300,0	51	39	CLN	ONT
473	Trần Mạnh Hùng	Phước An	2.500,0	16	52	CLN	ONT
474	Trần Xuân Lưu	Phước An	100,0	663	17	CLN	ONT
475	Trần Thị Liễn	Phước An	600,0	687	17	CLN	ONT
476	Nguyễn Tài Hiệp	Phước An	500,0	561	53	CLN	ONT
477	Đặng Thị Sơn	Phước An	200,0	348	11	CLN	ONT
478	Lê Thị Duyên	Phước An	300,0	290	27	CLN	ONT
479	Phạm Ngọc Tý	Phước An	700,0	52	18	CLN	ONT
480	Nguyễn Thị Huệ	Phước An	200,0	22	39	CLN	ONT
481	Hoàng Văn Đình	Phước An	300,0	4	39	CLN	ONT
482	Nguyễn Thị Năm	Phước An	200,0	356	11	CLN	ONT
483	Điền Cốc	Phước An	500,0	30	39	CLN	ONT
484	Điền Kim	Phước An	300,0	57	40	CLN	ONT
485	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Phước An	200,0	249	25	CLN	ONT
486	Điền Phương	Phước An	500,0	6	45	CLN	ONT
487	Nguyễn Trung Tiến	Phước An	100,0	401	31	CLN	ONT
488	Nguyễn Thị Lan	Phước An	700,0	112	11	CLN	ONT
489	Nguyễn Văn Cường	Phước An	100,0	190	31	CLN	ONT
490	Thị Hê	Phước An	700,0	27	45	CLN	ONT
491	Nguyễn Thị Thu Hằng	Phước An	100,0	424	11	CLN	ONT
492	Bùi Thái Hoàng	Phước An	600,0	108	29	CLN	ONT

493	Điền Đức Toàn	Phước An	500,0	38	29	CLN	ONT
494	Nguyễn Thế Long	Phước An	500,0	85	55	CLN	ONT
495	Huỳnh Thuý Nguyên	Phước An	600,0	66	29	CLN	ONT
496	Phạm Công Hoan	Phước An	600,0	68	29	CLN	ONT
497	Liên Nguyễn Quốc Duy	Phước An	500,0	99	29	CLN	ONT
498	Nguyễn Chính Đoan	Phước An	600,0	46	29	CLN	ONT
499	Nguyễn Đặng Thành Trung	Phước An	900,0	81	29	CLN	ONT
500	Nguyễn Trường Duy	Phước An	600,0	97	29	CLN	ONT
501	Phạm Công Hoan	Phước An	600,0	67	29	CLN	ONT
502	Huỳnh Thuý Nguyên	Phước An	500,0	45	29	CLN	ONT
503	Phạm Công Hoan	Phước An	600,0	70	29	CLN	ONT
504	Huỳnh Quốc Ý	Phước An	600,0	47	29	CLN	ONT
505	Trần Thị Lệ Hà	Phước An	600,0	31	29	CLN	ONT
506	Trần Thị Ngọc Vân	Phước An	600,0	61	29	CLN	ONT
507	Nguyễn Thế Long	Phước An	500,0	62	37	CLN	ONT
508	Trần Thị Hồng Thái	Phước An	700,0	79	29	CLN	ONT
509	Nguyễn Thế Long	Phước An	500,0	64	37	CLN	ONT
510	Nguyễn Hoàn Hải	Phước An	600,0	107	29	CLN	ONT
511	Trần Tiến	Phước An	600,0	88	29	CLN	ONT
512	Trần Mạnh Hoà	Phước An	600,0	94	29	CLN	ONT
513	Trần Thị Hồng Thái	Phước An	600,0	73	29	CLN	ONT
514	Nguyễn Thế Long	Phước An	500,0	63	37	CLN	ONT
515	Nguyễn Đặng Thành Trung	Phước An	600,0	87	29	CLN	ONT
516	Trần Thị Ngọc Vân	Phước An	600,0	59	29	CLN	ONT
517	Huỳnh Quốc Ý	Phước An	500,0	48	29	CLN	ONT
518	Nguyễn Tùng Dương	Phước An	600,0	83	29	CLN	ONT
519	Nguyễn Thế Long	Phước An	500,0	43	29	CLN	ONT
520	Điền Đức Toàn	Phước An	600,0	32	29	CLN	ONT
521	Nguyễn Trường Duy	Phước An	500,0	96	29	CLN	ONT
522	Nguyễn Tùng Dương	Phước An	600,0	82	29	CLN	ONT
523	Nguyễn Chính Đoan	Phước An	600,0	51	29	CLN	ONT
524	Trần Mạnh Hải	Phước An	600,0	72	29	CLN	ONT
525	Liên Nguyễn Quốc Duy	Phước An	500,0	104	29	CLN	ONT
526	Trần Thanh Sơn	Phước An	600,0	64	29	CLN	ONT
527	Nguyễn Tùng Dương	Phước An	600,0	86	29	CLN	ONT
528	Trần Mạnh Hoà	Phước An	600,0	98	29	CLN	ONT
529	Trần Thị Lệ Hà	Phước An	600,0	60	29	CLN	ONT
530	Trần Thị Hồng Thái	Phước An	600,0	77	29	CLN	ONT
531	Trần Mạnh Hải	Phước An	600,0	78	29	CLN	ONT
532	Trần Văn Bằng	Phước An	600,0	30	29	CLN	ONT
533	Nguyễn Thanh Quân	Phước An	600,0	55	29	CLN	ONT
534	Trần Thanh Sơn	Phước An	600,0	62	29	CLN	ONT
535	Nguyễn Thế Long	Phước An	500,0	40	29	CLN	ONT
536	Trần Thị Hồng Thái	Phước An	800,0	80	29	CLN	ONT
537	Phạm Hồng Thái	Phước An	200,0	49	29	CLN	ONT
538	Trần Văn Bằng	Phước An	200,0	39	29	CLN	ONT
539	Phạm Hồng Thái	Phước An	200,0	110	29	CLN	ONT
540	Nguyễn Thế Long	Phước An	500,0	73	55	CLN	ONT
541	Điền Đức Toàn	Phước An	600,0	35	29	CLN	ONT
542	Trần Thị Lệ Hà	Phước An	600,0	34	29	CLN	ONT
543	Trần Thị Ngọc Vân	Phước An	600,0	57	29	CLN	ONT
544	Trần Tiến	Phước An	800,0	91	29	CLN	ONT
545	Trần Thị Hồng Thái	Phước An	600,0	74	29	CLN	ONT

546	Nguyễn Hoàn Hải	Phước An	500,0	111	29	CLN	ONT
547	Điền Đức Toàn	Phước An	600,0	33	29	CLN	ONT
548	Trần Văn Bằng	Phước An	100,0	92	29	CLN	ONT
549	Trần Thị Ngọc Vân	Phước An	600,0	56	29	CLN	ONT
550	Trần Văn Bằng	Phước An	200,0	44	29	CLN	ONT
551	Phạm Hồng Thái	Phước An	200,0	100	29	CLN	ONT
552	Nguyễn Thế Long	Phước An	600,0	42	29	CLN	ONT
553	Nguyễn Hoàn Hải	Phước An	600,0	112	29	CLN	ONT
554	Trần Mạnh Hải	Phước An	600,0	75	29	CLN	ONT
555	Trần Thị Hồng Thái	Phước An	600,0	76	29	CLN	ONT
556	Liên Nguyễn Quốc Duy	Phước An	600,0	103	29	CLN	ONT
557	Trần Thanh Sơn	Phước An	600,0	63	29	CLN	ONT
558	Nguyễn Thanh Quân	Phước An	600,0	52	29	CLN	ONT
559	Phạm Công Hoan	Phước An	600,0	71	29	CLN	ONT
560	Nguyễn Trường Duy	Phước An	500,0	101	29	CLN	ONT
561	Nguyễn Tùng Dương	Phước An	600,0	85	29	CLN	ONT
562	Nguyễn Thanh Quân	Phước An	600,0	58	29	CLN	ONT
563	Trần Tiến	Phước An	500,0	89	29	CLN	ONT
564	Trần Văn Bằng	Phước An	600,0	36	29	CLN	ONT
565	Trần Thanh Sơn	Phước An	600,0	65	29	CLN	ONT
566	Huỳnh Quốc Ý	Phước An	600,0	54	29	CLN	ONT
567	Trần Tiến	Phước An	800,0	90	29	CLN	ONT
568	Trần Mạnh Hoà	Phước An	600,0	93	29	CLN	ONT
569	Nguyễn Hoàn Hải	Phước An	500,0	106	29	CLN	ONT
570	Bùi Thái Hoàng	Phước An	500,0	109	29	CLN	ONT
571	Nguyễn Chính Đoan	Phước An	500,0	50	29	CLN	ONT
572	Huỳnh Thủy Nguyên	Phước An	600,0	69	29	CLN	ONT
573	Điền Đức Toàn	Phước An	600,0	37	29	CLN	ONT
574	Nguyễn Đặng Thành Trung	Phước An	600,0	84	29	CLN	ONT
575	Huỳnh Quốc Ý	Phước An	600,0	53	29	CLN	ONT
576	Nguyễn Thế Long	Phước An	600,0	41	29	CLN	ONT
577	Nguyễn Trường Duy	Phước An	600,0	102	29	CLN	ONT
578	Phạm Hồng Thái	Phước An	200,0	95	29	CLN	ONT
579	Phạm Hồng Thái	Phước An	200,0	105	29	CLN	ONT
580	Lê Thị Yến	Phước An	200,0	185	25	CLN	ONT
581	Điền Drênh Đức	Phước An	400,0	346	6	CLN	ONT
582	Điền Drênh Đức	Phước An	100,0	345	6	CLN	ONT
583	Trần Thị Phước	Phước An	300,0	18	44	CLN	ONT
584	Trần Văn Tuyển	Phước An	300,0	20	24	CLN	ONT
585	Lê Quang Đệ	Phước An	400,0	239	10	CLN	ONT
586	Lê Quang Đệ	Phước An	200,0	45	11	CLN	ONT
587	Nguyễn Văn Thành	Phước An	200,0	17	24	CLN	ONT
588	Phạm Thị Bích Loan	Phước An	300,0	18	24	CLN	ONT
589	Nguyễn Thị Yến	Phước An	200,0	22	37	CLN	ONT
590	Trần Thị Huyền	Phước An	1.000,0	49	55	CLN	ONT
591	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	Phước An	900,0	816	10	CLN	ONT
592	Phạm Thị Uẩn	Phước An	300,0	813	10	CLN	ONT
593	Thân Thị Thảo	Phước An	400,0	261	6	CLN	ONT
594	Bùi Văn Lộc	Phước An	1.800,0	50	37	CLN	ONT
595	Nguyễn Văn Trường	Phước An	1.000,0	11	52	CLN	ONT
596	Điền Ca	Phước An	1.000,0	13	54	CLN	ONT
597	Phạm Thị Lộc	Phước An	100,0	382	1	CLN	ONT
598	Trần Tuấn Hanh	Phước An	1.500,0	62	39	CLN	ONT

599	Nguyễn Thị Tân Xuân	Phước An	500,0	5	24	CLN	ONT
600	Nguyễn Lê Trung	Phước An	1.800,0	299	7	CLN	ONT
601	Hà Thành Anh	Phước An	200,0	616	53	CLN	ONT
602	Trần Thị Bảo Linh	Phước An	1.800,0	63	14	CLN	ONT
603	Trần Tấn Hoàng	Phước An	200,0	228	11	CLN	ONT
604	Nguyễn Thị Lệ Thu	Tân Hiệp	200,0	1072	TĐ 2343-2021	CLN	ONT
605	Bùi Duy Lộc	Tân Hiệp	200,0	1319	TĐ 10829-2021	CLN	ONT
606	Vũ Đình Sơn	Tân Hiệp	200,0	1192	TĐ 6468-2021	CLN	ONT
607	Trần Cao Hiền	Tân Hiệp	300,0	443	28-2016	CLN	ONT
608	Hồ Ngọc Diễm	Tân Hiệp	200,0	1450	TĐ 5220-2022	CLN	ONT
609	Nguyễn Văn Thạch	Tân Hiệp	100,0	1466	TĐ 6399-2022	CLN	ONT
610	Nguyễn Văn Lộc	Tân Hiệp	100,0	474	TĐ 4782-2020	CLN	ONT
611	Nguyễn Văn Lộc	Tân Hiệp	300,0	221	TĐ 466-2022	CLN	ONT
612	Phạm Văn Hưng	Tân Hiệp	1.000,0	1491	9825-2022	CLN	ONT
613	Mai Đình Mẫn	Tân Hưng	1.000,0	119	7	CLN	ONT
614	Mai Đình Mẫn	Tân Hưng	1.100,0	120	7	CLN	ONT
615	Dư Công Nghĩa	Tân Hưng	800,0	47	23	CLN	ONT
616	Phạm Minh Phúc	Tân Hưng	2.600,0	113	3	CLN	ONT
617	Hà Minh Trí	Tân Hưng	2.200,0	19	19	CLN	ONT
618	Nguyễn Văn Dũng	Tân Hưng	400,0	537	3	CLN	ONT
619	Phạm Minh Phúc	Tân Hưng	2.500,0	136	3	CLN	ONT
620	Dương Kim Vũ	Tân Hưng	400,0	38	40	CLN	ONT
621	Ngô Thị Phương	Tân Hưng	200,0	546	5	CLN	ONT
622	Trần Hữu Phúc	Tân Hưng	1.500,0	598	5	CLN	ONT
623	Điền Gel	Tân Hưng	2.500,0	57	12	CLN	ONT
624	Điền Đơ	Tân Hưng	500,0	210	11	CLN	ONT
625	Thị Nga	Tân Hưng	500,0	209	11	CLN	ONT
626	Thị Bấu	Tân Hưng	400,0	78	58	CLN	ONT
627	Thị Bấu	Tân Hưng	300,0	87	58	CLN	ONT
628	Hoàng Thanh Tuấn	Tân Hưng	800,0	518	11	CLN	ONT
629	Huỳnh Văn Tây	Tân Hưng	3.500,0	20	21	CLN	ONT
630	Hoàng Văn Đồng	Tân Hưng	1.100,0	58	40	CLN	ONT
631	Lê Thị Thanh	Tân Hưng	1.100,0	56	40	CLN	ONT
632	Chu Văn Chiến	Tân Hưng	2.000,0	4	20	CLN	ONT
633	Trịnh Thị Vận	Tân Hưng	1.200,0	104	15	CLN	ONT
634	Nguyễn Văn Khoa	Tân Hưng	200,0	55	19	CLN	ONT
635	Vũ Thị Liên	Tân Hưng	200,0	102	39	CLN	ONT
636	Đậu Thị Hà	Tân Hưng	200,0	103	39	CLN	ONT
637	Đậu Thị Hà	Tân Hưng	200,0	104	39	CLN	ONT
638	Lê Thị Hồng Anh	Tân Hưng	300,0	283	37	CLN	ONT
639	Phan Khắc Mạnh	Tân Hưng	300,0	140	37	CLN	ONT
640	Hà Thị Tùng	Tân Hưng	700,0	367	3	CLN	ONT
641	Châu Bá Hùng	Tân Hưng	400,0	6	50	CLN	ONT
642	Đoàn Minh Út	Tân Hưng	500,0	238	40	CLN	ONT
643	Đinh Văn Vui	Tân Hưng	500,0	239	40	CLN	ONT
644	Tăng Thái	Tân Hưng	1.000,0	291	9	CLN	ONT
645	Lê Hữu Quân	Tân Hưng	100,0	427	5	CLN	ONT

646	Ngô Văn Thành	Tân Hưng	200,0	487	5	CLN	ONT
647	Vũ Văn Chính	Tân Hưng	300,0	158	52	CLN	ONT
648	Cao Thị Sao	Tân Hưng	100,0	74	46	CLN	ONT
649	Phí Văn Minh	Tân Hưng	300,0	73	29	CLN	ONT
650	Hồ Tấn Tới	Tân Hưng	200,0	87	37	CLN	ONT
651	Võ Minh Tâm	Tân Hưng	200,0	337	11	CLN	ONT
652	Phạm Thanh Niên	Tân Hưng	200,0	341	11	CLN	ONT
653	Phạm Thanh Niên	Tân Hưng	200,0	340	11	CLN	ONT
654	Võ Minh Tâm	Tân Hưng	200,0	338	11	CLN	ONT
655	Nguyễn Văn Thực	Tân Hưng	400,0	22	22	CLN	ONT
656	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Tân Hưng	200,0	499	5	CLN	ONT
657	Nguyễn Văn Lực	Tân Hưng	200,0	544	5	CLN	ONT
658	Hoàng Thanh Phú	Tân Hưng	100,0	98	46	CLN	ONT
659	Thị Át	Tân Hưng	500,0	428	3	CLN	ONT
660	Thị Nam	Tân Hưng	400,0	89	3	CLN	ONT
661	Vũ Lý Hùng	Tân Hưng	200,0	492	5	CLN	ONT
662	Đặng Trung Phương	Tân Hưng	400,0	122	1	CLN	ONT
663	Trần Thị Châu	Tân Hưng	700,0	4	47	CLN	ONT
664	Trương Văn Phước	Tân Hưng	200,0	549	5	CLN	ONT
665	Thị Mai	Tân Hưng	200,0	423	39	CLN	ONT
666	Trần Thị Thủy	Tân Hưng	900,0	7	5	CLN	ONT
667	Bùi Văn Long	Tân Hưng	900,0	20	49	CLN	ONT
668	Lê Văn Sử	Tân Hưng	200,0	722	5	CLN	ONT
669	Trịnh Xuân Khánh	Tân Hưng	200,0	395	11	CLN	ONT
670	Nguyễn Đức Văn	Tân Hưng	200,0	339	11	CLN	ONT
671	Hoàng Văn Thiết	Tân Hưng	200,0	723	5	CLN	ONT
672	Lê Chí Huy	Tân Hưng	200,0	500	5	CLN	ONT
673	Lê Xuân Kiều	Tân Hưng	300,0	261	5	CLN	ONT
674	Nguyễn Hữu Chiến	Tân Hưng	200,0	552	5	CLN	ONT
675	Trương Văn Phước	Tân Hưng	200,0	489	5	CLN	ONT
676	Lê Trung Thành	Tân Hưng	100,0	101	40	CLN	ONT
677	Chu Văn Chiến	Tân Hưng	200,0	153	18	CLN	ONT
678	Trần Đình Thí	Tân Hưng	200,0	551	5	CLN	ONT
679	Đỗ Thị Cúc	Tân Hưng	200,0	633	5	CLN	ONT
680	Đỗ Thị Cúc	Tân Hưng	200,0	634	5	CLN	ONT
681	Đoàn Văn Hùng	Tân Hưng	600,0	420	5	CLN	ONT
682	Đoàn Minh Út	Tân Hưng	500,0	359	5	CLN	ONT
683	Lê Văn Quý	Tân Hưng	200,0	140	18	CLN	ONT
684	Đỗ Thị Thu Nhuận	Tân Hưng	200,0	161	37	CLN	ONT
685	Vũ Quang Trung	Tân Hưng	200,0	39	27	CLN	ONT
686	Vũ Quang Trung	Tân Hưng	200,0	50	27	CLN	ONT
687	Vũ Quang Trung	Tân Hưng	200,0	3	32	CLN	ONT
688	Nguyễn Văn Năng	Tân Hưng	500,0	21	40	CLN	ONT
689	Lê Xuân Kiều	Tân Hưng	200,0	107	30	CLN	ONT
690	Lê Hữu Sâm	Tân Hưng	200,0	742	5	CLN	ONT
691	Ngô Thanh Loan	Tân Hưng	900,0	17	8	CLN	ONT
692	Trần Minh Thắng	Tân Hưng	900,0	119	8	CLN	ONT
693	Ngô Thanh Loan	Tân Hưng	900,0	60	8	CLN	ONT
694	Cao Văn Tâm	Tân Hưng	200,0	717	5	CLN	ONT
695	Hà Huy Tình	Tân Hưng	200,0	718	5	CLN	ONT
696	Lê Thị Huân	Tân Hưng	900,0	65	5	CLN	ONT
697	Đinh Văn Răng	Tân Hưng	900,0	82	5	CLN	ONT
698	Thị Hịa	Tân Hưng	500,0	24	5	CLN	ONT
699	Hoàng Văn Long	Tân Hưng	300,0	45	40	CLN	ONT
700	Đoàn Thị Mai	Tân Hưng	300,0	160	45	CLN	ONT

701	Nguyễn Thị Anh Thu	Tân Hưng	200,0	52	45	CLN	ONT
702	Nguyễn Công Sự	Tân Hưng	400,0	10	18	CLN	ONT
703	Nguyễn Đắc Thuyền	Tân Hưng	600,0	322	37	CLN	ONT
704	Điền Mút	Tân Hưng	900,0	1	58	CLN	ONT
705	Thị Hoi	Tân Hưng	700,0	24	12	CLN	ONT
706	Ngô Văn Thành	Tân Hưng	500,0	426	9	CLN	ONT
707	Phạm Văn Phú	Tân Hưng	900,0	8	6	CLN	ONT
708	Nguyễn Thị Tính	Tân Hưng	800,0	617	5	CLN	ONT
709	Phạm Văn Phú	Tân Hưng	900,0	13	6	CLN	ONT
710	Trương Văn Phước	Tân Hưng	700,0	481	5	CLN	ONT
711	Trương Văn Phước	Tân Hưng	200,0	485	5	CLN	ONT
712	Trương Văn Phước	Tân Hưng	200,0	483	5	CLN	ONT
713	Trương Văn Phước	Tân Hưng	200,0	484	5	CLN	ONT
714	Trương Văn Phước	Tân Hưng	200,0	482	5	CLN	ONT
715	Nguyễn Đức Cường	Tân Hưng	200,0	101	39	CLN	ONT
716	Lê Văn Quốc	Tân Hưng	1.000,0	38	16	CLN	ONT
717	Nguyễn Thị Kim Phụng	Tân Hưng	100,0	620	5	CLN	ONT
718	Võ Thị Thu Hà	Tân Hưng	100,0	622	5	CLN	ONT
719	Trần Xuân Đức	Tân Hưng	1.300,0	11	19	CLN	ONT
720	Điền Phương	Tân Hưng	700,0	19	25	CLN	ONT
721	Đều Ba Ranh	Tân Hưng	600,0	14	4	CLN	ONT
722	Nguyễn Thị Hồng	Tân Hưng	400,0	4	44	CLN	ONT
723	Trương Văn Phước	Tân Hưng	200,0	685	5	CLN	ONT
724	Nguyễn Trường Giang	Tân Hưng	200,0	731	5	CLN	ONT
725	Nguyễn Trường Giang	Tân Hưng	200,0	115	15	CLN	ONT
726	Phạm Thế Trường	Tân Hưng	400,0	100	3	CLN	ONT
727	Nguyễn Lê Trung	Tân Hưng	1.000,0	15	16	CLN	ONT
728	Nguyễn Hà	Tân Hưng	300,0	148	7	CLN	ONT
729	Ngô Văn Tư	Tân Hưng	300,0	172	51	CLN	ONT
730	Bùi Anh Tuấn	Tân Hưng	300,0	30	46	CLN	ONT
731	Lê Văn Sự	Tân Hưng	200,0	547	5	CLN	ONT
732	Nguyễn Văn Khánh	Tân Hưng	100,0	735	5	CLN	ONT
733	Nguyễn Văn Khánh	Tân Hưng	100,0	736	5	CLN	ONT
734	Nguyễn Văn Khánh	Tân Hưng	100,0	737	5	CLN	ONT
735	Nguyễn Văn Khánh	Tân Hưng	100,0	738	5	CLN	ONT
736	Trần Ngọc Nguyên	Tân Khai	200,0	928	34	CLN	ODT
737	Trần Ngọc Nguyên	Tân Khai	50,0	906	34	CLN	ODT
738	Trần Ngọc Nguyên	Tân Khai	50,0	897	34	CLN	ODT
739	Trần Ngọc Nguyên	Tân Khai	50,0	898	34	CLN	ODT
740	Trần Ngọc Nguyên	Tân Khai	50,0	905	34	CLN	ODT
741	Trần Ngọc Nguyên	Tân Khai	50,0	870	34	CLN	ODT
742	Nguyễn Thanh Hoàng	Tân Khai	200,0	316	67	CLN	ODT
743	Võ Thị Bảy	Tân Khai	200,0	315	67	CLN	ODT
744	Lương Thị Hà	Tân Khai	100,0	319	67	CLN	ODT
745	Đào Văn Tư	Tân Khai	100,0	1031	62	CLN	ODT
746	Đào Văn Tư	Tân Khai	100,0	1034	62	CLN	ODT
747	Đào Văn Tư	Tân Khai	100,0	1035	62	CLN	ODT
748	Đào Văn Tư	Tân Khai	100,0	1036	62	CLN	ODT
749	Đào Văn Tư	Tân Khai	100,0	1037	62	CLN	ODT
750	Đào Văn Tư	Tân Khai	100,0	1038	62	CLN	ODT
751	Lê Văn Định	Tân Khai	100,0	895	62	CLN	ODT
752	Nguyễn Văn Diệu	Tân Khai	800,0	1592	24	CLN	ODT
753	Hồ Văn Hồng	Tân Khai	100,0	216	30	CLN	ODT
754	Hồ Văn Hồng	Tân Khai	200,0	218	30	CLN	ODT
755	Trần Xuân Lợi	Tân Khai	1.000,0	781	17	CLN	SKC

756	Nguyễn Văn Đường	Tân Khai	300,0	1841	44	CLN	ODT
757	Nguyễn Thị Ngọc	Tân Khai	300,0	524	44	CLN	ODT
758	Nguyễn Văn Xi	Tân Khai	100,0	643	33	CLN	ODT
759	Hồ Hữu Hải	Tân Khai	800,0	268	67	CLN	ODT
760	Lê Thị Điện	Tân Khai	500,0	38	30	CLN	ODT
761	Phạm Văn Tư	Tân Khai	100,0	346	42	CLN	ODT
762	Trương Văn Ngán	Tân Khai	100,0	782	59	CLN	ODT
763	Trương Văn Ngán	Tân Khai	100,0	780	59	CLN	ODT
764	Trần Thị Phương	Tân Khai	100,0	521	44	CLN	ODT
765	Trần Minh Hải	Tân Khai	200,0	480	22	CLN	ODT
766	Nguyễn Thị Minh Hiền	Tân Khai	100,0	617	59	CLN	ODT
767	Ngô Văn Tuấn	Tân Khai	400,0	701	59	CLN	ODT
768	Nguyễn Thị Lộc	Tân Khai	100,0	753	59	CLN	ODT
769	Nguyễn Trung Tâm	Tân Khai	100,0	189	67	CLN	ODT
770	Nguyễn Đức Thắng	Tân Khai	120,0	781	59	CLN	ODT
771	Dương Văn Sáu	Tân Khai	200,0	191	67	CLN	ODT
772	Đinh Bá Thành	Tân Khai	300,0	118	6	CLN	ODT
773	Phạm Thị Nhân	Tân Khai	300,0	666	59	CLN	ODT
774	Lê Thị Xuân	Tân Khai	100,0	1599	33	CLN	ODT
775	Phạm Thị Hương	Tân Khai	600,0	50	12	CLN	ODT
776	Điều Út	Tân Khai	1.600,0	221	44	CLN	ODT
777	Nguyễn Duy Luyện	Tân Khai	200,0	1111	14	CLN	ODT
778	Đàm Thị Nga	Tân Khai	100,0	1942	44	CLN	ODT
779	Hoàng Đình Kiên	Tân Khai	200,0	560	44	CLN	ODT
780	Vũ Mạnh Hải	Tân Khai	100,0	983	34	CLN	ODT
781	Phạm Kim Khá	Tân Khai	100,0	405	60	CLN	ODT
782	Nguyễn Văn Đức	Tân Khai	100,0	128	67	CLN	ODT
783	Lê Quang Huyền	Tân Khai	270,0	776	42	CLN	ODT
784	Đinh Thị Thu Hằng	Tân Khai	50,0	153	12	CLN	ODT
785	Nguyễn Hữu Trung Tính	Tân Khai	100,0	110	12	CLN	ODT
786	Phạm Thanh Nhân	Tân Khai	150,0	1079	44	CLN	ODT
787	Nguyễn Minh Tú	Tân Khai	150,0	1113	44	CLN	ODT
788	Vũ Xuân Sơn	Tân Khai	100,0	403	60	CLN	ODT
789	Vũ Xuân Sơn	Tân Khai	100,0	893	17	CLN	ODT
790	Lê Thị Ngân	Tân Khai	200,0	461	23	CLN	ODT
791	Lê Thị Lân	Tân Khai	100,0	514	34	CLN	ODT
792	Phạm Khắc Sự	Tân Khai	200,0	135	40	CLN	ODT
793	Phạm Khắc Sự	Tân Khai	200,0	197	40	CLN	ODT
794	Hoàng Thị Thịnh	Tân Khai	300,0	953	24	CLN	ODT
795	Hoàng Thị Thịnh	Tân Khai	400,0	1140	24	CLN	ODT
796	Hoàng Thị Thịnh	Tân Khai	100,0	1141	24	CLN	ODT
797	Nguyễn Văn Tư	Tân Khai	400,0	114	17	CLN	ODT
798	Ngô Đình Trọng	Tân Khai	300,0	1128	33	CLN	ODT
799	Nguyễn Xuân Hạ	Tân Khai	100,0	902	62	CLN	ODT
800	Nguyễn Văn Tiến	Tân Khai	300,0	597	69	CLN	ODT
801	Nguyễn Văn Thanh	Tân Khai	300,0	1113	44	CLN	ODT
802	Trịnh Duy Đức	Tân Khai	50,0	1551	33	CLN	ODT
803	Đinh Thị Hương	Tân Khai	100,0	304	67	CLN	ODT
804	Nguyễn Hữu Hạnh	Tân Khai	100,0	1658	44	CLN	ODT
805	Nguyễn Hữu Hạnh	Tân Khai	100,0	1659	44	CLN	ODT
806	Phạm Hữu Dũng	Tân Khai	500,0	260	67	CLN	ODT
807	Hồ Thị Thoa	Tân Khai	500,0	259	67	CLN	ODT
808	Hồ Thị Nga	Tân Khai	500,0	261	67	CLN	ODT
809	Hồ Thị Nga	Tân Khai	500,0	265	67	CLN	ODT
810	Hồ Thị Hồng	Tân Khai	500,0	258	67	CLN	ODT

811	Hồ Thị Hải	Tân Khai	100,0	892	62	CLN	ODT
812	Nguyễn Thị Nhung	Tân Khai	100,0	769	34	CLN	ODT
813	Trần Ngọc Quang	Tân Khai	450,0	221	30	CLN	ODT
814	Nguyễn Văn Hùng	Tân Khai	300,0	94	32	CLN	ODT
815	Lê Bá Sơn	Tân Khai	100,0	1162	44	CLN	ODT
816	Nguyễn Văn Tuấn	Tân Khai	100,0	736	62	CLN	ODT
817	Hồ Quốc Cường	Tân Khai	200,0	284	67	CLN	ODT
818	Phạm Thị Ngân	Tân Khai	100,0	1093	44	CLN	ODT
819	Phan Thị Quế Vương	Tân Khai	1.200,0	190	42	CLN	ODT
820	Mai Thị Tú Anh	Tân Khai	950,0	101	44	CLN	ODT
821	Nguyễn Thị Lan	Tân Khai	100,0	1115	44	CLN	ODT
822	Trương Thị Kỳ	Tân Khai	850,0	228	67	CLN	ODT
823	Trương Đức Thanh	Tân Khai	400,0	173	39	CLN	ODT
824	Trần Ngọc Nguyên	Tân Khai	100,0	903	34	CLN	ODT
825	Trần Ngọc Nguyên	Tân Khai	150,0	1073	34	CLN	ODT
826	Trần Ngọc Nguyên	Tân Khai	100,0	904	34	CLN	ODT
827	Trần Ngọc Nguyên	Tân Khai	150,0	902	34	CLN	ODT
828	Trần Ngọc Nguyên	Tân Khai	100,0	901	34	CLN	ODT
829	Trần Ngọc Nguyên	Tân Khai	100,0	900	34	CLN	ODT
830	Nguyễn Hồng Hưng	Tân Khai	700,0	340	62	CLN	ODT
831	Trương Minh Bảo	Tân Khai	1.000,0	332	62	CLN	ODT
832	Nguyễn Phi Hùng	Tân Khai	100,0	971	62	CLN	ODT
833	Nguyễn Phi Hùng	Tân Khai	100,0	972	62	CLN	ODT
834	Nguyễn Phi Hùng	Tân Khai	100,0	973	62	CLN	ODT
835	Nguyễn Phi Hùng	Tân Khai	100,0	974	62	CLN	ODT
836	Nguyễn Phi Hùng	Tân Khai	100,0	984	62	CLN	ODT
837	Nguyễn Phi Hùng	Tân Khai	100,0	985	62	CLN	ODT
838	Nguyễn Phi Hùng	Tân Khai	100,0	986	62	CLN	ODT
839	Nguyễn Phi Hùng	Tân Khai	100,0	987	62	CLN	ODT
840	Nguyễn Phi Hùng	Tân Khai	100,0	988	62	CLN	ODT
841	Phùng Văn Chính	Tân Khai	150,0	212	13	CLN	ODT
842	Hồ Quang Thuận	Tân Khai	100,0	1114	44	CLN	ODT
843	Hoàng Thị Ngọc	Tân Khai	400,0	818	69	CLN	ODT
844	Hoàng Thị Ngọc	Tân Khai	500,0	521	61	CLN	ODT
845	Lê Mai Bình	Tân Khai	600,0	522	61	CLN	ODT
846	Đỗ Văn Thành	Tân Khai	400,0	421	59	CLN	ODT
847	Vì Thị Ái	Tân Khai	100,0	903	62	CLN	ODT
848	Thiên Nữ Liên Hoan	Tân Khai	100,0	904	62	CLN	ODT
849	Đào Văn Tư	Tân Khai	100,0	1039	62	CLN	ODT
850	Đào Văn Tư	Tân Khai	100,0	1032	62	CLN	ODT
851	Đào Văn Tư	Tân Khai	100,0	1033	62	CLN	ODT
852	Lâm Bình Chuy	Tân Khai	200,0	1358	33	CLN	ODT
853	Nguyễn Thị Hồng Loan	Tân Khai	100,0	655	17	CLN	ODT
854	Lê Quốc Khải	Tân Khai	400,0	234	67	CLN	ODT
855	Lê Quốc Khánh	Tân Khai	400,0	235	67	CLN	ODT
856	Lê Quốc Khánh	Tân Khai	200,0	255	67	CLN	ODT
857	Lê Văn Soạn	Tân Khai	100,0	31	70	CLN	ODT
858	Đặng Minh Như	Tân Khai	200,0	74	44	CLN	ODT
859	Phạm Thanh Phong	Tân Khai	300,0	1464	24	CLN	ODT
860	Lê Thị Ngọc Khánh	Tân Khai	100,0	956	44	CLN	ODT
861	Nguyễn Văn Anh	Tân Khai	200,0	1673	21	CLN	ODT
862	Nguyễn Trọng Chữ	Tân Khai	100,0	51	70	CLN	ODT
863	Phạm Đình Anh	Tân Khai	100,0	786	62	CLN	ODT
864	Nguyễn Kim Nga	Tân Khai	50,0	398	14	CLN	ODT
865	Đặng Thanh Tú	Tân Khai	800,0	448	44	CLN	ODT

866	Trần Đăng Lợi	Tân Khai	300,0	1021	44	CLN	ODT
867	Lê Thị Mai Linh	Tân Khai	100,0	253	6	CLN	ODT
868	Trịnh Đình Hoàng	Tân Khai	100,0	509	22	CLN	ODT
869	Nguyễn Chí Trung	Tân Khai	100,0	1025	44	CLN	ODT
870	Trần Thị Thuý Hằng	Tân Khai	600,0	218	67	CLN	ODT
871	Trương Thị Triệu	Tân Khai	100,0	966	34	CLN	ODT
872	Đào Văn Tuấn	Tân Khai	100,0	700	61	CLN	ODT
873	Nguyễn Văn Hùng	Tân Khai	100,0	734	62	CLN	ODT
874	Đỗ Thị Kim Châu	Tân Khai	400,0	278	17	CLN	ODT
875	Trịnh Thị Tuế	Tân Khai	100,0	144	33	CLN	ODT
876	Trịnh Quang Tuấn	Tân Khai	500,0	1652	23	CLN	ODT
877	Huỳnh Minh Triều	Tân Khai	100,0	88	62	CLN	ODT
878	Nguyễn Phúc Hưng	Tân Khai	100,0	1348	34	CLN	ODT
879	Nguyễn Phúc Hưng	Tân Khai	100,0	1349	34	CLN	ODT
880	Nguyễn Phúc Hưng	Tân Khai	100,0	1350	34	CLN	ODT
881	Nguyễn Phúc Hưng	Tân Khai	100,0	1351	34	CLN	ODT
882	Nguyễn Phúc Hưng	Tân Khai	100,0	1352	34	CLN	ODT
883	Nguyễn Phúc Hưng	Tân Khai	100,0	1353	34	CLN	ODT
884	Nguyễn Phúc Hưng	Tân Khai	100,0	1354	34	CLN	ODT
885	Nguyễn Phúc Hưng	Tân Khai	100,0	1355	34	CLN	ODT
886	Nguyễn Phúc Hưng	Tân Khai	100,0	1356	34	CLN	ODT
887	Nguyễn Phúc Hưng	Tân Khai	100,0	1357	34	CLN	ODT
888	Nguyễn Phúc Hưng	Tân Khai	100,0	1358	34	CLN	ODT
889	Nguyễn Phúc Hưng	Tân Khai	100,0	1359	34	CLN	ODT
890	Nguyễn Phúc Hưng	Tân Khai	100,0	1360	34	CLN	ODT
891	Nguyễn Thị Hữu Hạnh	Tân Khai	100,0	1659	44	CLN	ODT
892	Nguyễn Thị Hữu Hạnh	Tân Khai	100,0	1658	44	CLN	ODT
893	Trương Thị Liêm	Tân Khai	500,0	2019	44	CLN	ODT
894	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Tân Khai	500,0	2020	44	CLN	ODT
895	Tôn Thất Tùng	Tân Khai	100,0	1295	14	CLN	ODT
896	Tôn Thất Tùng	Tân Khai	100,0	1296	14	CLN	ODT
897	Tôn Thất Tùng	Tân Khai	100,0	1297	14	CLN	ODT
898	Tôn Thất Tùng	Tân Khai	100,0	1298	14	CLN	ODT
899	Tôn Thất Tùng	Tân Khai	100,0	1299	14	CLN	ODT
900	Tôn Thất Tùng	Tân Khai	700,0	1300	14	CLN	ODT
901	Tôn Thất Tùng	Tân Khai	200,0	1301	14	CLN	ODT
902	Nguyễn Minh Chánh	Tân Khai	200,0	521	44	CLN	ODT
903	Hoàng Văn Tài	Tân Khai	100,0	125	70	CLN	ODT
904	Nguyễn Văn Đàn	Tân Khai	400,0	980	44	CLN	ODT
905	Mai Thị Hằng	Tân Khai	300,0	855	44	CLN	ODT
906	Võ Thị Minh Tú	Tân Khai	100,0	854	44	CLN	ODT
907	Phạm Thị Ngọc Hiền	Tân Khai	100,0	1849	23	CLN	ODT
908	Ngô Văn Phụng	Tân Khai	300,0	1425	34	CLN	ODT
909	Đặng Bá Bằng	Tân Khai	100,0	215	6	CLN	ODT
910	Trần Thị Lan Anh	Tân Khai	400,0	19	24	CLN	ODT
911	Nguyễn Thái Sơn	Tân Khai	100,0	212	6	CLN	ODT
912	Hoàng Văn Kiên	Tân Khai	1.200,0	116	22	CLN	ODT
913	Lê Duy Hải	Tân Khai	700,0	675	61	CLN	ODT
914	Bùi Ngọc Duyên	Tân Khai	600,0	761	34	CLN	ODT
915	Nhâm Nhất Ngọc Nhân	Tân Khai	100,0	661	24	CLN	ODT
916	Võ Chí Công	Tân Khai	100,0	1317	44	CLN	ODT
917	Dương Hồng Huệ	Tân Khai	100,0	714	62	CLN	ODT
918	Lê Văn Nghệ	Tân Khai	600,0	130	60	CLN	ODT
919	Trương Đức Nam	Tân Khai	100,0	331	67	CLN	ODT
920	Trần Văn Điền	Tân Khai	100,0	329	67	CLN	ODT

921	Nguyễn Thị Mơ	Tân Khai	100,0	1242	24	CLN	ODT
922	Nguyễn Thị Mơ	Tân Khai	150,0	1473	24	CLN	ODT
923	Lưu Đình Quyền	Tân Khai	500,0	51	12	CLN	ODT
924	Phan Thị Rời	Tân Khai	400,0	264	60	CLN	ODT
925	Nguyễn Thị Hiền	Tân Khai	100,0	1319	44	CLN	ODT
926	Nguyễn Thị Hiền	Tân Khai	100,0	1535	44	CLN	ODT
927	Nguyễn Thị Hiền	Tân Khai	100,0	1538	44	CLN	ODT
928	Hồ Xuân Long	Tân Khai	400,0	40A	68	CLN	ODT
929	Nguyễn Đình Như	Tân Khai	200,0	319	23	CLN	ODT
930	Trương Đức Nam	Tân Khai	100,0	332	67	CLN	ODT
931	Trương Đức Nam	Tân Khai	100,0	333	67	CLN	ODT
932	Phạm Văn Thiệt	Tân Lợi	300,0	184	3	CLN	ONT
933	Nguyễn Thị Tuyết Lê	Tân Lợi	1.000,0	62	39	CLN	ONT
934	Trần Văn Ngon	Tân Lợi	200,0	7	18	CLN	ONT
935	Nhan Thị Lệ Dung	Tân Lợi	1.000,0	61	26	CLN	ONT
936	Lê Đình Trường	Tân Lợi	1.000,0	14	28	CLN	ONT
937	Dương Tấn Vũ	Tân Lợi	500,0	23	21	CLN	ONT
938	Lê Đình Long	Tân Lợi	200,0	142	42	CLN	ONT
939	Đặng Văn Vũ	Tân Lợi	600,0	46	25	CLN	ONT
940	Nguyễn Tường Minh	Tân Lợi	200,0	196	48	CLN	ONT
941	Đinh Hùng Phi	Tân Lợi	100,0	88	42	CLN	ONT
942	Nguyễn Thành Danh	Tân Lợi	400,0	66	7	CLN	ONT
943	Đỗ Văn Nam	Tân Lợi	200,0	213	48	CLN	ONT
944	Phạm Đức Tân	Tân Lợi	200,0	441	44	CLN	ONT
945	Trần Minh Tứ	Tân Lợi	400,0	71	2	CLN	ONT
946	Nguyễn Thị Cảnh	Tân Lợi	400,0	428	44	CLN	ONT
947	Hồ Văn Chao	Tân Lợi	2.400,0	132	2	CLN	ONT
948	Trương Hiếu Trọng	Tân Lợi	1.200,0	663	12	CLN	ONT
949	Bùi Văn Hiệp	Tân Lợi	800,0	39	43	CLN	ONT
950	Bùi Văn Hiệp	Tân Lợi	200,0	139	43	CLN	ONT
951	Trần Đình Tương	Tân Lợi	200,0	29	6	CLN	ONT
952	Cao Hoài Thương	Tân Lợi	600,0	212	2	CLN	ONT
953	Đặng Bảo Ngọc	Tân Lợi	200,0	202	48	CLN	ONT
954	Nguyễn Thị Diệp Lan	Tân Lợi	200,0	193	48	CLN	ONT
955	Lê Thị Nở	Tân Lợi	200,0	194	48	CLN	ONT
956	Trịnh Thị Kim Nhon	Tân Lợi	200,0	195	48	CLN	ONT
957	Giản Thị Hà	Tân Lợi	200,0	209	48	CLN	ONT
958	Nguyễn Viết Huân	Tân Lợi	200,0	198	48	CLN	ONT
959	Nguyễn Thế Anh	Tân Lợi	500,0	216	48	CLN	ONT
960	Trần Mai Hưng	Tân Lợi	500,0	19	6	CLN	ONT
961	Trần Mai Hưng	Tân Lợi	1.300,0	275	2	CLN	ONT
962	Trương Thị Cúc	Tân Lợi	1.300,0	56	2	CLN	ONT
963	Lê Thị Nguyệt	Tân Lợi	1.000,0	28	12	CLN	ONT
964	Nguyễn Thị Kim Ngân	Tân Lợi	2.200,0	109	3	CLN	ONT
965	Dương Cẩm Phong	Tân Lợi	600,0	237	2	CLN	ONT
966	Nguyễn Phước Hùng	Tân Lợi	500,0	148	3	CLN	ONT
967	Phạm Hoàng My	Tân Lợi	1.000,0	660	12	CLN	ONT
968	Phạm Hoàng My	Tân Lợi	1.600,0	661	12	CLN	ONT
969	Lê Xuân Sanh	Tân Lợi	1.000,0	662	12	CLN	ONT
970	Trương Công Lệnh	Tân Lợi	1.500,0	102	3	CLN	ONT
971	Phan Thị Phương Nga	Tân Lợi	1.200,0	52	6	CLN	ONT
972	Trần Văn Minh	Tân Lợi	200,0	249	02	CLN	ONT
973	Trần Văn Minh	Tân Lợi	200,0	255	02	CLN	ONT
974	Bùi Thị Ngọc Nga	Tân Lợi	900,0	116	10	CLN	ONT
975	Phạm Hồng Thái	Tân Lợi	200,0	223	48	CLN	ONT

976	Phạm Hồng Thái	Tân Lợi	200,0	224	48	CLN	ONT
977	Phạm Hồng Thái	Tân Lợi	200,0	222	48	CLN	ONT
978	Phùng Chung Năm	Tân Lợi	2.300,0	33	10	CLN	ONT
979	Phạm Văn Tinh	Tân Lợi	200,0	263	2	CLN	ONT
980	Phùng Bá Lực	Tân Lợi	200,0	35	26	CLN	ONT
981	Phùng Bá Lực	Tân Lợi	100,0	26	26	CLN	ONT
982	Hà Duy Diệt	Tân Lợi	1.000,0	20	21	CLN	ONT
983	Nguyễn Lê Trung	Tân Lợi	1.200,0	56	28	CLN	ONT
984	Nguyễn Đức Hưng	Tân Quan	100,0	1260	2	CLN	ONT
985	Vũ Văn Đước	Tân Quan	100,0	1266	2	CLN	ONT
986	Nguyễn Thị Hình	Tân Quan	400,0	587	2	CLN	ONT
987	Trần Văn Hiền	Tân Quan	500,0	36	2	CLN	ONT
988	Trần Văn Hiền	Tân Quan	1.000,0	606	2	CLN	ONT
989	Điều Bơi	Tân Quan	1.000,0	41	16 cũ (07)	CLN	ONT
990	Đỗ Đức Hùng	Tân Quan	400,0	136	20	CLN	ONT
991	Lê Thị Huyền	Tân Quan	100,0	136	18 cũ (09)	CLN	ONT
992	Đỗ Văn Lanh	Tân Quan	200,0	417	3	CLN	SKC
993	Thị Nhung	Tân Quan	600,0	142	15	CLN	ONT
994	Bùi Ngọc Lan	Tân Quan	400,0	1569	2	CLN	ONT
995	Phạm Thị Hòa	Tân Quan	400,0	79	12	CLN	ONT
996	Lê Thị Hương	Tân Quan	900,0	160	13	CLN	ONT
997	Hoàng Văn Thon	Tân Quan	1.000,0	25	23 cũ (13)	CLN	ONT
998	Lưu Văn Dũng	Tân Quan	1.500,0	1472	2	CLN	ONT
999	Trịnh Thị Nguyệt	Tân Quan	200,0	1742	2	CLN	ONT
1000	Trịnh Thị Nguyệt	Tân Quan	200,0	1746	2	CLN	ONT
1001	Bùi Xuân Phương	Tân Quan	400,0	440	4	CLN	ONT
1002	Lê Thị Việt	Tân Quan	900,0	772	2	CLN	ONT
1003	Lê Văn Quang	Tân Quan	600,0	586	2	CLN	ONT
1004	Nguyễn Văn Thuận	Tân Quan	200,0	1383	2	CLN	ONT
1005	Trịnh Thị Nguyệt	Tân Quan	200,0	1744	2	CLN	ONT
1006	Huỳnh Văn Mười	Tân Quan	4.000,0	158	2	CLN	ONT
1007	Trịnh Thị Đào	Tân Quan	4.000,0	161	2	CLN	ONT
1008	Lê Mai Bình	Tân Quan	1.700,0	120	23	CLN	ONT
1009	Lưu Thị Loan	Tân Quan	700,0	200	6	CLN	ONT
1010	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Tân Quan	500,0	26	20	CLN	ONT
1011	Trịnh Thị Gái	Tân Quan	1.000,0	12	30	CLN	ONT
1012	Trần Văn Dương	Tân Quan	300,0	107	7	CLN	ONT
1013	Huỳnh Hoàng Trung	Tân Quan	1.400,0	100	2	CLN	ONT
1014	Thị Hết	Tân Quan	1.000,0	232	21	CLN	ONT
1015	Thị Hết	Tân Quan	1.000,0	198	21	CLN	ONT
1016	Tạ Văn Dũng	Tân Quan	400,0	1270	2	CLN	ONT
1017	Tạ Văn Dũng	Tân Quan	100,0	788	2	CLN	ONT
1018	Trần Đại Nghĩa	Tân Quan	600,0	1811	2	CLN	ONT
1019	Trần Đại Nghĩa	Tân Quan	700,0	1812	2	CLN	ONT
1020	Trần Đại Nghĩa	Tân Quan	200,0	1810	2	CLN	ONT
1021	Kiều Công Kiên	Tân Quan	100,0	480	4	CLN	ONT
1022	Nguyễn Văn Hào	Tân Quan	100,0	481	4	CLN	ONT
1023	Nguyễn Văn Chiến	Tân Quan	200,0	158	15	CLN	ONT
1024	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Tân Quan	400,0	222	18	CLN	ONT
1025	Hoàng Công Du	Tân Quan	2.000,0	76	4	CLN	ONT
1026	Hoàng Kim Đắc	Tân Quan	200,0	262	23	CLN	ONT
1027	Hoàng Kim Đắc	Tân Quan	200,0	263	23	CLN	ONT
1028	Hồ Thị Vinh	Tân Quan	2.000,0	120	23	CLN	ONT
1029	Trần Văn Viễn	Tân Quan	400,0	31	18	CLN	ONT
1030	Trần Văn Dư	Tân Quan	200,0	9	3	CLN	ONT

1031	Nguyễn Thị Hà	Tân Quan	500,0	42	18 (29 cũ)	CLN	ONT
1032	Lê Văn Chuông	Tân Quan	1.000,0	13	3 (07 cũ)	CLN	ONT
1033	Vũ Thị Tươi	Tân Quan	500,0	262	2 (06 cũ)	CLN	ONT
1034	Lâm Văn Thông	Tân Quan	2.000,0	191	2 (06 cũ)	CLN	ONT
1035	Trần Thị Liên	Tân Quan	1.000,0	635	2	CLN	ONT
1036	Phạm Thị Hòa	Tân Quan	200,0	352	11	CLN	ONT
1037	Điền Xuân	Tân Quan	1.000,0	21	07 (16 cũ)	CLN	ONT
1038	Nguyễn Kim Vương	Tân Quan	1.500,0	13	15 (26 cũ)	CLN	ONT
1039	Nguyễn Văn Vũ	Tân Quan	1.000,0	39	3	CLN	ONT
1040	Nguyễn Văn Vũ	Tân Quan	600,0	23	21	CLN	ONT
1041	Phạm Trường Duy	Tân Quan	500,0	108	11 (21 cũ)	CLN	ONT
1042	Đỗ Thị Quý	Tân Quan	200,0	258	4	CLN	ONT
1043	Bùi Thị Yên	Tân Quan	400,0	1568	2	CLN	ONT
1044	Trần Thị Thanh	Tân Quan	200,0	57	12	CLN	ONT
1045	Trần Thị Thanh	Tân Quan	300,0	293	11	CLN	ONT
1046	Trần Thị Thanh	Tân Quan	200,0	59	12	CLN	ONT
1047	Đinh Văn Tính	Tân Quan	200,0	234	3	CLN	ONT
1048	Đinh Văn Tính	Tân Quan	200,0	978	2	CLN	ONT
1049	Lê Thị Hải	Tân Quan	100,0	81	8	CLN	ONT
1050	Đặng Thị Lanh	Tân Quan	1.000,0	49	2	CLN	ONT
1051	Phạm Hồng Công	Tân Quan	100,0	773	2	CLN	ONT
1052	Lưu Thị Thắm	Tân Quan	500,0	1182	2	CLN	ONT
1053	Lưu Thị Thắm	Tân Quan	300,0	103	2	CLN	ONT
1054	Nguyễn Thị Nga	Tân Quan	1.000,0	7	21	CLN	ONT
1055	Nguyễn Công Minh	Tân Quan	200,0	245	18	CLN	ONT
1056	Võ Thị Thủy	Tân Quan	1.000,0	34	8	CLN	ONT
1057	Trần Thị The	Tân Quan	1.000,0	30	21	CLN	ONT
1058	Đặng Quang Trung	Tân Quan	2.000,0	8	25	CLN	ONT
1059	Trịnh Tất Thành	Tân Quan	800,0	31	18	CLN	ONT
1060	Đinh Thị Mỹ Trinh	Tân Quan	100,0	104	23	CLN	ONT
1061	Đặng Thị Lanh	Tân Quan	700,0	52	2	CLN	ONT
1062	Đỗ Văn Lanh	Tân Quan	200,0	138	03 (7 cũ)	CLN	ONT
1063	Đỗ Văn Lanh	Tân Quan	200,0	417	3	CLN	ONT
1064	Trần Thị Ngoan	Tân Quan	600,0	65	21	CLN	ONT
1065	Đỗ Thị Hồng	Tân Quan	100,0	1259	2	CLN	ONT
1066	Trần Quốc Bảo	Tân Quan	100,0	845	2	CLN	ONT
1067	Phạm Minh Hải	Tân Quan	200,0	427	3	CLN	ONT
1068	Đinh Văn Tuấn	Tân Quan	300,0	453	3	CLN	ONT
1069	Lê Văn Thành	Tân Quan	200,0	360	11	CLN	ONT
1070	Lê Thị Hồng Giang	Tân Quan	200,0	1263	2	CLN	ONT
1071	Trần Văn Viên	Tân Quan	200,0	298	4	CLN	ONT
1072	Trần Đại Thắng	Tân Quan	100,0	208	12	CLN	ONT
1073	Lê Thọ Chương	Tân Quan	400,0	71	18 (29 cũ)	CLN	ONT
1074	Phạm Quốc Hùng	Tân Quan	200,0	75	5	CLN	ONT
1075	Vũ Thị Bảy	Tân Quan	100,0	32	23 (34 cũ)	CLN	ONT
1076	Phạm Thị Nguyên	Tân Quan	400,0	205	18	CLN	ONT
1077	Trần Văn Tùng	Tân Quan	200,0	397	13	CLN	ONT
1078	Thiệu Quang Tuyền	Tân Quan	2.000,0	110	4	CLN	ONT
1079	Đặng Thị Loan	Tân Quan	500,0	14	25 (36 cũ)	CLN	ONT
1080	Nguyễn Văn Phá	Tân Quan	200,0	1682	2	CLN	ONT
1081	Trần Văn Toàn	Tân Quan	400,0	46	22	CLN	ONT
1082	Đoàn Văn Việt	Tân Quan	400,0	30	12 (22 cũ)	CLN	ONT
1083	Cao Văn Hùng	Tân Quan	200,0	1262	2	CLN	ONT
1084	Phạm Thị Hòa	Tân Quan	1.000,0	8	18 (29 cũ)	CLN	ONT
1085	Vũ Văn Phiên	Tân Quan	2.000,0	12	30	CLN	ONT

1086	Điêu Keo	Tân Quan	2.300,0	250	7	CLN	ONT
1087	Lê Thị Dịu	Tân Quan	300,0	565	2	CLN	ONT
1088	Phạm Thị Hòa	Tân Quan	400,0	328	11	CLN	ONT
1089	Nguyễn Năng Tuyền	Tân Quan	500,0	22	18	CLN	ONT
1090	Vũ Tuấn Anh	Tân Quan	300,0	195	18	CLN	ONT
1091	Trương Văn Sang	Tân Quan	200,0	1614	2	CLN	ONT
1092	Bùi Thị Thanh Vân	Thanh An	1.000,0	7	37	CLN	ONT
1093	Trần Đắc Ý	Thanh An	400,0	148	13	CLN	ONT
1094	Trần Văn Quý	Thanh An	600,0	21	22	CLN	ONT
1095	Hà Thu Cẩm	Thanh An	200,0	38	18	CLN	ONT
1096	Lê Sỹ Mười	Thanh An	200,0	374	28	CLN	ONT
1097	Đoàn Đình Hiệp	Thanh An	400,0	99	9	CLN	ONT
1098	Trần Đức Vân	Thanh An	1.500,0	163	2	CLN	ONT
1099	Nguyễn Văn Thanh	Thanh An	1.000,0	164	2	CLN	ONT
1100	Cao Văn Dũng	Thanh An	400,0	150	39	CLN	ONT
1101	Nguyễn Thị Vân	Thanh An	500,0	126	30	CLN	ONT
1102	Nguyễn Thị Thu Nga	Thanh An	400,0	231	36	CLN	ONT
1103	Nguyễn Thanh Lâm	Thanh An	400,0	52	28	CLN	ONT
1104	Nguyễn Thành Trung	Thanh An	400,0	504	11	CLN	ONT
1105	Trần Văn Ngọc	Thanh An	300,0	681	25	CLN	ONT
1106	Nguyễn Thị Nhập	Thanh An	200,0	85	9	CLN	ONT
1107	Nguyễn Sỹ Văn	Thanh An	200,0	177	33	CLN	ONT
1108	Võ Trọng Cường	Thanh An	100,0	55	20	CLN	ONT
1109	Võ Trọng Cường	Thanh An	200,0	246	4	CLN	ONT
1110	Thị Hứa	Thanh An	200,0	57	39	CLN	ONT
1111	Bùi Văn Linh	Thanh An	200,0	79	30	CLN	ONT
1112	Đỗ Thanh Mong	Thanh An	500,0	450	28	CLN	ONT
1113	Nguyễn Đức Vĩnh	Thanh An	200,0	185	19	CLN	ONT
1114	Lưu Quang Vinh	Thanh An	200,0	90	29	CLN	CLN
1115	Lê Văn Đua	Thanh An	200,0	483	28	CLN	ONT
1116	Lê Thanh Sỹ	Thanh An	200,0	39	20	CLN	ONT
1117	Nguyễn Văn Chung	Thanh An	200,0	142	13	CLN	ONT
1118	Đoàn Thị Loan	Thanh An	200,0	551	25	CLN	ONT
1119	Phạm Thị Vân	Thanh An	200,0	410	44	CLN	ONT
1120	Điêu Sơn	Thanh An	200,0	129	24	CLN	ONT
1121	Nguyễn Văn Quyên	Thanh An	200,0	62	37	CLN	ONT
1122	Hồ Thị Mít	Thanh An	100,0	231	30	CLN	ONT
1123	Đinh Sỹ Thắng	Thanh An	100,0	52	21	CLN	ONT
1124	Bùi Thị Thanh Lan	Thanh An	200,0	74	15	CLN	ONT
1125	Ngô Thị Nhiệm	Thanh An	200,0	198	10	CLN	ONT
1126	Lê Ngọc Hà	Thanh An	200,0	76	8	CLN	ONT
1127	Lê Văn Trường	Thanh An	200,0	496	4	CLN	ONT
1128	Huỳnh Thị Tuyết Mai	Thanh An	500,0	61	42	CLN	ONT
1129	Lê Thị Hoa Niên	Thanh An	100,0	5	31	CLN	ONT
1130	Nguyễn Việt Hồ	Thanh An	1.000,0	504	5	CLN	ONT
1131	Nguyễn Văn Chung	Thanh An	200,0	648	32	CLN	ONT
1132	Trương Hồng Sơn	Thanh An	200,0	214	24	CLN	ONT
1133	Nguyễn Đức Khanh	Thanh An	300,0	503	11	CLN	ONT
1134	Thiều Thị Xinh	Thanh An	200,0	60	20	CLN	ONT
1135	Ngô Thị Khương	Thanh An	100,0	14	29	CLN	ONT
1136	Trần Thị Thiện Thu	Thanh An	100,0	148	10	CLN	ONT
1137	Trần Quốc Dũng	Thanh An	100,0	644	32	CLN	ONT
1138	Lê Viết Cường	Thanh An	200,0	254	33	CLN	ONT
1139	Đinh Văn Tư	Thanh An	200,0	52	24	CLN	ONT
1140	Đỗ Thị Hồng Cẩm	Thanh An	100,0	590	42	CLN	ONT

1141	Đỗ Thị Hồng Cẩm	Thanh An	100,0	591	42	CLN	ONT
1142	Nguyễn Tuấn Phong	Thanh An	200,0	411	44	CLN	ONT
1143	Vương Thị Ngọc Minh	Thanh An	300,0	216	25	CLN	ONT
1144	Nguyễn Văn Tiến	Thanh An	500,0	600	4	CLN	ONT
1145	Nguyễn Minh Đức	Thanh An	400,0	287	11	CLN	ONT
1146	Nguyễn Văn Sy	Thanh An	1.100,0	79	13	CLN	ONT
1147	Đặng Văn Dương	Thanh An	1.000,0	98	15	CLN	ONT
1148	Vũ Văn Văn	Thanh An	400,0	306	11	CLN	ONT
1149	Nguyễn Văn Sài	Thanh An	400,0	409	42	CLN	ONT
1150	Nguyễn Văn Hữu	Thanh An	200,0	44	18	CLN	ONT
1151	Nguyễn Văn Hữu	Thanh An	200,0	45	18	CLN	ONT
1152	Nguyễn Thanh Tùng	Thanh An	200,0	472	11	CLN	ONT
1153	Bùi Thị Thủy	Thanh An	700,0	706	25	CLN	ONT
1154	Bùi Văn Đàm	Thanh An	400,0	717	4	CLN	ONT
1155	Nguyễn Hoài Hận	Thanh An	3.300,0	79	5	CLN	ONT
1156	Thị Nیا	Thanh An	2.000,0	5	38	CLN	ONT
1157	Thị Tha	Thanh An	700,0	312	44	CLN	ONT
1158	Nguyễn Văn Khương	Thanh An	4.000,0	372	5	CLN	ONT
1159	Nguyễn Văn Khương	Thanh An	1.200,0	374	5	CLN	ONT
1160	Huỳnh Văn Tây	Thanh An	2.900,0	137	32	CLN	ONT
1161	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thanh An	1.000,0	293	28	CLN	ONT
1162	Phạm Văn Văng	Thanh An	700,0	175	36	CLN	ONT
1163	Điều Xem	Thanh An	800,0	340	4	CLN	ONT
1164	Tổng Văn Vũ	Thanh An	200,0	321	32	CLN	ONT
1165	Trần Đới	Thanh An	100,0	538	32	CLN	ONT
1166	Phạm Văn Ngọc	Thanh An	100,0	283	42	CLN	ONT
1167	Nguyễn Minh Thức	Thanh An	800,0	333	44	CLN	ONT
1168	Trần Trọng Nghĩa	Thanh An	400,0	181	19	CLN	ONT
1169	Nguyễn Thị Phương Anh	Thanh An	500,0	163	15	CLN	ONT
1170	Nguyễn Thị Phương Anh	Thanh An	500,0	162	15	CLN	ONT
1171	Thạch Thị Tế Thanh	Thanh An	200,0	31	36	CLN	ONT
1172	Phan Thị Thanh Châu	Thanh An	200,0	132	16	CLN	ONT
1173	Trần Bá Khán	Thanh An	200,0	367	10	CLN	ONT
1174	Đoàn Thị Lan	Thanh An	200,0	551	25	CLN	ONT
1175	Phạm Thành Quý	Thanh An	100,0	228	33	CLN	ONT
1176	Trần Thị Bình	Thanh An	100,0	565	36	CLN	ONT
1177	Phan Thị Tình	Thanh An	200,0	175	30	CLN	ONT
1178	Đỗ Xuân Cảnh	Thanh An	200,0	560	32	CLN	ONT
1179	Lê Xuân Sỹ	Thanh An	500,0	21	22	CLN	ONT
1180	Nguyễn Hoàng Thái	Thanh An	300,0	56	5	CLN	ONT
1181	Phan Thành Lợi	Thanh An	300,0	215	19	CLN	ONT
1182	Phạm Tiến Dũng	Thanh Bình	1.000,0	9	26	CLN	ONT
1183	Điều Dui	Thanh Bình	200,0	459	23	CLN	ONT
1184	Nguyễn Hải Toàn	Thanh Bình	500,0	245	27	CLN	ONT
1185	Phạm Thị Kim Châu	Thanh Bình	400,0	91	35	CLN	ONT
1186	Trần Văn Tùng	Thanh Bình	200,0	93	30	CLN	ONT
1187	Trần Văn Tùng	Thanh Bình	200,0	97	30	CLN	ONT
1188	Nguyễn Văn Định	Thanh Bình	400,0	17	33	CLN	ONT
1189	Lê Thị Kim Vân	Thanh Bình	200,0	120	36	CLN	ONT
1190	Lê Thị Kim Vân	Thanh Bình	200,0	145	36	CLN	ONT
1191	Lê Văn Dũng	Thanh Bình	200,0	86	40	CLN	ONT
1192	Lê Văn Duy	Thanh Bình	200,0	87	40	CLN	ONT
1193	Nguyễn Văn Tiến	Thanh Bình	300,0	46	9	CLN	ONT
1194	Bùi Đăng Khoa	Thanh Bình	100,0	1267	14	CLN	ONT
1195	Bùi Đăng Khoa	Thanh Bình	100,0	1268	14	CLN	ONT

1196	Điều Ánh	Thanh Bình	200,0	57	16	CLN	ONT
1197	Phạm Đăng Anh	Thanh Bình	1.000,0	263	23	CLN	ONT
1198	Thị Hâm	Thanh Bình	200,0	439	23	CLN	ONT
1199	Nguyễn Văn Xiêm	Thanh Bình	300,0	11	31	CLN	ONT
1200	Trần Quốc Duẩn	Thanh Bình	1.000,0	43	9	CLN	ONT
1201	Thị Là Ne	Thanh Bình	400,0	459	23	CLN	ONT
1202	Nguyễn Thị Bé	Thanh Bình	200,0	223	27	CLN	ONT
1203	Lê Thị Mười	Thanh Bình	100,0	212	27	CLN	ONT
1204	Lý Thanh Tùng	Thanh Bình	600,0	135	27	CLN	ONT
1205	Điều Đô	Thanh Bình	400,0	246	28	CLN	ONT
1206	Điều Mo	Thanh Bình	200,0	150	28	CLN	ONT
1207	Trần Văn Quang	Thanh Bình	300,0	98	30	CLN	ONT
1208	Dương Văn Nở	Thanh Bình	400,0	26	33	CLN	ONT
1209	Trần Văn Minh	Thanh Bình	400,0	123	36	CLN	ONT
1210	Nguyễn Văn Cường	Thanh Bình	200,0	161	36	CLN	ONT
1211	Nguyễn Thị Thìn	Thanh Bình	400,0	128	42	CLN	ONT
1212	Điều Hảo	Thanh Bình	2.000,0	441	23	CLN	ONT
1213	Thị Hơ	Thanh Bình	1.000,0	55	29	CLN	ONT
III	Thành phố Đồng Xoài		121.635,4				
1	Trần Quang Hưng	Tân Thiện	150,0	142	46	CLN	ODT
2	Nguyễn Tuấn Anh	Tân Thiện	150,0	143	28	CLN	ODT
3	Nguyễn Thị Hoàng Lan	Tân Thiện	100,0	190	29	CLN	ODT
4	Trần Đình Phú	Tân Thiện	50,0	189	1	CLN	ODT
5	Lê Thị Hiền	Tân Thiện	300,0	463	1	CLN	ODT
6	Nguyễn Văn Lâm	Tân Thiện	50,0	363	10	CLN	ODT
7	Nguyễn Thị Bé	Tân Thiện	50,0	340	10	CLN	ODT
8	Hoàng Tý	Tân Thiện	120,0	52	33	CLN	ODT
9	Lại Thế Triu	Tân Thiện	200,0	121	54	CLN	ODT
10	Lê Công Đức	Tân Thiện	150,0	211a	55	CLN	ODT
11	Thái Quang Tuyển	Tân Thiện	150,0	135	63	CLN	ODT
12	Thạch Điều	Tân Thiện	200,0	17	9	Vườn	ODT
13	Đinh Văn Hòa	Tân Thiện	300,0	47	55	CLN	ODT
14	Nguyễn Thị Tâm Phương	Tân Thiện	300,0	686	1	CLN	ODT
15	Nguyễn Thị Tâm Phương	Tân Thiện	43,3	672	1	CLN	ODT
16	Nguyễn Thị Út	Tân Thiện	70,0	279	1	CLN	ODT
17	Phan Thiên Loan	Tân Thiện	300,0	147	1	CLN	ODT
18	Đào Thị Duyên	Tân Thiện	100,0	13	47	CLN	ODT
19	Đào Xuân Tiến	Tân Bình	300,0	1293	58	CLN	ODT
20	Đỗ Thị Ngọc Hương	Tân Bình	300,0	1076	57	CLN	ODT
21	Phạm Quang Huy cùng vợ Trương Nguyễn	Tân Bình	200,0	812	58	CLN	ODT
22	Nguyễn Văn Trường	Tân Bình	100,0	12	0	CLN	ODT
23	Nguyễn Văn Thúc	Tân Bình	150,0	119	6	CLN	ODT
24	Hoàng Đình Hồi	Tân Bình	50,0	812	57	CLN	ODT
25	Trần Văn Bảy	Tân Bình	300,0	727	65	CLN	ODT
26	Nguyễn Phúc Việt cùng sử dụng Nguyễn Thị Diễm Mỹ	Tân Bình	300,0	1067	4	CLN	ODT
27	Nguyễn Thị Diễm Mỹ	Tân Bình	300,0	1322	4	CLN	ODT
28	Nguyễn Thị Diễm Mỹ	Tân Bình	300,0	394	64	CLN	ODT
29	Nguyễn Thị Diễm Mỹ cùng sử dụng Nguyễn Phúc Việt	Tân Bình	300,0	357	7	CLN	ODT
30	Nguyễn Thị Diễm Mỹ	Tân Bình	300,0	1318	4	CLN	ODT

31	Nguyễn Thị Diễm Mỹ	Tân Bình	300,0	1316	4	CLN	ODT
32	Nguyễn Thị Diễm Mỹ	Tân Bình	300,0	1236	4	CLN	ODT
33	Nguyễn Thị Minh Hương	Tân Bình	120,0	990	4	CLN	ODT
34	Lưu Đức Tiến	Tân Bình	120,0	886	34	CLN	ODT
35	Lê Thế Hoàng Kha	Tân Bình	300,0	417	64	CLN	ODT
36	Nguyễn Thị Phụng	Tân Bình	100,0	463	64	CLN	ODT
37	Nguyễn Minh Hiếu	Tân Bình	250,0	213	64	CLN	ODT
38	Đỗ Đăng Tuyên	Tân Bình	67,4	103	16	CLN	ODT
39	Hồ Đắc Tiên cùng vợ Nguyễn Thị Thảo	Tân Bình	300,0	789	5	CLN	ODT
40	Trương Thy Tâm	Tân Bình	50,0	930	4	CLN	ODT
41	Nguyễn Phi Long	Tân Bình	50,0	672	34	CLN	ODT
42	Võ Thị Ngà	Tân Bình	160,0	384	7	CLN	ODT
43	Nguyễn Cửu Hải	Tân Bình	50,0	813	58	CLN	ODT
44	Đặng Minh Thạch	Tân Bình	200,0	145	2	CLN	ODT
45	Đặng Thị Minh Thương	Tân Bình	200,0	144	2	CLN	ODT
46	Đặng Thị Minh Thảo	Tân Bình	200,0	143	2	CLN	ODT
47	Đặng Thị Minh Thảo	Tân Bình	124,0	140	2	CLN	ODT
48	Tô Văn Hiếu	Tân Bình	300,0	691	58	CLN	ODT
49	Tô Văn Hiếu	Tân Bình	200,0	995	58	CLN	ODT
50	Nguyễn Hữu Lương	Tân Bình	100,0	928	57	CLN	ODT
51	Đỗ Trọng Tài	Tân Bình	150,0	45	30	CLN	ODT
52	Hồ Trường Phi cùng vợ Nguyễn Thị Thùy Linh	Tân Bình	50,0	478	64	CLN	ODT
53	Nguyễn Văn Trung	Tân Bình	100,0	1115	57	CLN	ODT
54	Nguyễn Xuân Hòa cùng vợ Nguyễn Thị Thúy	Tân Bình	100,0	1245	4	CLN	ODT
55	Nguyễn Thị Thanh Quyên	Tân Bình	240,0	925	65	CLN	ODT
56	Tạ Văn Tuấn	Tân Bình	300,0	103	7	CLN	ODT
57	Nguyễn Hữu Vinh	Tân Bình	93,5	1213	58	CLN	ODT
58	Lê Thị Tố Quyên	Tân Bình	100,0	124	77	CLN	ODT
59	Nguyễn Thìn Trung	Tân Bình	300,0	1199	58	CLN	ODT
60	Lê Công Tài	Tân Bình	150,0	808	58	CLN	ODT
61	Lê Công Tài	Tân Bình	300,0	269	58	CLN	ODT
62	Nguyễn Thị Hồng Thúy	Tân Bình	300,0	1317	58	CLN	ODT
63	Chu Thị Hà	Tân Bình	200,0	789	5	CLN	ODT
64	Lê Văn Chữ	Tân Bình	200,0	789	5	CLN	ODT
65	Nguyễn Văn Hiền cùng vợ Lê Thị Hiếu	Tân Bình	300,0	383	7	CLN	ODT
66	Nguyễn Văn Phú	Tân Bình	100,0	210	56	CLN	ODT
67	Phạm Thị Bích Thuận	Tân Bình	300,0	26	56	CLN	ODT
68	Trương Bá Đoàn	Tân Bình	1542,8	575	8	TSN	CLN
69	Nguyễn Hữu Văn	Tân Bình	300,0	1271	58	CLN	ODT
70	Đỗ Tuấn Em	Tân Phú	59,5	573	34	CLN	ODT
71	Nguyễn Thị Ngọc Hương	Tân Phú	50,0		33	CLN	ODT
72	Nguyễn Thị Ngọc Hương	Tân Phú	50,0		33	CLN	ODT
73	Huỳnh Tấn Đạt	Tân Phú	100,0	178	27	CLN	ODT
74	Lê Đình Thêm	Tân Phú	300,0	432a	19	CLN	ODT
75	Bùi Xuân Phóng	Tân Phú	99,2	64	30	CLN	ODT
76	Võ Thị Thùy Trang	Tân Phú	50,0	314	19	CLN	ODT
77	Nguyễn Văn Tiến	Tân Phú	100,0	225	9	CLN	ODT
78	Phan Sỹ Cường	Tân Phú	50,0	72k2	32	CLN	ODT
79	Trần Thị Lê	Tân Phú	40,0	122	31	CLN	ODT

80	Nguyễn Thanh Duy Khương	Tân Phú	200,0	676	15	CLN	ODT
81	Nguyễn Hiếu Liệu	Tân Phú	100,0	81	7	CLN	ODT
82	Đặng Xuân Thiệp	Tân Phú	260,0	675	15	CLN	ODT
83	Đặng Xuân Thiệp	Tân Phú	160,0	674	15	CLN	ODT
84	Nguyễn Thị Thu Hoài	Tân Phú	200,0	240	13	CLN	ODT
85	Nguyễn Đình Vương	Tân Xuân	300,0	471	18	CLN	ODT
86	Trần Văn Hà	Tân Xuân	100,0	226	17	CLN	ODT
87	Hoàng Thị Thảo	Tân Xuân	100,0	961	61	HNK	ODT
88	Nguyễn Văn Vàng	Tân Xuân	200,0	369	61	CLN	ODT
89	Nguyễn Văn Dành	Tân Xuân	300,0	285	67	CLN	ODT
90	Dương Ngọc Minh	Tân Xuân	80,0	997	09	CLN	ODT
91	Huỳnh Như Hề	Tân Xuân	50,0	927	09	CLN	ODT
92	Nguyễn Thị Mỹ Thoàn	Tân Xuân	50,0	410	09	CLN	ODT
93	Nguyễn Thị Thu Dung	Tân Xuân	100,0	327	1	CLN	ODT
94	Bùi Trọng Thoại	Tân Xuân	100,0	1565	09	CLN	ODT
95	Nguyễn Thị Huyền	Tân Xuân	300,0	18	69	HNK	ODT
96	Thân Văn Lành	Tân Xuân	50,0	895	66	CLN	ODT
97	Phan Thị Tân Hương	Tân Xuân	50,0	709	66	CLN	ODT
98	Văn Phú My	Tân Xuân	50,0	658	66	CLN	ODT
99	Lê Thanh Minh	Tân Xuân	60,0	433	62	CLN	ODT
100	Phan Thị Quả	Tân Xuân	50,0	389	62	CLN	ODT
101	Lê Bút	Tân Xuân	300,0	301	14	CLN	ODT
102	Lê Thị Mai Liên Lê Viết Thuận	Tân Xuân	30,0	234	03	HNK	ODT
103	Hồ Văn Tư Nguyễn Thị Duyên Anh	Tân Xuân	30,0	235	03	HNK	ODT
104	Nguyễn Thị Bảo Trần Châu	Tân Xuân	30,0	233	03	HNK	ODT
105	Phan Hoài Nam	Tân Xuân	400,0	1009	09	CLN	ODT
106	Phạm Văn Sách	Tân Xuân	300,0	241	17	CLN	ODT
107	Cao Ngọc Minh	Tân Xuân	80,0	111	62	Vườn	ODT
108	Nguyễn Mạnh Hà	Tân Xuân	250,0	208	17	CLN	ODT
109	Phạm Thị Minh Huệ	Tân Xuân	50,0	874	09	CLN	ODT
110	Phạm Thị Hương	Tân Xuân	500,0	385	6	CLN	TMD
111	Trần Thị Hoài Tâm	Tân Xuân	240,0	384	6	CLN	TMD
112	Nguyễn Trung Du	Tân Xuân	100,0	203	6	CLN	ODT
113	Nguyễn Phóng Hạ	Tân Xuân	50,0	1608	8	HNK	ODT
114	Lê Thị Hương	Tân Xuân	100,0	149	8	CLN	ODT
115	Nguyễn Ngô Phon	Tân Xuân	300,0	02		HNK	ODT
116	Vũ Văn Thành	Tân Xuân	150,0	192	17	CLN	ODT
117	Trương Thị Cẩm Tú	Tân Xuân	60,0	122	40	CLN	ODT
118	Thạch Thị Nân	Tân Xuân	100,0	1158	10	CLN	ODT
119	Đặng Văn Thụ	Tân Xuân	150,0	665	10	CLN	ODT
120	Đặng Văn Thụ	Tân Xuân	200,0	647	10	CLN	ODT
121	Lê Đăng Xuyên Quách Thị Mười	Tân Xuân	100,0	601	10	CLN	ODT
122	Trần Hoàng	Tân Xuân	60,0	142	39	CLN	ODT
123	Phạm Thị Thủy Linh	Tân Xuân	300,0	749	10	CLN	ODT
124	Ngô Thị Hối	Tân Xuân	300,0	57	62	CLN	ODT
125	Nguyễn Thị Tâm Phương	Tân Xuân	300,0	753	22	CLN	ODT
126	Nguyễn Thị Tâm Phương	Tân Xuân	300,0	758	22	CLN	ODT
127	Nguyễn Thị Tâm Phương	Tân Xuân	300,0	643	21	CLN	ODT
128	Đặng Văn Lành	Tân Xuân	300,0	560	21	CLN	ODT
129	Đỗ Văn Sơn	Tiến Thành	300,0	46	14	CLN	ODT

130	Hoàng Văn Vang	Tiến Thành	300,0	237	4	CLN	ODT
131	Đào Xuân Tiến	Tiến Thành	300,0	212	41	CLN	ODT
132	Đào Xuân Tiến	Tiến Thành	300,0	123	28	CLN	ODT
133	Mai Thị Luân	Tiến Thành	300,0	320	28	CLN	ODT
134	Nguyễn Văn Tèo	Tiến Thành	120,0	667	25	CLN	ODT
135	Trần Nho Ân	Tiến Thành	50,0	482	30	CLN	ODT
136	Nguyễn Đình Tuấn	Tiến Thành	300,0	254	45	CLN	ODT
137	Nguyễn Đình Lào	Tiến Thành	200,0	258	45	CLN	ODT
138	Nguyễn Đình Lào	Tiến Thành	300,0	259	45	CLN	ODT
139	Nguyễn Đình Lào	Tiến Thành	50,0	44	41	CLN	ODT
140	Vũ Thị Thúy	Tiến Thành	300,0	1	13	CLN	ODT
141	Nguyễn Thị Loan	Tiến Thành	70,0	181	31	CLN	ODT
142	Nguyễn Thị Ngọc Tú	Tiến Thành	200,0	164	17	CLN	ODT
143	Bùi Khắc Tấn	Tiến Thành	100,0	185	22	CLN	ODT
144	Hồ Văn Nam	Tiến Thành	300,0	1006	19	CLN	ODT
145	Lê Thị Kim Tiến	Tiến Thành	100,0	71	13	CLN	ODT
146	Đỗ Thị Mỹ Trinh	Tiến Thành	100,0	411	17	CLN	ODT
147	Nguyễn Thị Kim Liên	Tiến Thành	50,0	773	19	CLN	ODT
148	Nguyễn Thị Kim Liên	Tiến Thành	50,0	772	19	CLN	ODT
149	Lê Thị Hoa	Tiến Thành	300,0	19	41	CLN	ODT
150	Nguyễn Ngọc Thanh	Tiến Thành	300,0	144	29	CLN	ODT
151	Vũ Văn Khôi	Tiến Thành	300,0	47	18	CLN	ODT
152	Nguyễn Thị Hà	Tiến Thành	300,0	274	29	CLN	ODT
153	Cao Thị Minh Loan	Tiến Thành	60,0	34	25	CLN	ODT
154	Nguyễn Văn Lưu	Tiến Thành	300,0	51	6	CLN	ODT
155	Nguyễn Thương Thương	Tiến Thành	60,0	307	18	CLN	ODT
156	Nguyễn Thương Thương	Tiến Thành	140,0	299	18	CLN	ODT
157	Nguyễn Văn Nhân	Tiến Thành	300,0	382	20	CLN	ODT
158	Đỗ Quang Huân	Tiến Thành	200,0	466	24	CLN	ODT
159	Lê Đăng Hải	Tiến Thành	300,0	698	31	CLN	ODT
160	Nguyễn Trường Huy	Tiến Thành	100,0	99	13	CLN	ODT
161	Hoàng Thị Thìn	Tiến Thành	50,0	256	42	CLN	ODT
162	Trần Xuân Hùng	Tiến Thành	300,0	331	42	CLN	ODT
163	Đoàn Văn Tâm	Tiến Thành	100,0	1605	26	CLN	ODT
164	Lê Văn Huyền	Tiến Thành	100,0	281	42	CLN	ODT
165	Nguyễn Trường Thành	Tiến Thành	100,0	367	33	CLN	ODT
166	Lê Hồng Hợi	Tiến Thành	100,0	366	33	CLN	ODT
167	Đỗ Thị Vân	Tiến Thành	100,0	365	33	CLN	ODT
168	Phan Văn Sơn	Tiến Thành	300,0	1	-	CLN	ODT
169	Thái Bình Nguyên	Tiến Thành	50,2	1133	27	CLN	ODT
170	Đinh Thị Mai	Tiến Thành	100,0	383	20	CLN	ODT
171	Nguyễn Văn Phương	Tiến Thành	300,0	127	13	CLN	ODT
172	Lê Văn Mừng	Tiến Thành	100,0	195	24	CLN	ODT
173	Nguyễn Thị Thu Loan	Tiến Thành	300,0	18	41	CLN	ODT
174	Châu Hoàng Việt	Tiến Thành	300,0	135	21	CLN	ODT
175	Võ Thị Ngơ	Tiến Thành	300,0	136	21	CLN	ODT
176	Hàn Thị Thuận	Tiến Thành	300,0	495	21	CLN	ODT
177	Đào Thị Len	Tiến Thành	200,0	32	15	CLN	ODT
178	Nguyễn Thị Lý	Tiến Thành	80,0	325	21	CLN	ODT
179	Đoàn Thị Kim Dung	Tiến Thành	100,0	112	24	CLN	ODT
180	Lê Thị Kim Anh	Tiến Thành	150,0	391	17	CLN	ODT
181	Đặng Văn Quảng	Tiến Thành	300,0	126	21	CLN	ODT
182	Đặng Văn Hùng	Tiến Thành	250,0	65	6	CLN	ODT
183	Đặng Thị Hạnh	Tiến Thành	250,0	3	15	CLN	ODT
184	Nguyễn Văn Trường	Tiến Thành	100,0	11a2	31	CLN	ODT

185	Nguyễn Tùng Chinh	Tiến Thành	100,0	562	21	CLN	ODT
186	Nguyễn Hữu Thuận	Tiến Thành	50,0	370	33	CLN	ODT
187	Hà Hữu Phương	Tiến Thành	100,0	227	20	CLN	ODT
188	Lê Thị Hồng Thắm	Tiến Thành	200,0	64	21	CLN	ODT
189	Trần Thị Thanh Nga	Tiến Thành	100,0	94	2	CLN	ODT
190	Lê Thị Chung	Tiến Thành	83,3	257	42	CLN	ODT
191	Trương Quốc	Tiến Thành	300,0	242	17	CLN	ODT
192	Trương Quốc	Tiến Thành	300,0	273	17	CLN	ODT
193	Đoàn Thị Phượng	Tiến Thành	300,0	82	42	NTS	ODT
194	Đoàn Thị Phượng	Tiến Thành	300,0	61	42	NTS	ODT
195	Tổng Thị Hạnh (CN Trần Nam Khang)	Tiến Thành	300,0	535	42	CLN	ODT
196	Nguyễn Ngọc Tự	Tiến Thành	120,0	165	23	CLN	ODT
197	Hoàng Văn Sơn	Tiến Thành	71,3	238	4	CLN	ODT
198	Dương Văn Tới	Tiến Thành	300,0	8	45	CLN	ODT
199	Vũ Đức Văn	Tiến Thành	300,0	28	40	CLN	ODT
200	Đỗ Văn Tráng	Tiến Thành	50,0	319	28	CLN	ODT
201	Hà Phương Hạnh	Tiến Thành	75,0	95	22	CLN	ODT
202	Nguyễn Thanh Tường	Tiến Thành	300,0	30	20	CLN	ODT
203	Phạm Thị Bích Thuận	Tiến Thành	300,0	846	31	CLN	ODT
204	Đặng Đại Minh	Tiến Hưng	200,0	157	9	CLN	ONT
205	Lê Thị Thương	Tiến Hưng	200,0	476	5	CLN	ONT
206	Nguyễn Trọng Hiền	Tiến Hưng	100,0	1549	8	CLN	ONT
207	Nguyễn Xuân Hà	Tiến Hưng	50,0	713	15	CLN	ONT
208	Nguyễn Văn Sơn	Tiến Hưng	200,0	314	12	CLN	ONT
209	Trần Đình Tuấn Khôi	Tiến Hưng	100,0	1946	8	CLN	ONT
210	Nguyễn Thị Diễm Mỹ	Tiến Hưng	400,0	23	1	CLN	ONT
211	Đinh Thị Loan	Tiến Hưng	200,0	980	16	CLN	ONT
212	Hoàng Nguyễn Dương	Tiến Hưng	100,0	83	23	CLN	ONT
213	Nguyễn Văn Hưng	Tiến Hưng	750,0	1551	8	CLN	SKD
214	Đào Quang Học	Tiến Hưng	200,0	40	22	CLN	ONT
215	Đào Quang Học	Tiến Hưng	100,0	48	8	CLN	ONT
216	Phạm Thị Ươm	Tiến Hưng	50,0	1592	8	CLN	ONT
217	Nguyễn Duy Khang	Tiến Hưng	200,0	322	12	CLN	ONT
218	Hà Phước Tú	Tiến Hưng	200,0	1055	7	CLN	ONT
219	Lê Thị Diệu	Tiến Hưng	200,0	320	12	CLN	ONT
220	Nguyễn Duy Khang	Tiến Hưng	200,0	323	12	CLN	ONT
221	Hà Thiên Sơn	Tiến Hưng	200,0	319	12	CLN	ONT
222	Vũ Thị Hương	Tiến Hưng	150,0	166b	8	CLN	ONT
223	Lương Thị Phương	Tiến Hưng	100,0	2057	8	CLN	ONT
224	Trương Bá Lực	Tiến Hưng	100,0	1888	8	CLN	ONT
225	Nguyễn Thị Bích Phương	Tiến Hưng	200,0	163	3	CLN	ONT
226	Trần Văn Quyết	Tiến Hưng	100,0	831	7	CLN	ONT
227	Phạm Hữu Bách	Tiến Hưng	200,0	95	13	CLN	ONT
228	Lê Thị Thìn	Tiến Hưng	100,0	1550	8	CLN	ONT
229	Nguyễn Thị Bạch Mai	Tiến Hưng	100,0	10b3	23	CLN	ONT
230	Nguyễn Thị Bạch Mai	Tiến Hưng	100,0	10b1	23	CLN	ONT
231	Nguyễn Thị Bạch Mai	Tiến Hưng	100,0	10b4	23	CLN	ONT
232	Hà Thị Quyên	Tiến Hưng	400,0	2089	8	CLN	ONT
233	Hà Thị Quyên	Tiến Hưng	300,0	2092	8	CLN	ONT
234	Đoàn Quang Thuận	Tiến Hưng	300,0	2091	8	CLN	ONT
235	Đoàn Quang Thuận	Tiến Hưng	400,0	2090	8	CLN	ONT
236	Đoàn Quang Hoa	Tiến Hưng	250,0	2094	8	CLN	ONT
237	Vũ Thị Diệp	Tiến Hưng	400,0	2088	8	CLN	ONT
238	Vũ Thị Diệp	Tiến Hưng	250,0	2093	8	CLN	ONT

239	Trịnh Xuân Oánh	Tiến Hưng	100,0	2120	8	CLN	ONT
240	Đinh Thị Bám	Tiến Hưng	100,0	397	14	CLN	ONT
241	Nguyễn Ngọc Tài	Tiến Hưng	100,0	393	14	CLN	ONT
242	Nguyễn Ngọc Tú	Tiến Hưng	100,0	394	14	CLN	ONT
243	Quách Thị Sơn	Tiến Hưng	200,0	373	26	CLN	ONT
244	Nguyễn Thùy Dương	Tiến Hưng	192,8	396	14	CLN	ONT
245	Nguyễn Thùy Dương	Tiến Hưng	195,4	409	14	CLN	ONT
246	Nguyễn Thanh Tuấn	Tiến Hưng	100,0	447	5	CLN	ONT
247	Đào Quang Hợp	Tiến Hưng	200,0	198	27	CLN	ONT
248	Bùi Ngọc Trung	Tiến Hưng	20,0	195	23	CLN	ONT
249	Nguyễn Thị Búp	Tiến Hưng	300,0	667	8	CLN	ONT
250	Phạm Duy Hoàng	Tiến Hưng	400,0	1344	8	CLN	ONT
251	Phạm Duy Hải	Tiến Hưng	400,0	663	8	CLN	ONT
252	Phạm Duy Hải	Tiến Hưng	400,0	169	8	CLN	ONT
253	Phạm Văn Quyết	Tiến Hưng	100,0	280	8	CLN	ONT
254	Đàm Thị Mên	Tiến Hưng	100,0	63a	7	CLN	ONT
255	Nguyễn Văn Ngoạn	Tiến Hưng	50,0	657	7	CLN	ONT
256	Nguyễn Thị Thảo	Tiến Hưng	400,0	611	4	CLN	ONT
257	Hoàng Đình Thực	Tiến Hưng	400,0	612	4	CLN	ONT
258	Nguyễn Văn Hải	Tiến Hưng	400,0	98	15	CLN	ONT
259	Nguyễn Thị Thanh	Tiến Hưng	200,0	753	7	CLN	ONT
260	Nguyễn Thanh Tâm	Tiến Hưng	400,0	1492	6	CLN	ONT
261	Nguyễn Tiến Dũng	Tiến Hưng	250,0	1013	39	CLN	ONT
262	Đinh Quang Tổ	Tiến Hưng	400,0	1650	36	CLN	ONT
263	Nguyễn Hữu Bình	Tiến Hưng	400,0	160	9	CLN	ONT
264	Trương Hữu Lực	Tiến Hưng	200,0	301	7	CLN	ONT
265	Nguyễn Văn Hai	Tiến Hưng	200,0	192	16	CLN	ONT
266	Trương Bá Đoàn	Tiến Hưng	400,0	613	4	CLN	ONT
267	Mai Thị Thanh	Tiến Hưng	200,0	106	15	CLN	ONT
268	Nguyễn Khắc Hải	Tiến Hưng	400,0	631	8	CLN	ONT
269	Đoàn Thị Xương	Tiến Hưng	400,0	1915	8	CLN	ONT
270	Lưu Anh Tuấn	Tiến Hưng	250,0	179	16	CLN	ONT
271	Phạm Văn Chiến	Tiến Hưng	98,7	52	26	CLN	ONT
272	Lê Viết Hoài Phúc	Tiến Hưng	350,0	245	20	CLN	ONT
273	Nguyễn Thị Hà	Tiến Hưng	200,0	3		CLN	ONT
274	Nguyễn Hữu Tâm	Tiến Hưng	200,0	1183	7	CLN	ONT
275	Trịnh Hoàng Nam	Tiến Hưng	200,0	635	4	CLN	ONT
276	Nguyễn Đình Hải	Tiến Hưng	50,0	6	20	CLN	ONT
277	Lê Quang Ánh	Tiến Hưng	100,0	500	39	CLN	ONT
278	Đỗ Thị Thanh Nga	Tiến Hưng	100,0	590	15	CLN	ONT
279	Đỗ Thị Thanh Nga	Tiến Hưng	200,0	65	14	CLN	ONT
280	Trần Anh Sơn	Tiến Hưng	300,0	39b	22	CLN	ONT
281	Hoàng Ngọc Trường	Tiến Hưng	400,0	493	4	CLN	ONT
282	Lê Văn Cường	Tiến Hưng	200,0	803	8	CLN	ONT
283	Lưu Xuân Sang	Tiến Hưng	400,0	1886	8	CLN	ONT
284	Lã Đăng Đình	Tiến Hưng	100,0	1684	39	CLN	ONT
285	Khúc Trọng Đào	Tiến Hưng	400,0	222	2	CLN	ONT
286	Mai Thị Thanh	Tiến Hưng	400,0	181	15	CLN	ONT
287	Nguyễn Văn Thiện	Tiến Hưng	400,0	146	3	CLN	ONT
288	Phan Công Thức	Tiến Hưng	400,0	2016	8	CLN	ONT
289	Lê Đức Cường	Tiến Hưng	400,0	104	3	CLN	ONT
290	Lê Xuân Diệu	Tiến Hưng	400,0	105	3	CLN	ONT
291	Lê Thị Ngọc Diễm	Tiến Hưng	300,0	103	3	CLN	ONT
292	Trần Thị Yến	Tiến Hưng	300,0	214	2	CLN	ONT
293	Lê Thị Thu Vân	Tiến Hưng	400,0	624	6	HNK	ONT

294	Phan Văn Quyết	Tiến Hưng	150,0	180	16	CLN	ONT
295	Đỗ Thị Kim Loan	Tiến Hưng	300,0	130	3	CLN	ONT
296	Cao Công	Tiến Hưng	400,0	375	14	CLN	ONT
297	Lê Văn Trường	Tiến Hưng	400,0	891	8	CLN	ONT
298	Lê Văn Trường	Tiến Hưng	400,0	670	8	HNK	ONT
299	Đoàn Văn Quýt	Tiến Hưng	100,0	76b	1	CLN	ONT
300	Bùi Hữu Quang	Tiến Hưng	150,0	1249	6	CLN	ONT
301	Nguyễn Văn Nước	Tiến Hưng	400,0	561	23	CLN	ONT
302	Vũ Đức Tự Đào Thị Hát	Tiến Hưng	300,0	424	14	CLN	ONT
303	Lê Tiến Cà	Tiến Hưng	400,0	440	14	CLN	ONT
304	Nguyễn Văn Quân	Tiến Hưng	400,0	22	3	CLN	ONT
305	Nguyễn Văn Quân	Tiến Hưng	400,0	189	3	CLN	ONT
306	Lại Văn Phú	Tiến Hưng	400,0	1621	36	CLN	ONT
307	Hà Đình Nguyên	Tiến Hưng	230,0	172	24	CLN	ONT
308	Vũ Quyết Thắng	Tiến Hưng	400,0	556	15	CLN	ONT
309	Nguyễn Tuấn Hải	Tiến Hưng	400,0	777	5	CLN	ONT
310	Nguyễn Gia Vinh	Tân Thành	200,0	333	8	CLN	ONT
311	Hoàng Văn Ngừng	Tân Thành	100,0	780	6	CLN	ONT
312	Trần Thế Hùng	Tân Thành	100,0	105	16	CLN	ONT
313	Vũ Văn Chuyên	Tân Thành	400,0	160	18	CLN	ONT
314	Trịnh Xuân Thương	Tân Thành	400,0	30	11	CLN	ONT
315	Đặng Hồng Luyện	Tân Thành	400,0	37	21	CLN	ONT
316	Lê Văn Hiệp	Tân Thành	50,0	74	29	CLN	ONT
317	Nguyễn Thị Khuyên	Tân Thành	400,0	20	14	CLN	ONT
318	Nguyễn Tuấn Anh	Tân Thành	200,0	1341	18	CLN	ONT
319	Đàm Thị Ý	Tân Thành	400,0	15	11	CLN	ONT
320	Đặng Văn Mỹ	Tân Thành	300,0	332	22	CLN	ONT
321	Nguyễn Thị Linh	Tân Thành	200,0	492	6	CLN	ONT
322	Phạm Thị Bài	Tân Thành	400,0	190	27	CLN	ONT
323	Thiệu Quang Hữu	Tân Thành	400,0	43	27	CLN	ONT
324	Võ Quốc Tuấn	Tân Thành	100,0	326	12	CLN	ONT
325	Trần Quý Tâm	Tân Thành	150,0	399	6	CLN	ONT
326	Vũ Đức Lê	Tân Thành	197,4	1344	18	CLN	ONT
327	Lê Văn Thảo	Tân Thành	100,0	40	7	CLN	ONT
328	Bùi Văn Duân	Tân Thành	100,0	113	14	CLN	ONT
329	Nguyễn Văn Thoát	Tân Thành	400,0	461	10	CLN	ONT
330	Bùi Viết Hiến	Tân Thành	100,0	183	22	CLN	ONT
331	Trần Quý Công	Tân Thành	100,0	432	6	CLN	ONT
332	Trần Quý Lý	Tân Thành	100,0	450	6	CLN	ONT
333	Lê Văn Hương	Tân Thành	100,0	73	9	CLN	ONT
334	Phạm Thị Minh	Tân Thành	150,0	189	27	CLN	ONT
335	Nguyễn Văn Châu	Tân Thành	100,0	164	15	CLN	ONT
336	Nguyễn Văn Ngọc	Tân Thành	200,0	1305	18	CLN	ONT
337	Vũ Xuân Nam	Tân Thành	400,0	292	23	CLN	ONT
338	Giang Văn Tín	Tân Thành	100,0	21	19	CLN	ONT
339	Nguyễn Văn An	Tân Thành	200,0	126	17	CLN	ONT
340	Đoàn Trọng Nghĩa	Tân Thành	400,0	101	33	CLN	ONT
341	Đoàn Minh Thuận	Tân Thành	400,0	116	33	CLN	ONT
342	Đoàn Minh Thuận	Tân Thành	400,0	119	33	CLN	ONT
343	Đoàn Minh Chí	Tân Thành	400,0	100	33	CLN	ONT
344	Dương Việt Quốc	Tân Thành	400,0	183	2	CLN	ONT
345	Dương Thanh Phúc	Tân Thành	400,0	181	2	CLN	ONT
346	Đàm Thị Thanh Hương	Tân Thành	100,0	16	21	CLN	ONT
347	Thái Thị Thu	Tân Thành	400,0	1	30	CLN	ONT

348	Đoàn Khắc Thắng	Tân Thành	100,0	362	25	CLN	ONT
349	Trần Thị Hằng	Tân Thành	100,0	396	6	CLN	ONT
350	Nguyễn Hữu Hoàn	Tân Thành	100,0	0	0	CLN	ONT
351	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Tân Thành	400,0	119	28	CLN	ONT
352	Ngô Thị Thanh Bình	Tân Thành	400,0	118	28	CLN	ONT
353	Phạm Trùng Dương	Tân Thành	400,0	117	28	CLN	ONT
354	Phạm Thị Thu	Tân Thành	400,0	354	9	CLN	ONT
355	Lê Văn Chung	Tân Thành	400,0	206	11	CLN	ONT
356	Phạm Hoàng Oanh	Tân Thành	400,0	1039	10	CLN	ONT
357	Phạm Thị Thùy Linh	Tân Thành	400,0	1043	10	CLN	ONT
358	Thái Thị Minh Hiền	Tân Thành	400,0	1040	10	CLN	ONT
359	Bùi Thạch Nghin	Tân Thành	400,0	1037	10	CLN	ONT
360	Phạm Thị Thu Thủy	Tân Thành	400,0	1044	10	CLN	ONT
361	Phạm Thị Thu Thủy	Tân Thành	400,0	1035	10	CLN	ONT
362	Đỗ Khắc Ninh	Tân Thành	400,0	1045	10	CLN	ONT
363	Thái Thị Minh Tâm	Tân Thành	400,0	1036	10	CLN	ONT
364	Nguyễn Minh Đức	Tân Thành	400,0	1042	10	CLN	ONT
365	Thái Thượng Hoàng Huynh	Tân Thành	400,0	1038	10	CLN	ONT
366	Nguyễn Gia Phú	Tân Thành	400,0	1041	10	CLN	ONT
367	Nguyễn Thịn Bảy	Tân Thành	300,0	584	25	CLN	ONT
368	Trần Thế Phong	Tân Thành	400,0	407	29	CLN	ONT
369	Nguyễn Thị Bình Yên Bùi Văn Thắng	Tân Thành	300,0	341	10	CLN	ONT
370	Bùi Thị Sừ	Tân Thành	400,0	86	9	CLN	ONT
371	Lê Thị Ngọc Hạnh	Tân Thành	400,0	57	2	CLN	ONT
372	Phạm Văn Long	Tân Thành	400,0	4	11	CLN	ONT
373	Nguyễn Xuân Thương	Tân Đồng	300,0	898	16	CLN	ODT
374	Vũ Văn Ánh	Tân Đồng	200,0	211	26	CLN	ODT
375	Dương Thị Phúc Em	Tân Đồng	200,0	364	5	CLN	ODT
376	Đoàn Bình Trọng	Tân Đồng	100,0	96	29	CLN	ODT
377	Đoàn Thị Tâm	Tân Đồng	100,0	95	29	CLN	ODT
378	Nguyễn Văn Bình	Tân Đồng	100,0	19c	26	CLN	ODT
379	Dương Thị Thanh Huyền	Tân Đồng	200,0	93	15	CLN	ODT
380	Nguyễn Thị Hòa	Tân Đồng	200,0	977	15	CLN	ODT
381	Tạ Quang Phước	Tân Đồng	100,0	35e	5	CLN	ODT
382	Đào Văn Ninh	Tân Đồng	100,0	866	8	CLN	ODT
383	Lê Văn Vịnh	Tân Đồng	200,0	158	16	CLN	ODT
384	Phí Quang Hà	Tân Đồng	300,0	157	20	CLN	ODT
385	Hoàng Văn Kiên	Tân Đồng	50,0	548	20	CLN	ODT
386	Lê Thị Vân	Tân Đồng	50,0	855	8	CLN	ODT
387	Cao Hữu Thiết	Tân Đồng	100,0	934	16	CLN	ODT
388	Đoàn Bình trọng	Tân Đồng	100,0	137	74	CLN	ODT
389	Bùi Văn Ngọc	Tân Đồng	200,0	381	15	CLN	ODT
390	Lưu Văn Triệu	Tân Đồng	300,0	338	5	CLN	ODT
391	Nguyễn Thị Huyền	Tân Đồng	100,0	856	8	CLN	ODT
392	Hoàng Văn Xuân	Tân Đồng	300,0	517	16	CLN	ODT
393	Phan Văn Huân	Tân Đồng	200,0	263	4	HNK	ODT
394	Vũ Thị Chuyển	Tân Đồng	100,0	650	15	CLN	ODT
395	Vương Thị Tâm	Tân Đồng	200,0	875	8	CLN	ODT
396	Vương Thị Tâm	Tân Đồng	200,0	874	8	CLN	ODT
397	Lê Xuân Tụ	Tân Đồng	100,0	881	8	CLN	ODT
398	Nguyễn Trùng Dương	Tân Đồng	100,0	180	4	CLN	ODT
399	Lê Thanh Hải	Tân Đồng	100,0	878	5	CLN	ODT
400	Lê Thanh Hải	Tân Đồng	100,0	879	5	CLN	ODT

401	Đào Tiến Đạt	Tân Đồng	100,0	859	5	CLN	ODT
402	Hoàng Quốc Vương	Tân Đồng	100,0	877	8	CLN	ODT
403	Nguyễn Tiến Hải	Tân Đồng	100,0	747	15	CLN	ODT
404	Nguyễn Thị Huyền	Tân Đồng	60,0	809	8	CLN	ODT
405	Trần Văn Tùng	Tân Đồng	100,0	873	8	CLN	ODT
406	Nguyễn Thị Thúy	Tân Đồng	100,0	58b	26	CLN	ODT
407	Lưu Ngọc Quân	Tân Đồng	60,0	890	16	CLN	ODT
408	Phạm Thành Trung	Tân Đồng	100,0	505	16	CLN	ODT
409	Lưu Thị Huế	Tân Đồng	50,0	516	18	CLN	ODT
410	Nguyễn Thành Chung	Tân Đồng	150,0	519	5	CLN	ODT
411	Nguyễn Thị Hòa	Tân Đồng	100,0	977	15	CLN	ODT
412	Dương Thị Huyền	Tân Đồng	100,0	93	15	CLN	ODT
413	Nguyễn Hữu Thọ	Tân Đồng	50,0	251	4	CLN	ODT
414	Trịnh Thị Mỹ Hạnh	Tân Đồng	250,0	526	20	CLN	ODT
415	Phạm Thị Tuyết	Tân Đồng	100,0	384d2	15	CLN	ODT
416	Phạm Thị Tuyết	Tân Đồng	100,0	202	18	CLN	ODT
417	Phạm Thị Việt	Tân Đồng	300,0	565	9	CLN	ODT
418	Nguyễn Phương Trung	Tân Đồng	200,0	228	4	CLN	ODT
419	Nguyễn Phương Trung	Tân Đồng	300,0	127	4	CLN	ODT
420	Nguyễn Sĩ Đức	Tân Đồng	100,0	320	26	CLN	ODT
421	Nguyễn Sĩ Đức	Tân Đồng	100,0	527	26	CLN	ODT
422	Nguyễn Hữu Hùng	Tân Đồng	59,8	856	16	CLN	ODT
423	Vũ Đức Long	Tân Đồng	60,0	854	16	CLN	ODT
424	Trần Thị Nhung	Tân Đồng	100,0	263	4	CLN	ODT
425	Nguyễn Thị Tư	Tân Đồng	200,0	193	11	CLN	ODT
426	Nguyễn Thanh Phong	Tân Đồng	300,0	308	20	CLN	ODT
427	Nguyễn Hữu Thành	Tân Đồng	300,0	381	5	CLN	ODT
428	Nguyễn Thanh Châm	Tân Đồng	100,0	786	8	CLN	ODT
429	Võ Văn Sơn	Tân Đồng	50,0	362	4	CLN	ODT
430	Võ Thị Thu Hà	Tân Đồng	300,0	533	5	CLN	ODT
431	Nguyễn Xuân Hòa	Tân Đồng	300,0	105	16	CLN	ODT
432	Lê Thị Mười	Tân Đồng	50,0	131	16	CLN	ODT
433	Kiều Hữu Quang	Tân Đồng	60,0	376	16	CLN	ODT
434	Lê Văn Vịnh	Tân Đồng	200,0	158	16	CLN	ODT
435	Nguyễn Thị Phương	Tân Đồng	80,0	500	16	CLN	ODT
436	Huỳnh Công Loan	Tân Đồng	100,0	883	8	CLN	ODT
437	Huỳnh Công Loan	Tân Đồng	100,0	882	8	CLN	ODT
438	Lê Minh Tuấn	Tân Đồng	60,0	530	18	CLN	ODT
439	Trần Thị Hiền Giang	Tân Đồng	300,0	126	26	CLN	ODT
440	Nguyễn Trọng Vũ	Tân Đồng	100,0	868	16	CLN	ODT
441	Dương Tấn Dũng	Tân Đồng	150,0	1176	15	CLN	ODT
442	Bùi Như Lạc	Tân Đồng	100,0	109a	26	CLN	ODT
443	Nguyễn Đình Diệm	Tân Đồng	200,0	58	26	CLN	ODT
444	Đình Văn Tình	Tân Đồng	100,0	58d	26	CLN	ODT
445	Nguyễn Thị Thanh Hồng	Tân Đồng	300,0	335	10	CLN	ODT
446	Vũ Thị Nết	Tân Đồng	50,0	559	16	CLN	ODT
447	Đỗ Tấn Lự	Tân Đồng	100,0	157	12	CLN	ODT
448	Hứa Thị Hiền	Tân Đồng	100,0	344	6	CLN	ODT
449	Phạm Thị Thủy	Tân Đồng	100,0	276	10	CLN	ODT
450	Trương Duy Hoàng	Tân Đồng	100,0	387	5	CLN	ODT
451	Nguyễn Tiến Dũng	Tân Đồng	300,0	326	6	CLN	ODT
452	Phạm Cường	Tân Đồng	300,0	323	6	CLN	ODT
453	Phạm Tuấn Anh	Tân Đồng	190,0	328	6	CLN	ODT
454	Nguyễn Văn Lại	Tân Đồng	300,0	317	6	CLN	ODT
455	Nguyễn Anh Tuấn	Tân Đồng	300,0	319	6	CLN	ODT

456	Lê Quang Hường	Tân Đồng	300,0	325	6	CLN	ODT
457	Trần Văn Thọ	Tân Đồng	300,0	327	6	CLN	ODT
458	Nguyễn Thị Thanh Loan	Tân Đồng	300,0	321	6	CLN	ODT
459	Nguyễn Thị Băng Thanh	Tân Đồng	200,0	318	6	CLN	ODT
460	Nguyễn Huyền Nhung	Tân Đồng	100,0	332	6	CLN	ODT
461	Hồ Viết Bằng	Tân Đồng	300,0	324	6	CLN	ODT
462	Phan Thị Hồng Nhung	Tân Đồng	100,0	331	6	CLN	ODT
463	Trần Thị Minh Anh	Tân Đồng	300,0	322	6	CLN	ODT
464	Bùi Thị Linh	Tân Đồng	200,0	329	6	CLN	ODT
465	Đào Hồng Yến	Tân Đồng	200,0	330	6	CLN	ODT
466	Phạm Văn Duy	Tân Đồng	200,0	334	6	CLN	ODT
467	Nguyễn Sĩ Đức	Tân Đồng	150,0	527	26	CLN	ODT
468	Phạm Văn Hùng	Tân Đồng	250,0	320	26	CLN	ODT
469	Đinh Văn Tạ	Tân Đồng	250,0	524	26	SKC	ODT
470	Nguyễn Thị Băng Thanh	Tân Đồng	300,0	320	6	CLN	ODT
471	Cao Xuân Tiêm	Tân Đồng	300,0	53	2	CLN	ODT
472	Trương Thị Quyên	Tiến Hưng	400,0	2110	8	CLN	ONT
473	Hà Huy Diêm và Vũ Thị Loan	Tiến Hưng	300,0	493	5	CLN	ONT
474	Hà Huy Diêm	Tiến Hưng	400,0	389	37	CLN	ONT
475	Nguyễn Văn Thành	Tiến Hưng	400,0	0	0	CLN	ONT
476	Lê Thị Vy	Tiến Hưng	400,0	102	8	CLN	ONT
477	Đinh Thị Loan	Tiến Hưng	400,0	980	16	CLN	ONT
478	Đinh Thị Thu Hằng	Tiến Hưng	400,0	892	16	CLN	ONT
479	Lê Thị Thu Vân	Tiến Hưng	400,0	1545	8	CLN	ONT
480	Phan Thị Hồng	Tiến Hưng	400,0	120	16	CLN	ONT
481	Nguyễn Văn Vân	Tiến Hưng	400,0	220	29	CLN	ONT
482	Đàm Thị Nguyệt	Tiến Hưng	400,0	345	12	CLN	ONT
483	Đàm Thị Phương	Tiến Hưng	400,0	344	12	CLN	ONT
484	Đàm Văn Toàn	Tiến Hưng	400,0	342	12	CLN	ONT
485	Đàm Văn Sáng	Tiến Hưng	400,0	343	12	CLN	ONT
486	Đàm Thị Kíp	Tiến Hưng	400,0	341	12	CLN	ONT
487	Trần Ngọc Hữu	Tiến Hưng	400,0	36	2	CLN	ONT
488	Nguyễn Văn Sơn	Tiến Hưng	400,0	359	4	CLN	ONT
489	Nguyễn Thị Huyền	Tân Thành	400,0	182	2	CLN	ONT
490	Dương Quốc Việt	Tân Thành	400,0	183	2	CLN	ONT
491	Dương Thanh Phúc	Tân Thành	400,0	181	2	CLN	ONT
492	Nguyễn Văn Dũng	Tân Thành	400,0	566	9	CLN	ONT
493	Lê Đình Minh	Tân Thành	400,0	482	12	CLN	ONT
494	Nguyễn Văn Út	Tân Bình	300,0	260	7	CLN	ODT
495	Nguyễn Thị Dung	Tân Bình	250,0	623	65	CLN	ODT
496	Nguyễn Thị Hoa	Tân Bình	250,0	620	65	CLN	ODT
497	Nguyễn Đình Thúc	Tân Bình	300,0	473	64	CLN	ODT
498	Nguyễn Thành Nhân	Tân Bình	300,0	373	7	CLN	ODT
499	Nguyễn Văn Thảo	Tân Bình	150,0	336	8	CLN	ODT
500	Nguyễn Thanh Luông	Tân Bình	300,0	576	65	CLN	ODT
501	Ngô Đình Thương	Tân Bình	300,0	351	7	CLN	ODT
502	Nguyễn Thị Minh Hương	Tân Bình	121,0	990	4	CLN	ODT
503	Nguyễn Thị Thúy	Tân Bình	200,0	1338	4	CLN	ODT
504	Nguyễn Thị Thảo	Tân Bình	100,0	1259	4	CLN	ODT
505	Phạm Thị Hà	Tân Bình	200,0	790	5	CLN	ODT
506	Hồ Đắc Tiên	Tân Bình	200,0	791	5	CLN	ODT
507	Nguyễn Thị Diễm Mỹ cùng sử dụng đất với ông Nguyễn Phúc Lợi	Tân Bình	300,0	1236	4	CLN	ODT

508	Huỳnh Ngọc Khanh	Tân Bình	300,0	1017	4	CLN	ODT
509	Huỳnh Ngọc Khanh	Tân Bình	300,0	1019	4	CLN	ODT
510	Nguyễn Thị Chuyên	Tân Bình	50,0	37	28	CLN	ODT
511	Nguyễn Bá Quý	Tân Bình	24,4	28	76	CLN	ODT
512	Trần Tấn Hiền và bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Tân Bình	140,0	65	8	CLN	ODT
513	Nguyễn Văn Hữu	Tân Bình	40,0	130	36	CLN	ODT
514	Nguyễn Thị Anh Thu	Tân Bình	100,0	1212	58	CLN	ODT
515	Nguyễn Tuấn Anh	Tân Bình	100,0	1214	58	CLN	ODT
516	Lê Thị Trà Giang	Tân Bình	300,0	263	7	CLN	ODT
517	Phạm Tuấn Anh	Tân Bình	100,0	653	4	CLN	ODT
518	Nguyễn Ngọc Khiên	Tân Bình	200,0	816	5	CLN	ODT
519	Trần Xuân Hoàng vợ Lê Thị Chinh	Tân Phú	100,0	627	19	CLN	ODT
520	Nguyễn Văn Thương vợ Nguyễn Thị Phương	Tân Phú	50,0	320	9	CLN	ODT
521	Nguyễn Đức Hiếu	Tân Phú	200,0	345	3	CLN	ODT
522	Lưu Mỹ Hình	Tân Phú	300,0	84	19	CLN	ODT
523	Trần Đức Nguyên vợ Vũ Thị Thanh Thu	Tân Phú	300,0	85	19	CLN	ODT
524	Võ Văn Giang	Tân Phú	40,0	546	28	CLN	ODT
525	Nguyễn Thị Nga	Tân Phú	60,0	174	7	CLN	ODT
526	Trần Xuân Toàn	Tân Phú	100,0	14c	31	CLN	ODT
527	Trần Thị Mai Phương	Tân Phú	300,0	150	17	CLN	ODT
528	Công ty TNHH MTV Happy Garden BP	Tân Đồng	8.141,0	162	2	ODT+CLN	SKC
529	Đoàn Thị Mỹ Lương	Tân Đồng	100,0	534	12	CLN	ODT
530	Vũ Minh Thanh	Tân Đồng	100,0	95	24	CLN	ODT
531	Bùi Hán Thăng	Tân Đồng	100,0	231	26	CLN	ODT
532	Hoàng Quốc Huy	Tân Đồng	100,0	114	35	CLN	ODT
533	Cao Thị Liên	Tân Đồng	60,0	980	16	CLN	ODT
534	Nguyễn Công Khương	Tân Đồng	60,0	598	16	CLN	ODT
535	Phạm Văn Cảnh	Tân Đồng	300,0	297	9	CLN	ODT
536	Nguyễn Thị Mạnh	Tân Đồng	60,0	972	16	CLN	ODT
537	Trần Thị Dung	Tân Đồng	100,0	Thừa 59 tờ số 8 bản đồ mới			ODT
538	Nguyễn Văn Linh	Tân Đồng	60,0	534	16	CLN	ODT
539	Trần Văn Tiêm	Tân Đồng	100,0	636	16	CLN	ODT
540	Hà Đức Hoàn	Tân Đồng	100,0	684	16	CLN	ODT
541	Nguyễn Thị Hồng Loan	Tân Đồng	50,0				ODT
542	Nguyễn Hoàng Vinh	Tân Đồng	300,0	401	16	CLN	ODT
543	Trần Trọng Lưu	Tân Đồng	100,0	217	4	CLN	ODT
544	Trần Trọng Lưu	Tân Đồng	100,0	220	4	CLN	ODT
545	Nguyễn Thị Mai	Tân Đồng	300,0	Thừa 91 tờ số 6 bản đồ mới			ODT
IV	Huyện Đồng Phú		1.311.734,6				
1	Lê Văn Cường	Đồng Tâm	200,0	13	8	CLN	ONT
2	Phan Xuân Thu	Đồng Tâm	100,0	2	11	CLN	ONT
3	Phan Xuân Thu	Đồng Tâm	200,0	3	11	CLN	ONT
4	Vũ Quốc Tiến	Đồng Tâm	200,0	12	11	CLN	ONT
5	Phan Văn Diệu	Đồng Tâm	200,0	65	12	CLN	ONT
6	Hoàng Công Duy	Đồng Tâm	500,0	79	12	CLN	ONT
7	Nguyễn Huy Thủy	Đồng Tâm	200,0	116	12	CLN	ONT
8	Nguyễn Huy Thủy	Đồng Tâm	200,0	117	12	CLN	ONT

9	Nguyễn Đăng Trục	Đồng Tâm	100,0	10	18	CLN	ONT
10	Lê Thị Thanh Thủy	Đồng Tâm	100,0	11	18	CLN	ONT
11	Phạm Thị Lệ Hoa	Đồng Tâm	300,0	51	18	CLN	ONT
12	Trần Đức Bình	Đồng Tâm	100,0	54	18	CLN	ONT
13	Phan Văn Ngọc	Đồng Tâm	200,0	57	18	CLN	ONT
14	Trương Công Thành	Đồng Tâm	200,0	36	19	CLN	ONT
15	Nguyễn Văn Phụng	Đồng Tâm	400,0	118	19	CLN	ONT
16	Lê Thị Vân	Đồng Tâm	100,0	14	27	CLN	ONT
17	Lê Văn Hùng	Đồng Tâm	200,0	29	27	CLN	ONT
18	Nguyễn Thị Kim Oanh	Đồng Tâm	200,0	89	27	CLN	ONT
19	Võ Thị Kim Thanh	Đồng Tâm	101,0	101	27	CLN	ONT
20	Đỗ Quốc Trường	Đồng Tâm	200,0	168	27	CLN	ONT
21	Ngô Văn Kiên	Đồng Tâm	200,0	207	27	CLN	ONT
22	Hà Văn Sơn	Đồng Tâm	150,0	226	27	CLN	ONT
23	Hà Thị Hào	Đồng Tâm	200,0	227	27	CLN	ONT
24	Hà Văn Hùng	Đồng Tâm	300,0	228	27	CLN	ONT
25	Phạm Xuân Thiên	Đồng Tâm	100,0	7	28	CLN	ONT
26	Đỗ Thị Thoan	Đồng Tâm	300,0	17	28	CLN	ONT
27	Trần Thị Sơn	Đồng Tâm	200,0	66	28	CLN	ONT
28	Nguyễn Ngọc Hùng	Đồng Tâm	200,0	77	28	CLN	ONT
29	Trần Anh Tuấn	Đồng Tâm	200,0	87	28	CLN	ONT
30	Lương Công Minh	Đồng Tâm	400,0	6	29	CLN	ONT
31	Lâm Thị Nương	Đồng Tâm	100,0	23	34	CLN	ONT
32	Nguyễn Văn Tí	Đồng Tâm	200,0	24	34	CLN	ONT
33	Vũ Văn Chiến	Đồng Tâm	400,0	73	34	CLN	ONT
34	Vy Văn Cấp	Đồng Tâm	400,0	89	34	CLN	ONT
35	Nguyễn Thanh Phong	Đồng Tâm	100,0	272	34	CLN	ONT
36	Phạm Thị Hiền	Đồng Tâm	100,0	323	34	CLN	ONT
37	Trương Ngọc Hải	Đồng Tâm	100,0	324	34	CLN	ONT
38	Đặng Thị Hoa	Đồng Tâm	100,0	325	34	CLN	ONT
39	Trần Thị Thanh Xuân	Đồng Tâm	200,0	332	34	CLN	ONT
40	Vũ Văn Tình	Đồng Tâm	100,0	231	38	CLN	ONT
41	Vũ Văn Tình	Đồng Tâm	100,0	232	38	CLN	ONT
42	Nguyễn Hữu Tài	Đồng Tâm	100,0	243	38	CLN	ONT
43	Vũ Thành Nam	Đồng Tâm	200,0	244	38	CLN	ONT
44	Võ Thị Mai Thật	Đồng Tâm	400,0	5	39	CLN	ONT
45	Nguyễn Công Khánh	Đồng Tâm	100,0	57	39	CLN	ONT
46	Bùi Văn Long	Đồng Tâm	400,0	71	39	CLN	ONT
47	Hà Tuấn Vũ	Đồng Tâm	300,0	82	39	CLN	ONT
48	Dương Thị Diễm My	Đồng Tâm	200,0	200	39	CLN	ONT
49	Nguyễn Công Khánh	Đồng Tâm	100,0	202	39	CLN	ONT
50	Lê Quí	Đồng Tâm	300,0	66	42	CLN	ONT
51	Hoàng Phước Minh	Đồng Tâm	500,0	71	42	CLN	ONT
52	Hoàng Phước Minh	Đồng Tâm	500,0	72	42	CLN	ONT
53	Hoàng Phước Minh	Đồng Tâm	500,0	73	42	CLN	ONT
54	Hoàng Phước Minh	Đồng Tâm	200,0	74	42	CLN	ONT
55	Hoàng Phước Minh	Đồng Tâm	400,0	75	42	CLN	ONT
56	Dương Văn Dế	Đồng Tâm	400,0	76	42	CLN	ONT
57	Hà Phước Hòa	Đồng Tâm	400,0	77	42	CLN	ONT
58	Huỳnh Tấn Xong	Đồng Tâm	400,0	26	43	CLN	ONT
59	Trần Thị Hà	Đồng Tâm	100,0	29	43	CLN	ONT
60	Phan Văn Ngọc	Đồng Tâm	97,4	40	43	CLN	ONT
61	Hà Văn quyền	Đồng Tâm	250,0	143	43	CLN	ONT
62	Hà Văn quyền	Đồng Tâm	250,0	144	43	CLN	ONT
63	Trần Minh Hải	Đồng Tâm	250,0	145	43	CLN	ONT

64	Trần Minh Hải	Đồng Tâm	250,0	146	43	CLN	ONT
65	Nguyễn Phước Ngời	Đồng Tâm	100,0	48	46	CLN	ONT
66	Bùi Thị Lan	Đồng Tâm	200,0	88	46	CLN	ONT
67	Đặng Văn An	Đồng Tâm	100,0	21	47	CLN	ONT
68	Nguyễn Văn Tuấn	Đồng Tâm	200,0	47	47	CLN	ONT
69	Nguyễn Văn Tuấn	Đồng Tâm	200,0	48	47	CLN	ONT
70	Bùi Xuân Tinh	Đồng Tâm	100,0	46	48	CLN	ONT
71	Trương Xuân Hùng	Đồng Tâm	200,0	93	48	CLN	ONT
72	Trần Thị Thanh Trúc	Đồng Tâm	100,0	122	48	CLN	ONT
73	Trương Thị Đức	Đồng Tâm	100,0	126	48	CLN	ONT
74	Nguyễn Văn Yên	Đồng Tâm	150,0	132	48	CLN	ONT
75	Bùi Văn Hoan	Đồng Tâm	200,0	155	48	CLN	ONT
76	Nguyễn Thị Hào	Đồng Tâm	2.000,0	161	48	CLN	ONT
77	Bùi Thị Thanh Quyên	Đồng Tâm	100,0	190	48	CLN	ONT
78	Nguyễn Văn Nhí	Đồng Tâm	300,0	43	49	CLN	ONT
79	Chung Thị Mỹ Nhung	Đồng Tâm	100,0	80	49	CLN	ONT
80	Nguyễn Như Tuấn	Đồng Tâm	400,0	5	50	CLN	ONT
81	Trần Văn Bình	Đồng Tâm	300,0	75	50	CLN	ONT
82	Phan Thanh Tài	Đồng Tâm	200,0	18	51	CLN	ONT
83	Nguyễn Văn Chiến	Đồng Tâm	100,0	31	51	CLN	ONT
84	Vũ Văn Sang	Đồng Tâm	200,0	33	51	CLN	ONT
85	Trương Phan Khang	Đồng Tâm	200,0	49	51	CLN	ONT
86	Trần Hữu Đức	Đồng Tâm	100,0	86	51	CLN	ONT
87	Phạm Thị Lan	Đồng Tâm	85,0	93	51	CLN	ONT
88	Đinh Văn Cẩn	Đồng Tâm	100,0	130	51	CLN	ONT
89	Nguyễn Văn Nam	Đồng Tâm	100,0	134	51	CLN	ONT
90	Ngô Trường Giang	Đồng Tâm	300,0	151	51	CLN	ONT
91	Phạm Thị Thu Phương	Đồng Tâm	100,0	195	51	CLN	ONT
92	Võ Thị Cương	Đồng Tâm	200,0	242	51	CLN	ONT
93	Hà Ngọc Hòa	Đồng Tâm	200,0	243	51	CLN	ONT
94	Vũ Văn Kính	Đồng Tâm	200,0	36	52	CLN	ONT
95	Lê Đình Châu	Đồng Tâm	1.500,0	55	52	CLN	ONT
96	Vũ Thanh Diệp	Đồng Tâm	2.000,0	59	52	CLN	ONT
97	Lê Bá Tương	Đồng Tâm	400,0	60	52	CLN	ONT
98	Nguyễn Thị Phượng	Đồng Tâm	1.500	62	52	CLN	ONT
99	Lê Khắc Trung	Đồng Tâm	100,0	67	52	CLN	ONT
100	Nguyễn Thị Hồng	Đồng Tâm	200,0	112	52	CLN	ONT
101	Hồ Trọng Phương	Đồng Tâm	100,0	118	52	CLN	ONT
102	Lê Thị Hoa	Đồng Tâm	100,0	162	52	CLN	ONT
103	phạm Quốc Cường	Đồng Tâm	400,0	168	52	CLN	ONT
104	Nguyễn Văn Trường	Đồng Tâm	2.500,0	6	53	CLN	ONT
105	Trần Xuân Bình	Đồng Tâm	400,0	28	53	CLN	ONT
106	Lê Trọng Nhuận	Đồng Tâm	200,0	93	53	CLN	ONT
107	Nguyễn Đức Tài	Đồng Tâm	300,0	94	53	CLN	ONT
108	Nguyễn Hữu Thành	Đồng Tâm	300,0	95	53	CLN	ONT
109	Nguyễn Văn Cương	Đồng Tâm	100,0	148	53	CLN	ONT
110	Nguyễn Thanh Hiếu	Đồng Tâm	100,0	149	53	CLN	ONT
111	Hà Văn Anh	Đồng Tâm	400,0	151	53	CLN	ONT
112	Hồ Minh Chiến	Đồng Tâm	400,0	152	53	CLN	ONT
113	Nguyễn Hữu Lượng	Đồng Tâm	400,0	154	53	CLN	ONT
114	Nguyễn Văn Giang	Đồng Tâm	300,0	155	53	CLN	ONT
115	Hồ Thanh Cường	Đồng Tâm	400,0	156	53	CLN	ONT
116	Phan Thị Phê	Đồng Tâm	600,0	21	54	CLN	ONT
117	Vũ Quốc Tiến	Đồng Tâm	500,0	87	54	CLN	ONT
118	Hoàng Thị Tiến	Đồng Tâm	500,0	98	54	CLN	ONT

119	Thạch Tuấn	Đồng Tâm	400,0	101	54	CLN	ONT
120	Trần Minh Châu	Đồng Tâm	1.000,0	1	58	CLN	ONT
121	Nguyễn Hồng	Đồng Tâm	300,0	60	58	CLN	ONT
122	Điền Minh	Đồng Tâm	200,0	19	60	CLN	ONT
123	Thị Quyên	Đồng Tâm	200,0	51	60	CLN	ONT
124	Trần Thị Mỹ Ngọc	Đồng Tâm	100,0	73	60	CLN	ONT
125	Vũ Văn Khương	Đồng Tâm	2.500,0	92	60	CLN	ONT
126	Hoàng Thị Huệ	Đồng Tâm	200,0	34	61	CLN	ONT
127	Trần Minh Trang	Đồng Tâm	100,0	36	61	CLN	ONT
128	Nguyễn Văn Sơn	Đồng Tâm	400,0	115	61	CLN	ONT
129	Bùi Thị Lan	Đồng Tâm	100,0	190	61	CLN	ONT
130	Nguyễn Văn Sơn	Đồng Tâm	200,0	360	61	CLN	ONT
131	Lê Thị Kim Hương	Đồng Tâm	850,0	377	61	CLN	ONT
132	Lại Thị Mỹ Tiên	Đồng Tâm	200,0	41	62	CLN	ONT
133	Nguyễn Thị Kim Liên	Đồng Tâm	1.000,0	55	62	CLN	ONT
134	Đỗ Hùng Cường	Đồng Tâm	200,0	59	62	CLN	ONT
135	Nguyễn Văn Cẩm	Đồng Tâm	200,0	64	62	CLN	ONT
136	Nguyễn Tuấn Kiệt	Đồng Tâm	500,0	66	62	CLN	ONT
137	Nguyễn Anh Tuấn	Đồng Tâm	200,0	69	62	CLN	ONT
138	Trần Thị Toàn	Đồng Tâm	200,0	97	62	CLN	ONT
139	Lại Thị Nga	Đồng Tâm	100,0	125	62	CLN	ONT
140	Phạm Văn Bảo	Đồng Tâm	200,0	153	62	CLN	ONT
141	Hứa Ngọc Lợi	Đồng Tâm	200,0	158	62	CLN	ONT
142	Trần Văn Nam	Đồng Tâm	100,0	9	63	CLN	ONT
143	Lê Duy Chung	Đồng Tâm	200,0	14	63	CLN	ONT
144	Nguyễn Thị Len	Đồng Tâm	200,0	59	63	CLN	ONT
145	Phạm Ngọc Thanh	Đồng Tâm	400,0	72	63	CLN	ONT
146	Nguyễn Văn Trị	Đồng Tâm	100,0	102	63	CLN	ONT
147	Chiêm Tôn Hàng	Đồng Tâm	300,0	134	63	CLN	ONT
148	Đặng Thị Mai Thanh	Đồng Tâm	80,0	145	63	CLN	ONT
149	Nguyễn Ngọc Lan	Đồng Tâm	100,0	148	63	CLN	ONT
150	Võ Doãn Hân	Đồng Tâm	300,0	150	63	CLN	ONT
151	Đỗ Thị Liễu	Đồng Tâm	40,0	160	63	CLN	ONT
152	Lý Thị Thanh Thúy	Đồng Tâm	800,0	163	63	CLN	ONT
153	Thị Gút	Đồng Tâm	200,0	232	63	CLN	ONT
154	Nguyễn Văn Trà	Đồng Tâm	2.000,0	3	64	CLN	ONT
155	Nguyễn Thị Hoa	Đồng Tâm	200,0	17	64	CLN	ONT
156	Lê Hữu Phúc	Đồng Tâm	400,0	73	64	CLN	ONT
157	Lê Đình Vinh	Đồng Tâm	5.000,0	11	65	CLN	ONT
158	Trần Nam Oanh	Đồng Tâm	150,0	46	71	CLN	ONT
159	Phan Huy Chức	Đồng Tâm	200,0	59	71	CLN	ONT
160	Nguyễn Văn Phương	Đồng tâm	400,0	55	72	CLN	ONT
161	Nguyễn Văn Sơn	Đồng Tâm	200,0	103	73	CLN	ONT
162	Bùi Chí Thiết	Đồng Tâm	200,0	130	73	CLN	ONT
163	Nguyễn Hữu Tuấn	Đồng Tâm	100,0	177	73	CLN	ONT
164	Hoàng Thị Nội	Đồng Tâm	3.500	15	86	CLN	ONT
165	Lê Văn Cường	Đồng Tâm	200,0	30	86	CLN	ONT
166	Đào Trọng Xuyên	Đồng Tâm	400,0	38	86	CLN	ONT
167	Nguyễn Đức Trung	Đồng Tâm	200,0	58	86	CLN	ONT
168	Đinh Văn Hồng	Đồng Tiến	300,0	35	1	CLN	ONT
169	Trần Ngọc Thiệu	Đồng Tiến	300,0	188	1	CLN	ONT
170	Trần Ngọc Minh	Đồng Tiến	200,0	191	1	CLN	ONT
171	Đinh Thị Vải	Đồng Tiến	100,0	76	2	CLN	ONT
172	Nguyễn Khắc Định	Đồng Tiến	200,0	46	3	CLN	ONT
173	Tạ Thị Xuân	Đồng Tiến	100,0	49	3	CLN	ONT

174	Dương Thị Cẩm Tố	Đồng Tiến	3.000,0	94	4	CLN	ONT
175	Lương Văn Thuận	Đồng Tiến	600,0	262	4	CLN	ONT
176	Điều Thị Thương	Đồng Tiến	200,0	271	4	CLN	ONT
177	Nguyễn Thị Thúy	Đồng Tiến	100,0	63	5	CLN	ONT
178	Phạm Thế Minh	Đồng Tiến	1.000,0	118	6	CLN	ONT
179	Hà Thị Mỹ Linh	Đồng Tiến	100,0	220	6	CLN	ONT
180	Đỗ Thị Hằng	Đồng Tiến	100,0	16	7	CLN	ONT
181	Dương Ngọc Đức	Đồng tiến	450,0	42	7	CLN	ONT
182	Dương Ngọc Đức	Đồng tiến	200,0	50	7	CLN	ONT
183	Phan Thị Ngọc Nguyên	Đồng Tiến	50,0	72	7	CLN	ONT
184	Dương Ngọc Đức	Đồng tiến	600,0	87	7	CLN	ONT
185	Đỗ Ngọc Thanh	Đồng Tiến	500,0	152	7	CLN	ONT
186	Phạm Hồng Quang	Đồng Tiến	2.500,0	153	7	NKH	ONT
187	Phạm Văn Xuất	Đồng Tiến	200,0	49	8	CLN	ONT
188	Phan Tiến Dũng	Đồng Tiến	100,0	104	8	CLN	ONT
189	Nguyễn Công Đình	Đồng Tiến	100,0	105	8	CLN	ONT
190	Trần Phi Át	Đồng Tiến	200,0	177	8	CLN	ONT
191	Hồ Khắc Bạch	Đồng Tiến	100,0	338	9	CLN	ONT
192	Nguyễn Thanh Sơn	Đồng Tiến	200,0	493	9	CLN	ONT
193	Phạm Văn Xuất	Đồng Tiến	500,0	509	9	CLN	ONT
194	Mã Văn An	Đồng Tiến	200,0	117	10	CLN	ONT
195	Nguyễn Văn Thuận	Đồng Tiến	100,0	69	12	CLN	ONT
196	Nguyễn Tùng Lâm	Đồng Tiến	200,0	70	12	CLN	ONT
197	Hoàng Thị Vinh	Đồng tiến	300,0	318	13	CLN	ONT
198	Nguyễn Thị Thu Hiền	Đồng Tiến	50,0	346	13	CLN	ONT
199	Nguyễn Thiện Thao	Đồng Tiến	390,3	395	13	CLN	ONT
200	Nguyễn Thị Hồng Nhật	Đồng Tiến	200,0	574	13	CLN	ONT
201	Nguyễn Viết Tuấn	Đồng Tiến	200,0	597	13	CLN	ONT
202	Đinh Phi Hoàng	Đồng Tiến	300,0	668	13	CLN	ONT
203	Hứa Minh Hiếu	Đồng Tiến	1.000	837	13	CLN	ONT
204	Trương Văn Hệ	Đồng Tiến	100,0	1158	13	CLN	ONT
205	Trần Văn Quân	Đồng Tiến	200,0	1174	13	CLN	ONT
206	Đặng Xuân Nhạn	Đồng Tiến	100,0	1210	13	CLN	ONT
207	Đinh Trọng Thủy	Đồng Tiến	1.100,0	373, 372	13	CLN	ONT
208	Lê Thị Loan	Đồng tiến	200,0	243	14	CLN	ONT
209	Hồ Văn Lĩnh	Đồng Tiến	100,0	302	14	CLN	ONT
210	Phạm Thị Tuyền	Đồng tiến	400,0	328	14	CLN	ONT
211	Vương Cao Kỳ	Đồng Tiến	110,0	350	14	CLN	ONT
212	Đỗ Thanh Trà	Đồng tiến	400,0	361	14	CLN	ONT
213	Nguyễn Trường Hải	Đồng Tiến	200,0	136	15	CLN	ONT
214	Vương Quốc Trung	Đồng Tiến	100,0	335	15	CLN	ONT
215	Hoàng Văn Lâm	Đồng tiến	100,0	158	16	CLN	ONT
216	Vũ Thị Thu	Đồng Tiến	200,0	258	16	HNK	ONT
217	Dương Thị Kim Chi	Đồng Tiến	1.000,0	8	18	CLN	ONT
218	Nguyễn thanh phúc	Đồng Tiến	200,0	33	18	CLN	ONT
219	Dương Văn Lương	Đồng Tiến	400,0	43	18	CLN	ONT
220	Nguyễn Văn Xuyên	Đồng Tiến	100,0	155	23	CLN	ONT
221	Nguyễn Văn Yên	Đồng Tiến	1.400,0	156	23	CLN	ONT
222	Nguyễn Văn Yên	Đồng Tiến	2.000,0	230	23	CLN	ONT
223	Ngô Văn Lục	Đồng Tiến	200,0	315	23	CLN	ONT
224	Huỳnh Trung Cường	Đồng Tiến	100,0	439	23	CLN	ONT
225	Đào Thị Bích	Đồng tiến	300,0	504	23	CLN	ONT
226	Nguyễn Văn Yên	Đồng Tiến	5.000,0	605	23	CLN	ONT
227	Tô Duy Quý	Đồng Tiến	300,0	670	23	CLN	ONT
228	Nguyễn Viết Soan	Đồng Tiến	500,0	1020	23	CLN	ONT

229	Ngô Quốc Quân	Đồng Tiến	200,0	1235	23	CLN	ONT
230	Ngô Quang Thanh	Đồng Tiến	200,0	1236	23	CLN	ONT
231	Nông Thị Vân	Đồng Tiến	900,0	1327	23	CLN	ONT
232	Hoàng Văn Bồi	Đồng Tiến	300,0	1335	23	CLN	ONT
233	Hoàng Văn Bồi	Đồng Tiến	300,0	1336	23	CLN	ONT
234	Hoàng Văn Bồi	Đồng Tiến	300,0	1337	23	CLN	ONT
235	Đỗ Viết Xả	Đồng Tiến	200,0	158	24	CLN	ONT
236	Hà Thanh Chương	Đồng Tiến	100,0	195	24	CLN	ONT
237	Thái Xuân Hùng	Đồng Tiến	100,0	262	24	CLN	ONT
238	Đào Thị Mai	Đồng Tiến	300,0	104	25	CLN	ONT
239	Từ Văn Hà	Đồng Tiến	100,0	157	25	CLN	ONT
240	Nguyễn Tuấn Anh	Đồng Tiến	100,0	253	25	CLN	ONT
241	Phạm Thị Thanh Thanh	Đồng Tiến	100,0	538	25	HNK	ONT
242	Nguyễn Tuấn Anh	Đồng Tiến	200,0	653	25	CLN	ONT
243	Đình Trọng Lực	Đồng tiến	500,0	659	25	CLN	ONT
244	Hoàng Văn Hùng	Đồng Tiến	200,0	205	36	CLN	ONT
245	Vương Cao Kỳ	Đồng Tiến	500,0	403	26	CLN	ONT
246	Đinh Văn Mọc	Đồng Tiến	400,0	406	26	CLN	ONT
247	Nguyễn Đức Hạnh	Đồng Tiến	100,0	607	26	CLN	ONT
248	Lý Văn Thúc	Đồng Tiến	300,0	1000	26	CLN	ONT
249	Giáp Văn Chúc	Đồng Tiến	100,0	1055	26	CLN	ONT
250	Phạm Văn Bình	Đồng Tiến	600,0	1083	26	CLN	ONT
251	Đào Văn Tiến	Đồng Tiến	1.000,0	250,251,252	26	CLN	ONT
252	Vũ Văn Sinh	Đồng Tiến	1.000,0	131	28	CLN	ONT
253	Huỳnh Thị Hiền	Đồng Tiến	100,0	24	33	CLN	ONT
254	Nông Văn Sơn	Đồng Tiến	100,0	29	33	CLN	ONT
255	Hà Tấn Phúc	Đồng Tiến	200,0	42	33	CLN	ONT
256	Trần Văn Khanh	Đồng Tiến	200,0	99	33	CLN	ONT
257	Nguyễn Thành Phước	Đồng Tiến	400,0	193	36	CLN	ONT
258	Hoàng Văn Hùng	Đồng Tiến	200,0	205	36	CLN	ONT
259	Bùi Văn Chinh	Đồng Tiến	100,0	94	39	CLN	ONT
260	Mai Bá Kiều Chinh	Đồng Tiến	400,0	125	39	CLN	ONT
261	Trần Văn Nhì	Đồng Tiến	400,0	71	40	CLN	ONT
262	Điền Qùe	Đồng Tiến	200,0	78	40	CLN	ONT
263	Điền Thị Trinh	Đồng Tiến	100,0	183	40	CLN	ONT
264	Hoàng Văn Lãm	Đồng Tiến	300,0	223	40	CLN	ONT
265	Trần Thị Dung	Đồng Tiến	400,0	233	40	CLN	ONT
266	Trần Văn Tấn	Đồng Tiến	1.000,0	12	41	CLN	ONT
267	Lê Tất Diên	Đồng Tiến	100,0	36	41	CLN	ONT
268	Nguyễn Hữu Tài	Đồng tiến	400,0	146	41	CLN	ONT
269	Lê Tất Diên	Đồng Tiến	200,0	187	41	CLN	ONT
270	Nguyễn Hải Dương	Đồng Tiến	200,0	63	44	CLN	ONT
271	Vũ Bình Minh	Đồng Tiến	300,0	125	46	CLN	ONT
272	Vũ Thanh Thùy	Đồng Tiến	200,0	126	46	CLN	ONT
273	Cao Thị Liên	Đồng Tiến	300,0	128	46	CLN	ONT
274	Trần Thị Thùy Trang	Đồng Tiến	300,0	189	46	CLN	ONT
275	Nguyễn Thị Hồng Vân	Đồng Tiến	100,0	236	46	CLN	ONT
276	Nguyễn Quang Trung	Đồng Tiến	1.000	64	47	CLN	ONT
277	Phạm Thị Tin	Đồng Tiến	1.500,0	76	47	CLN	ONT
278	Lê Thị Hoàng Yến	Đồng Tiến	200,0	128	48	CLN	ONT
279	Nguyễn Thanh Hải	Đồng Tiến	200,0	80	50	CLN	ONT
280	Vũ Văn Khương	Đồng Tiến	400,0	105	50	CLN	ONT
281	Nguyễn Thị Thu Hường	Đồng Tiến	100,0	97	51	CLN	ONT
282	Lê Hoài Bảo	Đồng Tiến	850,0	167	51	CLN	ONT
283	Phạm Thị Thanh Hoa	Đồng Tiến	500,0	31	52	CLN	ONT

284	Nguyễn Thị Hương	Đồng Tiến	100,0	56	52	CLN	ONT
285	Trần Đức Hùng	Đồng Tiến	100,0	117	52	CLN	ONT
286	Nguyễn Châu Tâm	Đồng Tiến	200,0	170	52	CLN	ONT
287	Bùi Tấn Tuệ	Đồng tiến	200,0	90	56	CLN	ONT
288	Nguyễn Văn Hùng	Đồng Tiến	400,0	262	57	CLN	ONT
289	Nguyễn Văn Hùng	Đồng Tiến	400,0	263	57	CLN	ONT
290	Hứa Thị Hường	Đồng Tiến	400,0	64	72	CLN	ONT
291	Đặng Thị Ngọc Sương	Đồng Tiến	100,0	177	72	CLN	ONT
292	Phùng Thị Loan	Đồng Tiến	100,0	178	72	CLN	ONT
293	Nguyễn Minh Đạt	Đồng Tiến	100,0	190	72	CLN	ONT
294	Hoàng Văn Phúc	Đồng Tiến	200,0	203	72	CLN	ONT
295	Hoàng Văn Phong	Đồng Tiến	300,0	263	72	CLN	ONT
296	Hoàng Phú Hưng	Đồng Tiến	100,0	264	72	CLN	ONT
297	Đặng Văn Thịnh	Tân Hòa	1.000,0	26	10	CLN	ONT
298	Nguyễn Hữu Chiêu	Tân Hòa	2.000,0	27	10	CLN	ONT
299	Bùi Tuấn Anh	Tân Hòa	200,0	41	10	CLN	ONT
300	Nguyễn Văn Trường	Tân Hòa	200,0	43	10	CLN	ONT
301	Ngô Quyết Thắng	Tân Hòa	200,0	44	10	CLN	ONT
302	Trần Thế Duy	Tân Hòa	200,0	45	10	CLN	ONT
303	Cao Đình Thanh	Tân Hòa	700,0	47	10	CLN	ONT
304	Nguyễn Văn Quang	Tân Hòa	700,0	49	10	CLN	ONT
305	Hà Anh Vũ	Tân Hòa	400,0	40, 42	10	CLN	ONT
306	Nguyễn Văn Thanh	Tân Hòa	800,0	20	11	CLN	ONT
307	Phạm Tuấn	Tân Hòa	1.000,0	47	12	CLN	ONT
308	Sầm Văn Thảo	Tân Hòa	700,0	49	14	CLN	ONT
309	Triệu Quốc Duy	Tân Hòa	200,0	59	14	CLN	ONT
310	Triệu Quốc Duy	Tân Hòa	100,0	63	14	CLN	ONT
311	Nguyễn Thị Soa	Tân Hòa	200,0	207	15	CLN	ONT
312	Trần Văn Minh	Tân Hòa	500,0	211	15	CLN	ONT
313	Hoàng Văn Khanh	Tân Hòa	200,0	278	15	CLN	ONT
314	Triệu Quang Phù	Tân Hòa	1.500,0	11	16	CLN	ONT
315	Chung Văn Thịnh	Tân Hòa	3.000,0	22	16	CLN	ONT
316	Trần Văn Tùng	Tân Hòa	1.500,0	34	18	CLN	ONT
317	Nguyễn Văn An	Tân Hòa	300,0	145	18	CLN	ONT
318	Chu văn Tâm	Tân Hòa	100,0	111	18	CLN	ONT
319	Chu Xuân Hòa	Tân Hòa	500,0	118	18	CLN	ONT
320	Nguyễn Văn An	Tân Hòa	300,0	145	18	CLN	ONT
321	Nguyễn Phú Quý	Tân Hòa	500,0	407	18	CLN	ONT
322	Bùi Tân Khánh	Tân Hòa	800,0	418	18	CLN	ONT
323	Lương Bằng Xim	Tân Hòa	1.000,0	162	19	CLN	ONT
324	Tô Văn Đạo	Tân Hòa	300,0	175	19	CLN	ONT
325	Ngô Tiến Thành	Tân Hòa	100,0	256	19	CLN	ONT
326	Nguyễn Văn Sơn	Tân Hòa	200,0	258	19	CLN	ONT
327	Bùi Đăng Tư	Tân Hoà	650,0	374	19	CLN	ONT
328	Dương Thị Kiểm	Tân Hoà	700,0	345	19	CLN	ONT
329	Dương Thị Kiểm	Tân Hoà	600,0	346	19	CLN	ONT
330	Trần Thanh Quang	Tân Hòa	200,0	10	20	CLN	ONT
331	Sầm Văn Đức	Tân Hòa	200,0	57	20	CLN	ONT
332	Nguyễn Đức Vị	Tân Hoà	200,0	134	20	CLN	ONT
333	Lê Đăng Hanh	Tân Hòa	2.000,0	84	20	CLN	ONT
334	Trương Phi Toan	Tân Hòa	700,0	155	20	CLN	ONT
335	Hoàng Văn Khanh	Tân Hòa	200,0	422	20	CLN	ONT
336	Nguyễn Thanh Sang	Tân Hòa	1.000,0	423	20	CLN	ONT
337	Trương Phi Toàn	Tân Hòa	1.000,0	55	21	CLN	ONT
338	Nguyễn Văn Ngọt	Tân Hòa	500,0	67	21	CLN	ONT

339	Trần Văn Hoài	Tân Hòa	400,0	121	21	CLN	ONT
340	Bùi Tăng Hiếu	Tân Hòa	300,0	57	23	CLN	ONT
341	Trần Văn Giáp	Tân Hòa	100,0	97	23	CLN	ONT
342	Lương Văn Khánh	Tân Hòa	1.600,0	49;50;51;52; 53;54;55;56	23	CLN	ONT
343	Phạm Văn Cường	Tân Hòa	200,0	34	24	CLN	ONT
344	Trần Kim Long	Tân Hòa	200,0	43	24	CLN	ONT
345	Phạm Thị Duyên	Tân Hòa	200,0	157	24	CLN	ONT
346	Trương Văn Quý Kiều Thanh An Mạc Văn Khanh Nguyễn Công Hoàng Lương Quốc Quân	Tân Hòa	800,0	8	25	CLN	ONT
347	Lương Bằng Xim	Tân Hòa	1.000,0	9	25	CLN	ONT
348	Nguyễn Văn thanh	Tân Hòa	1.937,0	21	25	CLN	ONT
349	Lê Thế Lệ	Tân Hưng	200,0	150	2	CLN	ONT
350	Huỳnh Ngọc Tươi	Tân Hưng	300,0	171	2	CLN	ONT
351	Lê Thế Lệ	Tân Hưng	1.000,0	189	2	CLN	ONT
352	Lê Thị Kim Liên	Tân Hưng	200,0	226	2	CLN	ONT
353	Nguyễn Văn Kiệp	Tân Hưng	1.000,0	230	2	CLN	ONT
354	Nguyễn Văn Kiệp	Tân Hưng	1.000,0	424	2	CLN	ONT
355	Nguyễn Thị Thu Trang	Tân Hưng	400,0	53	5	CLN	ONT
356	Văn Đức Côi	Tân Hưng	500,0	58	5	CLN	ONT
357	Nguyễn Văn Hưng	Tân Hưng	1.000,0	107	5	CLN	ONT
358	Đinh Ngọc Dân	Tân Hưng	300,0	419	5	CLN	ONT
359	Lê Thị Hợp	Tân Hưng	500,0	420	5	CLN	ONT
360	Nguyễn Thanh Tha	Tân Hưng	1.000,0	343	6	CLN	ONT
361	Nguyễn Thanh Tha	Tân Hưng	1.000,0	354	6	CLN	ONT
362	Lê Minh Cảnh	Tân Hưng	1.700,0	695	6	CLN	ONT
363	Bùi Thị Sương	Tân Hưng	800,0	22	11	CLN	ONT
364	Thới Văn Minh	Tân Hưng	200,0	6	14	CLN	ONT
365	Võ Thị Tường	Tân Hưng	200,0	20	14	CLN	ONT
366	Võ Thị Thuật	Tân Hưng	400,0	21	14	CLN	ONT
367	Chí Vững Sinh	Tân Hưng	200,0	1	15	CLN	ONT
368	Lâm Thị Bé	Tân Hưng	100,0	3	15	CLN	ONT
369	Nguyễn Thị Xuyên	Tân Hưng	300,0	15	15	CLN	ONT
370	Đinh Thị Sương	Tân Hưng	200,0	50	15	CLN	ONT
371	Nguyễn Thị Kim Liên	Tân Hưng	100,0	61	15	CLN	ONT
372	Trần Thị Kim Dung	Tân Hưng	50,0	23	16	CLN	ONT
373	Hồ Thị Tề	Tân Hưng	100,0	58	16	CLN	ONT
374	Lê Quang Tiến	Tân Hưng	200,0	62	16	CLN	ONT
375	Lưu Văn Toàn	Tân Hưng	100,0	63	16	CLN	ONT
376	Võ Văn Tấn	Tân Hưng	100,0	68	16	CLN	ONT
377	Đồng Minh Thắng	Tân Hưng	1.000,0	3	18	CLN	ONT
378	Đồng Minh Thắng	Tân Hưng	2.900,0	12	18	CLN	ONT
379	Hồ Thị Thảo	Tân Hưng	200,0	20	18	CLN	ONT
380	Quách Thị Hồng	Tân Hưng	150,0	4	19	CLN	ONT
381	Phạm Văn Khánh	Tân Hưng	150,0	5	19	CLN	ONT
382	Trần Công	Tân Hưng	400,0	6	19	CLN	ONT
383	Phạm Văn Bốn	Tân Hưng	200,0	8	19	CLN	ONT
384	Nguyễn Văn Quý	Tân Hưng	800,0	49	19	CLN	ONT
385	Đặng Văn Sơn	Tân Hưng	1.000,0	53	19	CLN	ONT
386	Vũ Trọng Tính	Tân Hưng	1.200,0	55	19	CLN	ONT
387	Nguyễn Văn Tinh	Tân Hưng	1.100,0	70	19	CLN	ONT
388	Phạm Thị Lợi	Tân Hưng	800,0	7	20	CLN	ONT

389	Nguyễn Thị Mỹ	Tân Hưng	100,0	20	22	CLN	ONT
390	Nguyễn Văn Bằng	Tân Hưng	200,0	35	22	CLN	ONT
391	Nguyễn Văn Bằng	Tân Hưng	120,0	39	22	CLN	ONT
392	Nguyễn Thị Mỹ	Tân Hưng	1.000,0	54	22	CLN	ONT
393	Lý Văn Kiều	Tân Hưng	400,0	6	23	CLN	ONT
394	Hoàng Văn Sơ	Tân Hưng	200,0	14	23	CLN	ONT
395	Trần Ngọc Hoàng	Tân Hưng	100,0	26	23	CLN	ONT
396	Đoàn Thị Kim Hồng	Tân Hưng	300,0	40	23	CLN	ONT
397	Nguyễn Văn Sơ	Tân Hưng	300,0	73	23	CLN	ONT
398	Hoàng Thị Huyền	Tân Hưng	1.000,0	79	23	CLN	ONT
399	Đinh Văn Cẩn	Tân Hưng	500,0	89	23	CLN	ONT
400	Hoàng Thị Huyền	Tân Hưng	100,0	166	23	CLN	ONT
401	Ma Văn Quyết	Tân Hưng	100,0	35	25	CLN	ONT
402	Trương Ngọc Nhân	Tân Hưng	2.000,0	39	25	CLN	ONT
403	Hồ Ánh	Tân Hưng	800,0	73	25	CLN	ONT
404	Hồ Ánh	Tân Hưng	800,0	74	25	CLN	ONT
405	Hồ Ánh	Tân Hưng	800,0	75	25	CLN	ONT
406	Hồ Ánh	Tân Hưng	800,0	76	25	CLN	ONT
407	Hồ Ánh	Tân Hưng	800,0	77	25	CLN	ONT
408	Phạm Thiên Long	Tân Hưng	400,0	78	25	CLN	ONT
409	Ma Chí Nam	Tân Hưng	200,0	135	25	CLN	ONT
410	Ma Thị Thanh	Tân Hưng	200,0	136	25	CLN	ONT
411	Phạm Văn Trọng	Tân Hưng	800,0	141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148	25	CLN	ONT
412	Nguyễn Cửu Phú	Tân Hưng	2.000,0	24	26	CLN	ONT
413	Nguyễn Thị Mông Cầm	Tân Hưng	100,0	38	26	CLN	ONT
414	Nguyễn Văn Phước	Tân Hưng	100,0	45	26	CLN	ONT
415	Đồng Văn Tâm	Tân Hưng	3.200,0	32	28	CLN	ONT
416	Lục Thị Đẹp	Tân Hưng	500,0	13	29	CLN	ONT
417	Lương Văn Thảo	Tân Hưng	150,0	15	29	CLN	ONT
418	Lục Văn Lâm	Tân Hưng	200,0	48	29	CLN	ONT
419	Nguyễn Hữu Lâm	Tân Hưng	400,0	51	29	CLN	ONT
420	Nông Văn Hòa	Tân Hưng	500,0	66	29	CLN	ONT
421	Nông Văn Hòa	Tân Hưng	500,0	81	29	CLN	ONT
422	Trương Bá Lực	Tân Hưng	100,0	82	29	CLN	ONT
423	Lý Đường Sáng	Tân Hưng	2.000,0	114	29	CLN	ONT
424	Nguyễn Đức Toàn	Tân Hưng	1.000,0	116	29	CLN	ONT
425	Nguyễn Văn Hùng	Tân Hưng	1.000,0	121	29	CLN	ONT
426	Chênh A Diên	Tân Hưng	300,0	129	29	CLN	ONT
427	Vương Thị Ray	Tân Hưng	300,0	141	29	CLN	ONT
428	Nguyễn Đức Hiếu	Tân Hưng	600,0	151	29	CLN	ONT
429	Vương Thị Ray	Tân Hưng	800,0	152	29	CLN	ONT
430	Nông Văn Hòa	Tân Hưng	1.000,0	154	29	CLN	ONT
431	Đồng Thị Hà	Tân Hưng	200,0	209	29	CLN	ONT
432	Đặng Văn Dưỡng	Tân Hưng	100,0	230	29	CLN	ONT
433	Nguyễn Văn Trung	Tân Hưng	200,0	253	29	CLN	ONT
434	Lương Thị Móng	Tân Hưng	200,0	5	30	CLN	ONT
435	Lương Văn Thảo	Tân Hưng	150,0	8	30	CLN	ONT
436	Trần Văn Đoán	Tân Hưng	800,0	9	30	CLN	ONT
437	Đinh Đức Thịnh	Tân Hưng	500,0	15	30	CLN	ONT
438	Nguyễn Xuân Thủy	Tân Hưng	1.500,0	19	30	CLN	ONT
439	Đinh Văn Phán	Tân Hưng	600,0	4	35	CLN	ONT
440	Lê Thị Tuyết	Tân Hưng	400,0	29	35	CLN	ONT
441	Lê Quý Hiếu	Tân Hưng	800,0	30	35	CLN	ONT

442	Lê Quý Trung	Tân Hưng	600,0	31	35	CLN	ONT
443	Đồng Đại Đức	Tân Hưng	1.000,0	2	37	CLN	ONT
444	Lã Văn Hùng	Tân Hưng	400,0	59	37	CLN	ONT
445	Nguyễn Văn Bằng	Tân Hưng	3.000,0	77	37	CLN	ONT
446	Văn Thị Nghiệp	Tân Hưng	300,0	89	37	CLN	ONT
447	Trần Ngọc Nhân	Tân Hưng	800,0	160	37	CLN	ONT
448	Lý Hoàng Khôi	Tân Hưng	500,0	161	37	CLN	ONT
449	Nông Thị Điền	Tân Hưng	200,0	7	38	CLN	ONT
450	Võ Văn Liêu	Tân Hưng	1.000,0	15	38	CLN	ONT
451	Trần Văn Lợi	Tân Hưng	200,0	18	38	CLN	ONT
452	Ngô Thị Nga	Tân Hưng	200,0	27	38	CLN	ONT
453	Chu Ngọc Thạch	Tân Hưng	400,0	35	38	CLN	ONT
454	Hoàng Văn Quyết	Tân Hưng	500,0	42	38	CLN	ONT
455	Nguyễn Đình Đoàn	Tân Hưng	100,0	47	38	CLN	ONT
456	Đàm Thị Tien	Tân Hưng	200,0	100	38	CLN	ONT
457	Hoàng Hiếu Hiệp	Tân Hưng	150,0	121	38	CLN	ONT
458	Dương Đình Thông	Tân Hưng	100,0	130	38	CLN	ONT
459	Lục Văn Vương	Tân Hưng	200,0	133	38	CLN	ONT
460	Đặng Hoàng Phương	Tân Hưng	200,0	148	38	CLN	ONT
461	Lê Quang Kim	Tân Hưng	200,0	148	38	CLN	ONT
462	Đàm Thị Tươi	Tân Hưng	300,0	154	38	CLN	ONT
463	Huỳnh Thị Yến Nhi	Tân Hưng	200,0	180	38	CLN	ONT
464	Hoàng Chương Phú	Tân Hưng	300,0	201	38	CLN	ONT
465	Phạm Xuân Cương	Tân Hưng	200,0	208	38	CLN	ONT
466	Dương Thị Tắm	Tân Hưng	300,0	214	38	CLN	ONT
467	Trần Ngọc Nhân	Tân Hưng	1.000,0	257	38	CLN	ONT
468	Trần Thị Hằng	Tân Hưng	1.500,0	258	38	CLN	ONT
469	Trần Ngọc Nam	Tân Hưng	2.000,0	259	38	CLN	ONT
470	Trần Ngọc Nhân	Tân Hưng	400,0	260	38	CLN	ONT
471	Lê Thị Anh Xuân	Tân Hưng	1.200,0	261	38	CLN	ONT
472	Nguyễn Việt Xô	Tân Hưng	400,0	21	39	CLN	ONT
473	Phạm Đình Phúc	Tân Hưng	1.000	90	39	CLN	ONT
474	Trần Ngọc Nam	Tân Hưng	200,0	391	39	CLN	ONT
475	Dương Văn Anh	Tân Hưng	200,0	47	40	CLN	ONT
476	Nguyễn Thị Thùy Dương	Tân Hưng	300,0	57	40	CLN	ONT
477	Trịnh Thị Ngọc Tâm	Tân Hưng	300,0	64	40	CLN	ONT
478	Nguyễn Văn Thắng	Tân Hưng	400,0	4	42	CLN	ONT
479	Cao Thị Hồng Duyên	Tân Hưng	1.000,0	4	43	CLN	ONT
480	Đoàn Thị Lãng	Tân Hưng	5.000,0	37	43	CLN	ONT
481	Dương Thị Thảo	Tân Hưng	2.200,0	67	43	CLN	ONT
482	Dương Thị Thảo	Tân Hưng	200,0	68	43	CLN	ONT
483	Nguyễn Quang Dương	Tân Hưng	100,0	10	44	CLN	ONT
484	Trịnh Thị Sen	Tân Hưng	233,1	12	44	CLN	ONT
485	Phan Văn Khải	Tân Hưng	600,0	26	44	CLN	ONT
486	Bùi Đình Cảnh	Tân Hưng	200,0	32	44	CLN	ONT
487	Dương Văn Năm	Tân Hưng	1.000,0	129	44	CLN	ONT
488	Bùi Đình Cảnh	Tân Hưng	100,0	3	45	CLN	ONT
489	Phạm Đăng Hải	Tân Hưng	150,0	9	45	CLN	ONT
490	Đoàn Thị Thoan	Tân Hưng	100,0	36	45	CLN	ONT
491	Trương Mạnh Tuấn	Tân Hưng	500,0	85	45	CLN	ONT
492	Nguyễn Thị Đào	Tân Hưng	100,0	90	45	CLN	ONT
493	Nguyễn Thanh Vương	Tân Hưng	100,0	96	45	CLN	ONT
494	Trương Văn Toàn	Tân Hưng	100,0	122	45	CLN	ONT
495	Trương Thị Máy	Tân Hưng	200,0	125	45	CLN	ONT
496	Doãn Văn Thành	Tân Hưng	200,0	126	45	CLN	ONT

497	Ngô Công Tuấn	Tân Hưng	400,0	143	45	CLN	ONT
498	Lê Thị Thu	Tân Hưng	200,0	158	45	CLN	ONT
499	Bùi Thanh Tùng	Tân Hưng	300,0	161	45	CLN	ONT
500	Võ Trường Giang	Tân Hưng	200,0	185	45	CLN	ONT
501	Nguyễn Trọng Tài	Tân Hưng	200,0	403	45	CLN	ONT
502	Phạm Văn Loàn	Tân Hưng	700,0	2	48	CLN	ONT
503	Nguyễn Công Thành	Tân Hưng	3.000,0	5	55	CLN	ONT
504	Lê Đức Nhứt	Tân Hưng	1.200,0	14	55	CLN	ONT
505	Trần Văn Sáu	Tân Hưng	200,0	2	58	CLN	ONT
506	Nguyễn Khắc Nhu	Tân Hưng	800,0	88,89, 90,91, 92,93, 94,95	58	CLN	ONT
507	Ngô Quốc Thanh	Tân Lập	5.400,0	81, 82, 83, 84; 85; 86; 87; 88; 89; 90; 91; 93; 94, 95	3	CLN	ONT
508	Nguyễn Chí Thành	Tân Lập	2.000,0	48	4	CLN	ONT
509	Vũ Ngọc Thân	Tân Lập	2.500,0	2;3	5	CLN	ONT
510	Trần Văn Thành	Tân Lập	200,0	86	7	CLN	ONT
511	Nguyễn Thị Việt	Tân Lập	400,0	87	7	CLN	ONT
512	Phạm Văn Rần	Tân Lập	600,0	88	7	CLN	ONT
513	Phạm Thị Khười	Tân Lập	1.000,0	28	8	CLN	ONT
514	Trần Thị In	Tân Lập	150,0	219	8	CLN	ONT
515	Vũ Minh Duyệt	Tân Lập	300,0	360	8	CLN	ONT
516	Nguyễn Trung Kiên	Tân Lập	80,0	385	8	CLN	ONT
517	Đỗ Văn Bình	Tân Lập	150,0	396	8	CLN	ONT
518	Nguyễn Đăng Khánh	Tân Lập	200,0	25B	8	CLN	ONT
519	Lê Công Chiến	Tân Lập	100,0	27	9	CLN	ONT
520	Trần Thanh Hải	Tân Lập	200,0	217	9	CLN	ONT
521	Trần Thị Mộng Điệp	Tân Lập	200,0	278	9	CLN	ONT
522	Phạm Hữu Hiền	Tân Lập	1.000,0	48	10	CLN	ONT
523	Trương Văn Thắng	Tân Lập	100,0	80	10	CLN	ONT
524	Nguyễn Thị Út	Tân Lập	200,0	82	10	CLN	ONT
525	Phạm Thị Hiền	Tân Lập	2.000,0	7	11	CLN	ONT
526	Hoàng Quốc Phòng	Tân Lập	200,0	40	11	CLN	ONT
527	Võ Bích Hạnh	Tân Lập	800,0	160	11	CLN	ONT
528	Lê Đình Hải	Tân Lập	600,0	8	12	CLN	ONT
529	Nguyễn Chí Nguyên	Tân Lập	2.000,0	26	12	CLN	ONT
530	Trần Văn Chiến	Tân Lập	200,0	44	12	CLN	ONT
531	Nguyễn Thị Phượng	Tân Lập	100,0	125	12	CLN	ONT
532	Nguyễn Thị Lập	Tân Lập	2.000,0	12	13	CLN	ONT
533	Trần Thị Thanh	Tân Lập	50,0	164	13	CLN	ONT
534	Tạ Văn Thuận	Tân Lập	50,0	178	13	CLN	ONT
535	Lê Tấn Lộc	Tân Lập	100,0	189	13	CLN	ONT
536	Võ Xuân Cung	Tân Lập	300,0	15	14	CLN	ONT
537	Tạ Quang Hậu	Tân Lập	1.000,0	32	14	CLN	ONT
538	Trần Thị Hoạt	Tân Lập	400,0	77	14	CLN	ONT
539	Đặng Thị Uyên	Tân Lập	200,0	82	14	CLN	ONT
540	Lê Ngọc Tuyền	Tân Lập	200,0	100	14	CLN	ONT
541	Lê Ngọc Tuyền	Tân Lập	200,0	101	14	CLN	ONT
542	Đặng Văn Huy	Tân Lập	200,0	109	14	CLN	ONT
543	Chu Thị Thương	Tân Lập	30,0	225	14	CLN	ONT
544	Đào Thị Rường	Tân Lập	80,0	261	14	CLN	ONT
545	Hoàng Anh Hiền	Tân Lập	300,0	412	14	CLN	ONT
546	Lê Trọng Sơn	Tân Lập	100,0	439	14	CLN	ONT
547	Phạm Văn Tuấn	Tân Lập	100,0	502	14	CLN	ONT

548	Trần Thị Tứ	Tân Lập	300,0	759	14	CLN	ONT
549	Lữ Phước Quý	Tân Lập	100,0	34	16	CLN	ONT
550	Nguyễn Văn Toàn	Tân Lập	600,0	61	16	CLN	ONT
551	Nguyễn Thị Nga	Tân Lập	600,0	84	16	CLN	ONT
552	Lê Khắc Hà	Tân Lập	1.200,0	27	17	CLN	ONT
553	Phạm Văn Cư	Tân Lập	800,0	30	17	CLN	ONT
554	Nguyễn Văn Xuân	Tân Lập	200,0	77	17	CLN	ONT
555	Phan Trí Đức	Tân Lập	400,0	85	17	CLN	ONT
556	Trương Thị Dung	Tân Lập	300,0	90	17	CLN	ONT
557	Lê Thương Thủy	Tân Lập	300,0	102	17	CLN	ONT
558	Bùi Văn Long	Tân Lập	100,0	105	17	CLN	ONT
559	Trần Ngọc Đoan	Tân Lập	100,0	142	17	CLN	ONT
560	Vũ Văn Hòa	Tân Lập	100,0	160	17	CLN	ONT
561	Hồ Văn Sỹ	Tân Lập	100,0	7	18	CLN	ONT
562	Hồ Văn Sỹ	Tân Lập	100,0	11	18	CLN	ONT
563	Nguyễn Văn Tiến	Tân Lập	200,0	16	18	CLN	ONT
564	Nguyễn Thị Quy	Tân Lập	500,0	47	18	CLN	ONT
565	Nguyễn Sỹ Hào	Tân Lập	100,0	68	18	CLN	ONT
566	Vũ Thị Vui	Tân Lập	400,0	69	18	CLN	ONT
567	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Tân Lập	100,0	73	18	CLN	ONT
568	Danh Cường	Tân Lập	4.000,0	77	18	CLN	ONT
569	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Tân Lập	800,0	79	18	CLN	ONT
570	Lâm Tú	Tân Lập	1.000,0	80	18	CLN	ONT
571	Nguyễn Bá Long	Tân Lập	100,0	99	18	CLN	ONT
572	Bùi Thị Xuyên	Tân Lập	100,0	127	18	CLN	ONT
573	Lâm Tú	Tân Lập	700,0	147	18	CLN	ONT
574	Trương Thị Dịu	Tân Lập	400,0	173	18	CLN	ONT
575	Nguyễn Thị Kết	Tân Lập	200,0	178	18	CLN	ONT
576	Vũ Văn Hoàn	Tân Lập	200,0	191	18	CLN	ONT
577	Vũ Văn Hoàn	Tân Lập	100,0	192	18	CLN	ONT
578	Vũ Văn Hòa	Tân Lập	200,0	204	18	CLN	ONT
579	Nguyễn Văn Quang	Tân Lập	100,0	1	19	BHK	ONT
580	Nguyễn Văn Hải	Tân Lập	100,0	3	19	BHK	ONT
581	Vũ Văn Hòa	Tân Lập	300,0	26	19	CLN	ONT
582	Đặng Đình Tuyền	Tân Lập	400,0	28	19	CLN	ONT
583	Đỗ Thị Thê	Tân Lập	400,0	105	19	CLN	ONT
584	Nguyễn Văn Thám	Tân Lập	2.200,0	141	19	CLN	ONT
585	Hoàng Thị Thu Hà	Tân Lập	100,0	151	19	CLN	ONT
586	Trần Thị Minh Hạnh	Tân Lập	200,0	154	19	CLN	ONT
587	Nguyễn Tất Đáp	Tân Lập	100,0	118	20	CLN	ONT
588	Trần Văn Sơn	Tân Lập	200,0	152	20	CLN	ONT
589	Hà Thị Vân	Tân Lập	1.000,0	67	21	CLN	ONT
590	Bùi Văn Quyển	Tân Lập	800,0	88	21	CLN	ONT
591	Phạm Hoài Đức	Tân Lập	300,0	92	21	CLN	ONT
592	Phạm Thị Hạnh	Tân Lập	500,0	208	21	CLN	ONT
593	Lê Văn Nhu	Tân Lập	100,0	209	21	CLN	ONT
594	Trần Hồng Phúc	Tân Lập	200,0	225	21	CLN	ONT
595	Nguyễn Văn Kông	Tân Lập	2.500,0	22	22	CLN	ONT
596	Nguyễn Văn Chính	Tân Lập	400,0	26	22	CLN	ONT
597	Trần Thanh Hoài	Tân Lập	100,0	75	22	CLN	ONT
598	Nguyễn Đình Tuyền	Tân Lập	200,0	76	22	CLN	ONT
599	Vũ Văn Phương	Tân Lập	500,0	169	22	CLN	ONT
600	Nguyễn Chí Thanh	Tân Lập	500,0	19	23	CLN	ONT
601	Nguyễn Văn Dũng	Tân Lập	2.000,0	31	23	CLN	ONT
602	Nguyễn Thị Hà	Tân Lập	100,0	393	23	CLN	ONT

603	Phạm Thanh Duy	Tân Lập	400,0	404	23	CLN	ONT
604	Nguyễn Văn Tùng	Tân Lập	1.000,0	619	23	CLN	ONT
605	Dương Văn Đức	Tân Lập	400,0	648	23	CLN	ONT
606	Phan Trí Đức	Tân Lập	300,0	7	24	CLN	ONT
607	Lê Hoàng Hiệp	Tân Lập	1.000,0	43	24	CLN	ONT
608	Tạ Ngọc Anh	Tân Lập	100,0	46	25	CLN	ONT
609	Nguyễn Khắc Lê	Tân Lập	700,0	71	25	CLN	ONT
610	Nguyễn Việt Phương	Tân Lập	200,0	75	25	CLN	ONT
611	Lương Quang Dũng	Tân Lập	400,0	76	25	CLN	ONT
612	Cao Thị Thanh Hằng	Tân Lập	200,0	81	25	CLN	ONT
613	Bùi Ngọc Thành	Tân Lập	400,0	82	25	CLN	ONT
614	Phạm Minh Tú	Tân Lập	300,0	89	25	CLN	ONT
615	Nguyễn Văn Hải	Tân Lập	200,0	92	25	CLN	ONT
616	Phạm Minh Tú	Tân Lập	300,0	93	25	CLN	ONT
617	Nguyễn Thu Hiền	Tân Lập	400,0	105	25	CLN	ONT
618	Nguyễn Văn Xuân	Tân Lập	100,0	106	25	CLN	ONT
619	Nguyễn Ngọc Tứ	Tân Lập	1.000,0	21	26	CLN	ONT
620	Bùi Hồng Thương	Tân Lập	100,0	4	28	CLN	ONT
621	Nguyễn Văn Chính	Tân Lập	200,0	24	30	CLN	ONT
622	Nguyễn Tấn Sang	Tân Lập	100,0	58	30	CLN	ONT
623	Vũ mạnh Hùng	Tân Lập	2.500,0	99	30	CLN	ONT
624	Nguyễn Thị Hiền	Tân Lập	100,0	119	30	CLN	ONT
625	Lê Anh Hòa	Tân Lập	200,0	122	30	CLN	ONT
626	Lê Văn Hiệp	Tân Lập	300,0	123	30	CLN	ONT
627	Đào Văn Nguyên	Tân Lập	200,0	140	30	CLN	ONT
628	Tạ Văn Sẻ	Tân Lập	1.000,0	45;102;119;	30	CLN	ONT
629	Đỗ Thị Nga	Tân Lập	1.200,0	1	31	CLN	ONT
630	Lê Văn Hùng	Tân Lập	1.600,0	43	31	CLN	ONT
631	Trần Văn Chín	Tân Lập	900,0	58	31	CLN	ONT
632	Nguyễn Công Hòa	Tân Lập	500,0	63	31	CLN	ONT
633	Lê Thời Đại	Tân Lập	1.000,0	81	31	CLN	ONT
634	Mai Đức Dương	Tân Lập	300,0	131	31	CLN	ONT
635	Phan Văn Nhiều	Tân Lập	100,0	136	31	CLN	ONT
636	Phí Văn Bình	Tân Lập	3.000,0	157	31	CLN	ONT
637	Mai Đức Dương	Tân Lập	500,0	166	31	CLN	ONT
638	Hồ Văn Đức	Tân Lập	300,0	178	31	CLN	ONT
639	Hoàng Trung Kiên	Tân Lập	400,0	194	31	CLN	ONT
640	Nguyễn Xuân Trường	Tân Lập	167,0	254	31	CLN	ONT
641	Nguyễn Văn Thoan	Tân Lập	400,0	362	31	CLN	ONT
642	Bùi Văn Quy	Tân Lập	1.500,0	392	31	CLN	ONT
643	Lê Thị Liên	Tân Lập	3.700,0	68;98	31	CLN	ONT
644	Trương Văn Dậu	Tân Lập	300,0	19	32	CLN	ONT
645	Trương Văn Dậu	Tân Lập	700,0	37	32	CLN	ONT
646	Vi Văn Mãn	Tân Lập	1.000,0	42	32	CLN	ONT
647	Nguyễn Văn Tân	Tân Lập	600,0	48	32	CLN	ONT
648	Nguyễn Văn Tân	Tân Lập	600,0	48	32	CLN	ONT
649	Hà Hồng Nguyệt	Tân Lập	1.400,0	63	32	CLN	ONT
650	Trần Văn Ry	Tân Lập	35,0	264	32	CLN	ONT
651	Trương Văn Hậu	Tân Lập	100,0	304	32	CLN	ONT
652	Nguyễn Tuấn Anh	Tân Lập	400,0	331	32	CLN	ONT
653	Võ Văn Hiền	Tân Lập	400,0	334	32	CLN	ONT
654	Dương Thị Liên	Tân Lập	2.000,0	9	33	CLN	ONT
655	Dương Văn Tuấn	Tân Lập	2.000,0	16	33	CLN	ONT
656	Nguyễn Xuân Kiều	Tân Lập	500,0	15	35	CLN	ONT
657	Nguyễn Văn Thìn	Tân Lập	100,0	16	35	CLN	ONT

658	Vũ Thị Kim Anh	Tân Lập	1.500,0	22	35	CLN	ONT
659	Hoàng Văn Luân	Tân Lập	100,0	104	36	CLN	ONT
660	Vũ Thị Cúc Hoa	Tân Lập	400,0	112	36	CLN	ONT
661	Võ Văn Đông	Tân Lập	800,0	17	37	CLN	ONT
662	Thái Thị Thảo	Tân Lập	1.500,0	34	37	CLN	ONT
663	Trần Văn Duy	Tân Lập	1.000,0	51	37	CLN	ONT
664	Vũ Văn Nhượng	Tân Lập	500,0	176	37	CLN	ONT
665	Nguyễn Văn Thuyền	Tân Lập	200,0	59	39	CLN	ONT
666	Lục Thị Thúy Tình	Tân Lập	2.000,0	73	39	CLN	ONT
667	Triệu Đình Chương	Tân Lập	5.000,0	75	39	CLN	ONT
668	Đoàn Hữu Duy	Tân Lập	1.000,0	79	39	CLN	ONT
669	Đào Thị Thanh Xuân	Tân Lập	600,0	123	39	CLN	ONT
670	Trần Văn Cường	Tân Lập	200,0	177	39	CLN	ONT
671	Trần Văn Thân	Tân Lập	200,0	260	39	CLN	ONT
672	Hoàng Văn Đức	Tân Lập	400,0	112	40	CLN	ONT
673	Bùi Văn Mạnh	Tân Lập	1.200,0	144;145	40	CLN	ONT
674	Nguyễn Khắc Minh	Tân Lập	2.000,0	1	42	CLN	ONT
675	Vũ Văn Kính	Tân Lập	500,0	20	42	CLN	ONT
676	Vũ Văn Lương	Tân Lập	700,0	23	42	CLN	ONT
677	Vũ Thị Thơ	Tân Lập	400,0	25	42	CLN	ONT
678	Huỳnh Văn Út	Tân Lập	200,0	34	42	CLN	ONT
679	Dương Đình Vỹ	Tân Lập	400,0	78	42	CLN	ONT
680	Nguyễn Văn Ngoạn	Tân Lập	400,0	79	42	CLN	ONT
681	Trần Thanh Túy	Tân Lập	100,0	80	42	CLN	ONT
682	Tổng Phúc Thắng	Tân Lập	100,0	81	42	CLN	ONT
683	Tổng Phúc Thắng	Tân Lập	100,0	82	42	CLN	ONT
684	Tổng Phúc Thắng	Tân Lập	100,0	83	42	CLN	ONT
685	Nguyễn Thanh Tuấn	Tân Lập	100,0	84	42	CLN	ONT
686	Phan Quốc Huy	Tân Lập	100,0	85	42	CLN	ONT
687	Võ Thị Hiền	Tân Lập	100,0	103	42	CLN	ONT
688	Trần Thị Khen	Tân Lập	500,0	105	42	CLN	ONT
689	Lê Thị Nữ	Tân Lập	800,0	110	42	CLN	ONT
690	Lê Thị Nữ	Tân Lập	300,0	111	42	CLN	ONT
691	Vũ Văn Trường	Tân Lập	200,0	113	42	CLN	ONT
692	Chu Văn Hộ	Tân Lập	3.000,0	136	42	CLN	ONT
693	Nguyễn Chiến Thắng	Tân Lập	1.000,0	21	44	CLN	ONT
694	Nguyễn Đăng Khoa	Tân Lập	1.000,0	35	44	CLN	ONT
695	Đặng Văn Trung	Tân Lập	200,0	55	44	CLN	ONT
696	Nguyễn Thị Hoa	Tân Lập	300,0	68	44	CLN	ONT
697	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Tân Lập	1.500,0	82	44	CLN	ONT
698	Lê Phương Thảo	Tân Lập	100,0	44	48	CLN	ONT
699	Lê Phương Thảo	Tân Lập	600,0	45	48	CLN	ONT
700	Phạm Thanh Thái	Tân Lập	1.300,0	62	48	CLN	ONT
701	Nguyễn Bá Thâm	Tân Lập	200,0	106	48	CLN	ONT
702	Phạm Thế Nghĩa	Tân Lập	200,0	119	48	CLN	ONT
703	Nguyễn Bá Lợi	Tân Lập	100,0	169	48	CLN	ONT
704	Lê Đăng Quỳnh	Tân Lập	1.500,0	10	49	CLN	ONT
705	Đào Văn Thúc	Tân Lập	1.200,0	18	49	CLN	ONT
706	Lê Văn Thanh	Tân Lập	200,0	22	49	CLN	ONT
707	Phạm Văn Tú	Tân Lập	700,0	100	49	CLN	ONT
708	Nguyễn Tất Đắp	Tân Lập	200,0	167	49	CLN	ONT
709	Triệu Đình Chương	Tân Lập	1.000,0	178	49	CLN	ONT
710	Lê Thanh Hòa	Tân Lập	300,0	180	49	CLN	ONT
711	Nguyễn Văn Các	Tân Lập	1.000,0	17	50	CLN	ONT
712	Hoàng Thị Xuân	Tân Lập	2.000,0	40	50	CLN	ONT

713	Đào Văn Bình	Tân Lập	3.000,0	141	50	CLN	ONT
714	Nguyễn Văn Các	Tân Lập	3.000,0	146	50	CLN	ONT
715	Nguyễn Thanh Tuấn	Tân Lập	100,0	277	50	CLN	ONT
716	Hoàng Thị Xuân	Tân Lập	400,0	413	50	CLN	ONT
717	Đặng Đình Dương	Tân Lập	300,0	8	51	CLN	ONT
718	Phan Văn Phi	Tân Lập	200,0	30	51	CLN	ONT
719	Nguyễn Văn Được	Tân Lập	200,0	123	54	CLN	ONT
720	Phạm Văn Lê	Tân Lập	100,0	146	54	CLN	ONT
721	Phạm Thị Yến Ngọc	Tân Lập	300,0	147	54	CLN	ONT
722	Nguyễn Văn Dũng	Tân Lập	100,0	28	55	CLN	ONT
723	Lục Phong Phú	Tân Lập	200,0	51	57	CLN	ONT
724	Hoàng Trung Nghĩa	Tân Lập	800,0	64	57	CLN	ONT
725	Nguyễn Viết Duẩn	Tân Lập	100,0	111	57	CLN	ONT
726	Trần Thị Cậy	Tân Lập	2.500,0	87	58	CLN	ONT
727	Nguyễn Đức Nhất	Tân Lập	1.000,0	145	58	CLN	ONT
728	Lê Văn Thuyết	Tân Lập	200,0	146	58	CLN	ONT
729	Nguyễn Thị Lan	Tân Lập	200,0	147	58	CLN	ONT
730	Bùi Văn Tuấn	Tân Lập	200,0	165	58	CLN	ONT
731	Phạm Trần Minh	Tân Lập	300,0	165	58	CLN	ONT
732	Nguyễn Thanh Hải	Tân Lập	100,0	167	58	CLN	ONT
733	Lê Thị Nga	Tân Lập	500,0	207	58	CLN	ONT
734	Nguyễn Thị Tài	Tân Lập	500,0	217	58	CLN	ONT
735	Chu Thị Loan	Tân Lập	200,0	221	58	CLN	ONT
736	Vũ Quốc Hội	Tân Lập	1.000,0	222	58	CLN	ONT
737	Phạm Văn Triu	Tân Lập	300,0	235	58	CLN	ONT
738	Trần Kim Tiến	Tân Lập	400,0	288	58	CLN	ONT
739	Trần Văn Học	Tân Lập	400,0	89	59	CLN	ONT
740	Đoàn Hữu Thăng	Tân Lập	1.000,0	146	59	CLN	ONT
741	Kim Thị Yến Trinh	Tân Lập	300,0	180	59	CLN	ONT
742	Trương Thị Nhung	Tân Lập	200,0	181	59	CLN	ONT
743	Phan Thị Bé	Tân Lập	200,0	182	59	CLN	ONT
744	Phạm Công Trường	Tân Lập	200,0	187	59	CLN	ONT
745	Hoàng Văn Thìn	Tân Lập	1.200,0	201	59	CLN	ONT
746	Nguyễn Trọng Cường	Tân Lập	300,0	210	59	CLN	ONT
747	Nguyễn Thị Linh	Tân Lập	200,0	212	59	CLN	ONT
748	Dương Văn Khương	Tân Lập	400,0	218	59	CLN	ONT
749	Mã Lương Dự	Tân Lập	200,0	220	59	CLN	ONT
750	Trần Văn Trụ	Tân Lập	1.200,0	25	61	CLN	ONT
751	Trần Văn Trụ	Tân Lập	1.200,0	21	62	CLN	ONT
752	Nguyễn Thị Bầu	Tân Lập	100,0	61	75	CLN	ONT
753	Lưu Thị Hòa	Tân Lập	100,0	98	75	CLN	ONT
754	Vũ Thị Ngọc Oanh	Tân Lập	300,0	91	77	CLN	ONT
755	Nguyễn Thị Mận	Tân Lập	100,0	243	77	CLN	ONT
756	Bùi Thị Ly	Tân Lập	500,0	389	77	CLN	ONT
757	Hoàng Trị	Tân Lập	800,0	400	77	CLN	ONT
758	Lại Văn Thanh	Tân Lập	200,0	446	77	CLN	ONT
759	Nguyễn Thị Thu Vân	Tân Lập	200,0	450	77	CLN	ONT
760	Võ Hồng Nguyên	Tân Lập	100,0	500	77	CLN	ONT
761	Nguyễn Văn Cường	Tân Lập	100,0	41	78	CLN	ONT
762	Lê Văn Dũng	Tân Lập	140,0	96	78	CLN	ONT
763	Lương Văn Thi	Tân Lập	200,0	180	78	CLN	ONT
764	Nguyễn Bá Thành	Tân Lập	400,0	182	78	CLN	ONT
765	Lê Trọng Sơn	Tân Lập	100,0	190	78	CLN	ONT
766	Nguyễn Văn Thoại	Tân Lập	300,0	54	79	CLN	ONT
767	Đỗ Thị Tươi	Tân Lập	100,0	198	79	CLN	ONT

768	Vũ Thị Thơ	Tân Lập	400,0	202	79	CLN	ONT
769	Trần Văn Tĩnh	Tân Lập	100,0	73	80	CLN	ONT
770	Nguyễn Văn Thành	Tân Lập	100,0	154	80	CLN	ONT
771	Đỗ Văn Đình	Tân Lập	100,0	165	80	CLN	ONT
772	Phan Quang Huệ	Tân Lập	200,0	166	80	CLN	ONT
773	Võ Thị Trâm Anh	Tân Lập	200,0	237	80	CLN	ONT
774	Hoàng Thị Tý	Tân Lập	100,0	289	80	CLN	ONT
775	Đoàn Minh Dương	Tân Lập	200,0	316	80	CLN	ONT
776	Lê Thị Cúc	Tân Lập	100,0	374	80	CLN	ONT
777	Phạm Thị Nguyệt	Tân Lập	100,0	6	81	CLN	ONT
778	Vũ Văn Hối	Tân Lập	600,0	39	82	CLN	ONT
779	Nguyễn Thị Tiến	Tân Lập	400,0	252	82	CLN	ONT
780	Phạm Công Vinh	Tân Lập	100,0	17	83	CLN	ONT
781	Lục Văn Dũng	Tân Lập	300,0	181	83	CLN	ONT
782	Nguyễn Văn Bốn	Tân Lập	1.500,0	2	84	CLN	ONT
783	Bùi Văn Ninh	Tân Lập	100,0	73	84	CLN	ONT
784	Phạm Văn Tĩnh	Tân Lập	200,0	75	84	CLN	ONT
785	Trần Đình Quyết	Tân Lập	200,0	76	84	CLN	ONT
786	Nguyễn Văn Chơn	Tân Lập	400,0	298	85	CLN	ONT
787	Lục Văn Dũng	Tân Lập	200,0	100	86	CLN	ONT
788	Trần Văn Bình	Tân Lập	3.800,0	364(79)	31(58)	CLN	ONT
789	Nguyễn Văn Chính	Tân Lập	400,0	43(16)	31(58)	CLN	ONT
790	Phạm Thị Nga	Tân Lợi	400,0	55	1	CLN	ONT
791	Trần Bảo Toàn	Tân Lợi	300,0	136	1	CLN	ONT
792	Trần Văn Sang	Tân Lợi	700,0	5	2	CLN	ONT
793	Nguyễn Văn Thấu	Tân Lợi	1.000,0	58	3	CLN	ONT
794	Mai Văn Cơ	Tân Lợi	1300	103	3	CLN	ONT
795	Đinh Văn Đoàn	Tân Lợi	2.500,0	180	3	CLN	ONT
796	Đặng Duy Phương	Tân Lợi	200,0	612	3	CLN	ONT
797	Đinh Thị Hương	Tân Lợi	5.000,0	93, 101	3	CLN	ONT
798	Nguyễn Trọng Tài	Tân Lợi	3.000,0	23	4	CLN	ONT
799	Vũ Văn Hiền	Tân Lợi	1.400,0	27	4	CLN	ONT
800	Nguyễn Trọng Tài	Tân Lợi	3.000,0	32	4	CLN	ONT
801	Nguyễn Trọng Tài	Tân Lợi	3.000,0	39	4	CLN	ONT
802	Nguyễn Trung Thọ	Tân Lợi	200,0	56	4	CLN	ONT
803	Bùi Văn Lương	Tân Lợi	1.200,0	209	4	CLN	ONT
804	Trần Thanh Tâm	Tân Lợi	100,0	364	4	CLN	ONT
805	Nguyễn Đức Hưng	Tân Lợi	150,0	635	4	CLN	ONT
806	Nguyễn Trung Thọ	Tân Lợi	200,0	746	4	CLN	ONT
807	Phan Thị Thanh Nga	Tân Lợi	300,0	17	5	CLN	ONT
808	Phan Công Bình	Tân Lợi	2.000,0	19	5	CLN	ONT
809	Phạm Tiến	Tân Lợi	3.500,0	70	6	CLN	ONT
810	Lê Hùng Phương	Tân Lợi	500,0	177	6	CLN	ONT
811	Trần Thị Thùy Vân	Tân Lợi	1.600,0	36	7	CLN	ONT
812	Hoàng Thị Kim Phụng	Tân Lợi	200,0	43	7	CLN	ONT
813	Đào Hiếu Nam	Tân Lợi	600,0	132	7	CLN	ONT
814	Trương Văn Lành	Tân Lợi	400,0	43	9	CLN	ONT
815	Nguyễn Thị Mỹ	Tân Lợi	200,0	65	9	CLN	ONT
816	Trương Văn Nghĩa	Tân Lợi	800,0	143	9	CLN	ONT
817	Phùng Chí Cao	Tân Lợi	2.000,0	14	13	CLN	ONT
818	Phùng Chí Cao	Tân Lợi	300,0	315	13	CLN	ONT
819	Phùng Chí Cao	Tân Lợi	1.000,0	387	13	CLN	ONT
820	Vy Văn Dũng	Tân Lợi	600,0	21	14	CLN	ONT
821	Hoàng Văn Thân	Tân Lợi	500,0	45	14	CLN	ONT
822	Nông Văn Mười	Tân Lợi	1.000,0	68	16	CLN	ONT

823	Vy Văn kỳ	Tân Lợi	100,0	80	16	CLN	ONT
824	Nguyễn Đình Thanh	Tân Lợi	900,0	82	16	CLN	ONT
825	Nông Thị Dung	Tân Lợi	1.000,0	169	17	CLN	ONT
826	Hoàng Văn Học	Tân Lợi	100,0	62	18	CLN	ONT
827	Hồ Thị Thêm	Tân Lợi	100,0	76	18	CLN	ONT
828	Trần Quốc Toàn	Tân Lợi	200,0	153	18	CLN	ONT
829	Hồ Thị Kim Khương	Tân Lợi	2.000,0	173	18	CLN	ONT
830	Trương Văn Ngĩa	Tân Lợi	300,0	242	18	HNK	ONT
831	Trương Văn Thịnh	Tân Lợi	100,0	472	18	CLN	ONT
832	Trần Văn Tuyền	Tân Lợi	100,0	585	18	CLN	ONT
833	Trần Văn Phần	Tân Lợi	1.000,0	14	19	CLN	ONT
834	Lưu Văn Lương	Tân Lợi	200,0	80	19	CLN	ONT
835	Nguyễn Văn Bình	Tân Lợi	1000	121	19	CLN	ONT
836	Vy Văn Dũng	Tân Lợi	500,0	132	19	CLN	ONT
837	Nguyễn Văn Bình	Tân Lợi	100,0	184	19	CLN	ONT
838	Trần Thị Kim Thúy	Tân Lợi	400,0	193	19	CLN	ONT
839	Hồ Xuân Cương	Tân Lợi	1.000,0	303	19	CLN	ONT
840	Lê Thị Ánh Nguyệt	Tân Lợi	100,0	187	22	CLN	ONT
841	Nguyễn Thị Chiên	Tân Lợi	200,0	189	22	CLN	ONT
842	Nguyễn Đình Hưng	Tân Lợi	1.200,0	113	23	CLN	ONT
843	Vũ Thị Phương	Tân Lợi	600,0	828;829;801	23	CLN	ONT
844	Phùng Tất Thành	Tân Lợi	1.100,0	42	24	CLN	ONT
845	Lê Quốc Linh	Tân Lợi	1.000,0	81	24	CLN	ONT
846	Nguyễn Văn Nhân	Tân Lợi	500,0	97	24	CLN	ONT
847	Nguyễn Trọng Hải	Tân Lợi	900,0	184	24	CLN	ONT
848	Lý Thị Lệ	Tân Lợi	200,0	229	24	CLN	ONT
849	Lê Văn Khanh	Tân Lợi	500,0	308	24	CLN	ONT
850	Kim Thị Bê	Tân Lợi	1.200,0	396	24	CLN	ONT
851	Hoàng Văn Dũng	Tân Lợi	500,0	142	25	CLN	ONT
852	Nguyễn Thị Huệ	Tân Lợi	200,0	124	26	CLN	ONT
853	Nguyễn Văn Diên	Tân Lợi	400,0	202	26	CLN	ONT
854	Đàm Văn Dậu	Tân Lợi	2.000,0	249	26	CLN	ONT
855	Lê Thị quế	Tân Lợi	2.000,0	261	26	CLN	ONT
856	Trần Thị Hòa Cẩm	Tân Lợi	900,0	290	26	CLN	ONT
857	Trần Thị Hòa Cẩm	Tân Lợi	400,0	335	26	CLN	ONT
858	Lê Thị Quế	Tân Lợi	2.000,0	365	26	CLN	ONT
859	Nguyễn Minh Chuyên	Tân Lợi	400,0	420	26	CLN	ONT
860	Hoàng Văn Phụng	Tân Lợi	300,0	438	26	CLN	ONT
861	Nguyễn Tiến Đạt	Tân Lợi	200,0	440	26	CLN	ONT
862	Nguyễn Thị Nhung	Tân Lợi	200,0	442	26	CLN	ONT
863	Nguyễn Văn Phú	Tân Lợi	500,0	567	26	CLN	ONT
864	Nguyễn Văn Thái	Tân Lợi	600,0	577	26	CLN	ONT
865	Nguyễn Văn Thái	Tân Lợi	400,0	578	26	CLN	ONT
866	Nguyễn Văn Thái	Tân Lợi	400,0	579	26	CLN	ONT
867	Nguyễn Thị Ánh	Tân Lợi	400,0	591	26	CLN	ONT
868	Nguyễn Đức Việt Tựu	Tân Lợi	400,0	601	26	CLN	ONT
869	Nguyễn Thanh Quới	Tân Lợi	200,0	652	26	CLN	ONT
870	Hoàng Văn Thắng	Tân Lợi	100,0	729	26	CLN	ONT
871	Trần Ngọc Nhân	Tân Lợi	100,0	906	26	CLN	ONT
872	Nguyễn Văn Thành	Tân Lợi	800,0	336; 243	26	CLN	ONT
873	Trần Ngọc Nhân	Tân Lợi	800,0	769; 908; 768; 771; 781	26	CLN	ONT
874	Lê Văn Hiếu	Tân Lợi	500,0	58	27	CLN	ONT
875	Dương Văn Mão	Tân Lợi	700,0	21	27	CLN	ONT
876	Trần Văn Công	Tân Lợi	600,0	166	27	CLN	ONT

877	Lê Văn Hiến	Tân Lợi	300,0	187	27	CLN	ONT
878	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Tân Lợi	300,0	66; 67	27	CLN	ONT
879	Trần Thanh Bình	Tân Lợi	100,0	39	38	CLN	ONT
880	Mai Trọng Vinh	Tân Lợi	100,0	52	38	CLN	ONT
881	Nguyễn Đình Cường	Tân Lợi	100,0	55	38	CLN	ONT
882	Hoàng Văn Quân	Tân Lợi	100,0	90	38	CLN	ONT
883	Chu Văn Nga	Tân Lợi	200,0	131	38	CLN	ONT
884	Nông Thị Slu	Tân Lợi	1.000,0	134	38	CLN	ONT
885	Đinh Văn Giới	Tân Lợi	2.200,0	136	38	CLN	ONT
886	Đoàn Văn Nam	Tân Lợi	200,0	193	38	CLN	ONT
887	Trần Văn Tuyền	Tân Lợi	200,0	209	38	CLN	ONT
888	Nguyễn Kim Viên	Tân Lợi	2.000,0	33	39	CLN	ONT
889	Nông Thị Sim	Tân Lợi	1.500,0	80	39	CLN	ONT
890	Trần Duy Khánh	Tân Lợi	2.000,0	85	39	CLN	ONT
891	Trần Văn Nam	Tân Lợi	400,0	102	39	CLN	ONT
892	Đinh Trọng Sơn	Tân Lợi	300,0	112	39	CLN	ONT
893	Đinh Đức Thịnh	Tân Lợi	200,0	113	39	CLN	ONT
894	Triệu Quang Phù	Tân Lợi	300,0	114	39	CLN	ONT
895	Hoàng Thị Toan	Tân Lợi	800,0	115;117	39	CLN	ONT
896	Nguyễn Thế Chung	Tân Lợi	300,0	147	40	CLN	ONT
897	Nguyễn Văn Bình	Tân Lợi	500,0	191	40	CLN	ONT
898	Đặng Văn Thịnh	Tân Lợi	400,0	42	41	CLN	ONT
899	Lý Hoàng Khôi	Tân Lợi	100,0	102	41	CLN	ONT
900	Nguyễn Văn dũng	Tân Lợi	200,0	103;104	41	CLN	ONT
901	Nguyễn Văn Dũng	Tân Lợi	100,0	106	41	CLN	ONT
902	Nguyễn Hồng Sơn	Tân Lợi	200	106	41	CLN	ONT
903	Lưu Thúy Phượng	Tân Lợi	200,0	22	44	CLN	ONT
904	Lưu Thúy Phượng	Tân Lợi	400,0	37	44	CLN	ONT
905	Nguyễn Hùng	Tân Lợi	400,0	40	44	CLN	ONT
906	Hoàng Thị Thi	Tân Lợi	2.400,0	12	46	CLN	ONT
907	Nguyễn Văn Long	Tân Lợi	4.000,0	41	46	CLN	ONT
908	Phạm Bá Độ	Tân Lợi	400,0	47	47	CLN	ONT
909	Chu Văn Phô	Tân Lợi	1.280,0	124	3	CLN	ONT
910	Phạm Tấn Diên	Tân Lợi	100,0	458	3	CLN	ONT
911	Nguyễn Duy Phan	Tân Lợi	1.000,0	234	4	CLN	ONT
912	Phan Công Bình	Tân Lợi	1.000,0	19	5	CLN	ONT
913	Lê Xuân Hương	Tân Lợi	1.000,0	198	6	CLN	ONT
914	Trần Đăng Hưng	Tân Lợi	1.200,0	68	16	CLN	ONT
915	Vũ Đình Luân	Tân Lợi	1.000,0	200	22	CLN	ONT
916	Nguyễn Đức Mạnh	Tân Lợi	200,0	248	22	CLN	ONT
917	Phạm Ngọc Sâm	Tân Lợi	200,0	308	22	CLN	ONT
918	Nguyễn Thị Chín	Tân Lợi	100,0	321	24	CLN	ONT
919	Nguyễn Khắc Hải	Tân Lợi	200,0	325	24	CLN	ONT
920	Nông Văn Tòng	Tân Lợi	600,0	124	26	CLN	ONT
921	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	Tân Lợi	100,0	62	38	CLN	ONT
922	Nguyễn Văn Thành	Tân Lợi	1.000,0	119	40	CLN	ONT
923	Huỳnh Thanh Vũ	Tân Lợi	400,0	155	40	CLN	ONT
924	Nguyễn Duy Phan	Tân Lợi	400,0	41	44	CLN	ONT
925	Hồ Thị Hồng Vân	Tân Phú	1.500,0	68	1	CLN	ODT
926	Nguyễn Vỹ	Tân Phú	500,0	4	2	CLN	ODT
927	Huỳnh Thị Huệ	Tân Phú	1.100,0	14	2	CLN	ODT
928	Huỳnh Trung Thành	Tân Phú	300,0	45	2	CLN	ODT
929	Nguyễn Văn Dũng	Tân Phú	200,0	62	2	CLN	ODT
930	Cao Đình Thanh	Tân Phú	200,0	66	2	CLN	ODT
931	Văn Đình Thuận	Tân Phú	400,0	154	3	CLN	ODT

932	Lê Hữu Lực	Tân Phú	300,0	155	3	CLN	ODT
933	Vũ Hồng Thịnh	Tân Phú	1.000,0	35	4	CLN	ODT
934	Lương Xuân Hiền	Tân Phú	1.500,0	50	4	CLN	ODT
935	Nguyễn Phong Điền	Tân Phú	400,0	666	4	CLN	ODT
936	Lưu Thanh Loan	Tân Phú	100,0	794	4	CLN	ODT
937	Lý Văn giáp	Tân Phú	400,0	798	4	CLN	ODT
938	Phạm Văn Nghĩa	Tân Phú	100,0	795	4	CLN	ODT
939	Vũ Thị Thêu	Tân Phú	100,0	800	4	CLN	ODT
940	Tô Viết Văn	Tân Phú	100,0	801	4	CLN	ODT
941	Nguyễn Thanh Bình	Tân Phú	100,0	803	4	CLN	ODT
942	Nguyễn Đức Hiệp	Tân Phú	100,0	804	4	CLN	ODT
943	Như Quỳnh Như	Tân Phú	100,0	805	4	CLN	ODT
944	Phạm Văn Nghĩa	Tân Phú	100,0	806	4	CLN	ODT
945	Phạm Thị Hồng Phượng	Tân Phú	100,0	807	4	CLN	ODT
946	Lê Thị Thu Thắm	Tân Phú	100,0	809	4	CLN	ODT
947	Đinh Sỹ Ngân	Tân Phú	100,0	811	4	CLN	ODT
948	Phan Thị Phương	Tân Phú	100,0	259	6	CLN	ODT
949	Trần Thị Chung	Tân Phú	500,0	18	7	CLN	ODT
950	Nguyễn Văn Hồng	Tân Phú	300,0	42	7	CLN	ODT
951	Nguyễn Văn Quang	Tân Phú	1.000,0	54	7	CLN	ODT
952	Đinh Thị Bé	Tân Phú	1.000,0	73	7	CLN	ODT
953	Trần Bình Dương	Tân Phú	300,0	80	7	CLN	ODT
954	Nguyễn Cảnh Hải	Tân Phú	300,0	101	7	CLN	ODT
955	Trần Văn Toàn	Tân Phú	300,0	108	7	CLN	ODT
956	Tạ Văn Diệp	Tân Phú	3.000,0	6	8	CLN	ODT
957	Nguyễn Minh Tuấn	Tân Phú	2.500,0	43	8	CLN	ODT
958	Vũ Văn Ngọc	Tân Phú	2.000,0	126	8	CLN	ODT
959	Nguyễn Thị Hồng Hà	Tân Phú	2.000,0	170	9	CLN	ODT
960	Nguyễn Thị Ngọc	Tân Phú	80,0	224	9	CLN	ODT
961	Nguyễn Văn Thành	Tân Phú	1.000,0	264	10	CLN	ODT
962	Danh Tiến Đạt	Tân Phú	100,0	326	9	CLN	ODT
963	Đào Thị Thủy	Tân Phú	200,0	354	10	CLN	ODT
964	Võ Đức Hải	Tân Phú	100,0	410	10	CLN	ODT
965	Nguyễn Vũ Lan Nhi	Tân Phú	168,0	693	10	CLN	ODT
966	Nguyễn Thị Kim Dâng	Tân Phú	50,0	527	10	CLN	ONT
967	Nguyễn Kim Chí	Tân Phú	200,0	529	10	CLN	ONT
968	Nguyễn Kim Chí	Tân Phú	200,0	530	10	CLN	ONT
969	Nguyễn Thị Hoa	Tân Phú	1.500,0	567	10	CLN	ONT
970	Nguyễn Văn Tiến	Tân Phú	1.000,0	122; 114	10	CLN	ODT
971	Nguyễn Viết Từ Nha	Tân Phú	100,0	74	11	CLN	ODT
972	Đoàn Thị Thu Hiền	Tân Phú	50,0	201	11	CLN	ODT
973	Phạm Thị Thu Hiền	Tân Phú	100,0	219	14	CLN	ODT
974	Thái Bình Nguyên	Tân Phú	774,0	41	15	CLN	ODT
975	Chu Thị Lai	Tân Phú	1.000,0	52	15	CLN	ODT
976	Chu Văn Nhân	Tân Phú	600,0	103	15	CLN	ODT
977	Lê Thị Dung	Tân Phú	150,0	105A	15	CLN	ODT
978	Võ Xuân Sính	Tân Phú	500,0	113	15	CLN	ODT
979	Nguyễn Thị Vang	Tân Phú	200,0	212	15	CLN	ODT
980	Võ Mạnh Tính	Tân Phú	300,0	213	15	CLN	ODT
981	Lê Văn Tàn	Tân Phú	200,0	214	15	CLN	ODT
982	Dương Văn Liêm	Tân Phú	100,0	489	15	CLN	ODT
983	Phạm Thị Cẩm Cẩm	Tân Phú	100,0	864	15	CLN	ODT
984	Bùi Văn Mười Phan Thị Hiền	Tân Phú	1.000,0	26	16	CLN	ODT
985	Trần Bảo Toàn	Tân Phú	4.000,0	30	16	CLN	ODT

986	Trương Văn Vũ	Tân Phú	700,0	41	16	CLN	ODT
987	Nguyễn Thị Hạ	Tân Phú	200,0	80	16	CLN	ODT
988	Hàn Văn Tú	Tân Phú	500,0	82	16	CLN	ODT
989	Phan Thị Hiền	Tân Phú	400,0	91	16	CLN	ODT
990	Hoàng Thị Thủy Diệu	Tân Phú	55,0	105	16	CLN	ODT
991	Nguyễn Văn Tuấn	Tân Phú	155,0	108	16	CLN	ODT
992	Phạm Thị Nga	Tân Phú	155,0	111	16	CLN	ODT
993	Phan Thị Hiền	Tân Phú	400,0	124	16	CLN	ODT
994	Nguyễn Thị Tám	Tân Phú	1.000,0	21	17	CLN	ODT
995	Trần Nô	Tân Phú	200,0	2	18	CLN	ODT
996	Nguyễn Thị Kiều	Tân Phú	100,0	239	18	CLN	ODT
997	Bùi Thạch Luân	Tân Phú	500,0	246	18	CLN	ODT
998	Phạm Văn Danh	Tân Phú	200,0	751	18	CLN	ODT
999	Nguyễn Hữu Nhu	Tân Phú	300,0	900	18	CLN	ODT
1000	Trần Đăng Khôi	Tân Phú	300,0	1069	18	CLN	ODT
1001	Phạm Tuấn	Tân Phú	4.000,0	1155	18	CLN	ODT
1002	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Tân Phú	2.500,0	1131; 1132; 912	18	CLN	ODT
1003	Lê Võ Văn Phúc	Tân Phú	200,0	26	19	CLN	ODT
1004	Thái Bình Nguyên	Tân Phú	329,0	213	19	CLN	ODT
1005	Thái Bình Nguyên	Tân Phú	147,6	237	19	CLN	ODT
1006	Lê Thị Hằng	Tân Phú	60,0	383	19	CLN	ODT
1007	Thái Bình Nguyên	Tân Phú	163,3	397	19	CLN	ODT
1008	Nguyễn Thị Hồng Ngoan	Tân Phú	200,0	537	19	CLN	ODT
1009	Nguyễn Văn An	Tân Phú	200,0	597	19	CLN	ODT
1010	Phạm Văn Lục	Tân Phú	100,0	598	19	CLN	ODT
1011	Nguyễn Văn Luận	Tân Phú	300,0	752	19	CLN	ODT
1012	Hoàng Xuân Thuy	Tân Phú	200,0	822	19	CLN	ODT
1013	Bùi Văn Ngọc	Tân Phú	200,0	835	19	CLN	ODT
1014	Nguyễn Minh Đức	Tân Phú	55,0	837	19	CLN	ODT
1015	Nguyễn Thị Nga	Tân Phú	80,0	840	19	CLN	ODT
1016	Nguyễn Thị Yên	Tân Phú	300,0	848	19	CLN	ODT
1017	Thái Bình Nguyên	Tân Phú	103,1	864	19	CLN	ODT
1018	Bùi Văn Ngọc	Tân Phú	200,0	964	19	CLN	ODT
1019	Trần Nô	Tân Phú	2.000,0	1061	19	CLN	ODT
1020	Đỗ Trường Giang	Tân Phú	400,0	1119	19	CLN	ODT
1021	Ngô Thị Kim Chi	Tân Phú	117,6	1177	19	CLN	ODT
1022	Võ Xuân Thuyết	Tân Phú	1.200,0	1278; 1279	19	CLN	ODT
1023	Hoàng Văn Mạnh	Tân Phú	200,0	68	20	CLN	ODT
1024	Nguyễn Sỹ Đức	Tân Phú	300,0	204	20	CLN	ODT
1025	Bùi Tú Linh	Tân Phú	500,0	215	20	CLN	ODT
1026	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	Tân Phú	500,0	245	20	CLN	ODT
1027	Trần Thị Phượng	Tân Phú	1.000,0	253	20	CLN	ODT
1028	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	Tân Phú	50,0	476	20	CLN	ODT
1029	Nguyễn Thị Vui	Tân Phú	1.000,0	17	21	CLN	ODT
1030	Phạm Xuân Thạch	Tân Phú	1.000,0	40	21	CLN	ODT
1031	Nguyễn Thị Nhiễm	Tân Phú	100,0	58	21	CLN	ODT
1032	Nguyễn Thị Nhiễm	Tân Phú	100,0	74	21	CLN	ODT
1033	Phan Đức Kỳ	Tân Phú	100,0	120	21	CLN	ODT
1034	Hoàng Phước Anh	Tân Phú	3.000,0	265	21	CLN	ODT
1035	Huỳnh Thị Tuyết Hồng	Tân Phú	50,0	460	21	CLN	ODT
1036	Vũ Thị Hồng	Tân Phú	500,0	69	22	CLN	ODT
1037	Nguyễn Thị Phượng	Tân Phú	600,0	113	26	CLN	ODT
1038	Tạ Thị Hương	Tân Phú	1.000,0	133	26	CLN	ODT
1039	Đinh Xuân Hanh	Tân Phú	500,0	136	26	CLN	ODT

1040	Hàn Văn Tú	Tân Phú	400,0	172	26	CLN	ODT
1041	Trương Lâm Trường	Tân Phú	50,0	207	26	CLN	ODT
1042	Trần Thị Chuyên	Tân Phú	100,0	208	26	CLN	ODT
1043	Nguyễn Mai Thương	Tân Phú	200,0	257	26	CLN	ODT
1044	Phan Đình Thúc	Tân Phú	500,0	304	26	CLN	ODT
1045	Nguyễn Thị Huyền Trang	Tân Phú	100,0	305	26	CLN	ODT
1046	Bùi Thanh Hà	Tân Phú	200,0	376	26	CLN	ODT
1047	Dương Thị Dung	Tân Phú	200,0	395	26	CLN	ODT
1048	Trịnh Quyết Chiến	Tân Phú	150,0	397	26	CLN	ODT
1049	Đỗ Thị Huệ	Tân Phú	200,0	471	26	CLN	ODT
1050	Võ Thị Mai	Tân Phú	500,0	18	27	CLN	ODT
1051	Trần Long Biên	Tân Phú	1.500,0	73	27	CLN	ODT
1052	Lê Văn Đồng	Tân Phú	150,0	107	27	CLN	ODT
1053	Nguyễn Văn Anh	Tân Phú	50,0	196	27	CLN	ODT
1054	Chu Thị Hoanh	Tân Phú	1.000,0	198	27	CLN	ODT
1055	Lê Hồ Thiên Hương	Tân Phú	1.000,0	177	29	CLN	ODT
1056	Lê Công Giang	Tân Phú	100,0	184	29	CLN	ODT
1057	Phùng Ngọc Đình	Tân Phú	400,0	340	29	CLN	ODT
1058	Hoàng Thị Sáu	Tân Phú	50,0	1378	29	CLN	ODT
1059	Phùng Anh Tuấn	Tân Phú	140,0	1463	29	CLN	ODT
1060	Phùng Minh Định	Tân Phú	140,0	1467	29	CLN	ODT
1061	Lê Hồng Liên Hoa	Tân Phú	400,0	1641	29	CLN	ODT
1062	Nguyễn Xuân Hoàng	Tân Phú	200,0	1917	29	CLN	ODT
1063	Phạm Văn Danh	Tân Phú	1.000,0	1923	29	CLN	ODT
1064	Lê Tự Nhớ	Tân Phú	400,0	1949	29	CLN	ODT
1065	Lê Tự Nhớ	Tân Phú	300,0	1950	29	CLN	ODT
1066	Ninh Xuân Quy	Tân Phú	119,2	2054	29	CLN	ODT
1067	Phùng Ngọc Đình	Tân Phú	300,0	2108	29	CLN	ODT
1068	Hồ Thúc Lộc	Tân Phú	100,0	79	30	CLN	ODT
1069	Nguyễn Thành Luân	Tân Phú	1.000,0	100	30	CLN	ODT
1070	Nguyễn Quang Vương	Tân Phú	100,0	115	30	CLN	ODT
1071	Đặng Văn Hân	Tân Phú	150,0	118	30	CLN	ODT
1072	Nguyễn Trọng Bình	Tân Phú	200,0	128	30	CLN	ODT
1073	Trần Đức Tuyền	Tân Phú	200,0	129	30	CLN	ODT
1074	Khiếu Kim Cương	Tân Phú	200,0	130	30	CLN	ODT
1075	Nguyễn Văn Tiến	Tân Phú	800,0	101	32	CLN	ODT
1076	Trần Văn Hình	Tân Phú	600,0	136	32	CLN	ODT
1077	Phan Thế Lương	Tân Phú	300,0	220	32	CLN	ODT
1078	Phạm Quang Thắng	Tân Phú	800,0	224	32	CLN	ODT
1079	Đặng Hữu Phước	Tân Phú	300,0	115	33	CLN	ODT
1080	Nguyễn Thị Hằng	Tân Phú	500,0	169	33	CLN	ODT
1081	Đỗ Thanh Tuyền	Tân Phú	700,0	197	33	CLN	ODT
1082	Trần Minh Tuấn	Tân Phú	200,0	199	33	CLN	ODT
1083	Phạm Thanh Bình	Tân Phú	3.000,0	5	34	CLN	ODT
1084	Vũ Văn Hậu	Tân Phú	800,0	62	34	CLN	ODT
1085	Nguyễn Thị Ngọc Thắm	Tân Phú	100,0	175	34	CLN	ODT
1086	Phạm Ngọc Thúc	Tân Phú	500,0	227	34	CLN	ODT
1087	Trần Văn Hào	Tân Phú	91,9	547	34	CLN	ODT
1088	Nguyễn Văn Tân	Tân Phú	1.000,0	584	34	CLN	ODT
1089	Nguyễn Văn Tân	Tân Phú	500	603	34	CLN	ODT
1090	Mai Thị Hường	Tân Phú	1.000,0	105	36	CLN	ODT
1091	Trịnh Thị Thoa	Tân Phú	200,0	174	36	CLN	ODT
1092	Phan Duy Hưng	Tân Phú	200,0	22	37	CLN	ODT
1093	Nguyễn Văn Liên	Tân Phú	100,0	13	38	CLN	ODT
1094	Bùi Quốc Duẩn	Tân Phú	2.000,0	103	38	CLN	ODT

1095	Bùi Quốc Duẩn	Tân Phú	2.000,0	103	38	CLN	ODT
1096	Bùi Quốc Duẩn	Tân Phú	500,0	104	38	CLN	ODT
1097	Bùi Quốc Duẩn	Tân Phú	1.000,0	105; 21	38	CLN	ODT
1098	Lê xuân Hùng	Tân Phú	200	44	39	CLN	ODT
1099	Bùi Công Hậu	Tân Phú	200,0	86	39	CLN	ODT
1100	Nguyễn Văn Thành	Tân Phú	1.000,0	119	40	CLN	ODT
1101	Nguyễn Xuân Hạ	Tân Phú	250,0	151	40	CLN	ODT
1102	Nguyễn Tiến Nghĩa	Tân Phú	100,0	166	40	CLN	ODT
1103	Nguyễn Thị Là	Tân Phú	100,0	167	40	CLN	ODT
1104	Nguyễn Thị Tào	Tân Phú	95,2	96	43	CLN	ODT
1105	Trần Văn Mạnh	Tân Phú	300,0	18	46	CLN	ODT
1106	Hoang Thị Nhật Anh	Tân Phú	100,0	233	46	CLN	ODT
1107	Nguyễn Văn Quang	Tân Phú	100,0	301	46	CLN	ODT
1108	Nguyễn Văn Anh	Tân Phú	50,0	460	46	CLN	ODT
1109	Lê Hữu Trung	Tân Phú	50,0	461	46	CLN	ODT
1110	Phùng Thị Cẩm Tú	Tân Phú	250,0	468	46	CLN	ODT
1111	Hồ Hùng	Tân Phú	800,0	129	47	CLN	ODT
1112	Dương Mạnh Kiên	Tân Phú	100,0	178	47	CLN	ODT
1113	Đỗ Hữu Huân	Tân Phú	100	12	48	CLN	ODT
1114	Ngô Thị Phú	Tân Phú	100,0	119	48	CLN	ODT
1115	Phan Chinh	Tân Phú	150,0	194	48	CLN	ODT
1116	Trương Duy Tâm	Tân Phú	100,0	201	48	CLN	ODT
1117	Đinh Xuân Quỳnh	Tân Phú	500,0	237	48	CLN	ODT
1118	Phạm Thị Huệ	Tân Phú	60,0	11	49	CLN	ODT
1119	Phạm Hữu Trường	Tân Phú	300,0	49	49	CLN	ODT
1120	Phạm Trường Thanh	Tân Phú	50,0	51	49	CLN	ODT
1121	Lê Bá Thảo	Tân Phú	200,0	94	51	CLN	ODT
1122	Tô Văn Thủy	Tân Phú	200,0	71	54	CLN	ODT
1123	Trần Văn Xuân	Tân Phú	100,0	77	54	CLN	ODT
1124	Phạm Quang Bình	Tân Phú	100,0	78	54	CLN	ODT
1125	Phạm Văn Huế	Tân Phú	100,0	102	54	CLN	ODT
1126	Phạm Văn Toàn	Tân Phú	400,0	331	57	CLN	ODT
1127	Phạm Văn Danh	Tân Phú	1.000,0	381	57	CLN	ODT
1128	Nguyễn Văn Quang	Tân Phú	40,0	457	57	CLN	ODT
1129	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Tân Phú	50,0	459	57	CLN	ODT
1130	Nguyễn Văn Mạnh	Tân Phú	200,0	117	58	CLN	ODT
1131	Quyền Thị Minh Ngọc	Tân Phú	50,0	57	60	CLN	ODT
1132	Nguyễn Xuân Hòe	Tân Phú	2.000,0	96	60	CLN	ODT
1133	Lê Thị Hạnh	Tân Phú	100,0	266	60	CLN	ODT
1134	Võ Trọng Dũng	Tân Phú	60,0	338	61	CLN	ODT
1135	Nguyễn Thành Nhi	Tân Phú	50,0	3	63	CLN	ODT
1136	Nguyễn Thị Thanh	Tân Phú	100,0	55	65	CLN	ODT
1137	Phùng Anh Tuấn	Tân Phú	300,0	100	70	CLN	ODT
1138	Nguyễn Đức Lý	Tân Phú	450,0	79	71	CLN	ODT
1139	Lê Thị Hằng	Tân Phú	75,0	26	73	CLN	ODT
1140	Nguyễn Thị Nga	Tân Phú	150,0	28	73	CLN	ODT
1141	Đặng Văn Hải	Tân Phú	160,0	156	78	CLN	ODT
1142	Võ Quốc Chính	Tân Phú	100,0	160	78	CLN	ODT
1143	Dương Mạnh Kiên	Tân Phú	500,0	145	83	CLN	ODT
1144	Phạm Đức Thắng	Tân Phú	277,8	80	84	CLN	ODT
1145	Nguyễn Ngọc Khái	Tân Phú	50,0	85	85	CLN	ODT
1146	Nguyễn Thị Hải Âu	Tân Phú	1.000,0	129	85	CLN	ODT
1147	Phạm Minh Quý	Tân Phú	650,0	66 (4-bđ	1 (01)	CLN	ODT
1148	Nguyễn Thanh Thu	Tân Phú	200,0	473 (1198)	10 (19)	CLN	ODT
1149	Nguyễn Thị Kim Lê	Tân Phú	100,0	132 (90)	10 (42)	CLN	ODT

1150	Huỳnh Văn An	Tân Phú	200,0	278a (27)	10 (44)	CLN	ODT
1151	Nguyễn Vũ Lan Nhi	Tân Phú	200,0	349 (52)	10 (67)	CLN	ODT
1152	Nguyễn Thị Bích Thủy	Tân Phú	200,0	102a (95)	15 (68)	CLN	ODT
1153	Lê Thị Hằng	Tân Phú	50,0	131A (46)	15 (71)	CLN	ODT
1154	Lê Thị Hằng	Tân Phú	50,0	308 (46)	15 (71)	CLN	ODT
1155	Vũ Thị Kiên	Tân Phú	1.000,0	12 (34)	16 (30)	CLN	ODT
1156	Phạm Ngọc Thúc	Tân Phú	400,0	25 (18)	17 (56)	CLN	ODT
1157	Cao Thị Mơ	Tân Phú	100,0	345 (62)	19 (78)	CLN	ODT
1158	Trần Văn Tòng	Tân Phú	150,0	5a (13)	19 (79)	CLN	ODT
1159	Lê Xuân Đào	Tân Phú	3.000,0	77 (26)	22 (62)	CLN	ODT
1160	Trần Đức Thế	Tân Phú	400,0	70 (82)	24 (15)	CLN	ODT
1161	Võ Xuân Toan	Tân Phú	1.200,0	93 (56)	24 (15)	CLN	ODT
1162	Nguyễn Thị Lan	Tân Phú	1.600,0	45A (37)	27 (25)	CLN	ODT
1163	Nguyễn Văn Thực	Tân Phú	600,0	16; 12 (36)	27 (26)	CLN	ODT
1164	Dương Thị Thí	Tân Phú	300,0	5 (13)	27 (26)	CLN	ODT
1165	Nguyễn Văn Kính	Tân Phú	500,0	52 (60)	27 (26)	CLN	ODT
1166	Chu Văn Trung	Tân Phú	1.000,0	6 (4)	27 (26)	CLN	ODT
1167	Võ Hữu Huân	Tân Phú	300,0	78A (82)	27 (26)	CLN	ODT
1168	Lê Văn Quân	Tân Phú	2.200,0	15;13(36)	30(32)	CLN	ODT
1169	Nguyễn Thị Nhạn	Tân Phú	800,0	100 (100)	31 (33)	CLN	ODT
1170	Tổng Trần Công	Tân Phú	100,0	233 (34)	31 (33)	CLN	ODT
1171	Nguyễn Thị Nhạn	Tân Phú	800,0	70 (74)	31 (33)	CLN	ODT
1172	Trần Nô	Tân Phú	1.500,0	46(241)	4 (8)	CLN	ODT
1173	Võ Đức Hải	Tân Phú	800,0	146 (91)	9 (19)	CLN	ODT
1174	Võ Đức Hải	Tân Phú	1.000,0	160 (135)	9 (19)	CLN	ODT
1175	Phạm Phước Tuấn	Tân Phú	168,7	218 (207)	9 (19)	CLN	ODT
1176	Nguyễn Đình Phúc	Tân phước	300,0	190	1	CLN	ONT
1177	Phùng Hữu Sơn	Tân phước	1.800,0	49	2	CLN	ONT
1178	Trần Ngọc Luân	Tân phước	1.000,0	56	2	CLN	ONT
1179	Lê Phước Tùng	Tân phước	200,0	93	2	CLN	ONT
1180	Nguyễn Thị Lan	Tân phước	200,0	94	2	CLN	ONT
1181	Phạm Hồng Khanh	Tân phước	100,0	95	2	CLN	ONT
1182	Phạm Minh Tân	Tân phước	200,0	96	2	CLN	ONT
1183	Nguyễn Trọng Hiếu	Tân phước	1.000,0	11	5	CLN	ONT
1184	Trần Ngọc Luân	Tân phước	1.000,0	12	5	CLN	ONT
1185	Nguyễn Văn Khương	Tân phước	500,0	16	5	CLN	ONT
1186	Nguyễn Văn Nhiều	Tân phước	1.000,0	18	5	CLN	ONT
1187	Nguyễn Trọng Hiếu	Tân phước	2.000,0	26	5	CLN	ONT
1188	Đỗ Văn Phong	Tân phước	2.500,0	32	5	CLN	ONT
1189	Lê Ngọc Tùng	Tân phước	100,0	84	5	CLN	ONT
1190	Hồ Đăng Quốc	Tân phước	400,0	450	5	CLN	ONT
1191	Nguyễn Văn Duy	Tân phước	1.100,0	948	5	CLN	ONT
1192	Lê Thị Thu Sương	Tân phước	400,0	21	8	CLN	ONT
1193	Nguyễn Chí Nguyên	Tân Phước	400,0	42	9	CLN	ONT
1194	Nguyễn Nguyệt Nương	Tân Phước	1.000,0	340	12	CLN	ONT
1195	Mai Viết Hiệu	Tân phước	150,0	341	12	CLN	ONT
1196	Lê Văn Bảo	Tân Phước	1.000,0	349	12	CLN	ONT
1197	Phạm Công Chính	Tân phước	400,0	235a	12	CLN	ONT
1198	Võ Doanh	Tân phước	100,0	16	16	CLN	ONT
1199	Nông Văn Chiến	Tân phước	300,0	50	16	CLN	ONT
1200	Nông Văn Thới	Tân phước	300,0	65	16	CLN	ONT
1201	Nông Văn Chiến	Tân phước	300,0	85	16	CLN	ONT
1202	Hoàng Văn Ho	Tân phước	300,0	142	16	CLN	ONT
1203	Lê Quốc Phong	Tân phước	200,0	183	16	CLN	ONT
1204	Mã Đình Sĩ	Tân phước	200,0	189	16	CLN	ONT

1205	Mã Đình Sĩ	Tân phước	400,0	190	16	CLN	ONT
1206	Nguyễn Thị Thanh	Tân phước	500,0	29	20	CLN	ONT
1207	Tạ Thị Vang	Tân phước	200,0	41	20	CLN	ONT
1208	Hoàng Văn An	Tân phước	100,0	223	20	CLN	ONT
1209	Võ Thị Hồng	Tân phước	300,0	221	21	CLN	ONT
1210	Triệu Thị Luận	Tân phước	200,0	364	21	CLN	ONT
1211	Nguyễn Mạnh Sơn	Tân phước	200,0	365	21	CLN	ONT
1212	Triệu Thị Luận	Tân phước	200,0	366	21	CLN	ONT
1213	Đàm Văn Thuận	Tân phước	200,0	378	21	CLN	ONT
1214	Bế Văn Phú	Tân phước	400,0	422	21	CLN	ONT
1215	Hà Thị Nghi	Tân phước	400,0	434	21	CLN	ONT
1216	Trần Trọng Thức	Tân phước	500,0	511	21	CLN	ONT
1217	Lê Thanh Trường	Tân phước	200,0	514	21	CLN	ONT
1218	Nông Văn Chảo	Tân phước	300,0	515	21	CLN	ONT
1219	Nguyễn Xuân Truyền	Tân Phước	200,0	534	21	CLN	ONT
1220	Lê Văn Lợi	Tân phước	400,0	24	22	CLN	ONT
1221	Khúc Văn Hợi	Tân phước	150,0	65	22	CLN	ONT
1222	Lương Thị Bạch	Tân phước	300,0	77	22	CLN	ONT
1223	Nông Thị Mai	Tân phước	500,0	211	22	CLN	ONT
1224	Bế Văn Chiêu	Tân phước	500,0	348	22	CLN	ONT
1225	Nguyễn Thanh Tú	Tân phước	800,0	361	22	CLN	ONT
1226	Triệu Văn Thuận	Tân phước	400,0	414	22	CLN	ONT
1227	Lê Văn Năng	Tân phước	200,0	407408	22	CLN	ONT
1228	Nông Văn Hữu	Tân phước	400,0	16	23	CLN	ONT
1229	Nông Văn Trường	Tân phước	300,0	89	24	CLN	ONT
1230	Dương Viết Tấn	Tân phước	300,0	131	24	BHK	ONT
1231	Phạm Thị Bình	Tân phước	100,0	133	24	CLN	ONT
1232	Lê Thị Gái	Tân phước	100,0	76	28	CLN	ONT
1233	Lục Văn Cái	Tân phước	400,0	114	28	CLN	ONT
1234	Lê Thị Hạnh	Tân phước	400,0	115	28	CLN	ONT
1235	Ngô Thị Hội	Tân phước	100,0	116	28	CLN	ONT
1236	Nguyễn Trung Thu	Tân Phước	3.500,0	12	31	CLN	ONT
1237	Đỗ Thị Lộc	Tân phước	1.000,0	38	31	CLN	ONT
1238	Võ Văn Tuyết	Tân phước	4.000,0	61	31	CLN	ONT
1239	Mã Văn Mãn	Tân phước	100,0	100	31	CLN	ONT
1240	Phạm Thị Bình	Tân phước	100,0	104	31	CLN	ONT
1241	Trần Minh Dũng	Tân phước	600,0	123	31	CLN	ONT
1242	Đoàn Văn Luyến	Tân phước	2.000,0	22	32	CLN	ONT
1243	Nguyễn Thanh Lâm	Tân phước	300,0	29	32	CLN	ONT
1244	Đồng Văn Hóa	Tân phước	1.500,0	170	32	CLN	ONT
1245	Nguyễn Quốc Hồ	Tân phước	100,0	207	32	CLN	ONT
1246	Quách Thị Kim Liên	Tân Phước	100,0	256	32	CLN	ONT
1247	Nguyễn Thị Huyền Linh	Tân phước	100,0	293	32	CLN	ONT
1248	Lai Văn Khắc và bà Hương Thị Nụ	Tân phước	400,0	295	32	CLN	ONT
1249	Phạm Thị Thêm	Tân phước	400,0	455	32	CLN	ONT
1250	Lê Văn Thành	Tân phước	2.000,0	753	32	CLN	ONT
1251	Lê Công Khẩu	Tân phước	1.000,0	756	32	CLN	ONT
1252	Đinh Thị Thúy Nhân	Tân phước	700,0	919	32	CLN	ONT
1253	Nông Văn Phòng	Tân Phước	400,0	79	33	CLN	ONT
1254	Dương Thị Thảo	Tân Phước	400,0	80	33	CLN	ONT
1255	Phạm Công Chính	Tân phước	200,0	117	33	CLN	ONT
1256	Trần Thị Mỹ Nhân	Tân phước	300,0	221	33	CLN	ONT
1257	Đinh Thị Kim Anh	Tân phước	200,0	250	33	CLN	ONT
1258	Văn Thị Ty	Tân phước	1.000,0	287	33	CLN	ONT

1259	Trịnh Thị Thủy	Tân Phước	1.000,0	308	33	CLN	ONT
1260	Lục Văn Hải	Tân phước	500,0	337	33	CLN	ONT
1261	Trần Văn Hình	Tân phước	400,0	341	33	CLN	ONT
1262	Bùi Thị Mượn	Tân phước	400,0	370	33	CLN	ONT
1263	Phạm Thanh Hồng	Tân phước	100,0	381	33	CLN	ONT
1264	Ngô Văn Cường	Tân phước	200,0	424	33	CLN	ONT
1265	Lê Thị Hạnh	Tân phước	100,0	434	33	CLN	ONT
1266	Bùi Thế Đức	Tân phước	100,0	448	33	CLN	ONT
1267	Bùi Thế Đức	Tân phước	100,0	450	33	CLN	ONT
1268	Phạm Thị Hồng Nhung	Tân phước	100,0	471	33	CLN	ONT
1269	Nguyễn Thị Bướm	Tân phước	400,0	5	34	CLN	ONT
1270	Phan Công Khanh	Tân phước	1.000,0	67	34	CLN	ONT
1271	Nguyễn Thị Hồng Loan	Tân phước	100,0	118	34	CLN	ONT
1272	Bùi Thị Thủy Hằng	Tân phước	300,0	131	34	CLN	ONT
1273	Triệu Văn Bằng	Tân phước	500,0	150	34	CLN	ONT
1274	Nguyễn Thị Quyền Anh	Tân phước	150,0	18	35	CLN	ONT
1275	Phạm Công Chính	Tân phước	200,0	67	35	CLN	ONT
1276	Mã Văn Hai	Tân phước	800,0	250	35	CLN	ONT
1277	Nguyễn Phong	Tân phước	150,0	254	35	CLN	ONT
1278	Mã Văn Hai	Tân phước	800,0	255	35	CLN	ONT
1279	Trần Văn Lợi	Tân phước	300,0	282	35	CLN	ONT
1280	Nông Văn Páo	Tân phước	1.000,0	49	36	CLN	ONT
1281	Nguyễn Thị Đồng	Tân phước	600,0	116	36	CLN	ONT
1282	Nguyễn Thị Phong	Tân phước	400,0	173	36	CLN	ONT
1283	Bế Thị Ngọc	Tân phước	400,0	177	36	CLN	ONT
1284	Lê Văn Duẩn	Tân phước	300,0	267	36	CLN	ONT
1285	Nông Thị Nguyệt	Tân phước	200,0	284	36	CLN	ONT
1286	Hoàng Văn Hanh	Tân Phước	120,0	290	36	CLN	ONT
1287	Đàm Văn Hàm	Tân phước	300,0	82	37	CLN	ONT
1288	Nông Thị Nga	Tân phước	100,0	85	37	CLN	ONT
1289	Trương Thị Thuận	Tân phước	1.000,0	109	37	CLN	ONT
1290	Mông Văn Hoàn	Tân phước	1.000,0	116	37	CLN	ONT
1291	Hoàng Minh Hồng	Tân phước	200,0	161	37	CLN	ONT
1292	Lê Thị Ngọc Linh	Tân phước	243,0	212	37	CLN	ONT
1293	Nguyễn Trường Sang	Tân phước	100,0	381	37	CLN	ONT
1294	Nguyễn Trường Sang	Tân phước	100,0	382	37	CLN	ONT
1295	Nguyễn Trường Sang	Tân phước	100,0	383	37	CLN	ONT
1296	Nguyễn Trường Sang	Tân phước	100,0	384	37	CLN	ONT
1297	Nguyễn Trường Sang	Tân phước	100,0	385	37	CLN	ONT
1298	Nguyễn Trường Sang	Tân phước	100,0	386	37	CLN	ONT
1299	Nguyễn Trường Sang	Tân phước	100,0	387	37	CLN	ONT
1300	Nguyễn Trường Sang	Tân phước	100,0	388	37	CLN	ONT
1301	Nguyễn Trường Sang	Tân phước	100,0	389	37	CLN	ONT
1302	Nguyễn Trường Sang	Tân phước	100,0	390	37	CLN	ONT
1303	Nguyễn Trường Sang	Tân phước	100,0	391	37	CLN	ONT
1304	Nông Văn Ngôn	Tân phước	500,0	398	37	CLN	ONT
1305	Nông Văn Ngôn	Tân phước	500,0	399	37	CLN	ONT
1306	Nông Văn Ngôn	Tân phước	500,0	400	37	CLN	ONT
1307	Nông Văn Ngôn	Tân phước	500,0	401	37	CLN	ONT
1308	Nông Văn Ngôn	Tân phước	500,0	402	37	CLN	ONT
1309	Nông Văn Ngôn	Tân phước	500,0	403	37	CLN	ONT
1310	Nông Văn Ngôn	Tân phước	500,0	404	37	CLN	ONT
1311	Nông Văn Ngôn	Tân phước	500,0	405	37	CLN	ONT
1312	Hoàng Minh Trọng	Tân phước	1.500,0	16	38	CLN	ONT
1313	Phạm Thị Trâm	Tân Phước	200,0	6	40	CLN	ONT

1314	Lê Thái Bá	Tân phước	600,0	25	40	CLN	ONT
1315	Phạm Minh Rần	Tân phước	400,0	29	40	CLN	ONT
1316	Quách Thị Xoan	Tân phước	200,0	71	40	CLN	ONT
1317	Hoàng Văn Hương	Tân phước	183,0	99	40	CLN	ONT
1318	Quách Thị Xoan	Tân phước	100,0	101	40	CLN	ONT
1319	Nguyễn Thị Yên	Tân phước	100,0	107	40	CLN	ONT
1320	Lê Văn Đính	Tân phước	266,0	185	40	CLN	ONT
1321	Lê Diễn	Tân phước	200,0	186	40	CLN	ONT
1322	Hoàng Đình Thành	Tân phước	503,0	190	40	CLN	ONT
1323	Phạm Văn Thi	Tân phước	1.000,0	202	40	CLN	ONT
1324	Trần Trọng Nghĩa	Tân phước	150,0	214	40	CLN	ONT
1325	Phạm Văn Thi	Tân phước	400,0	219	40	CLN	ONT
1326	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Tân phước	700,0	253	40	CLN	ONT
1327	Vũ Trọng Tính	Tân phước	200,0	274	40	CLN	ONT
1328	Võ Trọng Hiếu	Tân phước	400,0	275	40	CLN	ONT
1329	Vũ Minh Thuận	Tân phước	400,0	276	40	CLN	ONT
1330	Võ Trọng Tính	Tân phước	400,0	277	40	CLN	ONT
1331	Trần Minh Dũng	Tân phước	367,0	335	40	CLN	ONT
1332	Nguyễn Xuân Thông	Tân phước	200,0	375	40	CLN	ONT
1333	Nguyễn Sỹ Tuyết	Tân phước	200,0	388	40	CLN	ONT
1334	Nguyễn Sỹ Thế	Tân phước	100,0	389	40	CLN	ONT
1335	Phạm Thị Trâm	Tân Phước	2.000,0	410	40	CLN	ONT
1336	Phạm Thị Trâm	Tân Phước	600,0	431	40	CLN	ONT
1337	Lưu Văn Yên	Tân Phước	7.500,0	18	41	CLN	ONT
1338	Nguyễn Trọng Hoàng	Tân phước	400	43	41	CLN	ONT
1339	Đào Trọng Nhượng	Tân Phước	400,0	83	41	CLN	ONT
1340	Cao Nguyễn Phương Thảo	Tân phước	100,0	94	41	CLN	ONT
1341	Trần Thị Hải	Tân Phước	2.400,0	128	41	CLN	ONT
1342	Trần Thị Chuyền	Tân phước	450,0	137	41	CLN	ONT
1343	Trần Thị Hải	Tân Phước	600,0	152	41	CLN	ONT
1344	Trần Thanh Phương	Tân phước	150,0	201	41	CLN	ONT
1345	Phạm Thị Huyền	Tân phước	400,0	207	41	CLN	ONT
1346	Huỳnh Quốc Cường	Tân phước	300,0	208	41	CLN	ONT
1347	Nguyễn Văn Hải	Tân phước	200,0	210	41	CLN	ONT
1348	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Tân phước	200,0	349	41	CLN	ONT
1349	Lưu Đình Đồng	Tân Phước	200,0	441	41	CLN	ONT
1350	Lê Thị Hiền	Tân phước	100,0	444	41	CLN	ONT
1351	Trần Nhật Trung	Tân phước	400,0	961	41	CLN	ONT
1352	Đặng Văn Thước	Tân phước	300,0	973	41	CLN	ONT
1353	Lê Hữu Quang	Tân phước	400,0	1034	41	CLN	ONT
1354	Trần Văn Thơm	Tân phước	300,0	7	42	CLN	ONT
1355	Lại Văn Nhiễm	Tân phước	200,0	44	42	CLN	ONT
1356	Phan Thanh Lưu	Tân phước	160,0	169	42	CLN	ONT
1357	Nguyễn Thị Phiên	Tân phước	400,0	883	42	CLN	ONT
1358	Hoàng Thị Lan	Tân phước	200,0	920	42	CLN	ONT
1359	Nguyễn Văn Tranh	Tân phước	400,0	921	42	CLN	ONT
1360	Nguyễn Văn Quát	Tân phước	400,0	1139	42	CLN	ONT
1361	Ngô Thị Bích Loan	Tân phước	1.000,0	1144	42	CLN	ONT
1362	Phạm Minh Nguyên	Tân phước	100,0	169	43	CLN	ONT
1363	Đoàn Ngọc Sơn	Tân phước	700,0	213	43	CLN	ONT
1364	Phan Xuân Trường	Tân phước	100,0	227	43	CLN	ONT
1365	Trần Văn Thế	Tân phước	100,0	262	43	CLN	ONT
1366	Trần Thị Sang	Tân phước	200,0	309	43	CLN	ONT
1367	Trần Thị Thắm	Tân phước	300,0	310	43	CLN	ONT
1368	Phạm Văn Điện	Tân phước	400,0	329	43	CLN	ONT

1369	Nguyễn Thanh Tuấn	Tân phước	300,0	430	43	CLN	ONT
1370	Lý Thị Thu Dung	Tân phước	300,0	544	43	CLN	ONT
1371	Trần Thị Tuyết Vân	Tân phước	300,0	559	43	CLN	ONT
1372	Đoàn Ngọc Sơn	Tân phước	600,0	638	43	CLN	ONT
1373	Trần Công Bình	Tân phước	100,0	713	43	CLN	ONT
1374	Nguyễn Văn Dũng	Tân phước	100,0	9	44	CLN	ONT
1375	Cao Thị Bằng	Tân phước	100,0	99	44	CLN	ONT
1376	Nguyễn Văn Lanh	Tân phước	80,0	169	44	CLN	ONT
1377	Nguyễn Trung Sơn	Tân Phước	300,0	176	44	CLN	ONT
1378	Trần Thị Minh	Tân Phước	1.000,0	454	44	CLN	ONT
1379	Trần Thị Minh	Tân phước	400,0	455	44	CLN	ONT
1380	Trần Thị Minh	Tân phước	400,0	456	44	CLN	ONT
1381	Ngô Thị Trà Giang	Tân phước	400,0	460	44	CLN	ONT
1382	Ngô Thị Trà Giang	Tân phước	400,0	461	44	CLN	ONT
1383	Ngô Thị Trà Giang	Tân phước	400,0	462	44	CLN	ONT
1384	Trần Thị Minh	Tân phước	400,0	463	44	CLN	ONT
1385	Đỗ Minh Trung	Tân phước	500,0	468	44	CLN	ONT
1386	Nguyễn Hữu Thành	Tân phước	400,0	82	45	CLN	ONT
1387	Nguyễn Hữu Thành	Tân phước	400,0	83	45	CLN	ONT
1388	Trần Minh Dũng	Tân phước	400,0	113	45	CLN	ONT
1389	Võ Minh Tú	Tân Phước	100,0	43	46	CLN	ONT
1390	Phạm Bá Đạo	Tân Phước	1.000,0	47	46	CLN	ONT
1391	Võ Minh Tú	Tân Phước	200,0	53	46	CLN	ONT
1392	Công Đức Bằng	Tân phước	300,0	4	48	CLN	ONT
1393	Nguyễn Minh Tiến	Tân phước	100,0	8	48	CLN	ONT
1394	Nguyễn Văn Hải	Tân phước	200,0	9	48	CLN	ONT
1395	Bùi Ánh Bình	Tân phước	400,0	12	48	CLN	ONT
1396	Cao Xuân Thiều	Tân phước	500,0	72	48	CLN	ONT
1397	Phùng Thị Liên	Tân phước	2.000,0	44;55	48	CLN	ONT
1398	Nguyễn Thị Nhài	Tân phước	1.000,0	8	49	CLN	ONT
1399	Lê Thanh An	Tân phước	400,0	13	49	CLN	ONT
1400	Lê Thị Hương	Tân phước	100,0	10	50	CLN	ONT
1401	Phạm Thị Mỹ Hạnh	Tân phước	100,0	11	50	CLN	ONT
1402	Nguyễn Thu Hồng	Tân phước	500,0	16	50	CLN	ONT
1403	Phan Xuân Trường	Tân phước	400,0	18	50	CLN	ONT
1404	Huỳnh Đức Thành và bà Lê Thị Hương	Tân phước	2.000,0	57	50	CLN	ONT
1405	Trương Tiến Giai	Tân phước	500,0	61	50	CLN	ONT
1406	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	Tân Phước	100,0	71	50	CLN	ONT
1407	Nguyễn Hữu Thành	Tân phước	200,0	109	50	CLN	ONT
1408	Nguyễn Thị Hương	Tân phước	200,0	112	50	CLN	ONT
1409	Đặng Văn Tho	Tân Phước	100,0	114	50	CLN	ONT
1410	Đỗ Trọng Giáp	Tân phước	180,0	120	50	CLN	ONT
1411	Nguyễn Văn Tân	Tân phước	200	403	50	CLN	ONT
1412	Nguyễn Thanh Thủy	Tân phước	100,0	18	51	CLN	ONT
1413	Nông Thị Hạnh	Tân phước	100,0	62	51	CLN	ONT
1414	Ninh Thị Hồng	Tân phước	100,0	65	51	CLN	ONT
1415	Nguyễn Văn Danh	Tân phước	300,0	66	51	CLN	ONT
1416	Nguyễn Văn Công	Tân phước	300,0	166	51	CLN	ONT
1417	Lê Văn Tám	Tân phước	100,0	58	53	CLN	ONT
1418	Đinh Thị Mỹ Thanh	Tân Phước	300,0	164(392)	11(32)	CLN	ONT
1419	Lương Ngọc Sâm	Tân phước	2.000,0	653(224)	14(34)	CLN	ONT
1420	Trần Thị Thêu	Tân phước	1.000,0	209(294)	3(21)	CLN	ONT
1421	Trần Thị Tiến	Tân Tiến	1.400,0	14	2	LNC	ONT
1422	Nguyễn Thu Hiền	Tân Tiến	200,0	26	2	CLN	ONT

1423	Nguyễn Thu Hiền	Tân Tiến	200,0	29	2	CLN	ONT
1424	Nguyễn Thị Toan	Tân Tiến	1.200,0	48	4	CLN	ONT
1425	Trần Nhất Đàm	Tân Tiến	500,0	12	5	CLN	ONT
1426	Phạm Đức Khoa	Tân Tiến	500,0	53	5	CLN	ONT
1427	Lê Văn Ân	Tân Tiến	100,0	61	5	CLN	ONT
1428	Lê Văn Ân	Tân Tiến	100,0	63	5	CLN	ONT
1429	Bùi Xuân Đàm	Tân Tiến	1.000,0	69	5	CLN	ONT
1430	Trần Thị Tiến	Tân Tiến	1.000,0	97	5	LNC	ONT
1431	Hoàng Xuân Kiên	Tân Tiến	200,0	99	5	LNC	ONT
1432	Bùi Xuân Lam	Tân Tiến	300,0	113	5	LNC	ONT
1433	Phạm Quang Thắng	Tân Tiến	2.000,0	166	5	CLN	ONT
1434	Nguyễn Thị Hằng Nga	Tân Tiến	300,0	30	6	CLN	ONT
1435	Nguyễn Văn Hà	Tân Tiến	500,0	34	6	LNC	ONT
1436	Nguyễn Văn Hà	Tân Tiến	500,0	35	6	LNC	ONT
1437	Hoàng Kim Dũng	Tân Tiến	800,0	73	6	CLN	ONT
1438	Phạm Văn Quân	Tân Tiến	100,0	179	6	CLN	ONT
1439	Phạm Văn Quân	Tân Tiến	100,0	180	6	CLN	ONT
1440	Đào Văn Du	Tân Tiến	200,0	2	10	LNC	ONT
1441	Hoàng Văn Tiến	Tân Tiến	300,0	5	10	CLN	ONT
1442	Bùi Xuân Ngợi	Tân Tiến	500,0	14	10	LNC	ONT
1443	Lê Thị Thúy Làn	Tân Tiến	100,0	112	10	LNC	ONT
1444	Trần Văn Nhu	Tân Tiến	700,0	170	10	LNC	ONT
1445	Đào Minh Khả	Tân Tiến	100,0	176	10	LNC	ONT
1446	Trần Thị Cẩm	Tân Tiến	100,0	136A	11	CLN	ONT
1447	Vũ Tuấn Tú	Tân Tiến	1.000,0	28	14	CLN	ONT
1448	Hà Thị Ngọc Nhung	Tân Tiến	600,0	35	14	CLN	ONT
1449	Trần Thị Phú	Tân Tiến	400,0	37	14	CLN	ONT
1450	Nguyễn Văn Giáo	Tân Tiến	300,0	91	14	CLN	ONT
1451	Tạ Hồng Tiến	Tân Tiến	100,0	109	14	CLN	ONT
1452	Nguyễn Thị Hồng Nga	Tân Tiến	100,0	111	14	CLN	ONT
1453	Tạ Hồng Tiến	Tân Tiến	350,0	113	14	CLN	ONT
1454	Lê Thị Thúy Làn	Tân Tiến	100,0	176	14	CLN	ONT
1455	Nguyễn Thắng Long	Tân Tiến	200,0	192	14	CLN	ONT
1456	Vũ Việt Thế	Tân Tiến	1.000,0	202	14	CLN	ONT
1457	Phạm Huy Song	Tân Tiến	600,0	203	14	LNC	ONT
1458	Nguyễn Ngọc Thương	Tân Tiến	100,0	214	14	LNC	ONT
1459	Phan Thị Minh Hòa	Tân Tiến	200,0	216	14	CLN	ONT
1460	Phạm Ngọc Vỹ	Tân Tiến	300,0	217	14	CLN	ONT
1461	Đinh Văn Mễ	Tân Tiến	500,0	1	15	CLN	ONT
1462	Bùi Xuân Đạt	Tân Tiến	300,0	63	15	CLN	ONT
1463	Vương Tiến Dũng	Tân Tiến	300,0	87	15	LNC	ONT
1464	Hoàng Kim Dũng	Tân Tiến	300,0	127	15	CLN	ONT
1465	Hoàng Kim Dũng	Tân Tiến	400,0	143	15	CLN	ONT
1466	Lê Thị Hương	Tân Tiến	100,0	44	16	CLN	ONT
1467	Lê Thị Hương	Tân Tiến	400,0	45	16	CLN	ONT
1468	Lê Thị Hương	Tân Tiến	200,0	46	16	CLN	ONT
1469	Lê Thị Hương	Tân Tiến	200,0	47	16	CLN	ONT
1470	Lê Thị Hương	Tân Tiến	200,0	48	16	CLN	ONT
1471	Lê Thị Hương	Tân Tiến	300,0	49	16	CLN	ONT
1472	Hoàng Văn Nghĩa	Tân Tiến	100,0	50	16	CLN	ONT
1473	Hoàng Văn Linh	Tân Tiến	200,0	52	16	CLN	ONT
1474	Hoàng Văn Linh	Tân Tiến	200,0	53	16	CLN	ONT
1475	Hoàng Văn Thảo	Tân Tiến	200,0	54	16	CLN	ONT
1476	Hoàng Văn Thảo	Tân Tiến	500,0	55	16	CLN	ONT
1477	Lê Đại Dương	Tân Tiến	300,0	56	16	CLN	ONT

1478	Trần Văn Hải	Tân Tiến	1.000,0	147	16	CLN	ONT
1479	Trần Đức Soát	Tân Tiến	500,0	153	16	CLN	ONT
1480	Hoàng Văn Quang	Tân Tiến	400,0	227	16	CLN	ONT
1481	Nguyễn Duy Phan	Tân Tiến	600,0	16	20	CLN	ONT
1482	Triệu Quang Phù	Tân Tiến	400,0	18	20	CLN	ONT
1483	Trần Chí Hùng	Tân Tiến	400,0	19	20	CLN	ONT
1484	Lê Tứ Hải	Tân Tiến	500,0	20	20	CLN	ONT
1485	Lê Tứ Hải	Tân Tiến	100,0	21	20	CLN	ONT
1486	Huỳnh Anh Tuấn	Tân Tiến	200,0	22	20	CLN	ONT
1487	Nguyễn Duy Phan	Tân Tiến	200,0	24	20	CLN	ONT
1488	Hoàng Đình Hiền	Tân Tiến	400,0	26	20	CLN	ONT
1489	Lê Văn Phòng	Tân Tiến	400,0	29	20	CLN	ONT
1490	Hồ Văn Lộc	Tân Tiến	400,0	30	20	CLN	ONT
1491	Nguyễn Duy Phan	Tân Tiến	300,0	33	20	CLN	ONT
1492	Nguyễn Thị Sâm	Tân Tiến	100,0	58	23	CLN	ONT
1493	Nguyễn Thị Lý	Tân Tiến	200,0	124	24	LNC	ONT
1494	Tăng Công Thành	Tân Tiến	200,0	139	24	CLN	ONT
1495	Nguyễn Thị Lý	Tân Tiến	500,0	244	24	CLN	ONT
1496	Phạm Quang Nam	Tân Tiến	100,0	342	24	CLN	ONT
1497	Nguyễn Ngọc Quang	Tân Tiến	500,0	11	25	CLN	ONT
1498	Quách Thị Thúy Phượng	Tân Tiến	1.000,0	72	25	CLN	ONT
1499	Nguyễn Mậu Tinh	Tân Tiến	1.000,0	88	25	LNC	ONT
1500	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Tân Tiến	400,0	97	25	CLN	ONT
1501	Quách Thị Thúy Phượng	Tân Tiến	500,0	154	25	CLN	ONT
1502	Phạm Kim Quý	Tân Tiến	100,0	156	25	LNC	ONT
1503	Phạm Kim Quý	Tân Tiến	100,0	161	25	LNC	ONT
1504	Vũ Tiến Hùng	Tân Tiến	400,0	364	25	LNC	ONT
1505	Nguyễn Thị Nhâm	Tân Tiến	400,0	11	26	CLN	ONT
1506	Nguyễn Hữu Tư	Tân Tiến	200,0	34	26	CLN	ONT
1507	Vũ Viết Báu	Tân Tiến	2.000,0	67	27	CLN	ONT
1508	Ngô Quốc Khanh	Tân Tiến	700,0	197	27	CLN	ONT
1509	Trần Hưng Liên	Tân Tiến	100,0	85	28	LNC	ONT
1510	Vũ Văn Thuận	Tân Tiến	200,0	18	32	LNC	ONT
1511	Đỗ Ngọc Đông	Tân Tiến	100,0	54	32	CLN	ONT
1512	Nguyễn Hữu Tư	Tân Tiến	500,0	1	34	CLN	ONT
1513	Phạm Văn Bắc	Tân Tiến	600,0	22	34	CLN	ONT
1514	Phạm Văn Bắc	Tân Tiến	600,0	26	34	CLN	ONT
1515	Vũ Chí Tôn	Tân Tiến	300,0	112	34	CLN	ONT
1516	Nguyễn Văn Vin	Tân Tiến	400,0	133	34	CLN	ONT
1517	Trần Thị Thúy	Tân Tiến	100,0	179	34	LNC	ONT
1518	Nguyễn Thị Tươi	Tân Tiến	100,0	182	34	CLN	ONT
1519	Trần Thị Thúy	Tân Tiến	100,0	183	34	LNC	ONT
1520	Nguyễn Văn Thảo	Tân Tiến	100,0	185	34	CLN	ONT
1521	Nguyễn Trung Hiếu	Tân Tiến	100,0	186	34	LNC	ONT
1522	Đoàn Văn Cường	Tân Tiến	100,0	187	34	CLN	ONT
1523	Trịnh Văn Hưng	Tân Tiến	600,0	274	34	CLN	ONT
1524	Nguyễn Đức Khương	Tân Tiến	1.000,0	42	35	CLN	ONT
1525	Nguyễn Đức Cương	Tân Tiến	500,0	54	35	CLN	ONT
1526	Nguyễn Văn Tuấn	Tân Tiến	100,0	61	35	CLN	ONT
1527	Nguyễn Văn Tuấn	Tân Tiến	100,0	62	35	CLN	ONT
1528	Nguyễn Văn Tuấn	Tân Tiến	100,0	63	35	CLN	ONT
1529	Nguyễn Văn Tuấn	Tân Tiến	100,0	64	35	CLN	ONT
1530	Nguyễn Văn Tuấn	Tân Tiến	100,0	65	35	CLN	ONT
1531	Nguyễn Văn Tuấn	Tân Tiến	100,0	66	35	CLN	ONT
1532	Nguyễn Văn Tuấn	Tân Tiến	100,0	67	35	CLN	ONT

1533	Nguyễn Văn Tuấn	Tân Tiến	100,0	68	35	CLN	ONT
1534	Đặng Văn Thân	Tân Tiến	400,0	6	37	CLN	ONT
1535	Nguyễn Thị Vân Anh	Tân Tiến	100,0	77	37	CLN	ONT
1536	Nguyễn Văn Long	Tân Tiến	200,0	83	37	CLN	ONT
1537	Ngô Khắc Ngươn	Tân Tiến	800,0	89	37	CLN	ONT
1538	Ngô Thị Nga	Tân Tiến	1.000,0	125	37	CLN	ONT
1539	Phạm Dương Tuấn	Tân Tiến	300,0	7	38	CLN	ONT
1540	Trần Thị Tươi	Tân Tiến	1.500,0	66	38	CLN	ONT
1541	Nguyễn Văn Tú	Tân Tiến	500,0	71	38	CLN	ONT
1542	Nguyễn Văn Ánh	Tân Tiến	100,0	76	38	CLN	ONT
1543	Vũ Văn Toán	Tân Tiến	200,0	150	38	CLN	ONT
1544	Nguyễn Thành Trung	Tân Tiến	400,0	154	38	CLN	ONT
1545	Lê Văn Thuật	Tân Tiến	400,0	156	38	CLN	ONT
1546	Lê Thị Thanh Vân	Tân Tiến	400,0	157	38	CLN	ONT
1547	Trần Văn Hào	Tân Tiến	500,0	160	38	CLN	ONT
1548	Phan Văn Độ	Tân Tiến	400,0	161	38	CLN	ONT
1549	Nguyễn Văn Ngôn	Tân Tiến	800,0	170	38	CLN	ONT
1550	Trịnh Thị Them	Tân Tiến	1.000,0	11	39	CLN	ONT
1551	Đỗ Văn Tới	Tân Tiến	500,0	34	39	CLN	ONT
1552	Trịnh Thị Them	Tân Tiến	400,0	42	39	CLN	ONT
1553	Nguyễn Thị Sáu	Tân Tiến	1.700,0	2	40	CLN	ONT
1554	Nguyễn Thị Hạnh	Tân Tiến	400,0	80	40	CLN	ONT
1555	Mai Công Đạt	Tân Tiến	1.400,0	26	41	CLN	ONT
1556	Nguyễn Văn Thiện	Tân Tiến	200,0	33	41	CLN	ONT
1557	Vũ Văn Nam	Tân Tiến	100,0	51	41	CLN	ONT
1558	Nguyễn Ngọc Hiệp	Tân Tiến	500,0	33	42	CLN	ONT
1559	Mai Công Đạt	Tân Tiến	2.800,0	1	45	CLN	ONT
1560	Trịnh Quang Phương	Tân Tiến	2.000,0	2	45	CHN	ONT
1561	Nguyễn Thế Hùng	Tân Tiến	100,0	45	49	CLN	ONT
1562	Kiều Văn Bắc	Tân Tiến	200,0	276	49	CLN	ONT
1563	Nguyễn Văn Chạm	Tân Tiến	1.000	131	50	CLN	ONT
1564	Nguyễn Văn Thạo	Tân Tiến	400,0	156	50	CLN	ONT
1565	Phạm Đức Trà	Tân Tiến	120,0	195	50	LNC	ONT
1566	Mai Đức Thu	Tân Tiến	200,0	220	50	LNC	ONT
1567	Vũ Viết Báu	Tân Tiến	150,0	274	50	CLN	ONT
1568	Trần Thị Thanh Thương	Tân Tiến	100,0	301	50	CLN	ONT
1569	Lâm Phú Lâu	Tân Tiến	84,8	387	52	CLN	ONT
1570	Vũ Văn Lượng	Tân Tiến	400,0	82	53	CLN	ONT
1571	Nguyễn Trọng Đạt	Tân Tiến	51,0	47	54	CLN	ONT
1572	Mã Lương Vinh	Tân Tiến	100,0	241	54	CLN	ONT
1573	Lê Thị Bích Hậu	Tân Tiến	99,7	7	55	CLN	ONT
1574	Nguyễn Duy Thụ	Tân Tiến	200,0	40	55	CLN	ONT
1575	Đặng Thị Huệ	Tân Tiến	200,0	147	55	CLN	ONT
1576	Nguyễn Diệu Hiền	Tân Tiến	300,0	251	55	CLN	ONT
1577	Vũ Văn Hiếu	Tân Tiến	100,0	39	56	CLN	ONT
1578	Vũ Thị Anh Đào	Tân Tiến	200,0	75	56	CLN	ONT
1579	Phạm Tuấn Anh	Tân Tiến	200,0	104	56	CLN	ONT
1580	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Tân Tiến	100,0	77	57	CLN	ONT
1581	Đặng Thị Lượn	Tân Tiến	100,0	270	57	CLN	ONT
1582	Nguyễn Thị Thường	Tân Tiến	200,0	131	58	CLN	ONT
1583	Nguyễn Đức Mạnh	Tân Tiến	50,0	211	58	CLN	ONT
1584	Nguyễn Đức Mạnh	Tân Tiến	50,0	212	58	CLN	ONT
1585	Nguyễn Văn Quang	Tân Tiến	100,0	285	58	CLN	ONT
1586	Chung Hữu Khoa	Tân Tiến	100,0	65	59	CLN	ONT
1587	Nguyễn Thị Hoàn	Tân Tiến	500,0	33	60	CLN	ONT

1588	Nguyễn Văn Long	Tân Tiến	100,0	47	61	CLN	ONT
1589	Nguyễn Đình Tâm	Tân Tiến	100,0	82	61	CLN	ONT
1590	Lương Hồng Hoa	Tân Tiến	100,0	410 (59)	10 (56)	CLN	ONT
1591	Nguyễn Đức Mạnh	Tân Tiến	400,0	112 (278)	10 (57)	CLN	ONT
1592	Nguyễn Thành Trung	Tân Tiến	50,0	404 (139)	10 (57)	CLN	ONT
1593	Trần Văn Vinh	Tân Tiến	100,0	57 (151)	11 (57)	CLN	ONT
1594	Trần Thị Cẩm	Tân Tiến	100,0	136A (82)	11 (59)	CLN	ONT
1595	Lê Thị Hồng	Tân Tiến	40,0	242 (52)	11 (59)	CLN	ONT
1596	Nguyễn Văn Quang	Tân Tiến	800,0	60,61 (50,51)	12 (34)	CLN	ONT
1597	Phạm Huy Túc	Tân Tiến	500,0	45 (42)	13 (34)	CLN	ONT
1598	Trương Ngọc Hà	Tân Tiến	2.000,0	30 (23)	15 (60)	CLN	ONT
1599	Nguyễn Thị Đào	Tân Tiến	300,0	6 (15)	15 (60)	LNC	ONT
1600	Nguyễn Văn Trung	Tân Tiến	50,0	113 (53)	15 (61)	CLN	ONT
1601	Ngô Khắc Luân	Tân Tiến	600,0	115 (58)	16 (38)	CLN	ONT
1602	Hà Văn Lưu	Tân Tiến	500,0	124 (59)	16 (38)	CLN	ONT
1603	Đinh Thị Kim Sương	Tân Tiến	100,0	72 (37)	19 (41)	CLN	ONT
1604	Trần Thị Mẫn	Tân Tiến	3.000,0	6,8 (120, 121)	2 (14)	LNC	ONT
1605	Nguyễn Văn Hồng	Tân Tiến	200,0	11 (6)	20 (42)	CLN	ONT
1606	Trịnh Quang Phương	Tân Tiến	500,0	4 (2)	22 (45)	CLN	ONT
1607	Nguyễn Đức Quý	Tân Tiến	100,0	346 (190)	3 (50)	CLN	ONT
1608	Phạm Hữu Hiệu	Tân Tiến	500,0	20 (2)	6 (54)	CLN	ONT
1609	Nguyễn Đăng Cường	Tân Tiến	100,0	284 (358)	7 (25)	CLN	ONT
1610	Đặng Đình Khoa	Tân Tiến	600,0	191 (55)	7 (51)	CLN	ONT
1611	Trần Văn Mộc	Tân Tiến	100,0	42 (14)	7 (51)	CLN	ONT
1612	Hà Thị Hằng	Tân Tiến	100,0	794 (61)	7 (52)	CLN	ONT
1613	Phùng Minh Hoàng	Tân Tiến	40,0	796 (156)	7 (54)	CLN	ONT
1614	Vũ Thị Thành	Tân Tiến	1.200,0	22 (23,45)	8 (25)	LNC	ONT
1615	Nguyễn Văn Sơn	Tân Tiến	300,0	69, 70 (23, 25)	8 (26)	LNC	ONT
1616	Đỗ Bá Sơn	Thuận Lợi	300,0	89	2	CLN	ONT
1617	Nguyễn Xuân Quang	Thuận Lợi	100,0	244	2	CLN	ONT
1618	Lê Thường	Thuận Lợi	367,0	263	2	CLN	ONT
1619	Nguyễn Minh Cảnh	Thuận Lợi	300,0	310	2	CLN	ONT
1620	Thiều Qiuang Thế	Thuận Lợi	400,0	389	2	CLN	ONT
1621	Nguyễn Thị Lộc	Thuận Lợi	1.500,0	10	3	CLN	ONT
1622	Hoàng Trọng Thái	Thuận Lợi	3.700,0	36	3	CLN	ONT
1623	Hoàng Trọng Thái	Thuận Lợi	1.300,0	37	3	CLN	ONT
1624	Nguyễn Văn Lương	Thuận Lợi	400,0	254	3	CLN	ONT
1625	Nguyễn Văn Thái	Thuận Lợi	400,0	255	3	CLN	ONT
1626	Đỗ Văn Thú	Thuận Lợi	700,0	3	5	CLN	ONT
1627	Vũ Thị Năm	Thuận Lợi	200,0	6	5	CLN	ONT
1628	Phạm Văn Tiến	Thuận Lợi	1.500,0	11	5	CLN	ONT
1629	Phạm Văn Lượng	Thuận Lợi	1.600,0	11	6	CLN	ONT
1630	Đỗ Công Thanh	Thuận Lợi	1.100,0	33	6	CLN	ONT
1631	Trần Thanh Đại	Thuận Lợi	600,0	60	6	CLN	ONT
1632	Lê Văn Lai	Thuận Lợi	200,0	115	7	CLN	ONT
1633	Thái Chí Thành	Thuận Lợi	100,0	162	7	CLN	ONT
1634	Lê Thị Luyến	Thuận Lợi	150,0	181	7	CLN	ONT
1635	Hồ Thái Trường	Thuận Lợi	100,0	256	7	CLN	ONT
1636	Manh Thị Vân Anh	Thuận Lợi	300,0	360	7	CLN	ONT
1637	Đỗ Văn Huy	Thuận Lợi	100,0	38c	7	CLN	ONT
1638	Lê Anh Kiệt	Thuận Lợi	200,0	145	8	CLN	ONT
1639	Nguyễn Văn Quyết	Thuận Lợi	50,0	237	8	CLN	ONT
1640	Đỗ Thị Hồng	Thuận Lợi	200,0	267	8	CLN	ONT
1641	Nguyễn Văn Sáng	Thuận Lợi	300,0	281	8	CLN	ONT
1642	Đào Thị Đức	Thuận Lợi	100,0	336	8	CLN	ONT

1643	Hoàng Kim Sơn	Thuận Lợi	500,0	403	8	CLN	ONT
1644	Doãn Thành Sắc	Thuận Lợi	500,0	409	8	CLN	ONT
1645	Nguyễn Thị Mậu	Thuận Lợi	100,0	442	8	CLN	ONT
1646	Nguyễn Duy Sáng	Thuận Lợi	100,0	443	8	CLN	ONT
1647	Nguyễn Văn Tứ	Thuận Lợi	300,0	469	8	CLN	ONT
1648	Đoàn Thị Hồng Loan	Thuận Lợi	200,0	478	8	CLN	ONT
1649	Lê Thị Thủy	Thuận Lợi	300,0	509	8	CLN	ONT
1650	Lê Thị Thủy	Thuận Lợi	300,0	520	8	CLN	ONT
1651	Nguyễn Đình Minh	Thuận Lợi	500,0	244, 248	8	CLN	ONT
1652	Trần Văn Việt	Thuận Lợi	1.600,0	63	11	CLN	ONT
1653	Đoàn Xuân Phong	Thuận Lợi	400,0	77	11	CLN	ONT
1654	Hoàng Thị Thảo	Thuận Lợi	100,0	90	11	CLN	ONT
1655	Lê Văn Nam	Thuận Lợi	200,0	98	11	CLN	ONT
1656	Trần Văn Lượng	Thuận Lợi	600,0	116	11	CLN	ONT
1657	Trần Văn Việt	Thuận Lợi	400,0	122	11	CLN	ONT
1658	Đỗ Thị Phụng	Thuận Lợi	400,0	142	11	CLN	ONT
1659	Trần Văn Mạnh	Thuận Lợi	200,0	151	11	CLN	ONT
1660	Lê Bá Hoạt	Thuận Lợi	200,0	152	11	CLN	ONT
1661	Lê Trường Giang	Thuận Lợi	600,0	153	11	CLN	ONT
1662	Nguyễn Xuân Cường	Thuận Lợi	1.000,0	155	11	CLN	ONT
1663	Nguyễn Văn Hùng	Thuận Lợi	200,0	72A	11	CLN	ONT
1664	Nguyễn Thị Sen	Thuận Lợi	400,0	236	12	CLN	ONT
1665	Nguyễn Thị Sen	Thuận Lợi	400,0	239	12	CLN	ONT
1666	Dương Thị Hồng	Thuận Lợi	400,0	252	12	CLN	ONT
1667	Bùi Văn Sâm	Thuận Lợi	1.000,0	253	12	CLN	ONT
1668	Thái Chí Thành	Thuận Lợi	500,0	319	12	CLN	ONT
1669	Thái Chí Thành	Thuận Lợi	500,0	321	12	CLN	ONT
1670	Thái Chí Thành	Thuận Lợi	2.400,0	324	12	CLN	ONT
1671	Nguyễn Thị Tâm Phụng	Thuận Lợi	2.100,0	326	12	CLN	ONT
1672	Nguyễn Thị Tâm Phụng	Thuận Lợi	5.000,0	329	12	CLN	ONT
1673	Thái Chí Công	Thuận Lợi	1.500,0	330	12	CLN	ONT
1674	Thái Thị Ngọc Thảo	Thuận Lợi	2.900,0	331	12	CLN	ONT
1675	Trịnh Thị Tinh	Thuận Lợi	300,0	349	12	CLN	ONT
1676	Nguyễn Thị Tâm Phụng	Thuận Lợi	1.000,0	597	12	CLN	ONT
1677	Thái Chí Công	Thuận Lợi	400,0	898	12	CLN	ONT
1678	Võ Thị Sen	Thuận Lợi	300,0	900	12	CLN	ONT
1679	Bùi Quang Vinh	Thuận Lợi	400,0	910	12	CLN	ONT
1680	Thái Oanh	Thuận Lợi	2.300,0	916	12	CLN	ONT
1681	Thái Oanh	Thuận Lợi	2.700,0	918	12	CLN	ONT
1682	Thái Chí Công	Thuận Lợi	6.334,1	975	12	CLN	ONT
1683	Trần Tiến Hằng	Thuận Lợi	300,0	89	13	CLN	ONT
1684	Đỗ Trọng Kim	Thuận Lợi	600,0	195	13	CLN	ONT
1685	Trần Thị Hiền	Thuận Lợi	400,0	265	13	CLN	ONT
1686	Lê Văn Chính	Thuận Lợi	200,0	292	13	CLN	ONT
1687	Phạm Thị Nhung	Thuận Lợi	100,0	293	13	CLN	ONT
1688	Dương Thị Hoa	Thuận Lợi	100,0	314	13	CLN	ONT
1689	Hoàng Trọng Hân	Thuận Lợi	100,0	315	13	CLN	ONT
1690	Lê Thị Duyên	Thuận Lợi	400,0	399	13	CLN	ONT
1691	Thái Chí Thành	Thuận Lợi	334,0	431	13	CLN	ONT
1692	Phạm Thị Lai	Thuận Lợi	400,0	4	16	CLN	ONT
1693	Đoàn Xuân Phong	Thuận Lợi	400,0	7	16	CLN	ONT
1694	Nguyễn Văn Đạt	Thuận Lợi	2.200,0	111	16	CLN	ONT
1695	Nguyễn Thị Gái	Thuận Lợi	1.000,0	112	16	CLN	ONT
1696	Nguyễn Thành Hiếu	Thuận Lợi	600,0	113	16	CLN	ONT
1697	Phan Ngọc Hưng	Thuận Lợi	500,0	114	16	CLN	ONT

1698	Đinh Hoàng Sơn	Thuận Lợi	300,0	235	16	CLN	ONT
1699	Cao Ngọc Huân	Thuận Lợi	400,0	397	16	BHK	ONT
1700	Nguyễn Thị Gái	Thuận Lợi	1.000,0	488	16	CLN	ONT
1701	Nguyễn Thị Hòa	Thuận Lợi	400,0	129	17	CLN	ONT
1702	Nguyễn Bích Trâm	Thuận Lợi	200,0	131	17	CLN	ONT
1703	Trương Thị Hồng	Thuận Lợi	200,0	175	17	CLN	ONT
1704	Lê Thị Giang	Thuận Lợi	150,0	264	17	CLN	ONT
1705	Nguyễn Ngọc Thắng	Thuận Lợi	300,0	303	17	CLN	ONT
1706	Lê Thị Thúy	Thuận Lợi	300,0	307	17	CLN	ONT
1707	Ngô Phước Tường	Thuận Lợi	600,0	327	17	CLN	ONT
1708	Hoàng Sao Mai	Thuận Lợi	400,0	355	17	CLN	ONT
1709	Võ Thị Kiều	Thuận Lợi	200,0	347 (tách từ thửa 124)	17	CLN	ONT
1710	Trần Thị Tâm	Thuận Lợi	500,0	160	23	CLN	ONT
1711	Vũ Hồng Hải	Thuận Lợi	600,0	167	23	CLN	ONT
1712	Nguyễn Văn Thảo	Thuận Lợi	600,0	180	23	CLN	ONT
1713	Đàm Xuân Kiều	Thuận Lợi	600,0	42	25	CLN	ONT
1714	Trần Sỹ Tiến	Thuận Lợi	500,0	43	25	CLN	ONT
1715	Hoàng Văn Hưng	Thuận Lợi	900,0	54	25	CLN	ONT
1716	Nông Thị Thu Hà	Thuận Lợi	200,0	73	25	CLN	ONT
1717	Hồ Thị Kim Chi	Thuận Lợi	700,0	17	26	CLN	ONT
1718	Lê Thanh Văn	Thuận Lợi	500,0	20	26	CLN	ONT
1719	Hồ Diên Can	Thuận Lợi	3.200,0	227	26	CLN	ONT
1720	Nguyễn Văn Toàn	Thuận Lợi	600,0	655	26	CLN	ONT
1721	Trần Văn Hoàn	Thuận Lợi	1.900,0	41	27	CLN	ONT
1722	Đinh Văn Hương	Thuận Lợi	2.000,0	172	27	CLN	ONT
1723	Huỳnh Văn Nhân	Thuận Lợi	500,0	188	27	CLN	ONT
1724	Vi Văn Đức	Thuận Lợi	400,0	216	27	CLN	ONT
1725	Vi Văn Đức	Thuận Lợi	400,0	217	27	CLN	ONT
1726	Đồng Hữu Nghĩa	Thuận Lợi	200,0	387	27	CLN	ONT
1727	Nguyễn Thị Bình	Thuận Lợi	3.000,0	439	27	CLN	ONT
1728	Trương Thị Hồng	Thuận Lợi	100,0	525	27	CLN	ONT
1729	Trần Duy Thanh	Thuận Lợi	300,0	549	27	HNK	ONT
1730	Nguyễn Văn Nhân	Thuận Lợi	200,0	561	27	HNK	ONT
1731	Trịnh Đình Trung	Thuận Lợi	100,0	576	27	HNK	ONT
1732	Đặng Thanh Hải	Thuận Lợi	200,0	612	27	CLN	ONT
1733	Bùi Trọng Đông	Thuận Lợi	200,0	616	27	CLN	ONT
1734	Bùi Trọng Đông	Thuận Lợi	200,0	617	27	CLN	ONT
1735	Dương Thị Nụ	Thuận Lợi	100,0	618	27	CLN	ONT
1736	Dương Thị Nụ	Thuận Lợi	100,0	619	27	CLN	ONT
1737	Trần Hưng Đạo	Thuận Lợi	100,0	621	27	CLN	ONT
1738	Hà Thị Kim Phụng	Thuận Lợi	100,0	622	27	CLN	ONT
1739	Trương Thanh Nhã	Thuận Lợi	100,0	623	27	CLN	ONT
1740	Nguyễn Thị Anh	Thuận Lợi	100,0	624	27	CLN	ONT
1741	Nguyễn Mậu Phước	Thuận Lợi	400,0	978	27	CLN	ONT
1742	Nguyễn Mậu Phước	Thuận Lợi	400,0	979	27	CLN	ONT
1743	Nguyễn Mậu Phước	Thuận Lợi	400,0	980	27	CLN	ONT
1744	Nguyễn Mậu Phước	Thuận Lợi	400,0	981	27	CLN	ONT
1745	Nguyễn Mậu Phước	Thuận Lợi	400,0	982	27	CLN	ONT
1746	Nguyễn Mậu Phước	Thuận Lợi	400,0	983	27	CLN	ONT
1747	Nguyễn Mậu Phước	Thuận Lợi	400,0	984	27	CLN	ONT
1748	Nguyễn Mậu Phước	Thuận Lợi	400,0	985	27	CLN	ONT
1749	Nguyễn Mậu Phước	Thuận Lợi	400,0	986	27	CLN	ONT
1750	Nguyễn Mậu Phước	Thuận Lợi	400,0	987	27	CLN	ONT
1751	Nguyễn Ngọc Thắng	Thuận Lợi	200,0	70	28	CLN	ONT

1752	Trần Thị Huyền	Thuận Lợi	400,0	74	28	CLN	ONT
1753	Nguyễn Hữu Kim	Thuận Lợi	1.000,0	79	28	CLN	ONT
1754	Phạm Văn Chức	Thuận Lợi	1.000,0	149	28	CLN	ONT
1755	Nguyễn Quang Hoàng	Thuận Lợi	500,0	176	28	CLN	ONT
1756	Phạm Thị Nga	Thuận Lợi	200,0	148	29	CLN	ONT
1757	Nông Thị Duyên	Thuận Lợi	2.000,0	305	29	HNK	ONT
1758	Nguyễn Văn Tuấn	Thuận Lợi	500,0	403	29	CLN	ONT
1759	Nguyễn Thị Tuyền	Thuận Lợi	2.000,0	92	30	CLN	ONT
1760	Hoàng Tuấn Anh	Thuận Lợi	2.800,0	118;119;120; 121;122;123;1 24	30	CLN	ONT
1761	Lê Hữu Thành	Thuận Lợi	200,0	15	40	CLN	ONT
1762	Nguyễn Văn Túc	Thuận Lợi	200,0	6	41	CLN	ONT
1763	Nguyễn Xuân Quang	Thuận Lợi	200,0	34	41	CLN	ONT
1764	Lương Viết Thái	Thuận Lợi	100,0	84	41	CLN	ONT
1765	Vũ Viết Đậu	Thuận Lợi	100,0	100	41	CLN	ONT
1766	Nguyễn Quang Vĩnh	Thuận Lợi	200,0	114	41	CLN	ONT
1767	Trịnh Duy Bình	Thuận Lợi	100,0	139	41	CLN	ONT
1768	Lê Thế Chung	Thuận Lợi	300,0	145	41	CLN	ONT
1769	Võ Thị Hoài	Thuận Lợi	200,0	210 (Tách từ thửa 145)	41	CLN	ONT
1770	Lưu Văn Hồng	Thuận Lợi	300,0	27	48	CLN	ONT
1771	Lưu Văn Hồng	Thuận Lợi	300,0	39	48	CLN	ONT
1772	Lê Thị Hà	Thuận Lợi	300,0	90	48	CLN	ONT
1773	Ngô Văn Nguyên	Thuận Lợi	1.500,0	94	48	CLN	ONT
1774	Đặng Thị Xoan	Thuận Lợi	200,0	97	48	CLN	ONT
1775	Lê Gia Đình	Thuận Lợi	600,0	114	48	CLN	ONT
1776	Điền Bon	Thuận Lợi	600,0	115	48	CLN	ONT
1777	Điền Sen	Thuận Lợi	800,0	116	48	CLN	ONT
1778	Hồ Thị Minh Hải	Thuận Lợi	600,0	124	48	CLN	ONT
1779	Lý Kim Long	Thuận Lợi	500,0	131	48	CLN	ONT
1780	Trần Quang Minh	Thuận Lợi	500,0	132	48	CLN	ONT
1781	Nguyễn Thị Thanh	Thuận Lợi	200,0	128 (tách từ thửa 78)	48	CLN	ONT
1782	Phan Thị Hạnh	Thuận Lợi	900,0	129 (tách từ thửa 78)	48	CLN	ONT
1783	Phan Thành Vinh	Thuận Lợi	800,0	130(tách từ thửa 78)	48	CLN	ONT
1784	Nguyễn Thị Trường Oanh	Thuận Lợi	100,0	12	49	CLN	ONT
1785	Nguyễn Hữu Thành	Thuận Lợi	400,0	97	49	CLN	ONT
1786	Điền Đen	Thuận Lợi	200,0	158	49	CLN	ONT
1787	Lê Văn Tú	Thuận Lợi	200,0	164	49	CLN	ONT
1788	Trịnh Minh Huân	Thuận Lợi	200,0	179	49	CLN	ONT
1789	Lê Duy Luân	Thuận Lợi	300,0	20	50	CLN	ONT
1790	Nguyễn Trọng Tuyền	Thuận Lợi	200,0	37	50	CLN	ONT
1791	Nguyễn Thị Tuấn	Thuận Lợi	400,0	57	50	CLN	ONT
1792	Lê Văn Hưng	Thuận Lợi	200,0	106	50	CLN	ONT
1793	Lê Văn Thành	Thuận Lợi	300,0	107	50	CLN	ONT
1794	Đoàn Thị Huệ	Thuận Lợi	300,0	112	50	CLN	ONT
1795	Lê Thị Thanh	Thuận Lợi	400,0	27	51	CLN	ONT
1796	Lê Duy Tường	Thuận Lợi	400,0	44	51	CLN	ONT
1797	Lê Thanh Tuấn	Thuận Lợi	600,0	73	51	CLN	ONT
1798	Mai Xuân Thông	Thuận Lợi	100,0	81	51	CLN	ONT
1799	Mai Xuân Thông	Thuận Lợi	300,0	82	51	CLN	ONT
1800	Mai Xuân Thông	Thuận Lợi	400,0	83	51	CLN	ONT

1801	Mai Xuân Thông	Thuận Lợi	400,0	84	51	CLN	ONT
1802	Đinh Thị Diệp Thúy	Thuận Lợi	300,0	86	51	CLN	ONT
1803	Nguyễn Trọng Quang	Thuận Lợi	200,0	118	51	CLN	ONT
1804	Bùi Thiện Chí	Thuận Lợi	500,0	121	51	CLN	ONT
1805	Nguyễn Thành Lộc	Thuận Lợi	200,0	130	51	CLN	ONT
1806	Đinh Thị Như Quỳnh	Thuận Lợi	600,0	139;140;141	51	CLN	ONT
1807	Vũ Thị Thảo	Thuận Lợi	500,0	148	51	CLN	ONT
1808	Đinh Thị Huyền	Thuận Lợi	200,0	96	53	CLN	ONT
1809	Lê Phương Phi Yến	Thuận Lợi	200,0	98	53	CLN	ONT
1810	Bùi Thị Huyền	Thuận Lợi	200,0	99	53	CLN	ONT
1811	Ngô Xuân Ngọc	Thuận Lợi	200,0	28	54	CLN	ONT
1812	Điều Như	Thuận Lợi	300,0	120	54	CLN	ONT
1813	Điều Nheo	Thuận Lợi	400,0	18	55	CLN	ONT
1814	Mông Văn Nam	Thuận Lợi	200,0	51	55	CLN	ONT
1815	Lưu Văn Quyền	Thuận Lợi	400,0	93	55	CLN	ONT
1816	Đoàn Công Hoàn	Thuận Lợi	400,0	117	55	CLN	ONT
1817	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Thuận Lợi	200,0	71	58	CLN	ONT
1818	Nguyễn Thị Kim Loan	Thuận Lợi	200,0	76	58	CLN	ONT
1819	Nguyễn Thị Trãi	Thuận Lợi	200,0	94	58	CLN	ONT
1820	Ngô Văn Đại	Thuận Lợi	200,0	95	58	CLN	ONT
1821	Dương Đức Hạnh	Thuận Lợi	200,0	97	58	CLN	ONT
1822	Nguyễn Thị Kim Loan	Thuận Lợi	100,0	108	58	CLN	ONT
1823	Phạm Thị Thúy Hồng	Thuận Lợi	100,0	133	58	CLN	ONT
1824	Lê Thành Nhân	Thuận Lợi	800,0	136	58	CLN	ONT
1825	Vũ Thị Thảo	Thuận Lợi	500,0	173	58	CLN	ONT
1826	Nguyễn Tuấn Kiệt	Thuận Lợi	200,0	190	58	CLN	ONT
1827	Lê Dục	Thuận Lợi	600,0	15	59	CLN	ONT
1828	Trần Thị Bích	Thuận Lợi	200,0	33	62	CLN	ONT
1829	Ngô Văn Đại	Thuận Lợi	600,0	7, 10	62	CLN	ONT
1830	Lý Trọng Tâm	Thuận Lợi	400,0	16	63	CLN	ONT
1831	Hồ Đăng Nhanh	Thuận Lợi	200,0	43	63	CLN	ONT
1832	Lưu Thị Hòa	Thuận Lợi	200,0	73	63	CLN	ONT
1833	Dương Đức Hồng	Thuận Lợi	100,0	80	63	CLN	ONT
1834	Nguyễn Thanh Huyền	Thuận Lợi	1.500,0	103	63	CLN	ONT
1835	Đinh Thị Như Quỳnh	Thuận Lợi	1.500,0	108	63	CLN	ONT
1836	Tạ Văn Việt	Thuận Lợi	300,0	123	63	CLN	ONT
1837	Ngô Viết Văn	Thuận Lợi	200,0	138	63	CLN	ONT
1838	Thái Thị Hồng Nhung	Thuận Lợi	400,0	140	63	CLN	ONT
1839	Mai Thị Việt	Thuận Lợi	200,0	169	63	CLN	ONT
1840	Nguyễn Thị Hiếu Trinh	Thuận Lợi	200,0	177	63	CLN	ONT
1841	Huỳnh Thị Kim Huệ	Thuận Lợi	200,0	186	63	CLN	ONT
1842	Hà Đức Phần	Thuận Lợi	400,0	187	63	CLN	ONT
1843	Nguyễn Song Ngân	Thuận Lợi	300,0	213	63	CLN	ONT
1844	Lâm Văn Quảng	Thuận Lợi	800,0	215	63	CLN	ONT
1845	Nông Bích Tuyên	Thuận Lợi	100,0	216	63	CLN	ONT
1846	Trần Thanh Đại	Thuận Lợi	200,0	217	63	CLN	ONT
1847	Trần Bình Trọng	Thuận Lợi	400,0	227 (tách từ thửa 55)	63	CLN	ONT
1848	Trần Bình Trọng	Thuận Lợi	400,0	228 (tách từ thửa 55)	63	CLN	ONT
1849	Trần Thế Ngọc	Thuận Lợi	400,0	229 (tách từ thửa 55)	63	CLN	ONT
1850	Trần Thế Ngọc	Thuận Lợi	200,0	230 (tách từ thửa 55)	63	CLN	ONT
1851	Đỗ Văn Sương	Thuận Lợi	400,0	29	66	CLN	ONT

1852	Nguyễn Thị Thê	Thuận Lợi	400,0	39	66	CLN	ONT
1853	Trần Sỹ Tiến	Thuận Lợi	1.400,0	33	69	CLN	ONT
1854	Trần Sỹ Tiến	Thuận Lợi	300,0	35	69	CLN	ONT
1855	Đồng Thị Kim Vui	Thuận Lợi	500,0	39	69	CLN	ONT
1856	Nguyễn Quang Tiến	Thuận Phú	500,0	60	2	CLN	ONT
1857	Nguyễn Thanh Hiếu	Thuận Phú	800,0	29	3	CLN	ONT
1858	Nông Thiên Long	Thuận Phú	100,0	33	3	CLN	ONT
1859	Phạm Ngọc Khoa	Thuận Phú	1.000,0	511	3	CLN	ONT
1860	Trần Thị Ngọc Thùy	Thuận Phú	400,0	614	4	CLN	ONT
1861	Lê Thị Xinh	Thuận Phú	300,0	51	9	CLN	ONT
1862	Trần Thị Hồng	Thuận Phú	100,0	344	14	CLN	ONT
1863	Trịnh Ngọc Quế Trân	Thuận Phú	5.000,0	37	15	CLN	ONT
1864	Hoàng Thanh Quyên	Thuận Phú	100,0	78	15	CLN	ONT
1865	Bùi Thị Kim Thu	Thuận Phú	100,0	98	15	CLN	ONT
1866	Thân Thị Thanh Loan	Thuận Phú	100,0	116	15	CLN	ONT
1867	Trần Thị Thanh Bích	Thuận Phú	200,0	118	15	CLN	ONT
1868	Lã Phú Hên	Thuận Phú	200,0	136	15	CLN	ONT
1869	Quản Thị Trang	Thuận Phú	35,0	150	16	CLN	ONT
1870	Đặng Văn Quế	Thuận Phú	100,0	153	19	CLN	ONT
1871	Trương Quốc Quyền	Thuận Phú	100,0	339	19	CLN	ONT
1872	Lê Quốc Thịnh	Thuận Phú	50,0	153	20	CLN	ONT
1873	Nguyễn Văn Quý	Thuận Phú	300,0	7	21	CLN	ONT
1874	Nguyễn Tấn Hải	Thuận Phú	100,0	27	21	CLN	ONT
1875	Đinh Văn Hoàng	Thuận Phú	100,0	197	21	CLN	ONT
1876	Nguyễn Thị Bích Hương	Thuận Phú	200,0	204	21	CLN	ONT
1877	Trần Ngọc Tuấn	Thuận Phú	300,0	264	21	CLN	ONT
1878	Phạm Chơn	Thuận Phú	100,0	216	22	CLN	ONT
1879	Nguyễn Hữu Kim	Thuận Phú	200,0	4	23	CLN	ONT
1880	Nguyễn Thị Phương	Thuận Phú	250,0	18	23	CLN	ONT
1881	Nguyễn Thị Bích Liên	Thuận Phú	1.700,0	25	23	CLN	ONT
1882	Nguyễn Bá Tú	Thuận Phú	200,0	151	23	CLN	ONT
1883	Lê Thị Tuyền	Thuận Phú	200,0	184	23	CLN	ONT
1884	Đào Minh Thọ	Thuận Phú	400,0	201	23	CLN	ONT
1885	Nguyễn Ngọc Tuấn	Thuận Phú	100,0	245	23	CLN	ONT
1886	Trần Thị Mỹ Hoa	Thuận Phú	800,0	281	23	CLN	ONT
1887	Trần Thị Đạt	Thuận Phú	400,0	313	23	CLN	ONT
1888	Trần Thị Đạt	Thuận Phú	500,0	314	23	CLN	ONT
1889	Nguyễn Hữu Linh	Thuận Phú	700,0	336	23	CLN	ONT
1890	Nguyễn Thanh Bình	Thuận Phú	400,0	20	24	CLN	ONT
1891	Nguyễn Thanh Bình	Thuận Phú	400,0	21	24	CLN	ONT
1892	Đoàn Thị Phần	Thuận Phú	300,0	33	24	CLN	ONT
1893	Trần Tuấn Tú	Thuận Phú	50,0	41	24	CLN	ONT
1894	Lê Thanh Đoan	Thuận Phú	150,0	43	24	CLN	ONT
1895	Nguyễn Văn Điều	Thuận Phú	150,0	45	24	CLN	ONT
1896	Nguyễn Văn Điều	Thuận Phú	150,0	46	24	CLN	ONT
1897	Nguyễn Thị Hải Yến	Thuận Phú	100,0	82	24	CLN	ONT
1898	Trần Hùng Phóng	Thuận Phú	500,0	98	24	CLN	ONT
1899	Đỗ Phương Linh	Thuận Phú	400,0	101	24	CLN	ONT
1900	Trần Thị Minh Châu	Thuận Phú	400,0	127	24	CLN	ONT
1901	Đỗ Thị Thu Tâm	Thuận Phú	500,0	22; 26	24	CLN	ONT
1902	Nguyễn Thị Tinh	Thuận Phú	100,0	16	25	CLN	ONT
1903	Nguyễn Thị Hồng	Thuận Phú	100,0	31	25	CLN	ONT
1904	Bùi Duy Linh	Thuận Phú	200,0	39	25	CLN	ONT
1905	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thuận Phú	100,0	60	25	CLN	ONT
1906	Lý Thanh Tâm	Thuận Phú	100,0	57	26	CLN	ONT

1907	Nguyễn Thanh Bình	Thuận Phú	400,0	93	26	CLN	ONT
1908	Trần Thị Dạn	Thuận Phú	200,0	309	26	CLN	ONT
1909	Nguyễn Hữu Thành	Thuận Phú	200,0	23	27	CLN	ONT
1910	Trần Thị Hoa	Thuận Phú	450,0	44	27	CLN	ONT
1911	Nguyễn Văn Sơn	Thuận Phú	800,0	129	27	CLN	ONT
1912	Nguyễn Thị Hương	Thuận Phú	500,0	196	27	CLN	ONT
1913	Võ Tấn Huỳnh	Thuận Phú	3.000,0	128, 305	27	CLN	ONT
1914	Nguyễn Văn Đình	Thuận Phú	300,0	31	28	CLN	ONT
1915	Văn Đức Dũng	Thuận Phú	200,0	46	28	CLN	ONT
1916	Trương Quang Thành	Thuận Phú	600,0	49	28	CLN	ONT
1917	Nguyễn Thị Xoan	Thuận Phú	500,0	51	28	CLN	ONT
1918	Nguyễn Văn Đăng	Thuận Phú	400,0	56	28	CLN	ONT
1919	Nguyễn Đăng Dương	Thuận Phú	400,0	82	28	CLN	ONT
1920	Nguyễn Văn Sơn	Thuận Phú	600,0	83	28	CLN	ONT
1921	Nguyễn Công Vinh	Thuận Phú	300,0	89	28	CLN	ONT
1922	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thuận Phú	200,0	176	28	CLN	ONT
1923	Đặng Kim Ngọc	Thuận Phú	400,0	188	28	CLN	ONT
1924	Trần Văn Quý	Thuận Phú	200,0	193	28	CLN	ONT
1925	Nguyễn Mạnh	Thuận Phú	200,0	207	28	CLN	ONT
1926	Trần Thị Nghĩa	Thuận Phú	1.000,0	217	28	CLN	ONT
1927	Nguyễn Thị Thu Hà	Thuận Phú	400,0	225	28	CLN	ONT
1928	Nguyễn Thị Thúy Kiều	Thuận Phú	150,0	235	28	CLN	ONT
1929	Nguyễn Quang Lam	Thuận Phú	100,0	260	28	CLN	ONT
1930	Nguyễn Tiến Hải	Thuận Phú	600,0	281	28	CLN	ONT
1931	Nguyễn Hiếu Liệu	Thuận Phú	100,0	292	28	CLN	ONT
1932	Hồ Ngọc Thy	Thuận Phú	1.500,0	39; 54	28	CLN	ONT
1933	Nguyễn Văn Thuận	Thuận Phú	400,0	39	29	CLN	ONT
1934	Nguyễn Ngọc Hùng	Thuận Phú	1.000,0	82	29	CLN	ONT
1935	Hứa Văn Thông	Thuận Phú	2.500,0	126	29	CLN	ONT
1936	Nguyễn Ngọc Tuấn	Thuận Phú	300,0	175	29	CLN	ONT
1937	Đinh Xuân Thanh	Thuận Phú	400,0	177	29	CLN	ONT
1938	Mai Xuân Sơn	Thuận Phú	100,0	60	33	CLN	ONT
1939	Nguyễn Bá Cừ	Thuận Phú	150,0	10	36	CLN	ONT
1940	Lê Thanh Pháp	Thuận Phú	200,0	19	36	CLN	ONT
1941	Ngô Văn Hoa	Thuận Phú	300,0	38	36	CLN	ONT
1942	Phạm Minh Tâm	Thuận Phú	400,0	57	39	CLN	ONT
1943	Ngô Quyết Chiến	Thuận Phú	300,0	17	42	CLN	ONT
1944	Đinh Văn Thọ	Thuận Phú	100,0	79	42	CLN	ONT
1945	Đinh Thị Lụa	Thuận Phú	300,0	21	48	CLN	ONT
1946	Nguyễn Văn Hưng	Thuận Phú	400,0	19	50	CLN	ONT
1947	Võ Soán	Thuận Phú	1.000,0	28	50	CLN	ONT
1948	Lê Văn Triệu	Thuận Phú	100,0	41	50	CLN	ONT
1949	Trương Đình Luật	Thuận Phú	600,0	51	50	CLN	ONT
1950	Nguyễn Thị Song	Thuận Phú	200,0	60	50	CLN	ONT
1951	Lê Thị Diệp	Thuận Phú	500,0	63	50	CLN	ONT
1952	Lê Thị Vui	Thuận Phú	100,0	156	50	CLN	ONT
1953	Lê Thị Hiền	Thuận Phú	100,0	157	50	CLN	ONT
1954	Đặng Duy Sơn	Thuận Phú	400,0	162	50	CLN	ONT
1955	Đặng Quang	Thuận Phú	1.000,0	163	50	CLN	ONT
1956	Trần Tiến Quyết	Thuận Phú	2.000,0	172	50	CLN	ONT
1957	Ngô Ngọc Bình	Thuận Phú	300,0	211	50	CLN	ONT
1958	Nguyễn Văn Diện	Thuận Phú	100,0	212	50	CLN	ONT
1959	Nguyễn Thị Lan	Thuận Phú	400,0	235	50	CLN	ONT
1960	Đào Văn Hiệp	Thuận Phú	200,0	236	50	CLN	ONT
1961	Chu Văn Toàn	Thuận Phú	100,0	238	50	CLN	ONT

1962	Nguyễn Thị Thanh Quyên	Thuận Phú	200,0	266	50	CLN	ONT
1963	Nguyễn Công Sơn	Thuận Phú	200,0	272	50	CLN	ONT
1964	Phan Văn Sắt	Thuận Phú	1.200,0	42	51	CLN	ONT
1965	Trịnh Thị Hương	Thuận Phú	150,0	151	51	CLN	ONT
1966	Nguyễn Văn Diện	Thuận Phú	100,0	154	51	CLN	ONT
1967	Nguyễn Đức Toàn	Thuận Phú	100,0	175	51	CLN	ONT
1968	Cao Thanh Minh	Thuận Phú	300,0	194	51	CLN	ONT
1969	Nguyễn Văn Tuyên	Thuận Phú	200,0	207	51	CLN	ONT
1970	Lê Hồng Phong	Thuận Phú	100,0	249	51	CLN	ONT
1971	Phạm Lê Thanh Tùng	Thuận Phú	100,0	524	51	CLN	ONT
1972	Nguyễn Thị Thu Thảo	Thuận Phú	100,0	720	51	CLN	ONT
1973	Nguyễn Đức Toàn	Thuận Phú	100,0	721	51	CLN	ONT
1974	Nguyễn Văn Thắng	Thuận Phú	200,0	930	51	CLN	ONT
1975	Lê Thị Hạnh	Thuận Phú	200,0	939	51	CLN	ONT
1976	Lê Hồng Thái	Thuận Phú	150,0	958	51	CLN	ONT
1977	Lê Thị Lý	Thuận Phú	100,0	1010	51	CLN	ONT
1978	Lê Hồng Dương	Thuận Phú	250,0	1051	51	CLN	ONT
1979	Võ Soán	Thuận Phú	400,0	62	52	CLN	ONT
1980	Nguyễn Thanh Ngọc	Thuận Phú	100,0	145	52	CLN	ONT
1981	Lã Văn Tựa	Thuận Phú	500,0	156	52	CLN	ONT
1982	Hoàng Thị Thân	Thuận Phú	400,0	262	52	CLN	ONT
1983	Hoàng Thị Thân	Thuận Phú	400,0	265	52	CLN	ONT
1984	Nguyễn Thị Hải	Thuận Phú	250,0	273	52	CLN	ONT
1985	Nguyễn Thị Hải	Thuận Phú	400,0	275	52	CLN	ONT
1986	Nguyễn Thanh Hải	Thuận Phú	300,0	19	53	CLN	ONT
1987	Vũ Mạnh Tuấn	Thuận Phú	200,0	21	53	CLN	ONT
1988	Nguyễn Thanh Hải	Thuận Phú	100,0	122	53	CLN	ONT
1989	Đậu Văn Thành	Thuận Phú	150,0	293	53	CLN	ONT
1990	Nguyễn Hữu Do	Thuận Phú	3.500,0	11	60	CLN	ONT
1991	Phan Văn Sâm	Thuận Phú	400,0	17	60	CLN	ONT
1992	Trần Văn Quang	Thuận Phú	500,0	19	60	CLN	ONT
1993	Trần Văn Hùng	Thuận Phú	7.500,0	21	60	CLN	ONT
1994	Nguyễn Văn Thanh	Thuận Phú	400,0	28	60	CLN	ONT
1995	Giềng Mỹ Lầy	Thuận Phú	300,0	31	60	CLN	ONT
1996	Giềng Mỹ Lầy	Thuận Phú	200,0	34	60	CLN	ONT
1997	Nguyễn Văn Nghĩa	Thuận Phú	2.000,0	35	60	CLN	ONT
1998	Phan Văn Kỳ	Thuận Phú	400,0	43	60	CLN	ONT
1999	Phan Văn Sâm	Thuận Phú	400,0	44	60	CLN	ONT
2000	Trương Quang Thành	Thuận Phú	4.500,0	5, 49	50, 28	CLN	ONT
2001	Nguyễn Thanh Hùng	Thuận Lợi	5.000,0	302	13	CLN	SKC
2002	Nguyễn Thị Tâm Phương	Đồng Tiến	9.000,0	271	39	CLN	SKC
2003	Trần Văn Lân Phạm Thị Thêm	Tân Hưng	2.000,0	10	18	CLN	ONT
2004	Nguyễn Đức Hùng	Tân Hưng	2.000,0	56	25	CLN	ONT
2005	Phạm Thế Minh	Đồng Tiến	800,0	145; 118; 351	6	CLN	ONT
2006	Lê Văn Năng	Đồng Tiến	300,0	172	7	CLN	ONT
2007	Nguyễn Thanh Hùng	Thuận Lợi	3.000,0	302	13	CLN	ONT
2008	Vũ Quốc Tiến	Đồng Tâm	200,0	12	11	CLN	ONT
2009	Lê Thị Hồng	Đồng Tâm	100,0	19	12	CLN	ONT
2010	Nguyễn Thị Huệ	Đồng Tâm	100,0	37	18	CLN	ONT
2011	Nguyễn Thị Huệ	Đồng Tâm	100,0	38	18	CLN	ONT
2012	Hoàng Ngọc Tùng	Đồng Tâm	100,0	60	18	CLN	ONT
2013	Nguyễn Thị Tuyết	Đồng Tâm	100,0	52	19	CLN	ONT
2014	Mai Lâm	Đồng Tâm	100,0	94	19	CLN	ONT
2015	Nguyễn Trung Nguyên	Đồng Tâm	200,0	25	26	CLN	ONT

2016	Nguyễn Đăng Tài	Đồng Tâm	100,0	32	27	CLN	ONT
2017	Nguyễn Văn Việt	Đồng Tâm	200,0	40	27	CLN	ONT
2018	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Đồng Tâm	200,0	93	27	CLN	ONT
2019	Lê Thị Hằng	Đồng Tâm	100,0	159	27	CLN	ONT
2020	Ngô Thị Át	Đồng Tâm	2.500,0	33	28	CLN	ONT
2021	Nguyễn Hữu Long	Đồng Tâm	500,0	402	28	CLN	ONT
2022	Lương Công Minh	Đồng Tâm	400,0	6	29	CLN	ONT
2023	Nguyễn Nho Duy	Đồng Tâm	100,0	23	34	CLN	ONT
2024	Nguyễn Thị Kim Thanh	Đồng Tâm	200,0	25	34	CLN	ONT
2025	Đào Thị Thương	Đồng Tâm	300,0	252	34	CLN	ONT
2026	Nguyễn Thanh Phong	Đồng Tâm	100,0	272	34	CLN	ONT
2027	Nguyễn Thị Mộng Huyền	Đồng Tâm	100,0	239	38	CLN	ONT
2028	Phạm Văn Thành	Đồng Tâm	1.400,0	394	38	CLN	ONT
2029	Phạm Việt Tâm	Đồng Tâm	1.100,0	395	38	CLN	ONT
2030	Phạm Quang Đức	Đồng Tâm	1.100,0	396	38	CLN	ONT
2031	Phạm Thị Lại	Đồng Tâm	500,0	397	38	CLN	ONT
2032	Nguyễn Khắc Duy	Đồng Tâm	200,0	29; 30	39	CLN	ONT
2033	Hoàng Văn Sấn	Đồng Tâm	200,0	74	39	CLN	ONT
2034	Nguyễn Văn Khương	Đồng Tâm	200,0	77	39	CLN	ONT
2035	Lê Quý	Đồng Tâm	300,0	66	42	CLN	ONT
2036	Lê Thị Hồng	Đồng Tâm	200,0	32	44	CLN	ONT
2037	Đặng Văn Đạo	Đồng Tâm	200,0	25	47	CLN	ONT
2038	Đặng Văn Đạo	Đồng Tâm	200,0	28	47	CLN	ONT
2039	Trương Xuân Hùng	Đồng Tâm	100,0	46	47	CLN	ONT
2040	Nguyễn Văn Tổ	Đồng Tâm	300,0	49	47	CLN	ONT
2041	Khru Phước Hải	Đồng Tâm	400,0	50	47	CLN	ONT
2042	Nguyễn Thị Tuyết	Đồng Tâm	300,0	114	48	CLN	ONT
2043	Nguyễn Thị Hào	Đồng Tâm	1.000,0	173	48	CLN	ONT
2044	Bùi Thị Thanh Quyên	Đồng Tâm	100,0	190	48	CLN	ONT
2045	Lê Thị Ngọc Diễm	Đồng Tâm	300,0	191	48	CLN	ONT
2046	Lê Thị Lan	Đồng Tâm	100,0	197	48	CLN	ONT
2047	Lê Thị Ngọc Diễm	Đồng Tâm	200,0	198	48	CLN	ONT
2048	Nguyễn Khắc Vĩnh	Đồng Tâm	400,0	282	48	CLN	ONT
2049	Đồng Thanh Bình	Đồng Tâm	200,0	300	48	CLN	ONT
2050	Đồng Hữu Nghĩa	Đồng Tâm	200,0	301	48	CLN	ONT
2051	Nguyễn Thị Dinh	Đồng Tâm	200,0	307	48	CLN	ONT
2052	Trần Đình Vinh	Đồng Tâm	100,0	32	51	CLN	ONT
2053	Chiêm Tôn Hàng	Đồng Tâm	300,0	162	51	CLN	ONT
2054	Cao Thị Ánh Loan	Đồng Tâm	400,0	330	51	CLN	ONT
2055	Phạm Quốc Cường	Đồng Tâm	200,0	168	52	CLN	ONT
2056	Nguyễn Đình Phúc	Đồng Tâm	400,0	53	54	CLN	ONT
2057	Vũ Quốc Tiến	Đồng Tâm	500,0	87	54	CLN	ONT
2058	Đỗ Minh Tâm	Đồng Tâm	500,0	93	54	CLN	ONT
2059	Nguyễn Tiến Nhung	Đồng Tâm	400,0	116	54	CLN	ONT
2060	Hoàng Văn Đối	Đồng Tâm	200,0	91	60	CLN	ONT
2061	Vũ Quang Hợp	Đồng Tâm	400,0	95	60	CLN	ONT
2062	Nguyễn Văn Thôn	Đồng Tâm	400,0	29	61	CLN	ONT
2063	Đặng Văn Đạo	Đồng Tâm	200,0	39	61	CLN	ONT
2064	Trần Thị Kim Chi	Đồng Tâm	600,0	384	61	CLN	ONT
2065	Phan Chánh Đạo	Đồng Tâm	100,0	53	62	CLN	ONT
2066	Phạm Văn Bảo	Đồng Tâm	700,0	66	62	CLN	ONT
2067	Hoàng Thị Hoàn	Đồng Tâm	200,0	125	62	CLN	ONT
2068	Nguyễn Thị Đà Em	Đồng Tâm	200,0	126	62	CLN	ONT
2069	Phan Chánh Đạo	Đồng Tâm	100,0	134	62	CLN	ONT

2070	Nguyễn Thị Minh Thành	Đồng Tâm	200,0	145	62	CLN	ONT
2071	Nguyễn Thị Minh Thành	Đồng Tâm	300,0	152	62	CLN	ONT
2072	Trần Minh Thi	Đồng Tâm	100,0	51	63	CLN	ONT
2073	Phạm Chí Hữu	Đồng Tâm	100,0	140	63	CLN	ONT
2074	Chiêm Tôn Hàng	Đồng Tâm	200,0	212	63	CLN	ONT
2075	Nguyễn Thị Tuyết	Đồng Tâm	100,0	46	72	CLN	ONT
2076	Nguyễn Cửu Thị Kim Chi	Đồng Tâm	200,0	174	73	CLN	ONT
2077	Phạm Văn Vinh	Đồng Tiến	150,0	23	3	CLN	ONT
2078	Nguyễn Đình Chinh	Đồng Tiến	2.000,0	205	4	CLN	ONT
2079	Huỳnh Văn Phê	Đồng Tiến	200,0	301	5	CLN	ONT
2080	Đào Xuân Định	Đồng Tiến	500,0	300	6	CLN	ONT
2081	Lê Thị Hoa	Đồng Tiến	100,0	46	7	CLN	ONT
2082	Lê Văn Năng	Đồng Tiến	300,0	172	7	CLN	ONT
2083	Phạm Thị Huệ	Đồng Tiến	100,0	311	7	CLN	ONT
2084	Lê Thị Lệ	Đồng Tiến	800,0	243	9	CLN	ONT
2085	Đinh Thị Kim Lành	Đồng Tiến	400,0	466	9	CLN	ONT
2086	Đinh Thị Kim Lành	Đồng Tiến	400,0	467	9	CLN	ONT
2087	Nguyễn Đức Sáng	Đồng Tiến	100,0	585	13	CLN	ONT
2088	Bùi Viết Hoàng	Đồng Tiến	100,0	956	13	CLN	ONT
2089	Đỗ Thanh Trà	Đồng Tiến	300,0	361	14	CLN	ONT
2090	Trần Long Hải	Đồng Tiến	500,0	130	16	CLN	ONT
2091	Võ Tâm	Đồng Tiến	400,0	47	18	CLN	ONT
2092	Nguyễn Thoại Khanh	Đồng Tiến	100,0	111	19	CLN	ONT
2093	Võ Thị Nhung	Đồng Tiến	100,0	308	19	CLN	ONT
2094	Nông Văn Toàn	Đồng Tiến	200,0	23	20	CLN	ONT
2095	Lương Đức Thọ	Đồng Tiến	1.000,0	216	23	CLN	ONT
2096	Nguyễn Văn Thuận	Đồng Tiến	100,0	405	23	CLN	ONT
2097	Hoàng Văn Sấn	Đồng Tiến	800,0	735	23	CLN	ONT
2098	Ngô Văn Lục	Đồng Tiến	200,0	1237	23	CLN	ONT
2099	Trương Duy Bảo	Đồng Tiến	50,0	154	24	CLN	ONT
2100	Bùi Tuấn Lập	Đồng Tiến	400,0	577	25	CLN	ONT
2101	Si A Dũng	Đồng Tiến	100,0	602	26	CLN	ONT
2102	Nguyễn Văn Tuấn	Đồng Tiến	100,0	605	26	CLN	ONT
2103	Đặng Văn Tuyên	Đồng Tiến	100,0	618	26	CLN	ONT
2104	Bùi Viết Hoàng	Đồng Tiến	100,0	1084	26	CLN	ONT
2105	Đinh Văn Yên	Đồng Tiến	500,0	81	28	CLN	ONT
2106	Nguyễn Thị Linh	Đồng Tiến	100,0	33	33	CLN	ONT
2107	Bùi Đình Thao	Đồng Tiến	300,0	105; 86	39	CLN	ONT
2108	Phạm Bá Tòng	Đồng Tiến	400,0	23	40	CLN	ONT
2109	Lê Văn Công	Đồng Tiến	200,0	35	41	CLN	ONT
2110	Điều Thị Lai	Đồng Tiến	200,0	57	41	CLN	ONT
2111	Võ Thị Nhung	Đồng Tiến	300,0	64	41	CLN	ONT
2112	Nguyễn Cảnh Thành	Đồng Tiến	600,0	81	41	CLN	ONT
2113	Vũ Thị Duyên + Hán Duy Quyết	Đồng Tiến	400,0	195	41	CLN	ONT
2114	Điều Thị Hạnh	Đồng Tiến	300,0	196	41	CLN	ONT
2115	Vương Văn Tuyên	Đồng Tiến	200,0	66	44	CLN	ONT
2116	Nguyễn Ngọc Phượng	Đồng Tiến	300,0	74	46	CLN	ONT
2117	Lê Văn Cường	Đồng Tiến	200,0	186	46	CLN	ONT
2118	Trần Thị Thùy Trang	Đồng Tiến	200,0	189	46	CLN	ONT
2119	Phan Thanh Phong	Đồng Tiến	400,0	196	46	CLN	ONT
2120	Nguyễn Quang Trung	Đồng Tiến	1.000,0	64	47	CLN	ONT
2121	Nguyễn Thanh Hải	Đồng Tiến	200,0	80	50	CLN	ONT
2122	Trần Thị Hương	Đồng Tiến	300,0	108	50	CLN	ONT
2123	Nguyễn Hữu Toại	Đồng Tiến	800,0	65	52	CLN	ONT

2124	Nguyễn Hữu Tài	Đồng Tiến	200,0	267;268	52	CLN	ONT
2125	Trần Ngọc Tĩnh	Đồng Tiến	200,0	92	63	CLN	ONT
2126	Uân Văn Vinh	Đồng Tiến	300,0	129	67	CLN	ONT
2127	Nông Văn Tĩnh	Đồng Tiến	500,0	33	75	CLN	ONT
2128	Phạm Thanh Tuấn	Đồng Tiến	300,0	45	75	CLN	ONT
2129	Hoàng Văn Hiếu	Đồng Tiến	400,0	20	77	CLN	ONT
2130	Hoàng Thị Luyện	Đồng Tiến	400,0	25	77	CLN	ONT
2131	Hoàng Thị Luyện	Đồng Tiến	100,0	30	77	CLN	ONT
2132	Lê Thị Lệ	Đồng Tiến	400,0	39	77	CLN	ONT
2133	Bùi Thế Đạt	Tân Hòa	200,0	37; 38	10	CLN	ONT
2134	Đào Văn Chiến	Tân Hòa	400,0	13	15	CLN	ONT
2135	Nguyễn Văn Tâm	Tân Hòa	500,0	209	15	CLN	ONT
2136	Nguyễn Anh Minh	Tân Hòa	300,0	210	15	CLN	ONT
2137	Dương Văn Vui	Tân Hòa	200,0	293	15	CLN	ONT
2138	Triệu Văn Dén	Tân Hòa	2.300,0	57	16	CLN	ONT
2139	Dương Văn Tĩnh	Tân Hòa	200,0	193	24	CLN	ONT
2140	Trần Đức Vẹn	Tân Hòa	200,0	194	24	CLN	ONT
2141	Lê Quốc Hoàn	Tân Hưng	1.500,0	298	6	CLN	ONT
2142	Hồ Thị Mỹ Hạnh	Tân Hưng	400,0	168	23	CLN	ONT
2143	Nguyễn Hữu Lâm	Tân Hưng	400,0	51	29	CLN	ONT
2144	Phùng Văn Tân	Tân Hưng	200,0	84	29	CLN	ONT
2145	Nguyễn Văn Khởi	Tân Hưng	100,0	14	30	CLN	ONT
2146	Phạm Đức Quỳnh	Tân Hưng	200,0	25	30	CLN	ONT
2147	Ngô Thị Nga	Tân Hưng	200,0	27	38	CLN	ONT
2148	Đàm Vĩnh Phúc	Tân Hưng	200,0	6	39	CLN	ONT
2149	Phan Đức Tuấn	Tân Hưng	200,0	170	45	CLN	ONT
2150	Nguyễn Văn Tuấn	Tân Hưng	800,0	19	48	CLN	ONT
2151	Hồ Hải Bằng	Tân Lập	500,0	59	3	CLN	ONT
2152	Hồ Hải Bằng	Tân Lập	500,0	77	3	CLN	ONT
2153	Phan Thị Thảo	Tân Lập	1.000,0	1	4	CLN	ONT
2154	Trần Thị Việt	Tân Lập	400,0	87	7	CLN	ONT
2155	Phạm Văn Rần	Tân Lập	500,0	88	7	CLN	ONT
2156	Vũ Văn Truyền	Tân Lập	500,0	360	8	CLN	ONT
2157	Nguyễn Thị Cúc	Tân Lập	100,0	131	11	CLN	ONT
2158	Nguyễn Thị Kim	Tân Lập	1.000,0	125	13	CLN	ONT
2159	Trần Kim Kính	Tân Lập	5.000,0	15c	13	CLN	ONT
2160	Lê Văn Thắng	Tân Lập	500,0	72	14	CLN	ONT
2161	Đào Văn Điển	Tân Lập	600,0	198	14	CLN	ONT
2162	Khiếu Ngọc Ân	Tân Lập	500,0	226	14	CLN	ONT
2163	Đào Thị Rường	Tân Lập	100,0	261	14	CLN	ONT
2164	Khiếu Ngọc Ân	Tân Lập	500,0	552	14	CLN	ONT
2165	Nguyễn Văn Bích	Tân Lập	200,0	772	14	CLN	ONT
2166	Trần Thị Bạch Tuyết	Tân Lập	100,0	65f	14	CLN	ONT
2167	Nguyễn Duy Ninh	Tân Lập	100,0	96A	14	CLN	ONT
2168	Nguyễn Văn Toàn	Tân Lập	1.000,0	61	16	CLN	ONT
2169	Quyền Đình Trường	Tân Lập	1.000,0	20	17	CLN	ONT
2170	Trần Văn Lực	Tân Lập	200,0	91	17	CLN	ONT
2171	Trần Thị Ninh	Tân Lập	200,0	108	17	CLN	ONT
2172	Cao Đăng Hà	Tân Lập	100,0	4	18	CLN	ONT
2173	Nguyễn Văn Đức	Tân Lập	100,0	62	18	CLN	ONT
2174	Bùi Thị Xuyên	Tân Lập	100,0	127	18	CLN	ONT
2175	Đỗ Thị Hiền	Tân Lập	600,0	147	18	CLN	ONT
2176	Nguyễn Văn Yên	Tân Lập	200,0	193	18	CLN	ONT
2177	Nguyễn Văn Quang	Tân Lập	100,0	1	19	CLN	ONT
2178	Nguyễn văn Thắng	Tân Lập	200,0	34	19	CLN	ONT

2179	Ngô Văn Tuấn	Tân Lập	100,0	134	19	CLN	ONT
2180	Trần Văn Sơn	Tân Lập	100,0	62	20	CLN	ONT
2181	Phạm Thành Đồng	Tân Lập	800,0	191	21	CLN	ONT
2182	Phan Văn Thắng	Tân Lập	500,0	34	22	CLN	ONT
2183	Phạm Thị Chín	Tân Lập	3.600,0	46	22	CLN	ONT
2184	Đặng Quốc Lộc	Tân Lập	100,0	76	22	CLN	ONT
2185	Nguyễn Văn Lễ	Tân Lập	2.000,0	133	22	CLN	ONT
2186	Nguyễn Văn Lợi	Tân Lập	1.000,0	30	23	CLN	ONT
2187	Huỳnh Văn Ân	Tân Lập	400,0	42	24	CLN	ONT
2188	Trần Văn Nhung	Tân Lập	4.000,0	84	30	CLN	ONT
2189	Ngô Văn Hòa	Tân Lập	600,0	5	31	CLN	ONT
2190	Hoàng Thị Nhung	Tân Lập	1.500,0	16	31	CLN	ONT
2191	Trần Đức Mẫn	Tân Lập	1.000,0	17	31	CLN	ONT
2192	Phan Văn Thắng	Tân Lập	2.000,0	20	31	CLN	ONT
2193	Nguyễn Văn Chính	Tân Lập	400,0	43	31	CLN	ONT
2194	Nguyễn Thị Toan	Tân Lập	500,0	91	31	CLN	ONT
2195	Nguyễn Văn Tăng	Tân Lập	3.600,0	110	31	CLN	ONT
2196	Nguyễn Tuấn Anh	Tân Lập	400,0	131	31	CLN	ONT
2197	Nguyễn Văn Dũng	Tân Lập	300,0	137	31	CLN	ONT
2198	Tạ Thị Nga	Tân Lập	200,0	143	31	CLN	ONT
2199	Nguyễn Tuấn Anh	Tân Lập	400,0	166	31	CLN	ONT
2200	Mai Văn Trường	Tân Lập	600,0	372	31	CLN	ONT
2201	Phạm Hồng Liên	Tân Lập	1.400,0	63	32	CLN	ONT
2202	Trương Văn Hậu	Tân Lập	100,0	304	32	CLN	ONT
2203	Phạm Thị Khánh	Tân Lập	2.000,0	6	33	CLN	ONT
2204	Vũ Thị Sửu	Tân Lập	1.000,0	19	33	CLN	ONT
2205	Nguyễn Minh Anh	Tân Lập	3.000,0	16	38	CLN	ONT
2206	Nguyễn Văn Thuận	Tân Lập	200,0	34	39	CLN	ONT
2207	Lê Công Trình	Tân Lập	1.200,0	64	39	CLN	ONT
2208	Lê Công Trình	Tân Lập	1.500,0	71	39	CLN	ONT
2209	Nguyễn Văn Tăng	Tân Lập	400,0	84	39	CLN	ONT
2210	Huỳnh Văn Ân	Tân Lập	400,0	47	42	CLN	ONT
2211	Trần Thị Khen	Tân Lập	200,0	105	42	CLN	ONT
2212	Ngô Thị Ngọc Tâm	Tân Lập	200,0	134	42	CLN	ONT
2213	Nguyễn Phồn Tuyền	Tân Lập	1.000,0	79	44	CLN	ONT
2214	Nguyễn Thị Ngọc Hương	Tân Lập	200,0	81	45	CLN	ONT
2215	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Tân Lập	200,0	82	45	CLN	ONT
2216	Nguyễn Văn Hậu	Tân Lập	200,0	83	45	CLN	ONT
2217	Lê Thị Quý	Tân Lập	400,0	103	45	CLN	ONT
2218	Phạm Phú Thán	Tân Lập	150,0	89	47	CLN	ONT
2219	Vũ Văn Vận	Tân Lập	100,0	98	48	CLN	ONT
2220	Lê Phương Thảo	Tân Lập	600,0	104	48	CLN	ONT
2221	Nguyễn Thị Hiền	Tân Lập	200,0	197	48	CLN	ONT
2222	Lê Đăng Hùng	Tân Lập	800,0	204	48	CLN	ONT
2223	Trần Duy Hoàng	Tân Lập	200,0	205	48	CLN	ONT
2224	Hoàng Văn Quyết	Tân Lập	100,0	239	49	CLN	ONT
2225	Nguyễn Trọng Khải	Tân Lập	100,0	14b	54	CLN	ONT
2226	Lương Hải Triều	Tân Lập	800,0	74	57	CLN	ONT
2227	Trần Thị Cậy	Tân Lập	2.500,0	87	58	CLN	ONT
2228	Nguyễn Trọng Sơn	Tân Lập	300,0	143	58	CLN	ONT
2229	Hoàng Minh Cường	Tân Lập	100,0	185	58	CLN	ONT
2230	Nguyễn Văn Thìn	Tân Lập	300,0	254	58	CLN	ONT
2231	Trần Kim Tiến	Tân Lập	400,0	288	58	CLN	ONT
2232	Đỗ Thị Hiền	Tân Lập	300,0	465	58	CLN	ONT
2233	Trương Quốc Toàn	Tân Lập	200,0	179	59	CLN	ONT

2234	Trần Thế Vinh	Tân Lập	200,0	298	59	CLN	ONT
2235	Bùi Đình Lai	Tân Lập	100,0	200	78	CLN	ONT
2236	Dương Thị Kim Hoa	Tân Lập	100,0	159	79	CLN	ONT
2237	Trần Thị Phương	Tân Lập	200,0	2	81	CLN	ONT
2238	Lâm Thị Thu Hằng	Tân Lập	150,0	204	83	CLN	ONT
2239	Nguyễn Hoàng Phong	Tân Lập	200,0	236	83	CLN	ONT
2240	Trần Văn Hiến	Tân Lập	200,0	264	83	CLN	ONT
2241	Đinh Thị Biền	Tân Lập	200,0	52	84	CLN	ONT
2242	Trương Văn Huân	Tân Lập	300,0	57	85	CLN	ONT
2243	Dương Thị Diện	Tân Lập	1.500,0	267	85	CLN	ONT
2244	Nguyễn Văn Chơn	Tân Lập	300,0	298	85	CLN	ONT
2245	Trần Minh Sơn	Tân Lập	200,0	42	86	CLN	ONT
2246	Phạm Thị Tiến	Tân Lập	1.000,0	58	86	CLN	ONT
2247	Nguyễn Bá Du	Tân Lập	200,0	101	86	CLN	ONT
2248	Nguyễn Hữu hồng	Tân Lập	100,0	118b (165)	21 (85)	CLN	ONT
2249	Trần Thị Mỹ	Tân Lợi	1.000,0	89	3	CLN	ONT
2250	Lê Duy Thượng	Tân Lợi	1.000,0	106	3	CLN	ONT
2251	Đặng Văn Ron	Tân Lợi	400,0	611	3	CLN	ONT
2252	Nguyễn Khắc Nhất	Tân Lợi	200,0	675	3	CLN	ONT
2253	Vũ Thị Bích Phượng	Tân Lợi	700,0	654	4	CLN	ONT
2254	Vũ Thị Kiều Trinh	Tân Lợi	700,0	655	4	CLN	ONT
2255	Phan Thị Hòa	Tân Lợi	200,0	16	5	CLN	ONT
2256	Phan Công Bình	Tân Lợi	2.000,0	19	5	CLN	ONT
2257	Dương Văn Năm	Tân Lợi	300,0	178	6	CLN	ONT
2258	Nguyễn Viết Luyện	Tân Lợi	7.000,0	10; 8	6	CLN	ONT
2259	Hoàng Thị Hương Giang	Tân Lợi	2.000,0	208	8	CLN	ONT
2260	Bùi Văn Dân	Tân Lợi	100,0	216	17	CLN	ONT
2261	Bùi Văn Dân	Tân Lợi	100,0	217	17	CLN	ONT
2262	Khẩu Thanh Sơn	Tân Lợi	200,0	399	18	CLN	ONT
2263	Lương Văn Chúng	Tân Lợi	2.000,0	130	22	CLN	ONT
2264	Hoàng Thị Nga	Tân Lợi	100,0	172	24	CLN	ONT
2265	Nguyễn Tiến Đến	Tân Lợi	400,0	248	24	CLN	ONT
2266	Nguyễn Xuân Vỹ	Tân Lợi	300,0	377	24	CLN	ONT
2267	Trần Thế Vinh	Tân Lợi	100,0	91	26	CLN	ONT
2268	Đinh Công Hoàng	Tân Lợi	4.000,0	262	26	CLN	ONT
2269	Trần Thế Vinh	Tân Lợi	100,0	361	26	CLN	ONT
2270	Trần Thế Vinh	Tân Lợi	100,0	362	26	CLN	ONT
2271	Hoàng Thu Nguyệt	Tân Lợi	200,0	370	26	CLN	ONT
2272	Nguyễn Thị Loan	Tân Lợi	50,0	405	26	CLN	ONT
2273	Nguyễn Quốc Tuấn	Tân Lợi	400,0	428	26	CLN	ONT
2274	Đào Anh Sơn	Tân Lợi	1.000,0	592	26	CLN	ONT
2275	Vũ Thị Thủy	Tân Lợi	300,0	647	26	CLN	ONT
2276	Võ Văn Dũng	Tân Lợi	200,0	700	26	CLN	ONT
2277	Phan Quốc Chính	Tân Lợi	300,0	701	26	CLN	ONT
2278	Nguyễn Thị Thúy Vân	Tân Lợi	600,0	779	26	CLN	ONT
2279	Mông Thị Xén	Tân Lợi	200,0	27	39	CLN	ONT
2280	La Văn Thắng	Tân Lợi	300,0	40	39	CLN	ONT
2281	Nguyễn Huy Hạ	Tân Lợi	300,0	118	39	CLN	ONT
2282	Nguyễn Ngọc Đức	Tân Lợi	300,0	188	40	CLN	ONT
2283	Nguyễn Văn Dũng	Tân Lợi	200,0	105	41	CLN	ONT
2284	Lê Xuân Hạnh	Tân Lợi	200,0	75	2	CLN	ODT
2285	Trần Văn Tháp	Tân Lợi	200,0	909	4	CLN	ODT
2286	Nguyễn Đăng Dương	Tân Phú	500,0	999	9	CLN	ODT
2287	Nguyễn Thị Công	Tân Phú	100,0	1021	9	CLN	ODT
2288	Phạm Tuấn	Tân Phú	2.000,0	1155	18	CLN	ODT

2289	Chiềng A Sáng	Tân Phú	100,0	540	19	CLN	ODT
2290	Chiềng A Sáng	Tân Phú	150,0	1326	19	CLN	ODT
2291	Trịnh Thị Thanh Ngọc	Tân Phú	200,0	103	21	CLN	ODT
2292	Lê Xuân Đào	Tân Phú	1.500,0	28	38	CLN	ODT
2293	Lương Xuân Thiều	Tân Phú	200,0	165	47	CLN	ODT
2294	Nguyễn Thanh Hùng	Tân phước	300,0	23	1	CLN	ONT
2295	Phạm Hồng Khanh	Tân phước	200,0	91; 95	2	CLN	ONT
2296	Nguyễn Văn Bôn	Tân phước	1.400,0	299	3	CLN	ONT
2297	Phan Thị Hồng Ngọc	Tân phước	100,0	429	3	CLN	ONT
2298	Nguyễn Trung Hiếu	Tân phước	600,0	14	8	CLN	ONT
2299	Hồ Thị Mỹ Dung	Tân phước	100,0	183	16	CLN	ONT
2300	Vũ Đức Viên	Tân phước	600,0	224	20	CLN	ONT
2301	Huỳnh Ngọc Trinh	Tân phước	1.500,0	74	21	CLN	ONT
2302	Nguyễn Thị Ngân	Tân phước	500,0	316	21	CLN	ONT
2303	Vũ Thị Thủy	Tân phước	200,0	405	21	CLN	ONT
2304	Bế Văn Tân	Tân phước	2.000,0	328	22	CLN	ONT
2305	Bế Văn Thơ	Tân phước	400,0	360	22	CLN	ONT
2306	Bùi Đức Chiến	Tân phước	100,0	378	22	CLN	ONT
2307	Lê Văn Lợi	Tân phước	2.000,0	91; 138	22	CLN	ONT
2308	Phan Văn Toàn	Tân phước	500,0	18	24	CLN	ONT
2309	Nguyễn Văn Lin	Tân phước	1.200,0	42	24	CLN	ONT
2310	Tòng Thương Thanh	Tân phước	200,0	78	31	CLN	ONT
2311	Hà Thị Bích Ngọc	Tân phước	100,0	121	31	CLN	ONT
2312	Quách Thị Tom	Tân phước	200,0	101	32	CLN	ONT
2313	Lê Văn Thành	Tân phước	5.000,0	753; 754; 755; 756	32	CLN	ONT
2314	Đặng Đức Lệ	Tân phước	100,0	772	32	CLN	ONT
2315	Nguyễn Thị Quyên	Tân phước	400,0	451	33	CLN	ONT
2316	Vũ Văn Đức	Tân phước	200,0	293	33	CLN	ONT
2317	Phan Công Khánh	Tân phước	1.000,0	67	34	CLN	ONT
2318	Hoàng Văn Văn	Tân phước	300,0	27	37	CLN	ONT
2319	Mông Văn Hoàng	Tân phước	1.000,0	116	37	CLN	ONT
2320	Đinh Hải Quân	Tân phước	200,0	47	40	CLN	ONT
2321	Trần Hà Vũ Minh	Tân phước	100,0	231	40	CLN	ONT
2322	Nguyễn Văn Kỳ	Tân phước	100,0	35	41	CLN	ONT
2323	Nguyễn Trung Hiếu	Tân phước	150,0	1000	41	CLN	ONT
2324	Nguyễn Đức Quyết	Tân phước	100,0	148	42	CLN	ONT
2325	Lê Thị Thu Hiền	Tân phước	100,0	149	42	CLN	ONT
2326	Mã Thị Tuyền	Tân phước	800,0	244	43	CLN	ONT
2327	Nguyễn Thị Kim Dung	Tân phước	100,0	270	43	CLN	ONT
2328	Đỗ Minh Tuấn	Tân phước	300,0	430	43	CLN	ONT
2329	Hoàng Văn Minh	Tân phước	200,0	451; 452	44	CLN	ONT
2330	Huỳnh Ngọc Trinh	Tân phước	3.000,0	43	50	CLN	ONT
2331	Trần Văn Tháp	Tân Tiến	300,0	80	4	CLN	ONT
2332	Nguyễn Phú Sơn	Tân Tiến	1.000,0	31	14	CLN	ONT
2333	Vũ Thị Minh	Tân Tiến	200,0	236	25	CLN	ONT
2334	Đỗ Minh Tâm	Tân Tiến	200,0	272	55	CLN	ONT
2335	Nguyễn Văn Chót	Thuận Lợi	100,0	220	2	CLN	ONT
2336	Nguyễn Thị Lan	Thuận Lợi	150,0	230	2	CLN	ONT
2337	Trần Văn Mạnh Cổ Thị Ngọc Mây	Thuận Lợi	200,0	386	2	CLN	ONT
2338	Đào Văn Hà	Thuận Lợi	200,0	404	3	CLN	ONT
2339	Nguyễn Thị Ba	Thuận Lợi	400,0	1	5	CLN	ONT
2340	Vũ Thị Năm	Thuận Lợi	600,0	6	5	CLN	ONT
2341	Lê Thế Hà	Thuận Lợi	200,0	229	7	CLN	ONT

2342	Hồ Diên Cung	Thuận Lợi	200,0	216	8	CLN	ONT
2343	Đỗ Văn Tuyển	Thuận Lợi	100,0	218	8	CLN	ONT
2344	Đỗ Văn Tuyển	Thuận Lợi	100,0	269	8	CLN	ONT
2345	Nguyễn Văn Thiết	Thuận Lợi	200,0	341	8	CLN	ONT
2346	Nguyễn Quang Giới	Thuận Lợi	200,0	348	8	CLN	ONT
2347	Nguyễn Thị Nhung	Thuận Lợi	100,0	420	8	CLN	ONT
2348	Phạm Văn Yên	Thuận Lợi	600,0	441	8	CLN	ONT
2349	Lê Văn Tuấn	Thuận Lợi	200,0	443	8	CLN	ONT
2350	Phan Tiến Cửa	Thuận Lợi	200,0	454	8	CLN	ONT
2351	Hồ Diên Can	Thuận Lợi	200,0	208A	8	CLN	ONT
2352	Trình Văn Sơn	Thuận Lợi	500,0	236	12	CLN	ONT
2353	Thái Chí Công	Thuận Lợi	1.200,0	330	12	CLN	ONT
2354	Thái Thị Ngọc Thảo	Thuận Lợi	3.600,0	331	12	CLN	ONT
2355	Nguyễn Quang Dân	Thuận Lợi	400,0	515	12	CLN	ONT
2356	Nguyễn Huỳnh Thạch	Thuận Lợi	200,0	77	13	CLN	ONT
2357	Nguyễn Đình Hùng	Thuận Lợi	100,0	352	13	CLN	ONT
2358	Nguyễn Thị Lan	Thuận Lợi	200,0	294	16	CLN	ONT
2359	Trần Văn mạnh	Thuận Lợi	300,0	359	16	CLN	ONT
2360	Đỗ Văn Duyệt	Thuận Lợi	500,0	478	16	CLN	ONT
2361	Nguyễn Thành Đồng	Thuận Lợi	400,0	518	16	CLN	ONT
2362	Nguyễn Ngọc Phương Bình	Thuận Lợi	2.000,0	216	17	CLN	ONT
2363	Ngô Phước Tường	Thuận Lợi	400,0	327	17	CLN	ONT
2364	Vũ Hồng Hải	Thuận Lợi	500,0	167	23	CLN	ONT
2365	Nông Thị Hương	Thuận Lợi	200,0	72	25	CLN	ONT
2366	Nông Thị Ngọc Lan	Thuận Lợi	1.000,0	74	25	CLN	ONT
2367	Nguyễn Thị Trúc Đào	Thuận Lợi	300,0	391	27	CLN	ONT
2368	Đỗ Văn May	Thuận Lợi	100,0	550	27	BHK	ONT
2369	Nguyễn Văn Nhân	Thuận Lợi	200,0	561	27	BHK	ONT
2370	Bùi Văn Quỳnh	Thuận Lợi	100,0	577	27	BHK	ONT
2371	Trần Thị Ngọc Mai	Thuận Lợi	200,0	610	27	CLN	ONT
2372	Trần Thị Ngọc Mai	Thuận Lợi	200,0	611	27	CLN	ONT
2373	Mai Thị Phụng	Thuận Lợi	1.500,0	89	28	CLN	ONT
2374	Hứa Văn Lù	Thuận Lợi	3.600,0	233	29	CLN	ONT
2375	Nông Thị Duyên	Thuận Lợi	1.800,0	305	29	CLN	ONT
2376	Lê Thị Nét	Thuận Lợi	400,0	76	41	CLN	ONT
2377	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Thuận Lợi	100,0	226	41	CLN	ONT
2378	Điền Môi	Thuận Lợi	800,0	68	48	CLN	ONT
2379	Lê Doãn Bắc	Thuận Lợi	500,0	87	48	CLN	ONT
2380	Lê Thị Hà	Thuận Lợi	300,0	90	48	CLN	ONT
2381	Điền Vinh	Thuận Lợi	200,0	98	48	CLN	ONT
2382	Trịnh Duy Tân	Thuận Lợi	200,0	97	50	CLN	ONT
2383	Nguyễn Quang Vĩnh	Thuận Lợi	200,0	116	50	CLN	ONT
2384	Lê Thị Hoa	Thuận Lợi	500,0	7	51	CLN	ONT
2385	Lương Thị Bích Phương	Thuận Lợi	100,0	107	51	CLN	ONT
2386	Nguyễn Văn Hạnh	Thuận Lợi	200,0	96	53	CLN	ONT
2387	Nguyễn Thị Diễm	Thuận Lợi	200,0	97	53	CLN	ONT
2388	Trần Thị Dạt	Thuận Lợi	300,0	130	55	CLN	ONT
2389	Hoàng Duy Tân	Thuận Lợi	500,0	107	58	CLN	ONT
2390	Lê Thành Nhân	Thuận Lợi	1.200,0	136	58	CLN	ONT
2391	Trịnh Trọng Hợp	Thuận Lợi	80,0	162	58	CLN	ONT
2392	Trịnh Trọng Hợp	Thuận Lợi	80,0	163	58	CLN	ONT
2393	Đặng Thị Thúy	Thuận Lợi	400,0	174	58	CLN	ONT
2394	Nguyễn Văn Sinh	Thuận Lợi	200,0	133	63	CLN	ONT
2395	Lê Văn Thành	Thuận Lợi	2.000,0	130	64	CLN	ONT

2396	Nguyễn Thanh Hiếu	Thuận Phú	600,0	29	3	CLN	ONT
2397	Mông Văn Đàn	Thuận Phú	200,0	208	3	CLN	ONT
2398	Nguyễn Hữu Nhân	Thuận Phú	100,0	235	14	CLN	ONT
2399	Phạm Thị Lạc	Thuận Phú	100,0	313	14	CLN	ONT
2400	Nguyễn Bá Tường	Thuận Phú	300,0	189; 190	14	CLN	ONT
2401	Phan Tấn Phương	Thuận Phú	200,0	89	16	CLN	ONT
2402	Hồng Bửu	Thuận Phú	200,0	14	21	CLN	ONT
2403	Mai Đông Hưng	Thuận Phú	100,0	61	21	CLN	ONT
2404	Võ Thành Nhân	Thuận Phú	100,0	114	21	CLN	ONT
2405	Đào Minh Quý	Thuận Phú	200,0	315	23	CLN	ONT
2406	Võ Văn Hoàng	Thuận Phú	100,0	110	24	CLN	ONT
2407	Đặng Thanh Nhanh	Thuận Phú	100,0	133	26	CLN	ONT
2408	Nguyễn Thị Luyến	Thuận Phú	100,0	307	26	CLN	ONT
2409	Đặng Thị Thanh Thúy	Thuận Phú	100,0	213	27	CLN	ONT
2410	Nguyễn Văn Huyền	Thuận Phú	2.400,0	126	29	CLN	ONT
2411	Nguyễn Công Sơn	Thuận Phú	600,0	51	50	CLN	ONT
2412	Nguyễn Văn Phóng	Thuận Phú	100,0	98	50	CLN	ONT
2413	Đinh Thị Kim Lành	Thuận Phú	200,0	79	51	CLN	ONT
2414	Đinh Thị Kim Lành	Thuận Phú	800,0	86	51	CLN	ONT
2415	Đinh Thị Kim Lành	Thuận Phú	800,0	89	51	CLN	ONT
2416	Đinh Thị Kim Lành	Thuận Phú	1.200,0	100	51	CLN	ONT
2417	Nguyễn Chí Thanh	Thuận Phú	400,0	195	51	CLN	ONT
2418	Nguyễn Đức Toàn	Thuận Phú	1.000,0	841	51	CLN	ONT
2419	Nguyễn Văn Dương	Thuận Phú	100,0	905	51	CLN	ONT
2420	Trương Ngọc Thanh	Thuận Phú	200,0	61	52	CLN	ONT
2421	Phạm Bá Xuân	Thuận Phú	100,0	279	52	CLN	ONT
2422	Nguyễn Thanh Thảo	Thuận Phú	100,0	122	53	CLN	ONT
2423	Dụng Quý Đông	Tân Phước	5.000,0	51	5	CLN	SKC
2424	Nguyễn Thị Thuồng	Tân Hòa	1.077,7	357	19	CLN	SKC
2425	Phạm Thị Ái Vân	Tân Hòa	1.074,6	356	19	CLN	SKC
2426	Nguyễn Xuân Văn	Tân Lợi	1.074,6	356	19	CLN	SKC
2427	Nguyễn Xuân Văn	Tân Lợi	8.000,0	185	6	BHK	SKC
2428	Mai Việt Vương	Tân Lợi	9.000,0	184	6	BHK	SKC
2429	Thái Chí Công	Tân Phước	1.885,3	1081	5	CLN	SKC
2430	Nguyễn Thị Sáu	Tân Hưng	600,0	32	28	CLN	TMD
2431	Phạm Thế Minh	Tân Hưng	400,0	44	18	CLN	TMD
2432	Phạm Thị Thêm	Tân Hưng	3.463,1	15	18	CLN	NHK
V	Huyện Bù Đốp		329.895,8				
1	Nguyễn Quang Hải	Hưng Phước	600,0	301	8	CLN	ONT
2	Nguyễn Quang Hải	Hưng Phước	200,0	300	8	CLN	ONT
3	Nguyễn Quang Hải	Hưng Phước	200,0	299	8	CLN	ONT
4	Nguyễn Quang Hải	Hưng Phước	700,0	298	8	CLN	ONT
5	Nguyễn Quang Hải	Hưng Phước	200,0	296	8	CLN	ONT
6	Nguyễn Quang Hải	Hưng Phước	300,0	294	8	CLN	ONT
7	Nguyễn Quang Hải	Hưng Phước	1.000,0	321	8	CLN	ONT
8	Nguyễn Quang Hải	Hưng Phước	1.000,0	320	8	CLN	ONT
9	Nguyễn Quang Hải	Hưng Phước	1.000,0	319	8	CLN	ONT
10	Nguyễn Quang Hải	Hưng Phước	1.000,0	318	8	CLN	ONT
11	Nguyễn Quang Hải	Hưng Phước	700,0	317	8	CLN	ONT
12	Nguyễn Ngọc Hoàng	Hưng Phước	700,0	302	8	CLN	ONT
13	Nguyễn Ngọc Hoàng	Hưng Phước	200,0	303	8	CLN	ONT
14	Nguyễn Ngọc Hoàng	Hưng Phước	600,0	304	8	CLN	ONT
15	Nguyễn Ngọc Hoàng	Hưng Phước	600,0	305	8	CLN	ONT
16	Nguyễn Ngọc Hoàng	Hưng Phước	600,0	306	8	CLN	ONT
17	Nguyễn Ngọc Hoàng	Hưng Phước	200,0	307	8	CLN	ONT

18	Nguyễn Ngọc Hoàng	Hưng Phước	600,0	308	8	CLN	ONT
19	Nguyễn Quang Hải	Hưng Phước	1.000,0	669	4	CLN	ONT
20	Nguyễn Quang Hải	Hưng Phước	500,0	671	4	CLN	ONT
21	Nguyễn Quang Hải	Hưng Phước	500,0	670	4	CLN	ONT
22	Nguyễn Quang Đua	Hưng Phước	400,0	68	24	CLN	ONT
23	Nguyễn Quang Hải	Hưng Phước	4.000,0	258	8	CLN	ONT
24	Văn Tiến Xuân	Hưng Phước	500,0	83	7	CLN	ONT
25	Nguyễn Thế Cường	Hưng Phước	100,0	286	8	CLN	ONT
26	Phạm Ngọc Thắng	Hưng Phước	200,0	57	13	CLN	ONT
27	Phạm Ngọc Thắng	Hưng Phước	200,0	58	13	CLN	ONT
28	Nguyễn Văn Khang	Hưng Phước	400,0	350	4	CLN	ONT
29	Hồ Thị Hà	Hưng Phước	200,0	294	9	CLN	ONT
30	Nguyễn Thị Giỏi	Hưng Phước	400,0	124	3	CLN	ONT
31	Nguyễn Thị Giỏi	Hưng Phước	400,0	123	3	CLN	ONT
32	Trịnh Văn Vụ	Hưng Phước	400,0	125	3	CLN	ONT
33	Trịnh Văn Vụ	Hưng Phước	400,0	126	3	CLN	ONT
34	Đào Văn Quyết	Hưng Phước	200,0	229	9	CLN	ONT
35	Vũ Ngọc Thành	Hưng Phước	300,0	510	19	CLN	ONT
36	Trần Văn Khôi	Hưng Phước	400,0	119	11	CLN	ONT
37	Lê Thị Hương	Hưng Phước	200,0	424	4	CLN	ONT
38	Dương Duy Hải	Hưng Phước	500,0	31	13	CLN	ONT
39	Điền Bình	Hưng Phước	200,0	21	24	CLN	ONT
40	Điền Bình	Hưng Phước	200,0	611	24	CLN	ONT
41	Trần Văn Bảo	Hưng Phước	400,0	210	5	CLN	ONT
42	Nguyễn Văn Thía	Hưng Phước	400,0	18	13	CLN	ONT
43	Lại Đăng Nam	Hưng Phước	100,0	108	3	CLN	ONT
44	Nguyễn Thị Thơ	Hưng Phước	100,0	18	3	CLN	ONT
45	Bùi Thị Hiền	Hưng Phước	100,0	298	9	CLN	ONT
46	Trần Thị Hồng Thắm	Hưng Phước	200,0	162	25	CLN	ONT
47	Đoàn Văn Hùng	Hưng Phước	400,0	246	8	CLN	ONT
48	Trịnh Văn Khiêm	Hưng Phước	400,0	190	5	CLN	ONT
49	Trần Ngọc Đạt	Hưng Phước	400,0	106	7	CLN	ONT
50	Lỗ Văn Đại	Hưng Phước	500,0	130	3	CLN	ONT
51	Nguyễn Văn Hùng	Hưng Phước	200,0	127	3	CLN	ONT
52	Phạm Văn Tụ	Hưng Phước	500,0	86	10	CLN	ONT
53	Phan Văn Xẻo	Hưng Phước	500,0	57	3	CLN	ONT
54	Trần Văn Dương	Hưng Phước	100,0	172	13	CLN	ONT
55	Đỗ Thanh Chính	Phước Thiện	200,0	10	133	CLN	ONT
56	Đỗ Thanh Chính	Phước Thiện	200,0	10	131	CLN	ONT
57	Luân Văn Shính	Phước Thiện	100,0	45	12	CLN	ONT
58	Huỳnh Minh Hùng	Phước Thiện	300,0	118	16	CLN	ONT
59	Hồ Thị Kim Ngân	Phước Thiện	200,0	19	14	CLN	ONT
60	Mai Xuân Chiến	Phước Thiện	200,0	11	18	CLN	ONT
61	Trần Thị Thanh Thảo	Phước Thiện	500,0	862	11	CLN	ONT
62	Lê Xuân Đạm	Phước Thiện	500,0	30	27	CLN	ONT
63	Phạm Đức Nguyên	Phước Thiện	400,0	2	23	CLN	ONT
64	Nguyễn Sỹ Cảnh	Phước Thiện	200,0	99	10	CLN	ONT
65	Nguyễn Sỹ Cảnh	Phước Thiện	200,0	100	10	CLN	ONT
66	Nguyễn Sỹ Cảnh	Phước Thiện	200,0	101	10	CLN	ONT
67	Nguyễn Sỹ Cảnh	Phước Thiện	200,0	102	10	CLN	ONT
68	Trương Văn Hoan	Phước Thiện	1.000,0	78	10	CLN	ONT
69	Bùi Thị Nga	Phước Thiện	500,0	130	2	CLN	ONT
70	Bùi Thị Nga	Phước Thiện	500,0	129	2	CLN	ONT
71	Bùi Thị Nga	Phước Thiện	500,0	131	2	CLN	ONT
72	Trần Thị Thanh Vân	Phước Thiện	200,0	124	10	CLN	ONT

73	Chu Minh Văn	Phước Thiện	200,0	240	16	CLN	ONT
74	Phạm Văn Tiến	Phước Thiện	200,0	239	16	CLN	ONT
75	Nguyễn Hồng Quân	Phước Thiện	300,0	337	17	CLN	ONT
76	Cao Thị Cẩm	Phước Thiện	1.000,0	23	12	CLN	ONT
77	Trần Bình Nguyên	Phước Thiện	500,0	52	10	CLN	ONT
78	Chu Minh Văn	Phước Thiện	200,0	26	4	CLN	ONT
79	Trần Hoàng Phú	Phước Thiện	1.200,0	10	18	CLN	ONT
80	Võ Văn Hóa	Thiện Hưng	400,0	129	28	CLN	ONT
81	Phạm Thanh Truyền	Thiện Hưng	6.000,0	221	25	CLN	ONT
82	Nguyễn Thị Thu Huyền	Thiện Hưng	100,0	222	25	CLN	ONT
83	Vũ Văn Hoàng	Thiện Hưng	100,0	791	15	CLN	ONT
84	Nguyễn Thị Trinh	Thiện Hưng	1.000,0	745	5	CLN	ONT
85	Nguyễn Văn Hải	Thiện Hưng	100,0	1087	4	CLN	ONT
86	Nguyễn Văn Hải	Thiện Hưng	100,0	1088	4	CLN	ONT
87	Nguyễn Văn Thế	Thiện Hưng	400,0	226	1	CLN	ONT
88	Nguyễn Thị Thúy	Thiện Hưng	700,0	318	9	CLN	ONT
89	Nguyễn Văn Sùng	Thiện Hưng	500,0	535	5	CLN	ONT
90	Nguyễn Văn Sùng	Thiện Hưng	500,0	542	5	CLN	ONT
91	Trần Thị Nhuận	Thiện Hưng	400,0	113	10	CLN	ONT
92	Trần Minh Đạt	Thiện Hưng	100,0	5	49	CLN	ONT
93	Nguyễn Kim Long	Thiện Hưng	200,0	72	8	CLN	ONT
94	Trần Thị Kim Trảng	Thiện Hưng	300,0	49	TL 715	CLN	ONT
95	Nguyễn Thị Lan	Thiện Hưng	500,0	284	5	CLN	ONT
96	Nguyễn Thị Kim Thi	Thiện Hưng	300,0	572	5	CLN	ONT
97	Nguyễn Văn Được	Thiện Hưng	100,0	478	20	CLN	ONT
98	Khuong Văn hậu	Thiện Hưng	300,0	323	9	CLN	ONT
99	Bùi Văn Thiệu	Thiện Hưng	400,0	135	26	CLN	ONT
100	Nguyễn Thị Liên	Thiện Hưng	400,0	772	5	CLN	ONT
101	Nguyễn Thị Tuyết	Thiện Hưng	300,0	771	5	CLN	ONT
102	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thiện Hưng	500,0	267	19	CLN	ONT
103	Trần Thị Phương Lan	Thiện Hưng	500,0	279	28	CLN	ONT
104	Trần Thị Vân	Thiện Hưng	500,0	113	10	CLN	ONT
105	Nguyễn Xuân Thanh	Thiện Hưng	300,0	234	25	CLN	ONT
106	Nguyễn Đình Dương	Thiện Hưng	300,0	113	9	CLN	ONT
107	Tô Văn Muôn	Thiện Hưng	200,0	314	28	CLN	ONT
108	Võ Thị Tuyết	Thiện Hưng	500,0	808	15	CLN	ONT
109	Vũ Việt Kim	Thiện Hưng	1.000,0	224	34	CLN	ONT
110	Nguyễn Bá Sửu	Thiện Hưng	200,0	81	20	CLN	ONT
111	Bùi Quốc Bảo	Thiện Hưng	150,0	437	21	CLN	ONT
112	Đoàn Đức Hạnh	Thiện Hưng	200,0	275	28	CLN	ONT
113	Nguyễn Thị Trinh	Thiện Hưng	200,0	259	16	CLN	ONT
114	Phạm Văn Đào	Thiện Hưng	200,0	369	4	CLN	ONT
115	Hà Văn Hùng	Thiện Hưng	100,0	163	14	CLN	ONT
116	Nguyễn Thị Thu Thủy	Thiện Hưng	300,0	808	15	CLN	ONT
117	Đào Hữu Phước	Thiện Hưng	100,0	277	27	CLN	ONT
118	Nguyễn Ngọc Nguyên	Thiện Hưng	100,0	278	27	CLN	ONT
119	Nguyễn Văn Đức	Thiện Hưng	300,0	270	27	CLN	ONT
120	Nguyễn Văn Thời	Thiện Hưng	200,0	70	28	CLN	ONT
121	Nguyễn Thành Lâm	Thiện Hưng	300,0	332	4	CLN	ONT
122	Nguyễn Thị Hải	Thiện Hưng	300,0	154	4	CLN	ONT
123	Trương Văn Tổ	Thiện Hưng	300,0	296	9	CLN	ONT
124	Huỳnh Thanh Hiền	Thiện Hưng	200,0	7	52	CLN	ONT
125	Trương Văn Tổ	Thiện Hưng	300,0	296	9	CLN	ONT
126	Bùi Thị Năm	Thiện Hưng	400,0	8	25	CLN	ONT
127	Đỗ Hữu Việt	Thiện Hưng	200,0	653	5	CLN	ONT

128	Đỗ Hữu Việt	Thiện Hưng	200,0	652	5	CLN	ONT
129	Nguyễn Hải Hà	Thiện Hưng	200,0	1190	4	CLN	ONT
130	Nguyễn Hải Hà	Thiện Hưng	200,0	1203	4	CLN	ONT
131	Nguyễn Hải Hà	Thiện Hưng	200,0	1189	4	CLN	ONT
132	Nguyễn Hải Hà	Thiện Hưng	200,0	332	19	CLN	ONT
133	Đoàn Thị Vẽ	Thiện Hưng	200,0	562	20	CLN	ONT
134	Nguyễn Thành Nhơn	Thiện Hưng	200,0	240	18	CLN	ONT
135	Nguyễn Thị Kim Ngân	Thiện Hưng	100,0	49	7	CLN	ONT
136	Đỗ Vũ Minh Tân	Thiện Hưng	70,0	77	20	CLN	ONT
137	Ngô Phước Khánh	Thiện Hưng	400,0	85	28	CLN	ONT
138	Đoàn Văn Hùng	Thiện Hưng	200,0	24	2	CLN	ONT
139	Nguyễn Thị Thảo Giang	Thiện Hưng	400,0	136	27	CLN	ONT
140	Phạm Thị Mùi	Thiện Hưng	500,0	938	4	CLN	ONT
141	Trần Thị Ngọc Diễm	Thiện Hưng	200,0	71	2	CLN	ONT
142	Đinh Xuân Canh	Thiện Hưng	300,0	620	5	CLN	ONT
143	Nguyễn Thị Sửu	Thiện Hưng	200,0	233	28	CLN	ONT
144	Liêu Nam Long	Thiện Hưng	400,0	2	32	CLN	ONT
145	Võ Văn Sơn	Thiện Hưng	200,0	148	14	CLN	ONT
146	Trần Đức Lương	Thiện Hưng	400,0	190	25	CLN	ONT
147	Trần Đức Lương	Thiện Hưng	400,0	58	25	CLN	ONT
148	Lê Thị Nga	Thiện Hưng	200,0	634	5	CLN	ONT
149	Nuyễn Thị Thúy	Thiện Hưng	200,0	479	20	CLN	ONT
150	Phạm Thị Hạnh	Thiện Hưng	500,0	159	1	CLN	ONT
151	Bùi Văn Viện	Thiện Hưng	200,0	134	14	CLN	ONT
152	Nguyễn Chí Sáng	Thiện Hưng	400,0	267	4	CLN	ONT
153	Võ Thanh Hà	Thiện Hưng	200,0	748	5	CLN	ONT
154	Bùi Vương Cường	Thiện Hưng	100,0	1113	4	CLN	ONT
155	Nguyễn Thị Kim Cương	Thiện Hưng	200,0	1121	4	CLN	ONT
156	Nguyễn Hồng bảo	Thiện Hưng	400,0	173	33	CLN	ONT
157	Đỗ Thị Liên	Thiện Hưng	300,0	1122	4	CLN	ONT
158	Vũ Văn Trai	Thiện Hưng	200,0	66	25	CLN	ONT
159	Đỗ Thị Lành	Thiện Hưng	100,0	1126	4	CLN	ONT
160	Nguyễn Thanh Phong	Thiện Hưng	100,0	34	22	CLN	ONT
161	Điền Hiền Cam	Thiện Hưng	400,0	870	15	CLN	ONT
162	Trần Thị Thảo	Thiện Hưng	300,0	352	4	CLN	ONT
163	Nguyễn Thái Hòa	Thiện Hưng	400,0	215	4	CLN	ONT
164	Trần Ngọc Yến Hiền	Thiện Hưng	100,0	5	49	CLN	ONT
165	Nguyễn Vũ Từ	Thiện Hưng	200,0	134	25	CLN	ONT
166	Nguyễn Văn Nghĩa	Thiện Hưng	200,0	57	27	CLN	ONT
167	Nguyễn Văn Năng	Thiện Hưng	200,0	764	15	CLN	ONT
168	Trần Thị Thảo	Thiện Hưng	300,0	352	4	CLN	ONT
169	Nguyễn Thị Ngân	Thiện Hưng	100,0	133	25	CLN	ONT
170	Trần thị Thúy	Thiện Hưng	150,0	61	18	CLN	ONT
171	Nguyễn Văn Khi	Thiện Hưng	200,0	111	8	CLN	ONT
172	Tổng Văn Long	Thiện Hưng	400,0	113	8	CLN	ONT
173	Lê Thị Hường (Mừng)	Thiện Hưng	100,0	141	14	CLN	ONT
174	Vũ Anh Tiến	Thiện Hưng	200,0	1093	4	CLN	ONT
175	Phạm Thị Hương	Thiện Hưng	400,0	44	33	CLN	ONT
176	Nguyễn Thành Lâm	Thiện Hưng	300,0	332	4	CLN	ONT
177	Trần Công Danh	Thiện Hưng	200,0	36	48	CLN	ONT
178	Nguyễn Hoàng Thy	Thiện Hưng	100,0	16	16	CLN	ONT
179	Nguyễn Thanh Phong	Thiện Hưng	300,0	10	10	CLN	ONT
180	Nguyễn Thị Xoe	Thiện Hưng	200,0	407	20	CLN	ONT
181	Nguyễn Thanh Hùng	Thiện Hưng	50,0	193	33	CLN	ONT
182	Phạm Thị Hào	Thiện Hưng	300,0	155	9	CLN	ONT

183	Lê Văn Cường	Thiện Hưng	200,0	55	33	CLN	ONT
184	Nguyễn thị Ngọc Liên	Thiện Hưng	100,0	511	1	CLN	ONT
185	Nguyễn Văn Khương	Thiện Hưng	400,0	510	1	CLN	ONT
186	Hoàng Minh Hiếu	Thiện Hưng	200,0	679	5	CLN	ONT
187	Bùi Thị Kim Cúc	Thiện Hưng	100,0	113	29	CLN	ONT
188	Đặng Thị Thanh Mai	Thiện Hưng	100,0	480	20	CLN	ONT
189	Bùi Văn Thiệu	Thiện Hưng	200,0	135	26	CLN	ONT
190	Trần Ngọc Châu	Thiện Hưng	100,0	277	9	CLN	ONT
191	Nguyễn Thị Phin	Thiện Hưng	200,0	109	22	CLN	ONT
192	Nguyễn Thị Ngọc Liên	Thiện Hưng	100,0	510	1	CLN	ONT
193	Võ Thị Mai	Thiện Hưng	100,0	1098	4	CLN	ONT
194	Phan Thanh Tại	Thiện Hưng	200,0	194	17	CLN	ONT
195	Võ Thị Thu Xuân (Võ Văn Minh)	Thiện Hưng	100,0	38	48	CLN	ONT
196	Phạm Thành Nam	Thiện Hưng	100,0	14	17	CLN	ONT
197	Bùi Trung Hậu	Thiện Hưng	100,0	1103	4	CLN	ONT
198	Lê Văn Sử	Thiện Hưng	300,0	258	27	CLN	ONT
199	Cao Anh Long	Thiện Hưng	700,0	37	27	CLN	ONT
200	Cao Anh Long	Thiện Hưng	300,0	157	32	CLN	ONT
201	Cao Anh Long	Thiện Hưng	1.500,0	15	32	CLN	ONT
202	Cao Anh Long	Thiện Hưng	100,0	198	28	CLN	ONT
203	Nguyễn Thị Chủ	Thiện Hưng	400,0	159	14	CLN	ONT
204	Lê Thị Thủy Linh	Thiện Hưng	2.000,0	219	4	CLN	ONT
205	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thiện Hưng	100,0	51	7	CLN	ONT
206	Nguyễn Thị Kim Thu	Thiện Hưng	300,0	38	976	LNC	ONT
207	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Thiện Hưng	400,0	27	246	LNC	ONT
208	Đỗ Thị Biên	Thanh Hòa	200,0	209	11	CLN	ONT
209	Trịnh Văn Hãnh	Thanh Hòa	200,0	918	39	CLN	ONT
210	Nguyễn Quang Hải	Thanh Hòa	500,0	1247	39	CLN	ONT
211	Nguyễn Quang Hải	Thanh Hòa	500,0	1248	39	CLN	ONT
212	Nguyễn Quang Hải	Thanh Hòa	1.000,0	1249	39	CLN	ONT
213	Nguyễn Quang Hải	Thanh Hòa	500,0	1250	39	CLN	ONT
214	Nguyễn Ngọc Hoàng	Thanh Hòa	500,0	1114	39	CLN	ONT
215	Nguyễn Quang Hải	Thanh Hòa	500,0	1246	39	CLN	ONT
216	Nguyễn Ngọc Hoàng	Thanh Hòa	500,0	115	39	CLN	ONT
217	Nguyễn Thị Thúy	Thanh Hòa	1.000,0	189	33	CLN	ONT
218	Nguyễn Chí Thanh	Thanh Hòa	1.000,0	116	14	CLN	ONT
219	Nguyễn Xuân Khu	Thanh Hòa	1.000,0	346	30	CLN	ONT
220	Nguyễn Minh Vũ	Thanh Hòa	1.000,0	989	4	CLN	ONT
221	Nguyễn Văn Toàn	Thanh Hòa	1.000,0	345	30	CLN	ONT
222	Cao Thị Cẩm	Thanh Hòa	1.000,0	830	4	CLN	ONT
223	Cao Thị Cẩm	Thanh Hòa	1.000,0	393	1	CLN	ONT
224	Nguyễn Thị Yến	Thanh Hòa	300,0	283	11	CLN	ONT
225	Nguyễn Văn Hiếu	Thanh Hòa	400,0	325	26	CLN	ONT
226	Tô Duy Tân	Thanh Hòa	500,0	55	4	CLN	ONT
227	Nguyễn Công Phi	Thanh Hòa	200,0	287	11	LNC	ONT
228	Nguyễn Hùng Cường	Thanh Hòa	200,0	288	11	LNC	ONT
229	Nguyễn Văn Kan	Thanh Hòa	500,0	122	1	CLN	ONT
230	Nguyễn Thị Thủy	Thanh Hòa	400,0	797	39	CLN	ONT
231	Hứa Thị Hiệp	Thanh Hòa	500,0	136	38	CLN	ONT
232	Phạm Thành Đạt	Thanh Hòa	300,0	1237	39	CLN	ONT
233	Phạm Thành Đạt	Thanh Hòa	400,0	1238	39	CLN	ONT
234	Phạm Thành Đạt	Thanh Hòa	400,0	1239	39	CLN	ONT
235	Phạm Thành Đạt	Thanh Hòa	300,0	1240	39	CLN	ONT
236	Phạm Thành Công	Thanh Hòa	300,0	1232	39	CLN	ONT

237	Phạm Thành Công	Thanh Hòa	300,0	1233	39	CLN	ONT
238	Phạm Thành Công	Thanh Hòa	300,0	1234	39	CLN	ONT
239	Phạm Thành Công	Thanh Hòa	300,0	1235	39	CLN	ONT
240	Phạm Thành Công	Thanh Hòa	300,0	1236	39	CLN	ONT
241	Phạm Văn An	Thanh Hòa	4.500,0	169	11	CLN	ONT
242	Phạm Văn An	Thanh Hòa	2.000,0	179	11	CLN	ONT
243	Phạm Văn An	Thanh Hòa	200,0	10	15	CLN	ONT
244	Phạm Văn An	Thanh Hòa	760,5	9	15	CLN	ONT
245	Phạm Văn An	Thanh Hòa	417,9	21	15	CLN	ONT
246	Phạm Văn An	Thanh Hòa	590,2	34	15	CLN	ONT
247	Phạm Văn An	Thanh Hòa	609,0	33	15	CLN	ONT
248	Phạm Văn An	Thanh Hòa	638,0	42	15	CLN	ONT
249	Phạm Văn An	Thanh Hòa	791,1	43	15	CLN	ONT
250	Phạm Văn An	Thanh Hòa	629,3	54	15	CLN	ONT
251	Phạm Văn An	Thanh Hòa	809,8	53	15	CLN	ONT
252	Phạm Thanh Truyền	Thanh Hòa	300,0	138	9	CLN	ONT
253	Phạm Thanh Truyền	Thanh Hòa	500,0	132	9	CLN	ONT
254	Phạm Thanh Truyền	Thanh Hòa	1.500,0	29	9	CLN	ONT
255	Phạm Thanh Truyền	Thanh Hòa	2.000,0	80	9	CLN	ONT
256	Phạm Thanh Truyền	Thanh Hòa	2.000,0	81	9	CLN	ONT
257	Võ Thanh Sơn	Thanh Hòa	400,0	25	25	CLN	ONT
258	Lê Thị Bên	Thanh Hòa	400,0	15	15	CLN	ONT
259	Bùi Minh Tân	Thanh Hòa	400,0	3	3	CLN	ONT
260	Trần Văn Quế	Thanh Hòa	400,0	30	30	CLN	ONT
261	Nguyễn Thị Tốt	Thanh Hòa	500,0	176	39	CLN	ONT
262	Phạm Thị Hiền	Thanh Hòa	500,0	914	38	CLN	ONT
263	Nguyễn Thị Hiền	Thanh Hòa	400,0	204	18	CLN	ONT
264	Vũ Văn Tiền	Thanh Hòa	400,0	59	36	CLN	ONT
265	Nguyễn Văn Minh	Thanh Hòa	300,0	37	39	CLN	ONT
266	Ngô Minh Tiến	Thanh Hòa	100,0	119	9	CLN	ONT
267	Nguyễn Văn Tùng	Thanh Hòa	200,0	262	1	CLN	ONT
268	Cù Thị Phương	Thanh Hòa	300,0	159	15	CLN	ONT
269	Nguyễn Thị Phú	Thanh Hòa	300,0	254	1	CLN	ONT
270	Đỗ Văn Ngọc	Thanh Hòa	200,0	118	9	CLN	ONT
271	Lương Sơn	Thanh Hòa	200,0	178	6	CLN	ONT
272	Trần Đăng Ngân	Thanh Hòa	200,0	179	6	CLN	ONT
273	Nguyễn Hồng An	Thanh Hòa	300,0	310	23	CLN	ONT
274	Trần Thị Thuận	Thanh Hòa	400,0	183	19	CLN	ONT
275	Đỗ Thị Kim Mai	Thanh Hòa	1.000,0	448	38	CLN	ONT
276	Trần Đức Toàn	Thanh Hòa	800,0	52	36	CLN	ONT
277	Nguyễn Văn Kiệt	Thanh Hòa	200,0	126	9	CLN	ONT
278	Nguyễn Ngọc Ân	Thanh Hòa	200,0	253	24	CLN	ONT
279	Trần Thanh Phong	Thanh Hòa	400,0	907	39	CLN	ONT
280	Đỗ Văn Dân	Thanh Hòa	300,0	36	20	CLN	ONT
281	Võ Thanh Sơn	Thanh Hòa	300,0	152	25	CLN	ONT
282	Tổng Văn Tron	Thanh Hòa	400,0	551	3	CLN	ONT
283	Nguyễn Danh Tuấn	Thanh Hòa	300,0	717	3	CLN	ONT
284	Lê Văn Lộc	Thanh Hòa	200,0	120	9	CLN	ONT
285	Lê Xuân Vui	Thanh Hòa	200,0	26	22	CLN	ONT
286	Nguyễn Xuân Thanh	Thanh Hòa	300,0	294	7	CLN	ONT
287	Nguyễn Thị Xinh	Thanh Hòa	1.400,0	1252	39	CLN	ONT
288	Nguyễn Thị Xinh	Thanh Hòa	300,0	1251	39	CLN	ONT
289	Nguyễn Thị Xinh	Thanh Hòa	1.100,0	1253	39	CLN	ONT
290	Phạm Văn Thích	Thanh Hòa	200,0	375	16	CLN	ONT
291	Từ Minh Dũng	Thanh Hòa	500,0	78	5	CLN	ONT

292	Giang Mạnh Khải	Thanh Hòa	400,0	139	9	CLN	ONT
293	Nguyễn Ngọc Minh	Thanh Hòa	300,0	227	7	CLN	ONT
294	Tạ Quang Vinh	Thanh Hòa	100,0	31	6	BHK	ONT
295	Trần Thành Đạo	Thanh Hòa	100,0	903	39	CLN	ONT
296	Dương Văn Kỳ	Thanh Hòa	200,0	870	38	CLN	ONT
297	Nguyễn Văn Hùng	Thanh Hòa	200,0	106	38	CLN	ONT
298	Nguyễn Thanh Bình	Thanh Hòa	200,0	243	39	CLN	ONT
299	Đỗ Văn Ngọc	Thanh Hòa	200,0	118	9	CLN	ONT
300	Phạm Thị Xiêm	Thanh Hòa	200,0	135	14	CLN	ONT
301	Trần Văn Pha	Thanh Hòa	200,0	291	1	CLN	ONT
302	Trần Văn Pha	Thanh Hòa	200,0	853	38	CLN	ONT
303	Phạm Văn Điền	Thanh Hòa	400,0	210	11	CLN	ONT
304	Phạm Văn Điền	Thanh Hòa	400,0	303	14	CLN	ONT
305	Võ Thị Rãi	Thanh Hòa	200,0	177	6	CLN	ONT
306	Hoàng Thị Hà	Thanh Hòa	100,0	39	905	CLN	ONT
307	Nguyễn Thị Thạch	Thanh Hòa	150,0	22	46	CLN	ONT
308	Đỗ Văn Lang	Thanh Hòa	200,0	14	81	CLN	ONT
309	Nguyễn Thị Dung	Thanh Hòa	200,0	11	43	CLN	ONT
310	Mai Thị Trinh	Thanh Hòa	200,0	14	56	CLN	ONT
311	Nguyễn Sen	Thanh Hòa	200,0	275	10	CLN	ONT
312	Nguyễn Văn Hùng	Thanh Hòa	100,0	454	38	CLN	ONT
313	Trần Văn Pha	Thanh Hòa	100,0	853	38	CLN	ONT
314	Hà Dư Hải	Thanh Hòa	100,0	887	38	CLN	ONT
315	Mai Đức Anh	Thanh Hòa	200,0	188	2	CLN	ONT
316	Nguyễn Văn Lành	Thanh Hòa	400,0	132	18	CLN	ONT
317	Nguyễn Văn Lành	Thanh Hòa	200,0	386	19	CLN	ONT
318	Nguyễn Văn Nhã	Thanh Hòa	500,0	252	11	CLN	ONT
319	Nguyễn Mạnh Sức	Thanh Hòa	100,0	237	22	CLN	ONT
320	Nguyễn Xuân Trường	Thanh Hòa	400,0	302	41	CLN	ONT
321	Vũ Văn Dương	Thanh Hòa	200,0	195	1	CLN	ONT
322	Trương Minh Thạnh	Thanh Hòa	300,0	408	19	CLN	ONT
323	Cao Thị Ba	Thanh Hòa	100,0	787	39	CLN	ONT
324	Nguyễn Văn Mỹ	Thanh Hòa	500,0	547	38	CLN	ONT
325	Bùi Văn Dân	Thanh Hòa	100,0	258	3	CLN	ONT
326	Trần Quang Vinh	Thanh Hòa	100,0	133	25	CLN	ONT
327	Đinh Văn Hải	Thanh Hòa	100,0	265	10	CLN	ONT
328	Vũ Ngọc Thuận	Thanh Hòa	100,0	55	5	CLN	ONT
329	Phan Văn Năm	Thanh Hòa	100,0	348	26	CLN	ONT
330	Lê Văn Bé	Thanh Hòa	100,0	371	26	CLN	ONT
331	Vũ Thị Huế	Thanh Hòa	400,0	156	7	CLN	ONT
332	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Thanh Hòa	200,0	252	12	CLN	ONT
333	Điền Khinh	Thanh Hòa	100,0	222	3	CLN	ONT
334	Nguyễn Hữu Dũng	Thanh Hòa	100,0	172	19	CLN	ONT
335	Nguyễn Hữu Dũng	Thanh Hòa	100,0	217	19	CLN	ONT
336	Dương Văn Kỳ	Thanh Hòa	200,0	870	38	CLN	ONT
337	Tạ Ngọc Tú	Thanh Hòa	100,0	30	1	BHK	ONT
338	Trần Biên Cương	Thanh Hòa	200,0	424	19	CLN	ONT
339	Lê Văn Bé	Thanh Hòa	300,0	173	2	CLN	ONT
340	Trần Thị Hạnh	Thanh Hòa	200,0	812	39	CLN	ONT
341	Ngô Đức Tùng	Thanh Hòa	200,0	348	12	CLN	ONT
342	Mai Đức Anh	Thanh Hòa	200,0	188	2	CLN	ONT
343	Nguyễn Đình Danh	Thanh Hòa	300,0	294	11	CLN	ONT
344	Thân Thị Hiệp	Thanh Hòa	200,0	130	41	CLN	ONT
345	Nguyễn Thị Ái Liên	Thanh Hòa	300,0	72	6	CLN	ONT
346	Phan Minh Hiếu	Thanh Hòa	300,0	274	10	CLN	ONT

347	Phan Minh Hiếu	Thanh Hòa	300,0	262	1	CLN	ONT
348	Nguyễn Văn Hùng	Thanh Hòa	100,0	454	38	CLN	ONT
349	Trần Văn Pha	Thanh Hòa	100,0	853	38	CLN	ONT
350	Hoàng Quốc Biên	Thanh Hòa	100,0	442	38	CLN	ONT
351	Hoàng Quốc Biên	Thanh Hòa	100,0	455	38	CLN	ONT
352	Nguyễn Văn Hiền	Thanh Hòa	100,0	3	28	CLN	ONT
353	Điền Văn Bình	Thanh Hòa	300,0	111	2	CLN	ONT
354	Nguyễn Thị Yến	Thanh Hòa	100,0	80	38	CLN	ONT
355	Nguyễn Thị Yến	Thanh Hòa	200,0	743	38	CLN	ONT
356	Nguyễn Thị Lệ Thúy	Thanh Hòa	200,0	779	38	CLN	ONT
357	Nguyễn Văn Phái	Thanh Hòa	100,0	21	24	CLN	ONT
358	Nguyễn Thị Thúy	Thanh Hòa	100,0	615	38	CLN	ONT
359	Nguyễn Mạnh Hiệp	Thanh Hòa	300,0	230	1	CLN	ONT
360	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Thanh Hòa	100,0	252	12	CLN	ONT
361	Nguyễn Văn Thời	Thanh Hòa	100,0	223	26	CLN	ONT
362	Đỗ Thị Biên	Thanh Hòa	100,0	209	11	CLN	ONT
363	Lê Sỹ Oánh	Thanh Hòa	600,0	177	2	CLN	ONT
364	Trần Đăng Ngân	Thanh Hòa	200,0	179	6	CLN	ONT
365	Lương Sơn	Thanh Hòa	400,0	178	6	CLN	ONT
366	Lê Thị Hoa	Thanh Hòa	200,0	167	14	CLN	ONT
367	Hồ Minh Nghĩa	Thanh Hòa	200,0	176	2	CLN	ONT
368	Nguyễn Tấn Hiếu	Thanh Hòa	600,0	166	2	CLN	ONT
369	Nguyễn Sen	Thanh Hòa	400,0	275	10	CLN	ONT
370	Lê Thị Qui	Thanh Hòa	200,0	326	23	CLN	ONT
371	Trần Văn Phương	Thanh Hòa	200,0	42	4	CLN	ONT
372	Nguyễn Thanh Phong	Thanh Hòa	200,0	190	3	CLN	ONT
373	Đinh Thị Nhân	Thanh Hòa	200,0	631	3	CLN	ONT
374	Trịnh Đức Kỳ	Thanh Hòa	200,0	118	9	CLN	ONT
375	Phạm Văn Tinh	Thanh Hòa	400,0	5	25	CLN	ONT
376	Lương Sơn	Thanh Hòa	400,0	186	6	CLN	ONT
377	Võ Ngọc Lựu	Thanh Hòa	400,0	187	6	CLN	ONT
378	Điền Khinh	Thanh Hòa	100,0	804	3	CLN	ONT
379	Vũ Thị Thái	Thanh Hòa	200,0	94	39	CLN	ONT
380	Nguyễn Ngọc Phú	Thanh Hòa	300,0	86	39	CLN	ONT
381	Nguyễn Đình Hiền	Thanh Hòa	300,0	88	8	CLN	ONT
382	Phạm Viết Sơn	Thanh Hòa	300,0	726	38	CLN	ONT
383	Trần Đăng Ngân	Thanh Hòa	200,0	179	6	CLN	ONT
384	Lương Sơn	Thanh Hòa	200,0	178	6	CLN	ONT
385	Nguyễn Văn Ron	Thanh Hòa	400,0	7	29	CLN	ONT
386	Trương Văn Phong	Thanh Hòa	200,0	60	9	CLN	ONT
387	Lê Thị Ngọc Hạnh	Thanh Hòa	500,0	25	14	CLN	ONT
388	Trần Thị Châu	Thanh Hòa	200,0	792	39	CLN	ONT
389	Bùi Văn Huân	Thanh Hòa	100,0	502	20	CLN	ONT
390	Trần Biên Cương	Thanh Hòa	200,0	175	2	CLN	ONT
391	Trần Biên Cương	Thanh Hòa	200,0	17	2	CLN	ONT
392	Trần Biên Cương	Thanh Hòa	200,0	191	18	CLN	ONT
393	Trần Biên Cương	Thanh Hòa	200,0	174	2	CLN	ONT
394	Hồ Minh Nghĩa	Thanh Hòa	200,0	176	2	CLN	ONT
395	Hoàng Văn Thơ	Thanh Hòa	400,0	229	20	CLN	ONT
396	Vũ Văn Thanh	Thanh Hòa	400,0	121	19	CLN	ONT
397	Đỗ Minh Trí	Thanh Hòa	400,0	152	30	CLN	ONT
398	Trương Thị Quế	Thanh Hòa	200,0	54	12	CLN	ONT
399	Lê Văn Tài	Thanh Hòa	200,0	510	3	CLN	ONT
400	Lê Thành Luân	Thanh Hòa	600,0	141	9	CLN	ONT
401	Lê Thành Luân	Thanh Hòa	600,0	142	9	CLN	ONT

402	Nguyễn Văn Cường	Thanh Hòa	200,0	469	38	CLN	ONT
403	Nguyễn Bảo Trâm	Thanh Hòa	200,0	273	24	CLN	ONT
404	Phạm Thế Nam	Thanh Hòa	100,0	193	18	CLN	ONT
405	Lê Văn Lộ	Thanh Hòa	100,0	120	9	CLN	ONT
406	Lê Phước Thành	Thanh Hòa	400,0	267	10	CLN	ONT
407	Nguyễn Văn Lành	Thanh Hòa	100,0	386	19	CLN	ONT
408	Phạm Thị Liên	Thanh Hòa	100,0	346	26	CLN	ONT
409	Nguyễn Văn Lành	Thanh Hòa	300,0	132	18	CLN	ONT
410	Nguyễn Mạnh Chương	Thanh Hòa	300,0	167	2	CLN	ONT
411	Trần Anh Mộc	Thanh Hòa	200,0	851	3	CLN	ONT
412	Trần Xuân Cảnh	Thanh Hòa	200,0	852	3	CLN	ONT
413	Trần Thị Mong	Thanh Hòa	200,0	853	3	CLN	ONT
414	Trần Chiến Sự	Thanh Hòa	200,0	854	3	CLN	ONT
415	Lê Chí Lúc	Thanh Hòa	100,0	510	20	CLN	ONT
416	Trần Xuân Cảnh	Thanh Hòa	200,0	87	2	CLN	ONT
417	Phan Thành Phương	Thanh Hòa	100,0	934	38	CLN	ONT
418	Hoàng Đại Hiệp	Thanh Hòa	300,0	935	38	CLN	ONT
419	Nguyễn Thị Xinh	Thanh Hòa	100,0	162	18	CLN	ONT
420	Phạm Thị Thủy	Thanh Hòa	300,0	304	7	CLN	ONT
421	Nguyễn Đình Hiền	Thanh Hòa	300,0	88	8	CLN	ONT
422	Lăng Thị Men	Thanh Hòa	300,0	299	39	CLN	ONT
423	Bùi Thị Giang	Thanh Hòa	200,0	356	19	CLN	ONT
424	Nguyễn Văn Tuấn	Thanh Hòa	200,0	327	38	CLN	ONT
425	Kim Văn Lai	Thanh Hòa	200,0	269	10	CLN	ONT
426	Bùi Đức Toàn	Thanh Hòa	200,0	350	12	CLN	ONT
427	Huỳnh Thị Trang	Thanh Hòa	200,0	906	39	CLN	ONT
428	Huỳnh Thị Cẩm Tú	Thanh Hòa	200,0	178	14	CLN	ONT
429	Trần Thị Loan	Thanh Hòa	400,0	101	8	CLN	ONT
430	Trần Thị Loan	Thanh Hòa	60,0	173	22	CLN	ONT
431	Nguyễn Thị Thu Ngân	Thanh Hòa	200,0	138	37	CLN	ONT
432	Nguyễn Văn Tuấn	Thanh Hòa	200,0	327	38	CLN	ONT
433	Nguyễn Quốc Thanh	Thanh Hòa	200,0	906	39	CLN	ONT
434	Bùi Hữu Được	Thanh Hòa	200,0	39	4	CLN	ONT
435	Bùi Hữu Được	Thanh Hòa	200,0	38	4	CLN	ONT
436	Bùi Hữu Được	Thanh Hòa	200,0	37	4	CLN	ONT
437	Bùi Hữu Được	Thanh Hòa	300,0	40	4	CLN	ONT
438	Trần Nhân Đại Thuận	Thanh Hòa	300,0	131	9	CLN	ONT
439	Nguyễn Thị Hồng	Thanh Hòa	200,0	439	20	CLN	ONT
440	Lê Phước Thành	Thanh Hòa	500,0	267	10	CLN	ONT
441	Kim Văn Lai	Thanh Hòa	200,0	269	10	CLN	ONT
442	Ngô Đức Cường	Thanh Hòa	400,0	91	12	CLN	ONT
443	Nguyễn Thị Thúy	Thanh Hòa	400,0	434	3	CLN	ONT
444	Nguyễn Thị Oanh	Thanh Hòa	500,0	180	30	CLN	ONT
445	Giang Mạnh Khải	Thanh Hòa	300,0	139	9	CLN	ONT
446	Nguyễn Thị Hiền	Thanh Hòa	200,0	264	10	CLN	ONT
447	Lê Phước Thành	Thanh Hòa	200,0	267	10	CLN	ONT
448	Nguyễn Phú Vinh	Thanh Hòa	900,0	152	36	CLN	ONT
449	Giang Mạnh Khải	Thanh Hòa	900,0	151	36	CLN	ONT
450	Lê Minh Hùng	Thanh Hòa	500,0	185	30	CLN	ONT
451	Trần Kim Liên	Thanh Hòa	400,0	755	39	CLN	ONT
452	Phan Hoàng Dũng	Thanh Hòa	200,0	832	38	CLN	ONT
453	Lê Thành Luân	Thanh Hòa	500,0	848	3	CLN	ONT
454	Lê Thành Luân	Thanh Hòa	500,0	266	41	CLN	ONT
455	Lê Thành Luân	Thanh Hòa	1.200,0	235	1	CLN	ONT
456	Phạm Xuân Tuấn	Thanh Hòa	300,0	176	12	CLN	ONT

457	Nguyễn Dương Tùng	Thanh Hòa	400,0	105	6	CLN	ONT
458	Nguyễn Dương Tùng	Thanh Hòa	300,0	104	6	CLN	ONT
459	Nguyễn Dương Tùng	Thanh Hòa	300,0	103	6	CLN	ONT
460	Đinh Thị Huyền	Thanh Hòa	200,0	266	10	CLN	ONT
461	Đinh Bạt Phúc	Thanh Hòa	500,0	839	3	CLN	ONT
462	Đinh Bạt Phúc	Thanh Hòa	500,0	840	3	CLN	ONT
463	Phạm Thị Liên	Thanh Hòa	100,0	346	26	CLN	ONT
464	Lê Thị Mỹ Liên	Thanh Hòa	400,0	262	41	CLN	ONT
465	Bùi Thị Na	Thanh Hòa	200,0	9	12	CLN	ONT
466	Nguyễn Thị Nguyệt	Thanh Hòa	800,0	669	38	CLN	ONT
467	Lê Thị Hòa Khánh	Thanh Hòa	1.500,0	80	41	CLN	ONT
468	Ngô Thị Bích Hồng	Thanh Bình	300,0	240	2	CLN	ODT
469	Phạm Tấn Thành	Thanh Bình	200,0	99	19	CLN	ODT
470	Trần Văn Huyền	Thanh Bình	100,0	581	11	CLN	ODT
471	Hà Đại Phong	Thanh Bình	400,0	261	13	CLN	ODT
472	Nguyễn Trung Hoàng	Thanh Bình	200,0	14	18	CLN	ODT
473	Phạm Văn An	Thanh Bình	750,0	31	47	CLN	ODT
474	Phạm Văn An	Thanh Bình	1.000,0	32	47	CLN	ODT
475	Nguyễn Văn Cường	Thanh Bình	400,0	35	25	CLN	ODT
476	Nguyễn Thị Cúc	Thanh Bình	300,0	50	2	CLN	ODT
477	Huỳnh Văn Lượng	Thanh Bình	500,0	35	4	CLN	ODT
478	Huỳnh Văn Lượng	Thanh Bình	300,0	37	2	CLN	ODT
479	Trần Thị Hương Loan	Thanh Bình	100,0	584	10	CLN	ODT
480	Đoàn Văn Thu	Thanh Bình	300,0	3	27	CLN	ODT
481	Đoàn Văn Thu	Thanh Bình	300,0	4	27	CLN	ODT
482	Nguyễn Đức Lợi	Thanh Bình	300,0	176	18	CLN	ODT
483	Nguyễn Thị Miên	Thanh Bình	300,0	172	18	CLN	ODT
484	Phạm Quốc Cường	Thanh Bình	300,0	59	16	CLN	ODT
485	Trần Thị Vân	Thanh Bình	400,0	22	25	CLN	ODT
486	Nguyễn Xuân Hải	Thanh Bình	300,0	9	74	CLN	ODT
487	Trần Bá Tuyên	Thanh Bình	400,0	488	17	CLN	ODT
488	Trần Bá Tuyên	Thanh Bình	200,0	8	56	CLN	ODT
489	Nguyễn Thị Nhung	Thanh Bình	300,0	42	21	CLN	ODT
490	Nguyễn Xuân Tân	Thanh Bình	300,0	44	21	CLN	ODT
491	Nguyễn Ngọc Vinh	Thanh Bình	300,0	43	21	CLN	ODT
492	Lê Thị Tuyên	Thanh Bình	300,0	41	21	CLN	ODT
493	Trần Văn Canh	Thanh Bình	300,0	46	19	CLN	ODT
494	Nguyễn Xuân Thanh	Thanh Bình	50,0	163	19	CLN	ODT
495	Nguyễn Xuân Thanh	Thanh Bình	50,0	164	19	CLN	ODT
496	Nguyễn Xuân Thanh	Thanh Bình	50,0	168	19	CLN	ODT
497	Nguyễn Xuân Thanh	Thanh Bình	50,0	170	19	CLN	ODT
498	Nguyễn Xuân Thanh	Thanh Bình	50,0	167	19	CLN	ODT
499	Nguyễn Xuân Thanh	Thanh Bình	50,0	162	19	CLN	ODT
500	Nguyễn Xuân Thanh	Thanh Bình	50,0	166	19	CLN	ODT
501	Nguyễn Xuân Thanh	Thanh Bình	50,0	165	19	CLN	ODT
502	Nguyễn Xuân Thanh	Thanh Bình	400,0	336	9	CLN	ODT
503	Nguyễn Đức Hải	Thanh Bình	300,0	100	19	CLN	ODT
504	Đỗ Trần Giang	Thanh Bình	100,0	65	23	CLN	ODT
505	Trương Quang Phòng	Thanh Bình	500,0	331	11	CLN	ODT
506	Hà Văn Giảng	Thanh Bình	40,0	244	2	CLN	ODT
507	Trần Khánh Tùng	Thanh Bình	60,0	158	2	CLN	ODT
508	Trần Xuân Thủy	Thanh Bình	400,0	518	17	CLN	ODT
509	Nguyễn Thị Bảy	Thanh Bình	100,0	60	23	CLN	ODT
510	Nguyễn Đức Độ	Thanh Bình	100,0	491	16	CLN	ODT
511	Nguyễn Thị Kim Vân	Thanh Bình	30,0	109	3	CLN	ODT

512	Chế Văn Sao	Thanh Bình	100,0	196	19	CLN	ODT
513	Trần Văn Viên	Thanh Bình	100,0	177	11	CLN	ODT
514	Nguyễn Trọng Kiểm	Thanh Bình	500,0	28	19	CLN	ODT
515	Võ Thị Mừng	Thanh Bình	100,0	588	11	CLN	ODT
516	Dương Quốc Cảnh	Thanh Bình	300,0	158	5	CLN	ODT
517	Vũ Duy Bình	Thanh Bình	100,0	174	5	CLN	ODT
518	Ngô Thị Bích Hồng	Thanh Bình	300,0	240	2	CLN	ODT
519	Vũ Văn Phương	Thanh Bình	500,0	153	18	CLN	ODT
520	Nguyễn Trọng kiểm	Thanh Bình	500,0	28	19	CLN	ODT
521	Đoàn Thanh Tân	Thanh Bình	100,0	490	16	CLN	ODT
522	Phan Văn Phong	Thanh Bình	50,0	470	17	CLN	ODT
523	Phan Thị Thuỷ	Thanh Bình	100,0	85	25	CLN	ODT
524	Ninh Thị Thu	Thanh Bình	400,0	442	16	CLN	ODT
525	Nguyễn Văn Thắng	Thanh Bình	500,0	334	17	CLN	ODT
526	Giang Mạnh Tiến	Thanh Bình	600,0	144	18	CLN	ODT
527	Phạm Văn Nghe	Thanh Bình	200,0	243	13	CLN	ODT
528	Quách Thị Trinh Ngọc	Thanh Bình	50,0	347	18	CLN	ODT
529	Nguyễn Văn Dinh	Thanh Bình	200,0	230	13	CLN	ODT
530	Nguyễn Chiến Dũng	Thanh Bình	200,0	588	11	CLN	ODT
531	Võ Văn Hiếu	Thanh Bình	340,0	241	2	CLN	ODT
532	Đậu Quang Trung	Thanh Bình	500,0	287	20	CLN	ODT
533	Đậu Quang Trung	Thanh Bình	500,0	285	20	CLN	ODT
534	Đậu Quang Trung	Thanh Bình	600,0	286	20	CLN	ODT
535	Đậu Quang Trung	Thanh Bình	400,0	288	20	CLN	ODT
536	Nguyễn Văn Bắc	Tân Tiến	500,0	247	2	CLN	ONT
537	Nguyễn Duy Thuận	Tân Tiến	500,0	523	8	CLN	ONT
538	Nguyễn Duy Thuận	Tân Tiến	500,0	522	8	CLN	ONT
539	Nguyễn Trung Hiếu	Tân Tiến	600,0	184	11	CLN	ONT
540	Lê Thị Lý	Tân Tiến	300,0	449	36	CLN	ONT
541	Nguyễn Trung Hiếu	Tân Tiến	500,0	134	32	CLN	ONT
542	Nguyễn Trung Hiếu	Tân Tiến	500,0	129	39	CLN	ONT
543	Bùi Hữu Đước	Tân Tiến	600,0	542	22	CLN	ONT
544	Bùi Hữu Đước	Tân Tiến	500,0	541	22	CLN	ONT
545	Nguyễn Thị Yên	Tân Tiến	300,0	283	11	CLN	ONT
546	Nguyễn Văn Hiếu	Tân Tiến	400,0	325	26	CLN	ONT
547	Tô Duy Tân	Tân Tiến	500,0	55	4	CLN	ONT
548	Từ Văn Sang	Tân Tiến	200,0	121	35	LNC	ONT
549	Từ Văn Sang	Tân Tiến	300,0	122	35	LNC	ONT
550	Từ Văn Sang	Tân Tiến	300,0	123	35	LNC	ONT
551	Từ Văn Sang	Tân Tiến	300,0	124	35	LNC	ONT
552	Nguyễn Thị Hải Châu	Tân Tiến	300,0	125	35	LNC	ONT
553	Nguyễn Thị Hải Châu	Tân Tiến	300,0	126	35	LNC	ONT
554	Nguyễn Thị Hải Châu	Tân Tiến	300,0	127	35	LNC	ONT
555	Nguyễn Thị Hải Châu	Tân Tiến	200,0	128	35	LNC	ONT
556	Nguyễn Thị Anh Đào	Tân Tiến	400,0	129	35	LNC	ONT
557	Nguyễn Thị Anh Đào	Tân Tiến	400,0	130	35	LNC	ONT
558	Nguyễn Thị Anh Đào	Tân Tiến	400,0	132	35	LNC	ONT
559	Nguyễn Tiến Dũng	Tân Tiến	400,0	133	35	LNC	ONT
560	Nguyễn Tiến Dũng	Tân Tiến	400,0	134	35	LNC	ONT
561	Nguyễn Tiến Dũng	Tân Tiến	400,0	135	35	LNC	ONT
562	Ngô Nhã Trúc	Tân Tiến	200,0	136	35	LNC	ONT
563	Ngô Nhã Trúc	Tân Tiến	200,0	140	35	LNC	ONT
564	Ngô Nhã Trúc	Tân Tiến	400,0	146	35	LNC	ONT
565	Ngô Nhã Trúc	Tân Tiến	400,0	147	35	LNC	ONT
566	Huỳnh Văn Tài	Tân Tiến	400,0	151	35	LNC	ONT

567	Huỳnh Văn Tài	Tân Tiến	400,0	152	35	LNC	ONT
568	Huỳnh Văn Tài	Tân Tiến	400,0	153	35	LNC	ONT
569	Trần Yến Nhi	Tân Tiến	100,0	149	35	LNC	ONT
570	Trần Yến Nhi	Tân Tiến	300,0	12	20	LNC	ONT
571	Trần Yến Nhi	Tân Tiến	300,0	13	20	LNC	ONT
572	Nguyễn Tiến Dũng	Tân Tiến	200,0	131	20	LNC	ONT
573	Nguyễn Tiến Dũng	Tân Tiến	100,0	470	18	LNC	ONT
574	Nguyễn Tiến Dũng	Tân Tiến	200,0	1177	29	LNC	ONT
575	Ngô Nhã Trúc	Tân Tiến	200,0	1178	29	LNC	ONT
576	Nguyễn Thị Hải Hậu	Tân Tiến	200,0	1179	29	LNC	ONT
577	Nguyễn Thị Anh Đào	Tân Tiến	200,0	137	35	LNC	ONT
578	Nguyễn Thị Cảnh	Tân Tiến	200,0	176	4	CLN	ONT
579	Đỗ Thị Ngọc Trinh	Tân Tiến	200,0	186	3	CLN	ONT
580	Huỳnh Thị Hồng	Tân Tiến	200,0	150	30	CLN	ONT
581	Huỳnh Thị Hồng	Tân Tiến	200,0	155	30	CLN	ONT
582	Phạm Thanh Truyền	Tân Tiến	500,0	68	8	CLN	ONT
583	Phạm Thanh Truyền	Tân Tiến	500,0	267	8	CLN	ONT
584	Lê Thị Bên	Tân Tiến	400,0	314	13	CLN	ONT
585	Nguyễn Văn Linh	Tân Tiến	600,0	202	2	CLN	ONT
586	Vũ Đức Trường	Tân Tiến	500,0	345	32	CLN	ONT
587	Nguyễn Thành	Tân Tiến	100,0	303	31	CLN	ONT
588	Thượng Thị Chia	Tân Tiến	100,0	302	31	CLN	ONT
589	Lê Văn Ngọt	Tân Tiến	400,0	240	6	CLN	ONT
590	Nguyễn Văn Linh	Tân Tiến	1.000,0	95	2	CLN	ONT
591	Nguyễn Văn Linh	Tân Tiến	600,0	362	2	CLN	ONT
592	Nguyễn Văn Đờ	Tân Tiến	800,0	358	2	CLN	ONT
593	Nguyễn Văn Đờ	Tân Tiến	800,0	360	2	CLN	ONT
594	Phạm Thế Sơn	Tân Tiến	200,0	290	6	CLN	ONT
595	Nguyễn Duy Thuận	Tân Tiến	400,0	522	8	CLN	ONT
596	Nguyễn Trung Hiếu	Tân Tiến	400,0	388	7	CLN	ONT
597	Nguyễn Trung Hiếu	Tân Tiến	500,0	113	10	CLN	ONT
598	Nuyễn Văn Hưng	Tân Tiến	400,0	285	7	CLN	ONT
599	Nguyễn Trung Hiếu	Tân Tiến	500,0	129	39	CLN	ONT
600	Đặng Duy Phương	Tân Tiến	300,0	2	7	CLN	ONT
601	Nguyễn Anh Tuấn	Tân Tiến	400,0	329	16	CLN	ONT
602	Trương Thị Mỹ Nhiên	Tân Tiến	500,0	363	12	CLN	ONT
603	Nguyễn Duy Thuận	Tân Tiến	400,0	523	8	CLN	ONT
604	Lê Hoàng Thiết	Tân Tiến	300,0	565	13	CLN	ONT
605	Dư Công Hùng	Tân Tiến	500,0	151	14	CLN	ONT
606	Lã Minh Tú	Tân Tiến	500,0	116	10	CLN	ONT
607	Nguyễn Thị Thu Hiền	Tân Tiến	300,0	523	11	CLN	ONT
608	Nông Văn Kháng	Tân Tiến	400,0	44	31	CLN	ONT
609	Nông Văn Kháng	Tân Tiến	400,0	90	38	CLN	ONT
610	Nông Văn Dương	Tân Tiến	200,0	148	38	CLN	ONT
611	Nông Văn Dương	Tân Tiến	400,0	258	31	CLN	ONT
612	Nông Văn Dương	Tân Tiến	400,0	281	31	CLN	ONT
613	Trần Phụng Nhung	Tân Tiến	500,0	137	31	CLN	ONT
614	Lê Thị Thanh	Tân Tiến	100,0	75	9	CLN	ONT
615	Lê Thị Thanh	Tân Tiến	200,0	122	9	CLN	ONT
616	Hoàng Vũ Mạnh Cường	Tân Tiến	200,0	12	13	CLN	ONT
617	Sên Cẩm Nhất	Tân Tiến	200,0	13	38	CLN	ONT
618	Hoàng Đức Cảnh	Tân Tiến	400,0	5	33	CLN	ONT
619	Triệu Văn Duy	Tân Tiến	500,0	435	36	CLN	ONT
620	Lê Văn Đương	Tân Tiến	50,0	135	6	CLN	ONT
621	Đinh Thị Bé Năm	Tân Tiến	200,0	55	12	CLN	ONT

622	Đào Hữu Thọ	Tân Tiến	500,0	260	14	CLN	ONT
623	Trần Độ Mười	Tân Tiến	300,0	62	3	CLN	ONT
624	Trương Thị Định	Tân Tiến	100,0	476	22	CLN	ONT
625	Trương Thị Định	Tân Tiến	100,0	135	22	CLN	ONT
626	Trần Văn Bình	Tân Tiến	500,0	273	22	CLN	ONT
627	Thái Hoàng Dũng	Tân Tiến	100,0	96	6	CLN	ONT
628	Đỗ Thị Kim Thúy	Tân Tiến	300,0	186	7	CLN	ONT
629	Bùi Văn Xương	Tân Tiến	300,0	349	13	CLN	ONT
630	Bê Văn Ba	Tân Tiến	300,0	563	13	CLN	ONT
631	Nguyễn Văn Tâm	Tân Tiến	400,0	412	7	CLN	ONT
632	Trần Thị Tường Vi	Tân Tiến	200,0	309	6	CLN	ONT
633	Trần Thị Tường Vi	Tân Tiến	400,0	324	6	CLN	ONT
634	Trần Thị Tường Vi	Tân Tiến	400,0	314	6	CLN	ONT
635	Lã Minh Tú	Tân Tiến	400,0	318	6	CLN	ONT
636	Lã Minh Tú	Tân Tiến	400,0	308	6	CLN	ONT
637	Lại Thị Hải Yến	Tân Tiến	400,0	310	6	CLN	ONT
638	Lại Thị Hải Yến	Tân Tiến	400,0	315	6	CLN	ONT
639	Lã Hồng Việt	Tân Tiến	400,0	312	6	CLN	ONT
640	Lã Hồng Việt	Tân Tiến	400,0	322	6	CLN	ONT
641	Nguyễn Ngọc Hiền	Tân Tiến	400,0	311	6	CLN	ONT
642	Nguyễn Ngọc Hiền	Tân Tiến	400,0	316	6	CLN	ONT
643	Nguyễn Ngọc Hiền	Tân Tiến	400,0	326	6	CLN	ONT
644	Lê Tấn Quý	Tân Tiến	200,0	188	6	CLN	ONT
645	Nông Thanh Hùng	Tân Tiến	400,0	145	38	CLN	ONT
646	Cao Quốc Luân	Tân Tiến	400,0	152	37	CLN	ONT
647	Nguyễn Thị Cúc	Tân Tiến	100,0	74	12	CLN	ONT
648	Mã Thị Viên	Tân Tiến	300,0	173	9	CLN	ONT
649	Bùi Thị Luyến	Tân Tiến	100,0	532	11	CLN	ONT
650	Bùi Văn Quý	Tân Tiến	100,0	531	11	CLN	ONT
651	Nguyễn Thị Thủy	Tân Tiến	200,0	122	9	CLN	ONT
652	Nguyễn Văn Tiến	Tân Tiến	400,0	97	2	CLN	ONT
653	Trần Đăng Luận	Tân Tiến	200,0	137	7	CLN	ONT
654	Bùi Văn Quý	Tân Tiến	200,0	209	11	CLN	ONT
655	Lê Tuấn Anh	Tân Tiến	400,0	454	18	CLN	ONT
656	Phạm Hồng Hải	Tân Tiến	300,0	308	22	CLN	ONT
657	Đỗ Hữu Thành	Tân Tiến	200,0	478	11	CLN	ONT
658	Trịnh Văn Vụ	Tân Tiến	200,0	825	12	CLN	ONT
659	Trần Văn Luận	Tân Tiến	400,0	92	3	CLN	ONT
660	Nguyễn Hữu Tổ	Tân Tiến	500,0	66	7	CLN	ONT
661	Nguyễn Ngọc Đức	Tân Tiến	300,0	117	7	CLN	ONT
662	Võ Văn Bình	Tân Tiến	200,0	23	9	CLN	ONT
663	Nguyễn Linh Dương	Tân Tiến	500,0	422	11	CLN	ONT
664	Nguyễn Trung Kiên	Tân Tiến	500,0	318	2	CLN	ONT
665	Lê Văn Dương	Tân Tiến	200,0	135	6	CLN	ONT
666	Trần Đăng Ngân	Tân Tiến	200,0	78	2	CLN	ONT
667	Trần Đình Tân	Tân Tiến	100,0	444	18	CLN	ONT
668	Dương Nhật Phong	Tân Tiến	400,0	82	2	CLN	ONT
669	Nguyễn Minh Đức	Tân Tiến	200,0	218	2	CLN	ONT
670	Nguyễn Văn Di	Tân Tiến	100,0	271	2	CLN	ONT
671	Trần Thị Nga	Tân Tiến	100,0	35	7	CLN	ONT
672	Nguyễn Văn Tiến	Tân Tiến	200,0	457	11	CLN	ONT
673	Bùi Quốc Hồng	Tân Tiến	400,0	353	2	CLN	ONT
674	Bùi Quốc Hồng	Tân Tiến	400,0	51	2	CLN	ONT
675	Bùi Thị Xuân	Tân Tiến	200,0	109	17	CLN	ONT
676	Trần Văn Dũng	Tân Tiến	200,0	315	2	CLN	ONT

677	Hoàng Văn Hùng	Tân Tiến	200,0	449	11	CLN	ONT
678	Nguyễn Thanh Huyền	Tân Tiến	400,0	44	8	CLN	ONT
679	Nguyễn Thị Phương	Tân Tiến	100,0	112	2	CLN	ONT
680	Hoàng Thị Nguyệt	Tân Tiến	100,0	347	18	CLN	ONT
681	Hoàng Thị Nguyệt	Tân Tiến	100,0	353	18	CLN	ONT
682	Bùi Đăng Cương	Tân Tiến	400,0	979	29	CLN	ONT
683	Trần Minh Hải	Tân Tiến	400,0	229	18	CLN	ONT
684	Nguyễn Ngọc Hiền	Tân Tiến	300,0	236	8	CLN	ONT
685	Nguyễn Ngọc Hiền	Tân Tiến	300,0	208	14	CLN	ONT
686	Lê Quốc Tân	Tân Tiến	300,0	113	35	CLN	ONT
687	Nguyễn Viết Thắng	Tân Tiến	300,0	112	35	CLN	ONT
688	Hồ Hữu Thông	Tân Tiến	50,0	462	11	CLN	ONT
689	Võ Huy Hùng	Tân Tiến	300,0	351	2	CLN	ONT
690	Võ Quốc Trường	Tân Tiến	200,0	487	11	CLN	ONT
691	Nguyễn Trung Hiếu	Tân Tiến	400,0	205	12	CLN	ONT
692	Lê Hữu Nghĩa	Tân Tiến	100,0	220	12	CLN	ONT
693	Bùi Văn Huân	Tân Tiến	200,0	169	9	CLN	ONT
694	Dương Ngọc Tuấn	Tân Tiến	400,0	285	31	CLN	ONT
695	Bùi Văn Huân	Tân Tiến	300,0	172	9	CLN	ONT
696	Bùi Văn Huân	Tân Tiến	400,0	170	9	CLN	ONT
697	Bùi Văn Huân	Tân Tiến	300,0	171	9	CLN	ONT
698	Phạm Thế Sơn	Tân Tiến	200,0	290	6	CLN	ONT
699	Nguyễn Thị Thủy	Tân Tiến	300,0	807	12	CLN	ONT
700	Nguyễn Ngọc Hiền	Tân Tiến	300,0	238	8	CLN	ONT
701	Đào Thị Hoa	Tân Tiến	400,0	285	31	CLN	ONT
702	Nguyễn Văn Hoa	Tân Tiến	200,0	475	8	CLN	ONT
703	Phạm Thị Ngát	Tân Tiến	200,0	174	9	CLN	ONT
704	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tân Tiến	200,0	75	9	CLN	ONT
705	Lê Văn Quốc	Tân Tiến	300,0	114	3	CLN	ONT
706	Nguyễn Thị Thủy Trang	Tân Tiến	200,0	198	30	CLN	ONT
707	Dương Văn Đet	Tân Tiến	200,0	154	23	CLN	ONT
708	Cao Đức Thuần	Tân Tiến	200,0	295	7	CLN	ONT
709	Nguyễn Thị Dung	Tân Tiến	300,0	332	16	CLN	ONT
710	Nguyễn Thị Lùng	Tân Tiến	200,0	226	6	CLN	ONT
711	Vương Văn Kim	Tân Tiến	200,0	269	29	CLN	ONT
712	Nguyễn Thị Thu Hà	Tân Tiến	100,0	44	10	CLN	ONT
713	Bùi Văn Sen	Tân Tiến	100,0	385	11	CLN	ONT
714	Bùi Văn Cương	Tân Tiến	400,0	979	29	CLN	ONT
715	Trần Minh Hải	Tân Tiến	400,0	229	18	CLN	ONT
716	Nguyễn Ngọc Hiền	Tân Tiến	300,0	236	8	CLN	ONT
717	Nguyễn Ngọc Hiền	Tân Tiến	300,0	208	14	CLN	ONT
718	Nguyễn Thị Anh Đào	Tân Tiến	300,0	321	2	CLN	ONT
719	Bùi Ngọc Tuấn Anh	Tân Tiến	300,0	9	35	CLN	ONT
720	Nguyễn Thị Mai	Tân Tiến	300,0	6	20	CLN	ONT
721	Nguyễn Tiến Dũng	Tân Tiến	300,0	471	18	CLN	ONT
722	Bà Ngô Nhã Trúc	Tân Tiến	300,0	472	18	CLN	ONT
723	Huỳnh Văn Tài	Tân Tiến	300,0	474	18	CLN	ONT
724	Nguyễn Thị Hải Hậu	Tân Tiến	400,0	475	18	CLN	ONT
725	Nguyễn Thị Anh Đào	Tân Tiến	400,0	473	18	CLN	ONT
726	Đặng Thái Hoàng	Tân Tiến	400,0	476	18	CLN	ONT
727	Bà Trần Yến Nhi	Tân Tiến	400,0	477	18	CLN	ONT
728	Đàm Xuân Quý	Tân Tiến	100,0	199	32	CLN	ONT
729	Thái Hoàng Dếng	Tân Tiến	300,0	30	13	CLN	ONT
730	Nguyễn Hoàng Hữu	Tân Tiến	200,0	362	17	CLN	ONT
731	Nguyễn Linh Dương	Tân Tiến	100,0	422	11	CLN	ONT

732	Trần Phước Minh	Tân Tiến	400,0	96	11	CLN	ONT
733	Trần Phước Minh	Tân Tiến	400,0	97	11	CLN	ONT
734	Hoàng Văn Kiệm	Tân Tiến	200,0	67	25	CLN	ONT
735	Nguyễn Văn Hùng	Tân Tiến	100,0	449	11	CLN	ONT
736	Phạm Đức Ánh	Tân Tiến	300,0	69	10	CLN	ONT
737	Trần Văn Du	Tân Tiến	100,0	71	1	CLN	ONT
738	Nguyễn Thị Hương	Tân Tiến	300,0	117	16	CLN	ONT
739	Nguyễn Đức Dũng	Tân Tiến	200,0	331	17	CLN	ONT
740	Nguyễn Anh Tuấn	Tân Tiến	500,0	114	35	CLN	ONT
741	Đặng Thị Lệ Hằng	Tân Tiến	500,0	318	2	CLN	ONT
742	Nguyễn Đức Hùng	Tân Tiến	100,0	335	17	CLN	ONT
743	Vũ Đình Dân	Tân Tiến	100,0	466	11	CLN	ONT
744	Lê Văn Dương	Tân Tiến	200,0	135	6	CLN	ONT
745	Trần Đăng Ngân	Tân Tiến	200,0	78	2	CLN	ONT
746	Thái Hoàng Dếng	Tân Tiến	300,0	30	13	CLN	ONT
747	Dương Nhật Phong	Tân Tiến	300,0	82	2	CLN	ONT
748	Nguyễn Minh Đức	Tân Tiến	200,0	218	2	CLN	ONT
749	Nguyễn Văn Di	Tân Tiến	100,0	271	2	CLN	ONT
750	Trần Thị Nga	Tân Tiến	100,0	35	7	CLN	ONT
751	Nguyễn Văn Tiến	Tân Tiến	200,0	457	11	CLN	ONT
752	Bùi Quốc Hồng	Tân Tiến	200,0	51	2	CLN	ONT
753	Bùi Thị Xuân	Tân Tiến	200,0	109	17	CLN	ONT
754	Trần Văn Dũng	Tân Tiến	200,0	315	2	CLN	ONT
755	Hoàng Văn Hùng	Tân Tiến	200,0	449	11	CLN	ONT
756	Nguyễn Thanh Huyền	Tân Tiến	400,0	44	8	CLN	ONT
757	Nguyễn Thị Phụng	Tân Tiến	100,0	112	2	CLN	ONT
758	Hoàng Thị Nguyệt	Tân Tiến	100,0	347	18	CLN	ONT
759	Hoàng Thị Nguyệt	Tân Tiến	100,0	353	18	CLN	ONT
760	Nguyễn Linh Dương	Tân Tiến	400,0	422	11	CLN	ONT
761	Trần Minh Hải	Tân Tiến	400,0	229	18	CLN	ONT
762	Nguyễn Ngọc Hiền	Tân Tiến	300,0	236	8	CLN	ONT
763	Lê Quốc Tân	Tân Tiến	300,0	113	35	CLN	ONT
764	Nguyễn Viết Thắng	Tân Tiến	300,0	112	35	CLN	ONT
765	Lâm Văn Công	Tân Tiến	100,0	30	41	CLN	ONT
766	Trương Thị Hồng Hoa	Tân Tiến	100,0	352	2	CLN	ONT
767	Trần Trọng Hùng	Tân Tiến	100,0	31	6	CLN	ONT
768	Cao Đình Mạnh	Tân Tiến	100,0	45	6	CLN	ONT
769	Mã Văn Thương	Tân Tiến	300,0	210	13	CLN	ONT
770	Trần Văn Tuấn	Tân Tiến	100,0	93	7	CLN	ONT
771	Phạm Minh Dương	Tân Tiến	400,0	584	13	CLN	ONT
772	Phạm Minh Dương	Tân Tiến	400,0	585	13	CLN	ONT
773	Trần Thông	Tân Tiến	400,0	586	13	CLN	ONT
774	Trần Thông	Tân Tiến	400,0	587	13	CLN	ONT
775	Trần Thông	Tân Tiến	400,0	588	13	CLN	ONT
776	Trần Thông	Tân Tiến	400,0	589	13	CLN	ONT
777	Trần Thông	Tân Tiến	400,0	590	13	CLN	ONT
778	Nguyễn Văn Hoa	Tân Tiến	150,0	511	8	CLN	ONT
779	Cao Đình Phúc	Tân Tiến	500,0	23	16	CLN	ONT
780	Cao Đình Tân	Tân Tiến	1.000,0	38	2	CLN	ONT
781	Long Văn Công	Tân Tiến	100,0	30	41	CLN	ONT
782	Nguyễn Hữu Nam	Tân Tiến	400,0	188	6	CLN	ONT
783	Huỳnh Thị Hồng	Tân Tiến	400,0	150	30	CLN	ONT
784	Huỳnh Thị Hồng	Tân Tiến	400,0	155	30	CLN	ONT
785	Phạm Văn Chính	Tân Tiến	400,0	186	3	CLN	ONT
786	Nguyễn Thị Cảnh	Tân Tiến	400,0	176	4	CLN	ONT

787	Nguyễn Vũ Thùy Trang	Tân Tiến	100,0	333	16	CLN	ONT
788	Trương Văn Chí	Tân Tiến	300,0	474	8	CLN	ONT
789	Nguyễn Văn Ninh	Tân Tiến	100,0	105	4	CLN	ONT
790	Phạm Văn Thuận	Tân Tiến	200,0	56	10	CLN	ONT
791	Nguyễn Thị Kim Phụng	Tân Tiến	400,0	236	29	CLN	ONT
792	Huỳnh Thanh Đà	Tân Tiến	200,0	481	8	CLN	ONT
793	Bùi Thị Nga	Tân Tiến	250,0	810	12	CLN	ONT
794	Bùi Thị Nga	Tân Tiến	300,0	809	12	CLN	ONT
795	Bùi Thị Nga	Tân Tiến	300,0	808	12	CLN	ONT
796	Bùi Đức Tài	Tân Tiến	500,0	811	12	CLN	ONT
797	Bùi Đức Tài	Tân Tiến	500,0	812	12	CLN	ONT
798	Bùi Đức Tài	Tân Tiến	500,0	813	12	CLN	ONT
799	Bùi Đức Tài	Tân Tiến	200,0	602	32	CLN	ONT
800	Bùi Đức Tài	Tân Tiến	200,0	608	32	CLN	ONT
801	Bùi Đức Tài	Tân Tiến	500,0	604	32	CLN	ONT
802	Bùi Đức Tài	Tân Tiến	500,0	605	32	CLN	ONT
803	Bùi Đức Tài	Tân Tiến	500,0	603	32	CLN	ONT
804	Phạm Trung Tuấn	Tân Tiến	500,0	606	32	CLN	ONT
805	Nguyễn Thị Khái	Tân Tiến	500,0	607	32	CLN	ONT
806	Bùi Thị Nga	Tân Tiến	500,0	613	32	CLN	ONT
807	Bùi Thị Nga	Tân Tiến	500,0	612	32	CLN	ONT
808	Bùi Thị Nga	Tân Tiến	500,0	617	32	CLN	ONT
809	Bùi Thị Nga	Tân Tiến	500,0	619	32	CLN	ONT
810	Bùi Thị Nga	Tân Tiến	500,0	620	32	CLN	ONT
811	Bùi Thị Nga	Tân Tiến	500,0	614	32	CLN	ONT
812	Bùi Thị Nga	Tân Tiến	100,0	615	32	CLN	ONT
813	Bùi Thị Nga	Tân Tiến	100,0	618	32	CLN	ONT
814	Huỳnh Văn Tài	Tân Tiến	200,0	1180	29	CLN	ONT
815	Nguyễn Thị Anh Đào	Tân Tiến	200,0	1181	29	CLN	ONT
816	Đặng Thái Hoàng	Tân Tiến	200,0	1182	29	CLN	ONT
817	Trần Yến Nhi	Tân Tiến	200,0	1183	29	CLN	ONT
818	Nguyễn Thị Hải Châu	Tân Tiến	200,0	1184	29	CLN	ONT
819	Nguyễn Tiến Dũng	Tân Tiến	200,0	1185	29	CLN	ONT
820	Từ Văn Sang	Tân Tiến	200,0	1186	29	CLN	ONT
821	Nguyễn Thị Hải Hậu	Tân Tiến	200,0	1187	29	CLN	ONT
822	Huỳnh Văn Tài	Tân Tiến	200,0	1188	29	CLN	ONT
823	Đặng Thái Hoàng	Tân Tiến	200,0	1189	29	CLN	ONT
824	Trần Yến Nhi	Tân Tiến	200,0	1190	29	CLN	ONT
825	Ngô Nhã Trúc	Tân Tiến	200,0	1191	29	CLN	ONT
826	Nguyễn Tiến Dũng	Tân Tiến	200,0	1192	29	CLN	ONT
827	Nguyễn Thị Hải Châu	Tân Tiến	200,0	1193	29	CLN	ONT
828	Từ Văn Sang	Tân Tiến	200,0	1194	29	CLN	ONT
829	Nguyễn Tiến Dũng	Tân Tiến	200,0	1195	29	CLN	ONT
830	Ngô Nhã Trúc	Tân Tiến	200,0	1196	29	CLN	ONT
831	Nguyễn Thị Hải Hậu	Tân Tiến	200,0	1197	29	CLN	ONT
832	Huỳnh Văn Tài	Tân Tiến	200,0	1198	29	CLN	ONT
833	Đặng Thái Hoàng	Tân Tiến	200,0	1199	29	CLN	ONT
834	Nguyễn Thị Hải Châu	Tân Tiến	200,0	1200	29	CLN	ONT
835	Trần Yến Nhi	Tân Tiến	200,0	1201	29	CLN	ONT
836	Nguyễn Thị Anh Đào	Tân Tiến	200,0	1202	29	CLN	ONT
837	Nguyễn Thị Hải Hậu	Tân Tiến	200,0	1203	29	CLN	ONT
838	Huỳnh Văn Tài	Tân Tiến	200,0	1204	29	CLN	ONT
839	Đặng Thái Hoàng	Tân Tiến	200,0	1205	29	CLN	ONT
840	Trần Yến Nhi	Tân Tiến	200,0	1206	29	CLN	ONT
841	Ngô Nhã Trúc	Tân Tiến	200,0	1207	29	CLN	ONT

842	Nguyễn Tiến Dũng	Tân Tiến	200,0	1208	29	CLN	ONT
843	Bùi Văn Năm	Tân Tiến	100,0	261	12	CLN	ONT
844	Trương Văn Bằng	Tân Tiến	400,0	358	12	CLN	ONT
845				359			
846				387			
847	Hoàng Minh Thiện	Tân Tiến	100,0	187	37	CLN	ONT
848	Đỗ Thị Bấm	Tân Tiến	500,0	46	4	CLN	ONT
849	Bùi Thị Luyến	Tân Tiến	200,0	532	11	CLN	ONT
850	Lê Thị Lý	Tân Tiến	300,0	449	36	CLN	ONT
851	Nguyễn Trung Hiếu	Tân Tiến	500,0	134	32	CLN	ONT
852	Nguyễn Trung Hiếu	Tân Tiến	500,0	129	39	CLN	ONT
853	Bùi Hữu Được	Tân Tiến	600,0	542	22	CLN	ONT
854	Bùi Hữu Được	Tân Tiến	500,0	541	22	CLN	ONT
855	Phan Văn Ngọc	Tân Tiến	500,0	358	13	CLN	ONT
856	Võ Văn Anh	Tân Tiến	500,0	675	32	CLN	ONT
857	Phan Hoàng Dũng	Tân Tiến	200,0	286	31	CLN	ONT
858	Phạm Thái Vinh	Tân Tiến	300,0	719	32	CLN	ONT
859	Phạm Thái Vinh	Tân Tiến	400,0	720	32	CLN	ONT
860	Phạm Thái Vinh	Tân Tiến	500,0	721	32	CLN	ONT
861	Phạm Thái Vinh	Tân Tiến	400,0	722	32	CLN	ONT
862	Nguyễn Trung Hiếu	Tân Tiến	500,0	134	32	CLN	ONT
863	Bùi Trung Dũng	Tân Tiến	400,0	316	31	CLN	ONT
864	Bùi Trung Dũng	Tân Tiến	400,0	317	31	CLN	ONT
865	Bùi Trung Dũng	Tân Tiến	400,0	319	31	CLN	ONT
866	Bùi Trung Dũng	Tân Tiến	400,0	318	31	CLN	ONT
867	Hoàng Văn Chiến	Tân Tiến	200,0	184	6	CLN	ONT
868	Lê Thị Bên	Tân Tiến	300,0	479	18	CLN	ONT
869	Nguyễn Trung Hiếu	Tân Tiến	1.500,0	134	32	CLN	ONT
870	Nguyễn Trung Hiếu	Tân Tiến	900,0	31	45	CLN	ONT
871	Nguyễn Trung Hiếu	Tân Tiến	400,0	338	7	CLN	ONT
872	Nguyễn Trung Hiếu	Tân Tiến	800,0	129	39	CLN	ONT
873	Trần Thị Dung	Tân Tiến	1.800,0	1176	29	CLN	ONT
874	Cao Sỹ Sáu	Tân Tiến	1.600,0	984	29	CLN	ONT
875	Đào Thị Hoa	Tân Tiến	1.300,0	285	31	CLN	ONT
876	Nguyễn Văn Hưng - Lê Thị Oanh	Tân Tiến	1.000,0	73	10	CLN	ONT
877	Nguyễn Trung Hiếu	Tân Tiến	900,0	113	10	CLN	ONT
878	Nguyễn Trung Hiếu	Tân Tiến	800,0	42	38	CLN	ONT
879	Trần Văn Bình	Tân Tiến	300,0	273	22	CLN	ONT
880	Nguyễn Sỹ Dương	Tân Thành	200,0	173	39	CLN	ONT
881	Chu Thanh Sơn	Tân Thành	200,0	113	40	CLN	ONT
882	Huỳnh Công Tấn	Tân Thành	200,0	165	27	CLN	ONT
883	Cao Minh Tuấn	Tân Thành	300,0	120	30	CLN	ONT
884	Trần Thị Thu Thủy	Tân Thành	700,0	38	30	CLN	ONT
885	Nguyễn Thị Hồng Phúc	Tân Thành	300,0	233	27	CLN	ONT
886	Lê Thị Kim Em	Tân Thành	600,0	226	25	LNC	ONT
887	Hồ Mạnh Hùng	Tân Thành	600,0	120	40	CLN	ONT
888	Hồ Mạnh Hùng	Tân Thành	600,0	121	40	CLN	ONT
889	Hồ Mạnh Hùng	Tân Thành	600,0	125	40	CLN	ONT
890	Hồ Mạnh Hùng	Tân Thành	600,0	126	40	CLN	ONT
891	Hồ Mạnh Hùng	Tân Thành	600,0	127	40	CLN	ONT
892	Phạm Đình Phúc	Tân Thành	600,0	122	40	CLN	ONT
893	Phạm Đình Phúc	Tân Thành	600,0	123	40	CLN	ONT
894	Phạm Đình Phúc	Tân Thành	600,0	124	40	CLN	ONT
895	Trần Văn Bảo	Tân Thành	400,0	416	21	CLN	ONT

896	Trần Văn Bảo	Tân Thành	400,0	417	21	CLN	ONT
897	Lê Thị Thùy	Tân Thành	600,0	412	21	CLN	ONT
898	Huỳnh Văn Xiêm	Tân Thành	300,0	130	25	CLN	ONT
899	Nguyễn Thanh Nhân	Tân Thành	400,0	349	9	CLN	ONT
900	Trần Thị Ngọc Châu	Tân Thành	100,0	122	39	CLN	ONT
901	Nguyễn Thị Lịch	Tân Thành	100,0	317	9	CLN	ONT
902	Nguyễn Thị Lịch	Tân Thành	100,0	316	9	CLN	ONT
903	Hồ Thị Kim Hòa	Tân Thành	300,0	83	23	CLN	ONT
904	Bùi Gia Quát	Tân Thành	100,0	113	40	CLN	ONT
905	Nguyễn Hoàng Nam	Tân Thành	200,0	186	9	CLN	ONT
906	Nguyễn Hoàng Nam	Tân Thành	300,0	6	48	CLN	ONT
907	Trần Thanh Tuấn	Tân Thành	300,0	38	30	CLN	ONT
908	Lưu Văn Tong	Tân Thành	400,0	79	7	CLN	ONT
909	Thượng Thị Chia	Tân Thành	400,0	133	7	CLN	ONT
910	Nguyễn Thị Thùy Trang	Tân Thành	300,0	348	9	CLN	ONT
911	Trần Thị Thụy Thủy	Tân Thành	300,0	310	24	CLN	ONT
912	Nguyễn Thanh Nhân	Tân Thành	500,0	349	9	CLN	ONT
913	Lê Xuân Vui	Tân Thành	400,0	322	23	CLN	ONT
914	Lê Xuân Vui	Tân Thành	400,0	171	29	CLN	ONT
915	Phạm Thị Thùy Linh	Tân Thành	300,0	261	23	CLN	ONT
916	Lê Xuân Vui	Tân Thành	400,0	120	14	CLN	ONT
917	Lê Xuân Vui	Tân Thành	400,0	132	27	CLN	ONT
918	Lê Xuân Vui	Tân Thành	400,0	3	27	CLN	ONT
919	Lê Thị Oanh	Tân Thành	200,0	151	24	CLN	ONT
920	Đinh Thị Hoài	Tân Thành	400,0	118	14	CLN	ONT
921	Phạm Minh Thư	Tân Thành	400,0	298	33	CLN	ONT
922	Trần Văn Phú	Tân Thành	400,0	129	33	CLN	ONT
923	Bùi Văn Bình	Tân Thành	300,0	426	21	CLN	ONT
924	Nguyễn Thị Nà	Tân Thành	100,0	166	21	CLN	ONT
925	Trần Hoàng Phú	Tân Thành	100,0	146	6	CLN	ONT
926	Nguyễn Minh Đức	Tân Thành	200,0	265	9	CLN	ONT
927	Lê Văn Còn	Tân Thành	200,0	29	7	CLN	ONT
928	Lê Văn Còn	Tân Thành	100,0	26	7	CLN	ONT
929	Lê Văn Còn	Tân Thành	300,0	13	7	CLN	ONT
930	Võ Thị Huệ	Tân Thành	100,0	132	8	CLN	ONT
931	Vũ Thị Ngân	Tân Thành	200,0	329	21	CLN	ONT
932	Hà Đức Hoàn	Tân Thành	200,0	232	27	CLN	ONT
933	Chu Thanh Sơn	Tân Thành	200,0	113	40	CLN	ONT
934	Huỳnh Công Tấn	Tân Thành	200,0	165	27	CLN	ONT
935	Cao Minh Tuấn	Tân Thành	300,0	120	30	CLN	ONT
936	Phạm Thái Vinh	Tân Thành	600,0	150	40	CLN	ONT
937	Phạm Thái Vinh	Tân Thành	400,0	151	40	CLN	ONT
938	Lê Thị Kim Em	Tân Thành	200,0	226	25	CLN	ONT
939	Nguyễn Văn Đức	Tân Thành	500,0	39	23	CLN	ONT
940	Võ Văn Hiếu	Tân Thành	300,0	256	26	CLN	ONT
941	Nguyễn Thanh Hải	Tân Thành	1.600,0	135	29	CLN	ONT
VI	Huyện Bù Đăng		636.683,1				
1	Nguyễn Thị Sáu	Bình Minh	40.000,0			CLN	PNK, NKH
2	Bùi Văn Tuyên	Bình Minh	200,0	130	26	CLN	ONT
3	Đào Văn Diện	Bình Minh	50,0	2	31	CLN	ONT
4	Đồng Phúc Đạt	Bình Minh	200,0	300	27	CLN	ONT
5	Hà Văn Thanh	Bình Minh	300,0	111	29	CLN	ONT
6	Hoàng Hưng Hiếu	Bình Minh	111,2	477	27	CLN	ONT
7	Hoàng Thị Quỳnh Trâm	Bình Minh	400,0	26	5	CLN	ONT
8	Hoàng Văn Diêm	Bình Minh	85,9	92	19	CLN	ONT

9	Hoàng Văn Diêm	Bình Minh	80,0	93	19	CLN	ONT
10	Hoàng Văn Sùi	Bình Minh	100,0	23	15	CLN	ONT
11	Hoàng Văn Tiệp	Bình Minh	400,0	62	31	CLN	ONT
12	Hồ Ngọc Châu	Bình Minh	400,0	38	20	CLN	ONT
13	Lê Hùng	Bình Minh	100,0	81	15	CLN	ONT
14	Lê Văn Phụng	Bình Minh	200,0	103	38	CLN	ONT
15	Lê Văn Thuận	Bình Minh	400,0	59	16	CLN	ONT
16	Lý Văn Cường	Bình Minh	300,0	431	27	CLN	ONT
17	Lý Văn Sét	Bình Minh	150,0	110	26	CLN	ONT
18	Ma Kiên Dũng	Bình Minh	400,0	402	5	CLN	ONT
19	Nông Văn Kham	Bình Minh	189,0	8	27	CLN	ONT
20	Nguyễn Bùi Tân	Bình Minh	100,0	380	9	CLN	ONT
21	Nguyễn Đình Quang	Bình Minh	281,6	372	15	CLN	ONT
22	Nguyễn Thanh Bình	Bình Minh	100,0	128	15	CLN	ONT
23	Nguyễn Thị Phụng	Bình Minh	200,0	80	12	CLN	ONT
24	Nguyễn Thị Xuân Hà	Bình Minh	100,0	79	10	CLN	ONT
25	Nguyễn Văn Anh	Bình Minh	100,0	522	27	CLN	ONT
26	Nguyễn Văn Cháp	Bình Minh	200,0	37	37	CLN	ONT
27	Nguyễn Văn Lương	Bình Minh	200,0	524	27	CLN	ONT
28	Nguyễn Văn Tâm	Bình Minh	400,0	34	198	CLN	ONT
29	Nguyễn Văn Tự	Bình Minh	300,0	96	34	CLN	ONT
30	Nhữ Xuân Hinh	Bình Minh	200,0	178	15	CLN	ONT
31	Phạm Văn Chín	Bình Minh	100,0	59	37	CLN	ONT
32	Phạm Văn Lộc	Bình Minh	300,0	34	5	CLN	ONT
33	Phạm Văn Nam	Bình Minh	400,0	94	20	CLN	ONT
34	Phạm Việt Quyền	Bình Minh	200,0	78	26	CLN	ONT
35	Phan Văn Phóng	Bình Minh	1.400,0	22	9	CLN	ONT
36	Phan Văn Phóng	Bình Minh	1.800,0	13	9	CLN	ONT
37	Trần Đình Thượng	Bình Minh	400,0	107	5	CLN	ONT
38	Trần Ngọc Văn	Bình Minh	200,0	130	16	CLN	ONT
39	Đình Văn Hùng	Bình Minh	2.500,0	39	24	CLN	ONT
40	Phạm Thị Ly	Bình Minh	100,0	137	35	CLN	ONT
41	Trần Thị Lan	Bình Minh	200,0	364	15	CLN	ONT
42	Triệu Mạnh Hùng	Bình Minh	200,0	111	26	CLN	ONT
43	Võ Thanh Đức	Bình Minh	200,0	186	19	CLN	ONT
44	Võ Thanh Đức	Bình Minh	242,6	185	19	CLN	ONT
45	Nguyễn Văn Hội	Bình Minh	1.300,0	205	19	CLN	ONT
46	Phạm Văn Tình	Bình Minh	500,0	384	5	CLN	ONT
47	Thị Bót	Bình Minh	1.600,0	36	14	CLN	ONT
48	Hoàng Văn Toàn	Bình Minh	1.500,0	398	15	CLN	ONT
49	Trần Công Bình	Bình Minh	900,0	372	5	CLN	ONT
50	Hoàng Văn Toàn	Bình Minh	2.700,0	204	15	CLN	ONT
51	Võ Văn Thành	Bình Minh	200,0	204	19	CLN	ONT
52	Vũ Thị Thúy	Bình Minh	100,0	56	21	CLN	ONT
53	Nguyễn Thành Chính	Bình Minh	2.500,0	157	6	CLN	ONT
54	Hà Văn Thọ	Bình Minh	200,0	157	34	CLN	ONT
55	Hoàng Văn Phun	Bình Minh	100,0	30	31	CLN	ONT
56	Bùi Văn Thành	Bình Minh	2.000,0	129	5	CLN	ONT
57	Bùi Văn Thành	Bình Minh	2.000,0	146	5	CLN	ONT
58	Huỳnh Thị Mộng Trinh	Bình Minh	200,0	128	27	CLN	ONT
59	Nguyễn Đình Quang	Bình Minh	200,0	146	34	CLN	ONT
60	Nguyễn Đình Quang	Bình Minh	200,0	372	15	NKH	CLN
61	Nguyễn Thanh Phong	Bình Minh	400,0	100	6	CLN	ONT
62	Nguyễn Thị Oanh	Bình Minh	200,0	128	27	CLN	ONT
63	Nguyễn Văn Hội	Bình Minh	9.000,0	206	19	HNK	ONT

64	Nguyễn Văn Hội	Bình Minh	5.000,0	205	19	HNK	ONT
65	Đào Văn Tình	Bình Minh	4.500,0	85	9	CLN	ONT
66	Trần Văn Tiêu	Bình Minh	1.000,0	334	5	CLN	SKC
67	Vòng Minh Dưỡng	Bình Minh	400,0	213	48	CLN	ONT
68	Vũ Thị Tuyết	Bình Minh	200,0	211	15	CLN	ONT
69	Trần Thanh Tuấn	Bom Bo	400,0	92	29	CLN	ONT
70	Lê Thành Nhân	Bình Minh	3.000,0	18	33	CLN	ONT
71	Bùi Thị Ánh Hồng	Bom Bo	100,0	29	34	CLN	ONT
72	Bùi Văn Vương	Bom Bo	400,0	126	6	CLN	ONT
73	Đặng Tài Phẩm	Bom Bo	900,0	72	32	CLN	ONT
74	Điền Khung	Bom Bo	100,0	33	21	CLN	ONT
75	Điền Tở	Bom Bo	100,0	140	17	CLN	ONT
76	Đinh Thị Nóm	Bom Bo	200,0	93	18	CLN	ONT
77	Đỗ Văn Lực	Bom Bo	400,0	1	38	CLN	ONT
78	Hà A Sinh	Bom Bo	200,0	413	10	CLN	ONT
79	Hà Quang Hải	Bom Bo	100,0	386	37	CLN	ONT
80	Hà Văn Hợp	Bom Bo	100,0	123	15	CLN	ONT
81	Hoàng Đình Niên	Bom Bo	100,0	534	22	CLN	ONT
82	Hoàng Đình Niên	Bom Bo	400,0	149	34	CLN	ONT
83	Hoàng Đình Niên	Bom Bo	100,0	1	0	CLN	ONT
84	Hoàng Đình Niên	Bom Bo	100,0	253	22	CLN	ONT
85	Hoàng Tự Lập	Bom Bo	120,0	191	30	CLN	ONT
86	Hoàng Thanh Hoàn	Bom Bo	100,0	56	39	CLN	ONT
87	Hoàng Văn Chung	Bom Bo	200,0	72	24	CLN	ONT
88	Huỳnh Tấn Thành	Bom Bo	600,0	478	10	CLN	ONT
89	Hoàng Văn Đổng	Bom Bo	150,0	214	15	CLN	ONT
90	Hoàng Văn Đổng	Bom Bo	100,0	1	0	CLN	ONT
91	Hồ Vũ Trung Tín	Bom Bo	300,0	89	18	CLN	ONT
92	Huỳnh Thanh Sang	Bom Bo	100,0	73	24	CLN	ONT
93	Khâu Văn Ngọc	Bom Bo	200,0	52	37	CLN	ONT
94	Lê Quang Hiếu	Bom Bo	300,0	30	35	CLN	ONT
95	Lê Trung Toàn	Bom Bo	300,0	571	37	CLN	ONT
96	Lê Văn Chính	Bom Bo	100,0	255	38	CLN	ONT
97	Lê Văn Hoàng	Bom Bo	100,0	94	29	CLN	ONT
98	Lương Đình Cường	Bom Bo	201,1	47	38	CLN	ONT
99	Lương Đình Cường	Bom Bo	101,1	48	38	CLN	ONT
100	Nông Hoàng Đới	Bom Bo	100,0	26	24	CLN	ONT
101	Nông Thị Quy	Bom Bo	100,0	355	37	CLN	ONT
102	Ngô Quang Bảy	Bom Bo	100,0	67	38	CLN	ONT
103	Ngô Văn Tuyên	Bom Bo	200,0	44	11	CLN	ONT
104	Nguyễn Chi Cường	Bom Bo	84,6	372	37	CLN	ONT
105	Nguyễn Chinh Đề	Bom Bo	150,0	53	38	CLN	ONT
106	Nguyễn Đình Thi Kha	Bom Bo	300,0	264	30	CLN	ONT
107	Nguyễn Đức Tuấn	Bom Bo	200,0	337	23	CLN	ONT
108	Nguyễn Đức Thắng	Bom Bo	100,0	131	29	CLN	ONT
109	Nguyễn Đức Thắng	Bom Bo	300,0	132	29	CLN	ONT
110	Nguyễn Ngọc Hoàng	Bom Bo	400,0	269	40	CLN	ONT
111	Nguyễn Quang Hà	Bom Bo	400,0	203	34	CLN	ONT
112	Nguyễn Thị Kim Chung	Bom Bo	200,0	338	23	CLN	ONT
113	Nguyễn Thị Sáng	Bom Bo	200,0	473	10	CLN	ONT
114	Nguyễn Thị Thu	Bom Bo	200,0	135	17	CLN	ONT
115	Nguyễn Văn Hưng	Bom Bo	200,0	292	30	CLN	ONT
116	Nguyễn Văn Lượm	Bom Bo	200,0	262	38	CLN	ONT
117	Nguyễn Văn Lượm	Bom Bo	200,0	263	38	CLN	ONT
118	Nguyễn Văn Thiệu	Bom Bo	232,4	159	21	CLN	ONT

119	Phạm Đình Đàm	Bom Bo	100,0	121	37	CLN	ONT
120	Phạm Thị Hải	Bom Bo	100,0	121	37	CLN	ONT
121	Phạm Văn Nhân	Bom Bo	400,0	209	15	CLN	ONT
122	Phạm Văn Phú	Bom Bo	100,0	128	38	CLN	ONT
123	Trần Em	Bom Bo	100,0	12	22	CLN	ONT
124	Trần Minh Luân	Bom Bo	100,0	88	29	CLN	ONT
125	Trần Minh Luân	Bom Bo	102,0	534	22	CLN	ONT
126	Trần Minh Luân	Bom Bo	100,0	88	29	CLN	ONT
127	Trần Thanh Tuấn	Bom Bo	400,0	92	29	CLN	ONT
128	Triệu Quốc Tâm	Bom Bo	100,0	43	38	CLN	ONT
129	Trương Mạnh Cường	Bom Bo	100,0	143	22	CLN	ONT
130	Trương Mạnh Cường	Bom Bo	100,0	49	22	CLN	ONT
131	Trương Minh Lâm	Bom Bo	100,0	140	17	CLN	ONT
132	Trương Ngọc Đông	Bom Bo	200,0	69	8	CLN	ONT
133	Phan Văn Minh	Bom Bo	400,0	14	30	CLN	ONT
134	Phan Văn Minh	Bom Bo	400,0	37	31	CLN	ONT
135	Phan Văn Minh	Bom Bo	400,0	38	31	CLN	ONT
136	Võ Lý Hùng	Bom Bo	200,0	225	22	CLN	ONT
137	Vòng Dầu Phúc	Bom Bo	400,0	4	14	CLN	ONT
138	Bùi Thị Minh Thủy	Đak Nhou	300,0	78	7	CLN	ONT
139	Điền Sức	Đak Nhou	200,0	156	24	CLN	ONT
140	Đỗ Đức Chủ	Đak Nhou	158,0	109	16	CLN	ONT
141	Hoàng Thị Ái	Đak Nhou	300,0	315	14	CLN	ONT
142	Hoàng Văn Sơn	Đak Nhou	200,0	164	15	CLN	ONT
143	Hứa Văn Vinh	Đak Nhou	200,0	108	3	CLN	ONT
144	Lê Văn Thanh	Đak Nhou	300,0	109	7	CLN	ONT
145	Nông Văn Hòa	Đak Nhou	100,0	80	26	CLN	ONT
146	Ngô Thị Luận	Đak Nhou	500,0	75	4	CLN	ONT
147	Nguyễn Anh Tú	Đak Nhou	200,0	324	11	CLN	ONT
148	Nguyễn Văn Hiền	Đak Nhou	400,0	364	2	CLN	ONT
149	Nguyễn Văn Hiếu	Đak Nhou	100,0	155	15	CLN	ONT
150	Nguyễn Văn Lung	Đak Nhou	200,0	68	19	CLN	ONT
151	Nguyễn Văn Tiến	Đak Nhou	300,0	165	17	CLN	ONT
152	Nguyễn Văn Thuận	Đak Nhou	200,0	280	14	CLN	ONT
153	Nguyễn Văn Thuận	Đak Nhou	100,0	168	15	CLN	ONT
154	Nguyễn Văn Truyền	Đak Nhou	200,0	50	4	CLN	ONT
155	Thị Brung	Đak Nhou	200,0	65	7	CLN	ONT
156	Hứa Văn Vinh	Đak Nhou	200,0	108	3	CLN	ONT
157	Thị Xin	Đak Nhou	200,0	42	18	CLN	ONT
158	Phạm Hoàng Phương	Đak Nhou	300,0	184	22	CLN	ONT
159	Lê Văn Thanh	Đak Nhou	300,0	109	7	CLN	ONT
160	Vương Văn Hòe	Đak Nhou	200,0	239	15	CLN	ONT
161	Chu Thị Vượng	Đak Nhou	200,0	82	26	NHK	ONT
162	Lê Thanh Sơn	Đak Nhou	200,0	139	19	CLN	ONT
163	Nguyễn Thị Lệ	Đak Nhou	200,0	94	15	CLN	ONT
164	Đoàn Duy Lâm	Đak Nhou	100,0	112	22	CLN	ONT
165	Thị Nhôi	Đak Nhou	100,0	86	12	CLN	ONT
166	Phạm Hoàng Phương	Đak Nhou	300,0	184	22	CLN	ONT
167	Phạm Văn Hải	Đak Nhou	100,0	105	4 (cũ)	CLN	ONT
168	Phạm Văn Hiếu	Đak Nhou	487,0	167	14	CLN	SKC
169	Phạm Văn Hiếu	Đak Nhou	1.251,0	152	14	CLN	SKC
170	Phạm Văn Luận	Đak Nhou	400,0	39	12	CLN	ONT
171	Thị Brung	Đak Nhou	200,0	65	7	CLN	ONT
172	Thị Xin	Đak Nhou	200,0	42	18	CLN	ONT
173	Trần Tuấn Khôi	Đak Nhou	100,0	634	14	CLN	ONT

174	Trần Văn Sơn	Đak Nhou	200,0	167	17	CLN	ONT
175	Triệu Thị Cúc	Đak Nhou	300,0	150	17 (cũ)	CLN	ONT
176	Điều Tâm	Đak Nhou	100,0	243	14	CLN	ONT
177	Hà Văn Thế	Đăng Hà	200,0	10	182	HNK	ONT
178	Nguyễn Quang Hoài	Đăng Hà	200,0	7	14	CLN	ONT
179	Nguyễn Quang Hoài	Đăng Hà	100,0	11	53	CLN	ONT
180	Nguyễn Văn Thủy	Đăng Hà	200,0	141	35	CLN	ONT
181	Trần Văn Thủy	Đăng Hà	400,0	130	15	CLN	ONT
182	Nguyễn Thị Thời	Đăng Hà	2.000,0	24	41	CLN	TMD
183	Nguyễn Văn Thường	Đăng Hà	200,0	56	41	CLN	ONT
184	Trần Thị Mơ	Đăng Hà	100,0	44	445	CLN	ONT
185	Trịnh Văn Tổng	Đăng Hà	200,0	11	54	CLN	ONT
186	Nguyễn Mạnh Hà	Đăng Hà	200,0	69	35	CLN	ONT
187	Nguyễn Mạnh Hà	Đăng Hà	200,0	70	35	CLN	ONT
188	Phạm Thị Lộc	Đăng Hà	100,0	46	41	CLN	ONT
189	Vũ Thanh Tuấn	Đăng Hà	200,0	106	15	CLN	ONT
190	Chênh Phát Sáng	Đoàn Kết	400,0	639	30	CLN	ONT
191	Đào Ngọc Phúc	Đoàn Kết	200,0	179	7	CLN	ONT
192	Đặng Ánh Hà	Đoàn Kết	100,0	44	43	CLN	ONT
193	Điều Lắc	Đoàn Kết	600,0	232	36	CLN	NKH
194	Điều Long	Đoàn Kết	200,0	128	17	CLN	ONT
195	Đỗ Minh Thư	Đoàn Kết	200,0	256	4	CLN	ONT
196	Vi Văn Tòng	Đoàn Kết	300,0	29	56	CLN	ONT
197	Điều Long	Đoàn Kết	300,0	26	17	CLN	ONT
198	Đinh Hoàng Phú	Đoàn Kết	300,0	213	32	CLN	ONT
199	Đinh Thị Thu Hà	Đoàn Kết	200,0	105	55	CLN	ONT
200	Đoàn Trọng Tài	Đoàn Kết	600,0	73	23	CLN	ONT
201	Đoàn Văn Nghị	Đoàn Kết	400,0	29	56	CLN	ONT
202	Hồ Duy Sang	Đoàn Kết	400,0	319	4	CLN	ONT
203	Hồ Đức Anh	Đoàn Kết	200,0	34	25	CLN	ONT
204	Hứa Lập	Đoàn Kết	400,0	198	28	CLN	ONT
205	Lâm Đức Hòa	Đoàn Kết	500,0	478	4	CLN	ONT
206	Lâm Văn Lữ	Đoàn Kết	100,0	53	21	CLN	ONT
207	Lê Bê	Đoàn Kết	1.500,0	254	56	CLN	ONT
208	Lê Bê	Đoàn Kết	1.500,0	255	56	CLN	ONT
209	Lê Danh Anh Vũ	Đoàn Kết	400,0	52	40	CLN	ONT
210	Lê Đăng Nam	Đoàn Kết	600,0	15	30	CLN	ONT
211	Lê Đăng Nam	Đoàn Kết	500,0	379	5	CLN	ONT
212	Lê Minh Xuân	Đoàn Kết	200,0	22	32	CLN	ONT
213	Lê Quang Đông Vũ	Đoàn Kết	200,0	189	28	CLN	ONT
214	Lê Thị Hồng Linh	Đoàn Kết	200,0	153	31	CLN	ONT
215	Võ Công Xinh	Đoàn Kết	4.000,0	876	38	CLN	ONT
216	Võ Công Xinh	Đoàn Kết	2.000,0	1043	38	CLN	ONT
217	Lê Thị Lan Hương	Đoàn Kết	200,0	63	32	CLN	ONT
218	Lê Thị Mai Trinh	Đoàn Kết	400,0	9	40	CLN	ONT
219	Lê Thị Mai Trinh	Đoàn Kết	400,0	945	38	CLN	ODT
220	Lê Thị Nga	Đoàn Kết	200,0	180	32	CLN	ONT
221	Lê Xuân Trúc	Đoàn Kết	100,0	391	4	CLN	ONT
222	Lý Trường Hà	Đoàn Kết	200,0	9	15	CLN	ONT
223	Nông Thị Khi	Đoàn Kết	200,0	153	32	CLN	ONT
224	Ngô Xuân Tuấn	Đoàn Kết	3.000,0	21	8	CLN	ONT
225	Trần Minh Lý	Đoàn Kết	2.000,0	413	57	CLN	ONT
226	Nguyễn Hải Âu	Đoàn Kết	200,0	125	32	CLN	ONT
227	Nguyễn Hải Âu	Đoàn Kết	200,0	421	32	CLN	ONT
228	Nguyễn Hữu Đạt	Đoàn Kết	200,0	49	45	CLN	ONT

229	Nguyễn Ngọc Dũng	Đoàn Kết	400,0	68	19	CLN	ONT
230	Nguyễn Thanh Lâm	Đoàn Kết	300,0	16	36	CLN	ONT
231	Nguyễn Thanh Lâm	Đoàn Kết	400,0	149	32	CLN	ONT
232	Nguyễn Thanh Lâm	Đoàn Kết	200,0	142	31	CLN	ONT
233	Nguyễn Thanh Lâm	Đoàn Kết	200,0	1012	38	CLN	ONT
234	Nguyễn Thanh Lâm	Đoàn Kết	300,0	635	4	CLN	ONT
235	Nguyễn Thanh Lâm	Đoàn Kết	300,0	636	4	CLN	ONT
236	Nguyễn Thành Long	Đoàn Kết	400,0	24	8	CLN	ONT
237	Hoàng Cao Kỳ	Đoàn Kết	3.000,0	8	19	CLN	ONT
238	Nguyễn Thị Hồng Huế	Đoàn Kết	100,0	325	32	CLN	ONT
239	Nguyễn Thị Lái	Đoàn Kết	200,0	3	30	CLN	ONT
240	Nguyễn Thị Luyến	Đoàn Kết	400,0	83	29	CLN	ONT
241	Nguyễn Thị Phương	Đoàn Kết	100,0	106	31	CLN	ONT
242	Nguyễn Văn Đào	Đoàn Kết	400,0	262	36	CLN	ONT
243	Nguyễn Văn Lợi	Đoàn Kết	1.000,0	42	56	CLN	NKH
244	Nguyễn Văn Lợi	Đoàn Kết	2.000,0	42	56	CLN	ONT
245	Nguyễn Văn Lợi	Đoàn Kết	694,3	531	33	CLN	NKH
246	Nguyễn Văn Lợi	Đoàn Kết	300,0	538	33	CLN	ONT
247	Nguyễn Văn Thương	Đoàn Kết	200,0	68	26	CLN	ONT
248	Phạm Hữu Lệnh	Đoàn Kết	200,0	187	32	CLN	ONT
249	Phạm Hữu Toàn	Đoàn Kết	100,0	45	29	CLN	ONT
250	Phạm Thị Mỹ Phượng	Đoàn Kết	200,0	30	38	CLN	ONT
251	Phạm Văn Nước	Đoàn Kết	2.000,0	33	7	CLN	ONT
252	Phan Minh Bảy	Đoàn Kết	400,0	445	5	CLN	ONT
253	Ngô Thị Mỹ Loan	Đoàn Kết	200,0	414	32	CLN	ONT
254	Phan Ngọc Giang	Đoàn Kết	300,0	518	53	CLN	ONT
255	Đinh Công Thành	Đoàn Kết	2.600,0	1	0	CLN	ONT
256	Nguyễn Xuân Quốc	Đoàn Kết	700,0	160	59	CLN	ONT
257	Nguyễn Xuân Quốc	Đoàn Kết	3.100,0	48	59	CLN	ONT
258	Phùng Thanh Tùng	Đoàn Kết	100,0	265	4	CLN	ONT
259	Thái Thị Kim Lý	Đoàn Kết	100,0	118	29	CLN	ONT
260	Thị Mười	Đoàn Kết	400,0	57	19	CLN	ONT
261	Trần Duy Long	Đoàn Kết	300,0	59	31	CLN	ONT
262	Trần Minh Phương	Đoàn Kết	200,0	301	32	CLN	ONT
263	Trần Thị Dung	Đoàn Kết	200,0	85	28	CLN	ONT
264	Trần Văn Tâm	Đoàn Kết	1.239,5	205	28	CLN	TMD
265	Trịnh Bảo Quốc	Đoàn Kết	300,0	416	32	CLN	ONT
266	Trịnh Thị Xuân Hậu	Đoàn Kết	300,0	494	33	CLN	ONT
267	Vi Văn Tông	Đoàn Kết	400,0	203	29	CLN	ONT
268	Võ Minh Tứ	Đoàn Kết	200,0	42	22	CLN	ONT
269	Võ Thị Hương	Đoàn Kết	600,0	57	35	CLN	ONT
270	Võ Thị Hương	Đoàn Kết	600,0	58	35	CLN	ONT
271	Võ Thị Hương	Đoàn Kết	600,0	59	35	CLN	ONT
272	Võ Thị Hương	Đoàn Kết	600,0	60	35	CLN	ONT
273	Võ Thị Hương	Đoàn Kết	300,0	61	35	CLN	ONT
274	Võ Thị Hương	Đoàn Kết	600,0	56	35	CLN	ONT
275	Võ Văn Tịnh	Đoàn Kết	1.152,4	412	30	NTS	CLN
276	Võ Văn Tịnh	Đoàn Kết	300,0	642	30	CLN	ONT
277	Lê Văn Toàn	Đoàn Kết	400,0	303	4	CLN	ONT
278	Nguyễn Đình Phú Thắng	Đoàn Kết	200,0	64	16	CLN	ONT
279	Trị Thị Nết	Đoàn Kết	200,0	552	33	CLN	ONT
280	Trương Hoàng Cường	Đoàn Kết	2.900,0	205	59	CLN	ONT
281	Nguyễn Văn Vinh	Đồng Nai	400,0	284	18	CLN	ONT
282	Bùi Thị Phòng	Đồng Nai	100,0	301	18	CLN	ONT
283	Bùi Văn Quang	Đồng Nai	200,0	301	18	CLN	ONT

284	Điêu Dương	Đồng Nai	400,0	76	22	CLN	ONT
285	Điêu Ma La chi	Đồng Nai	100,0	39	12	CLN	ONT
286	Đinh Văn Tiệp	Đồng Nai	200,0	14	24	CLN	ONT
287	Đinh Viêt Thanh	Đồng Nai	300,0	424	18	CLN	ONT
288	Lã Tư Đồ	Đồng Nai	200,0	97	21	CLN	ONT
289	Vũ Thanh Phong	Đồng Nai	4.000,0	28	11	CLN	TMD
290	Lê Khắc Huê	Đồng Nai	300,0	66	27	CLN	ONT
291	Lê Văn Đẹp	Đồng Nai	100,0	36	13	CLN	ONT
292	Nguyễn Đình Chi	Đồng Nai	100,0	160	18	CLN	ONT
293	Nguyễn Ngọc Tú	Đồng Nai	200,0	14	13	CLN	ONT
294	Nguyễn Thị Toan	Đồng Nai	400,0	86	21	CLN	ONT
295	Nguyễn Thị Thảo	Đồng Nai	200,0	226	8	CLN	ONT
296	Nguyễn Văn Chiến	Đồng Nai	100,0	415	18	CLN	ONT
297	Nguyễn Văn Hoàng	Đồng Nai	200,0	264	2	CLN	ONT
298	Nguyễn Văn Vinh	Đồng Nai	400,0	284	18	CLN	ONT
299	Phạm Văn Út	Đồng Nai	200,0	101	21	CLN	ONT
300	Thị Đình	Đồng Nai	200,0	39	4	CLN	ONT
301	Điêu Xen	Đồng Nai	300,0	106	100	CLN	ONT
302	Thị Mô	Đồng Nai	100,0	6	13	CLN	ONT
303	Trần Phong	Đồng Nai	200,0	71	21	CLN	ONT
304	Trần Quốc Cường	Đồng Nai	300,0	375	5	CLN	ONT
305	Võ Thanh Phương	Đồng Nai	100,0	87	17	CLN	ONT
306	Võ Văn Tài	Đồng Nai	100,0	494	4	CLN	ONT
307	Vũ Thị Lan	Đồng Nai	200,0	352	18	CLN	ONT
308	Lã Tư Đồ	Đồng Nai	200,0	346	1	CLN	ONT
309	Lê Khắc Huê	Đồng Nai	200,0	102	0	CLN	ONT
310	Ngô Văn Lưu	Đồng Nai	100,0	944	1	CLN	ONT
311	Lê Ngọc Sơn	Đức Liễu	100,0	376	6	CLN	ONT
312	Bùi Ngọc Tuấn	Đức Liễu	100,0	113	11	CLN	ONT
313	Doanh Thiêm Nghĩa	Đức Liễu	400,0	371	6	CLN	ONT
314	Đặng Thị Huyền	Đức Liễu	200,0	22	23	CLN	ONT
315	Điêu Thị Ky	Đức Liễu	300,0	36	58	CLN	ONT
316	Đoàn Duy Khánh	Đức Liễu	400,0	129	54	CLN	ONT
317	Đoàn Tiến Dũng	Đức Liễu	400,0	127	45	CLN	ONT
318	Đỗ Thanh Hùng	Đức Liễu	400,0	20	21	CLN	ONT
319	Đỗ Thanh Hùng	Đức Liễu	400,0	14	21	CLN	ONT
320	Đỗ Văn Tuấn	Đức Liễu	400,0	297	47	CLN	ONT
321	Huỳnh Xuân Linh	Đức Liễu	50,0	150	12	CLN	ONT
322	Lâm Văn Quang	Đức Liễu	300,0	122	13	CLN	ONT
323	Lê Ngọc Sơn	Đức Liễu	100,0	376	6	CLN	ONT
324	Lê Thị Nam	Đức Liễu	100,0	177	40	CLN	ONT
325	Lê Trương Năm	Đức Liễu	100,0	373	6	CLN	ONT
326	Lê Trương Năm	Đức Liễu	100,0	29	22	CLN	ONT
327	Lê Văn Mai	Đức Liễu	400,0	53	23	CLN	ONT
328	Nguyễn Đình Hùng	Đức Liễu	200,0	66	13	CLN	ONT
329	Nguyễn Hồng Sơn	Đức Liễu	3.000,0	32	46	CLN	ONT
330	Nguyễn Thị Hoa	Đức Liễu	4.000,0	22	34	CLN	ONT
331	Nguyễn Hồng Sơn	Đức Liễu	100,0	259	46	CLN	ONT
332	Nguyễn Hồng Sơn	Đức Liễu	5.000,0	257	46	CLN	ONT
333	Nguyễn Khắc Thanh	Đức Liễu	500,0	127	55	CLN	ONT
334	Nguyễn Minh Quân	Đức Liễu	200,0	121	11	CLN	ONT
335	Nguyễn Thanh Hiền	Đức Liễu	400,0	224	58	CLN	ONT
336	Nguyễn Văn Công	Đức Liễu	400,0	355	6	CLN	ONT
337	Nguyễn Văn Công	Đức Liễu	100,0	234	6	CLN	ONT
338	Nguyễn Văn Công	Đức Liễu	200,0	356	6	CLN	ONT

339	Nguyễn Văn Linh	Đức Liễu	400,0	151	52	CLN	ONT
340	Nông Văn Tín	Đức Liễu	60,0	78	200	CLN	ONT
341	Mai Ngọc Huynh	Đức Liễu	200,0	200	45	CLN	ONT
342	Mai Ngọc Huynh	Đức Liễu	200,0	198	45	CLN	ONT
343	Mai Ngọc Huynh	Đức Liễu	200,0	199	45	CLN	ONT
344	Đỗ Đức Đại	Đức Liễu	1.200,0	159	4	CLN	ONT
345	Nguyễn Văn Linh	Đức Liễu	2.000,0	151	52	CLN	SKC
346	Phạm Văn Hải	Đức Liễu	400,0	12	27	CLN	ONT
347	Phạm Văn Hải	Đức Liễu	300,0	125	27	CLN	ONT
348	Võ Văn Tịnh	Đức Liễu	2.800,0	49	26	CLN	ONT
349	Phạm Văn Tính	Đức Liễu	3.300,0	155	33	CLN	ONT
350	Nguyễn Như Quỳnh	Đức Liễu	800,0	156	33	CLN	ONT
351	Nguyễn Thanh Ngân	Đức Liễu	300,0	157	33	CLN	ONT
352	Trần Thị Hà	Đức Liễu	1.500,0	18	46	CLN	ONT
353	Trần Kỳ Lưu	Đức Liễu	2.000,0	26	19	CLN	ONT
354	Hàn Văn Tú	Đức Liễu	400,0	218	12	CLN	ONT
355	Hàn Văn Tú	Đức Liễu	500,0	219	12	CLN	ONT
356	Nguyễn Văn Châu	Đức Liễu	1.000,0	499	5	CLN	ONT
357	Mai Ngọc Huynh	Đức Liễu	2.600,0	297	6	CLN	ONT
358	Mai Ngọc Huynh	Đức Liễu	1.600,0	64	6	CLN	ONT
359	Nguyễn Văn Châu	Đức Liễu	1.500,0	498	5	CLN	ONT
360	Trần Thị Hòa	Đức Liễu	400,0	501	5	CLN	ONT
361	Trần Thị Hòa	Đức Liễu	300,0	503	5	CLN	ONT
362	Trần Thị Hòa	Đức Liễu	300,0	502	5	CLN	ONT
363	Mai Ngọc Huynh	Đức Liễu	3.500,0	17	6	CLN	ONT
364	Mai Ngọc Huynh	Đức Liễu	3.000,0	13	6	CLN	ONT
365	Trần Thị Tiến	Đức Liễu	300,0	184	56	CLN	ONT
366	Trần Văn Tuấn	Đức Liễu	200,0	389	6	CLN	ONT
367	Vũ Đình Quang	Đức Liễu	1.000,0	281	48	CLN	ONT
368	Tạ Thị Uyên	Đức Liễu	3.000,0	97	7	CLN	ONT
369	Tạ Thị Uyên	Đức Liễu	1.100,0	105	7	CLN	ONT
370	Tạ Thị Uyên	Đức Liễu	4.000,0	200	6	CLN	ONT
371	Tạ Thị Uyên	Đức Liễu	2.000,0	174	6	CLN	ONT
372	Tạ Thị Uyên	Đức Liễu	3.600,0	44	9	CLN	ONT
373	Võ Ngọc Dũng	Đức Liễu	100,0	115	57	CLN	ONT
374	Bùi Văn Hữu	Đức Liễu	100,0	68	57	CLN	ONT
375	Doanh Thiêm Nghĩa	Đức Liễu	400,0	371	6	CLN	ONT
376	Đoàn Quốc Thái	Đức Liễu	100,0	207	48	CLN	ONT
377	Nguyễn Bá Huy	Đức Liễu	3.500,0	102	6	CLN	ONT
378	Đoàn Văn Tráng	Đức Liễu	100,0	196	48	CLN	ONT
379	Lê Văn Bình	Đức Liễu	2.600,0	166	6	CLN	ONT
380	Lương Hoàng Long	Đức Liễu	1.500,0	14	19	CLN	ONT
381	Hồ Văn Luân	Đức Liễu	200,0	73	50	CLN	ONT
382	Hứa Thị Mới	Đức Liễu	200,0	190	32	CLN	ONT
383	Lê Văn Sỹ	Đức Liễu	300,0	92	29	CLN	ONT
384	Nguyễn Thanh Ngân	Đức Liễu	400,0	201	45	CLN	ONT
385	Phạm Quốc Việt	Đức Liễu	3.500,0	33	6	CLN	ONT
386	Hoàng Quốc Hải	Đức Liễu	8.000,0	27	6	CLN	ONT
387	Trương Ngọc Vương	Đức Liễu	6.000,0	42	6	CLN	ONT
388	Nguyễn Thị Phụng	Đức Liễu	3.500,0	35	6	CLN	ONT
389	Nguyễn Thị Phụng	Đức Liễu	3.500,0	37	6	CLN	ONT
390	Lê Tư Trung	Đức Liễu	2.000,0	65	6	CLN	ONT
391	Lê Tư Trung	Đức Liễu	2.000,0	72	6	CLN	ONT
392	Lê Tư Trung	Đức Liễu	2.000,0	99	6	CLN	ONT
393	Lê Tư Trung	Đức Liễu	500,0	74	30	CLN	ONT

394	Hoàng Trọng Long	Đức Liễu	1.100,0	42	29	CLN	ONT
395	Nguyễn Thanh Ngân	Đức Liễu	400,0	202	45	CLN	ONT
396	Nguyễn Duy Tân	Đức Liễu	300,0	151	49	CLN	ONT
397	Trần Đức Quý	Đức Liễu	8.000,0	57	4	CLN	ONT
398	Phan Thị Lý	Đức Liễu	5.000,0	328	4	CLN	ONT
399	Nguyễn Hữu Vũ	Đức Liễu	3.000,0	109	5	CLN	ONT
400	Nguyễn Quang Ninh	Đức Liễu	200,0	56	45	CLN	ONT
401	Nguyễn Thị Hải	Đức Liễu	100,0	415	48	CLN	ONT
402	Nguyễn Văn Phát	Đức Liễu	100,0	168	46	CLN	ONT
403	Phạm Ngọc Sơn	Đức Liễu	200,0	118	45	CLN	ONT
404	Mai Ngọc Huỳnh	Đức Liễu	3.000,0	25	6	CLN	ONT
405	Mai Ngọc Huỳnh	Đức Liễu	800,0	30	6	CLN	ONT
406	Mai Ngọc Huỳnh	Đức Liễu	800,0	22	6	CLN	ONT
407	Trương Ngọc Lôi	Đức Liễu	200,0	126	40	CLN	ONT
408	Bùi Ngọc Thùy	Đức Phong	100,0	177	10	CLN	ODT
409	Cao Thanh Nhã	Đức Phong	700,0	58	1	CLN	ODT
410	Chế Văn Sơn	Đức Phong	100,0	19	8	CLN	ODT
411	Dương Hòa	Đức Phong	250,0	118	34	CLN	ODT
412	Dương Xuân Phóng	Đức Phong	300,0	5	1	CLN	ODT
413	Đặng Ngọc Trà Giang	Đức Phong	55,3	67	21	CLN	ODT
414	Đinh Văn Kham	Đức Phong	150,0	66	36	CLN	ODT
415	Đoàn Văn Bé	Đức Phong	100,0	186	35	CLN	ODT
416	Đoàn Văn Bé	Đức Phong	3.000,0	43; 54	36	CLN	ODT
417	Đỗ Thị Kim Hoa	Đức Phong	200,0	593	6	CLN	ODT
418	Đỗ Văn Hải	Đức Phong	200,0	652	6	CLN	ODT
419	Hạp Tiến Khoa	Đức Phong	300,0	10	5	CLN	ODT
420	Hoàng Thị Lê Na	Đức Phong	100,0	382	37	CLN	ODT
421	Hồ Văn Hoài Thanh	Đức Phong	100,0	156	2	CLN	ODT
422	Huỳnh Ngọc Thanh	Đức Phong	100,0	412	36	CLN	ODT
423	Huỳnh Thị Lợi	Đức Phong	400,0	965	38	CLN	ODT
424	Huỳnh Thị Thìn	Đức Phong	100,0	70	35	CLN	ODT
425	Huỳnh Thị Thuần	Đức Phong	200,0	68	2	CLN	ODT
426	Lê Hồng Quân	Đức Phong	500,0	17	5	CLN	ODT
427	Lê Quang Ngọc Vương	Đức Phong	100,0	413	36	CLN	ODT
428	Lê Thị Bích Văn	Đức Phong	100,0	28	48	CLN	ODT
429	Lê Thị Cẩm Lệ	Đức Phong	188,2	840	38	HNK	CLN
430	Lê Thị Quyên	Đức Phong	100,0	76	1	CLN	ODT
431	Lê Văn Quang	Đức Phong	300,0	77	55	CLN	ONT
432	Lê Văn Tư	Đức Phong	100,0	15	48	CLN	ODT
433	Lương Thanh Thảo	Đức Phong	200,0	320	36	CLN	ONT
434	Lương Thị Kim Huệ	Đức Phong	500,0	118	34	CLN	ODT
435	Lương Văn Theo	Đức Phong	500,0	210	36	CLN	ONT
436	Ngô Thị Đào	Đức Phong	400,0	414	36	CLN	ODT
437	Ngô Thị Liễu	Đức Phong	200,0	30	24	CLN	ODT
438	Nguyễn Đức Cường	Đức Phong	400,0	34	3	CLN	ODT
439	Nguyễn Đức Việt	Đức Phong	300,0	4	41	CLN	ODT
440	Nguyễn Đức Việt	Đức Phong	300,0	13	6	CLN	ODT
441	Nguyễn Minh Thảo	Đức Phong	400,0	367	36	CLN	ODT
442	Nguyễn Ngọc Chi	Đức Phong	100,0	538	6	CLN	ODT
443	Nguyễn Ngọc Linh	Đức Phong	150,0	81	21	CLN	ODT
444	Nguyễn Tấn Hồng	Đức Phong	300,0	4	1	CLN	ODT
445	Nguyễn Tấn Hồng	Đức Phong	200,0	156	1	CLN	ODT
446	Nguyễn Thanh Lâm	Đức Phong	500,0	449	24	CLN	ODT
447	Nguyễn Thanh Lâm	Đức Phong	119,3	78	31	CLN	ODT
448	Nguyễn Thanh Lâm	Đức Phong	99,8	7	20	CLN	ODT

449	Nguyễn Thanh Thanh	Đức Phong	100,0	15	45	CLN	ODT
450	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Đức Phong	400,0	41	10	CLN	ODT
451	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Đức Phong	400,0	305	36	CLN	ODT
452	Nguyễn Thị Mai Quế	Đức Phong	60,0	317	24	CLN	ODT
453	Nguyễn Thị Miên	Đức Phong	50,0	134	2	CLN	ODT
454	Nguyễn Thị Nga	Đức Phong	500,0	197	5	CLN	ODT
455	Nguyễn Thị Thùy Trinh	Đức Phong	200,0	42	11	CLN	ODT
456	Nguyễn Trần Phong Vy	Đức Phong	200,0	238	5	CLN	ODT
457	Nguyễn Trọng Kính	Đức Phong	2.000,0	3	14	CLN	SKC
458	Nguyễn Trọng Tuyên	Đức Phong	119,2	78	10	CLN	ODT
459	Nguyễn Trung Quân	Đức Phong	400,0	304	36	CLN	ODT
460	Nguyễn Văn Thục	Đức Phong	130,0	418	6	CLN	ODT
461	Nhữ Xuân Bảo	Đức Phong	100,0	58	55	CLN	ODT
462	Phạm Thị Châm	Đức Phong	200,0	262	5	CLN	ODT
463	Phạm Thị Quyền	Đức Phong	400,0	9	39	CLN	ODT
464	Phạm Văn Cử	Đức Phong	50,0	73	1	CLN	ODT
465	Phạm Văn Cử	Đức Phong	50,0	69	1	CLN	ODT
466	Phạm Văn Định	Đức Phong	100,0	376	36	CLN	ODT
467	Phạm Văn Nước	Đức Phong	1.000,0	113	1	CLN	ODT
468	Phạm Kim Hùng	Đức Phong	74,2	119	41	CLN	ODT
469	Phạm Văn Cường	Đức Phong	191,2	118	41	CLN	ODT
470	Phạm Văn Thương	Đức Phong	200,0	240	5	CLN	ONT
471	Phan Duy Phúc	Đức Phong	150,0	124	15	CLN	ODT
472	Phan Thị Hoài	Đức Phong	50,0	184	52	CLN	ODT
473	Phan Thị Kim Thoa	Đức Phong	50,0	4	42	CLN	ODT
474	Trần Thà	Đức Phong	50,0	21	42	CLN	ODT
475	Trần Văn Hiền	Đức Phong	500,0	278	36	CLN	ODT
476	Trần Văn Non	Đức Phong	200,0	50	2	CLN	ODT
477	Trần Văn Trinh	Đức Phong	200,0	300	36	CLN	ODT
478	Trần Văn Trung	Đức Phong	300,0	76	34	CLN	ODT
479	Trịnh Thị Hồng Diệu	Đức Phong	300,0	10	5	CLN	ODT
480	Trương Hữu Phụng	Đức Phong	200,0	64	55	CLN	ODT
481	Văn Hóa	Đức Phong	70,0	297	48	CLN	ODT
482	Võ Đức Trung	Đức Phong	300,0	46	37	CLN	ODT
483	Võ Thị Bích Thủy	Đức Phong	300,0	239	5	CLN	ODT
484	Điền Đoai	Đức Phong	500,0	230	35	CLN	ODT
485	Đỗ Thị Cẩm Thúy	Đức Phong	200,0	122	52	CLN	ODT
486	Hà Đình Đạt	Đức Phong	60,0	1064	38	CLN	ODT
487	Hà Viết Quang	Đức Phong	100,0	324	6	CLN	ODT
488	Hoàng Văn Thục	Đức Phong	200,0	642	6	CLN	ODT
489	Nguyễn Thiện Tuấn	Đức Phong	100,0	57	45	CLN	ODT
490	Trần Ngọc Kiều Trinh	Đức Phong	400,0	252	10	CLN	ODT
491	Vũ Văn Đại	Đức Phong	300,0	231	36	CLN	ODT
492	Du Quốc Khánh	Đường 10	400,0	369	3	CLN	ONT
493	Dương Đình Thái	Đường 10	100,0	106	24	CLN	ONT
494	Điền Ngọc	Đường 10	200,0	303	25	CLN	ONT
495	Điền Vrang	Đường 10	300,0	439	6	CLN	ONT
496	Đoàn Ngọc Châu	Đường 10	200,0	429	21	CLN	ONT
497	Nguyễn Bá Huy	Đường 10	2.000,0	369	3	CLN	ONT
498	Hoàng Kim Dũng	Đường 10	4.500,0	308	4	CLN	ONT
499	Hồ Thị Thanh Bình	Đường 10	400,0	75	7	CLN	ONT
500	Lý Văn Sảng	Đường 10	100,0	30	24	CLN	ONT
501	Mai Văn Huyền	Đường 10	100,0	177	17	CLN	ONT
502	Nguyễn Lam Trường	Đường 10	300,0	158	7	CLN	ONT

503	Nguyễn Ngọc Phương Minh	Đường 10	100,0	96	25	CLN	ONT
504	Nguyễn Phú Toàn	Đường 10	200,0	368	3	CLN	ONT
505	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Đường 10	400,0	107	27	CLN	ONT
506	Phạm Văn Trường	Đường 10	400,0	25	14	CLN	ONT
507	Trần Thị Mai Khuyên	Đường 10	1.500,0	106	17	CLN	ONT
508	Trần Văn Hiền	Đường 10	200,0	231	25	CLN	ONT
509	Triệu Văn Đệ	Đường 10	200,0	137	2	CLN	ONT
510	Vũ Văn Biên	Đường 10	300,0	450	6	CLN	ONT
511	Vũ Văn Đình	Đường 10	300,0	138	19	CLN	ONT
512	Vy Văn Cường	Đường 10	200,0	98	23	CLN	ONT
513	Vy Văn Cường	Đường 10	200,0	110	23	CLN	ONT
514	Bùi Ngọc Tuấn	Minh Hưng	1.000,0	36	3	CLN	ONT
515	Bùi Quốc Hải	Minh Hưng	200,0	295	40	CLN	ONT
516	Bùi Tiến Bắc	Minh Hưng	500,0	142	50	CLN	ONT
517	Bùi Thị Ánh Hồng ĐSD Lê Thị Huệ	Minh Hưng	100,0	38	55	CLN	ONT
518	Bùi Văn Bình	Minh Hưng	200,0	28	21	CLN	ONT
519	Bùi Văn Kiên	Minh Hưng	200,0	110	21	CLN	ONT
520	Bùi Văn Tuyền	Minh Hưng	200,0	174	16	CLN	SKC
521	Dương Đình Sơn	Minh Hưng	200,0	325	39	CLN	ONT
522	Đặng Thị Tinh	Minh Hưng	100,0	149	12	CLN	ONT
523	Đinh Quyền	Minh Hưng	200,0	114	31	CLN	ONT
524	Đinh Quyền	Minh Hưng	200,0	116	31	CLN	ONT
525	Đinh Quyền	Minh Hưng	200,0	22	31	CLN	ONT
526	Đoàn Văn Chánh	Minh Hưng	500,0	121	3	CLN	ONT
527	Hoàng Thị Thanh Vân	Minh Hưng	200,0	12	35	CLN	ONT
528	Trần Công Thái	Minh hưng	4.000,0	209	10	CLN	ONT
529	Hoàng Văn Đông	Minh Hưng	200,0	21	53	CLN	ONT
530	Hoàng Xuân Hạnh	Minh Hưng	100,0	203	40	CLN	ONT
531	Lã Thị Yến	Minh Hưng	200,0	294	40	CLN	ONT
532	Hoàng Quốc Hải	Minh Hưng	1.500,0	141	45	CLN	ONT
533	Bùi Quốc Đạt	Minh Hưng	500,0	115	42	CLN	ONT
534	Bùi Quốc Đạt	Minh Hưng	500,0	25	42	CLN	ONT
535	Lê Hoài Thanh	Minh Hưng	400,0	15	44	CLN	ONT
536	Lê Tấn Thủ	Minh Hưng	100,0	41	50	CLN	ONT
537	Lê Tư Trung	Minh Hưng	400,0	161	45	CLN	ONT
538	Lê Thị Thu Thảo	Minh Hưng	227,3	195	39	CLN	ONT
539	Lê Thị Vân Anh	Minh Hưng	200,0	293	40	CLN	ONT
540	Lưu Thanh Hiền	Minh Hưng	400,0	8	15	CLN	ONT
541	Mai Thị Nga	Minh Hưng	100,0	53	54	CLN	ONT
542	Nguyễn Duy Trường	Minh Hưng	200,0	261	4	CLN	ONT
543	Nguyễn Hữu Tuyên	Minh Hưng	400,0	33	6	CLN	ONT
544	Nguyễn Ngọc Chính	Minh Hưng	150,0	46	28	CLN	ONT
545	Nguyễn Ngọc Đông	Minh Hưng	100,0	27	16	CLN	ONT
546	Nguyễn Phú Sự	Minh Hưng	400,0	115	3	CLN	ONT
547	Nguyễn Quốc Đại	Minh Hưng	200,0	91	17	CLN	ONT
548	Nguyễn Tấn Phát	Minh Hưng	100,0	78	29	CLN	ONT
549	Nguyễn Tấn Phát	Minh Hưng	100,0	79	29	CLN	ONT
550	Bùi Ánh Hồng đồng sử dụng Lê Anh Hào	Minh Hưng	100,0	55	38	CLN	ONT
551	Nguyễn Thị Kim Hoàng	Minh Hưng	200,0	74	16	CLN	ONT
552	Nguyễn Thị Thúy	Minh Hưng	400,0	114	3	CLN	ONT
553	Đỗ Huy Lê	Minh Hưng	4.500,0	204	10	CLN	ONT
554	Đỗ Huy Lê	Minh Hưng	4.500,0	24	10	CLN	ONT

555	Nguyễn Văn Chon	Minh Hưng	200,0	296	40	CLN	ONT
556	Nguyễn Văn Hải	Minh Hưng	200,0	238	4	CLN	ONT
557	Vũ Thị Phương	Minh Hưng	1.600,0	93	3	CLN	ONT
558	Vũ Thị Phương	Minh Hưng	1.800,0	50	3	CLN	ONT
559	Nguyễn Văn Hóa	Minh Hưng	100,0	18	22	CLN	ONT
560	Nguyễn Văn Hoàn	Minh Hưng	400,0	122	3	CLN	ONT
561	Bùi Văn Sỹ	Minh Hưng	300,0	33	22	CLN	ONT
562	Nguyễn Văn Lan ĐSD Phạm Thị Ngọc ĐSD Nguyễn Tiến Dũng	Minh Hưng	400,0	119	3	CLN	ONT
563	Nguyễn Văn Quang	Minh Hưng	200,0	230	16	CLN	ONT
564	Nguyễn Văn Sỹ	Minh Hưng	100,0	18	20	CLN	ONT
565	Nguyễn Văn Tiến Dũng	Minh Hưng	400,0	51	34	CLN	ONT
566	Phạm Đình Bội	Minh Hưng	100,0	24	49	CLN	ONT
567	Phạm Thanh Hóa	Minh Hưng	2.000,0	99	11	SXKD	ONT
568	Phạm Thị Sương	Minh Hưng	400,0	116	3	CLN	ONT
569	Phạm Thị Vân	Minh Hưng	400,0	117	3	CLN	ONT
570	Phan Thanh Sơn	Minh Hưng	100,0	92	11	CLN	ONT
571	Thị K lé	Minh Hưng	500,0	68	47	CLN	ONT
572	Trần Quang Nhuận ĐSD Phạm Thị Bích Thủy	Minh Hưng	400,0	120	3	CLN	ONT
573	Trần Thế Hùng	Minh Hưng	400,0	111	21	CLN	ONT
574	Trần Thế Hùng	Minh Hưng	400,0	1	21	CLN	ONT
575	Trần Thị Thủy Dương	Minh Hưng	400,0	118	3	CLN	ONT
576	Trần Văn Niệm	Minh Hưng	400,0	112	18	CLN	ONT
577	Trần Văn Tuyển	Minh Hưng	500,0	148	30	CLN	ONT
578	Vũ Văn Dương	Minh Hưng	100,0	93	50	CLN	ONT
579	Biện Xuân Thành	Nghĩa Bình	400,0	184	6	CLN	ONT
580	Biện Xuân Thành	Nghĩa Bình	400,0	183	6	CLN	ONT
581	Cao Hoàng Phi Hổ	Nghĩa Bình	400,0	406	17	CLN	ONT
582	Dương Văn Bình	Nghĩa Bình	200,0	398	17	CLN	ONT
583	Đỗ Đức Đại	Nghĩa Bình	300,0	628	9	CLN	ONT
584	Đỗ Minh Long	Nghĩa Bình	400,0	31	5	CLN	ONT
585	Hồ Quốc Hưng	Nghĩa Bình	2.700,0	18	5	CLN	ONT
586	Nguyễn Văn Toàn	Nghĩa Bình	2.000,0	21	13	CLN	ONT
587	Nguyễn Toàn Trung	Nghĩa Bình	1.600,0	532	5	CLN	ONT
588	Phan Thị Nụ	Nghĩa Bình	1.000,0	245	6	CLN	ONT
589	Nguyễn Hoà Tân	Nghĩa Bình	1.700,0	477	2	CLN	ONT
590	Phan Thị Nụ	Nghĩa Bình	1.000,0	271	6	CLN	ONT
591	Nguyễn Hoà Tân	Nghĩa Bình	1.100,0	467	2	CLN	ONT
592	Trần Quốc Thắng	Nghĩa Bình	2.300,0	81	5	CLN	ONT
593	Đỗ Minh Long	Nghĩa Bình	400,0	39	5	CLN	ONT
594	Đỗ Trần Sang	Nghĩa Bình	500,0	554	6	CLN	ONT
595	Hồ Nhì Hính	Nghĩa Bình	200,0	147	3	CLN	ONT
596	Hồ Thị Long	Nghĩa Bình	200,0	559	6	CLN	ONT
597	Lê Thị Mai Trinh	Nghĩa Bình	300,0	574	5	CLN	ONT
598	Lê Văn Sơn	Nghĩa Bình	100,0	259	5	CLN	ONT
599	Lê Viết Châu	Nghĩa Bình	100,0	611	5	CLN	ONT
600	Trần Văn Hà	Nghĩa Bình	1.000,0	228	2	CLN	ONT
601	Trần Văn Hà	Nghĩa Bình	2.000,0	215	2	CLN	ONT
602	Nguyễn Đình Cường	Nghĩa Bình	900,0	227	4	CLN	ONT
603	Nguyễn Khắc Thanh	Nghĩa Bình	1.000,0	375	2	CLN	ONT
604	Nguyễn Văn Sinh	Nghĩa Bình	3.000,0	232	17	CLN	ONT
605	Nguyễn Văn Sinh	Nghĩa Bình	3.000,0	242	17	CLN	ONT
606	Nguyễn Ngọc Giảng	Nghĩa Bình	400,0	261	5	CLN	ONT

607	Nguyễn Tiến Toàn	Nghĩa Bình	100,0	610	5	CLN	ONT
608	Nguyễn Thị Lệ	Nghĩa Bình	200,0	180	23	CLN	ONT
609	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Nghĩa Bình	100,0	369	17	CLN	ONT
610	Trần Trung Nam Phong	Nghĩa Bình	1.000,0	150	2	CLN	ONT
611	Nguyễn Văn Anh	Nghĩa Bình	400,0	315	2	CLN	ONT
612	Nguyễn Văn Anh	Nghĩa Bình	200,0	269	2	CLN	ONT
613	Nguyễn Văn Hà	Nghĩa Bình	400,0	154	4	CLN	ONT
614	Nguyễn Văn Huynh	Nghĩa Bình	300,0	552	6	CLN	ONT
615	Nguyễn Văn Huynh	Nghĩa Bình	300,0	553	6	CLN	ONT
616	Nguyễn Vũ Hoài Thương	Nghĩa Bình	200,0	153	3	CLN	ONT
617	Phạm Thị Thuộc	Nghĩa Bình	400,0	455	2	CLN	ONT
618	Phan Đình Hùng	Nghĩa Bình	200,0	560	6	CLN	ONT
619	Trần Tuệ	Nghĩa Bình	400,0	40	5	CLN	ONT
620	Trần Tuệ	Nghĩa Bình	400,0	46	5	CLN	ONT
621	Trần Văn Lượng	Nghĩa Bình	100,0	154	3	CLN	ONT
622	Võ Đình Tòng	Nghĩa Bình	500,0	104	5	CLN	ONT
623	Võ Đình Tòng	Nghĩa Bình	2.100,0	116	5	CLN	ONT
624	Võ Ngọc Thuận	Nghĩa Bình	2.700,0	298	6	CLN	ONT
625	Văn Thị Thương	Nghĩa Bình	3.000,0	285	6	CLN	ONT
626	Võ Thị Ngọc Hạnh	Nghĩa Bình	89,0	77	3	CLN	ONT
627	Nguyễn Thị Láng	Nghĩa Bình	2.000,0	123	5	CLN	ONT
628	Điền Thị Kinh	Nghĩa Bình	1.200,0	75	17	CLN	ONT
629	Nguyễn Thị Láng	Nghĩa Bình	2.000,0	150	5	CLN	ONT
630	Võ Văn Minh	Nghĩa Bình	200,0	139	23	CLN	ONT
631	Dương Thanh Ngọc	Nghĩa Bình	100,0	377	2	CLN	ONT
632	Lương Đình Hải	Nghĩa Bình	400,0	100	3	CLN	ONT
633	Nguyễn Đình Quốc	Nghĩa Bình	100,0	123	3	CLN	ONT
634	Phạm Thị Yêu	Nghĩa Bình	1.600,0	6	12	CLN	ONT
635	Nguyễn Văn Tý	Nghĩa Bình	300,0	22	10	CLN	ONT
636	Phạm Văn Quý	Nghĩa Bình	100,0	20	2	CLN	ONT
637	Phan Văn Thuận	Nghĩa Bình	200,0	86	3	CLN	ONT
638	Phan Văn Thuận	Nghĩa Bình	100,0	501	6	CLN	ONT
639	Võ Minh Thuận	Nghĩa Bình	200,0	41	3	CLN	ONT
640	Đinh Thị Kim Phượng	Nghĩa Trung	160,0	208	13	CLN	ONT
641	Đoàn Thị Hoa	Nghĩa Trung	500,0	17	31	CLN	ONT
642	Huỳnh Thị Thu Nga	Nghĩa Trung	400,0	479	29	CLN	ONT
643	Lô Cẩm Linh	Nghĩa Trung	1.500,0	136	29	CLN	ONT
644	Lê Văn Khánh	Nghĩa Trung	1.900,0	521	29	CLN	ONT
645	Lê Hoàng Chương	Nghĩa Trung	100,0	454	15	CLN	ONT
646	Lê Thanh Tuấn	Nghĩa Trung	500,0	312	20	CLN	ONT
647	Lê Thị Đào	Nghĩa Trung	150,0	130	18	CLN	ONT
648	Lê Thị Lịch	Nghĩa Trung	200,0	481	38	CLN	ONT
649	Lê Trung Nhân	Nghĩa Trung	400,0	100	18	CLN	ONT
650	Lê Trung Nhân	Nghĩa Trung	700,0	160	18	CLN	ONT
651	Lê Xuân Nội; Cùng sử dụng đất với Ông Nguyễn Trọng Tình	Nghĩa Trung	800,0	180	23	CLN	ONT
652	Mai Văn Dinh	Nghĩa Trung	200,0	438	29	CLN	ONT
653	Ngô Duy Hải	Nghĩa Trung	300,0	592	29	CLN	ONT
654	Nguyễn Công Minh	Nghĩa Trung	600,0	14	16	CLN	ONT
655	Nguyễn Đình Trung	Nghĩa Trung	100,0	308	30	CLN	ONT
656	Nguyễn Hồng Anh	Nghĩa Trung	100,0	444	29	CLN	ONT
657	Nguyễn Thị Dung	Nghĩa Trung	200,0	309	30	CLN	ONT
658	Nguyễn Thị Nga	Nghĩa Trung	500,0	143	18	CLN	ONT
659	Nguyễn Thị Tường Vân	Nghĩa Trung	500,0	14	20	CLN	ONT

660	Nguyễn Nhật Truyền	Nghĩa Trung	400,0	60	39	CLN	ONT
661	Nguyễn Thị Lan	Nghĩa Trung	1.000,0	705	9	CLN	ONT
662	Nguyễn Thị Tường Vân	Nghĩa Trung	100,0	272	21	CLN	ONT
663	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Nghĩa Trung	6.000,0	340	20	CLN	ONT
664	Nguyễn Thị Tường Vân	Nghĩa Trung	200,0	272	21	CLN	TMD
665	Nguyễn Thị Tường Vân	Nghĩa Trung	100,0	252	21	CLN	ONT
666	Nguyễn Thị Tường Vân	Nghĩa Trung	100,0	252	21	CLN	TMD
667	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nghĩa Trung	100,0	149	21	CLN	ONT
668	Lê Văn Đông	Nghĩa Trung	400,0	11	7	CLN	ONT
669	Lê Văn Đông	Nghĩa Trung	400,0	9	7	CLN	ONT
670	Nguyễn Thị Xu	Nghĩa Trung	100,0	642	9	CLN	ONT
671	Hà Minh Chính	Nghĩa Trung	800,0	437	29	CLN	ONT
672	Hà Minh Chính	Nghĩa Trung	2.000,0	552	29	CLN	ONT
673	Nguyễn Trọng Mạnh	Nghĩa Trung	2.000,0	83	21	CLN	ONT
674	Hồ Thị Lan	Nghĩa Trung	400,0	323	29	CLN	ONT
675	Đỗ Minh Thành	Nghĩa Trung	1.000,0	237	30	CLN	ONT
676	Võ Minh Tâm	Nghĩa Trung	2.000,0	20	29	CLN	ONT
677	Nguyễn Trương Vương	Nghĩa Trung	200,0	74	37	CLN	ONT
678	Nguyễn Văn Ngọc	Nghĩa Trung	200,0	72	10	CLN	ONT
679	Nguyễn Văn Thành	Nghĩa Trung	200,0	339	38	CLN	ONT
680	Phạm Thị Lan	Nghĩa Trung	400,0	86	10	CLN	ONT
681	Phan Văn Hội	Nghĩa Trung	400,0	159	30	CLN	ONT
682	Cao Thế Hiền	Nghĩa Trung	6.000,0	340	20	CLN	ONT
683	Phan Văn Thành	Nghĩa Trung	200,0	398	17	CLN	ONT
684	Trần Thanh Tùng	Nghĩa Trung	700,0	277	20	CLN	ONT
685	Thái Bạch Thuận	Nghĩa Trung	200,0	501	29	CLN	ONT
686	Trần Minh Hải	Nghĩa Trung	500,0	323	29	CLN	ONT
687	Trần Thị Hà	Nghĩa Trung	100,0	430	29	CLN	ONT
688	Phạm Thị Kiều	Nghĩa Trung	600,0	160	35	CLN	ONT
689	Phạm Thị Kiều	Nghĩa Trung	600,0	159	35	CLN	ONT
690	Phạm Thị Kiều	Nghĩa Trung	600,0	158	35	CLN	ONT
691	Phạm Thị Kiều	Nghĩa Trung	600,0	157	35	CLN	ONT
692	Phạm Thị Kiều	Nghĩa Trung	600,0	156	35	CLN	ONT
693	Phạm Thị Kiều	Nghĩa Trung	600,0	155	35	CLN	ONT
694	Trương Thị Ngọc Diễm	Nghĩa Trung	200,0	514	29	CLN	ONT
695	Trương Thị Quế	Nghĩa Trung	400,0	307	30	CLN	ONT
696	Văn Nam	Nghĩa Trung	200,0	50	15	CLN	ONT
697	Huỳnh Tấn Thành	Nghĩa Trung	200,0	307	13	CLN	ONT
698	Lê Quốc Khánh	Nghĩa Trung	200,0	213	30	CLN	ONT
699	Phạm Ngọc Thanh Trung	Nghĩa Trung	400,0	23	38	CLN	ONT
700	Phạm Xuân Tùng	Nghĩa Trung	200,0	270	3	CLN	ONT
701	Châu Thị Thúy Hằng	Phú Sơn	200,0	107	24	CLN	ONT
702	Đặng Ngọc Sơn	Phú Sơn	300,0	284	33	CLN	ONT
703	Điền Jêng	Phú Sơn	400,0	107	31	CLN	ONT
704	Điền MRung	Phú Sơn	100,0	107	24	CLN	ONT
705	Đỗ Văn Hưng	Phú Sơn	200,0	333	7	CLN	ONT
706	Huỳnh Thiên Trung	Phú Sơn	100,0	167	24	CLN	ONT
707	Nguyễn Bá Huy	Phú Sơn	2.000,0	85	5	CLN	ONT
708	Lê Hữu Từ	Phú Sơn	400,0	175	24	CLN	ONT
709	Lê Thị Loan	Phú Sơn	160,0	88	28	CLN	ONT
710	Lê Trọng Thành	Phú Sơn	100,0	97	28	CLN	ONT
711	Nguyễn Đình Chiến	Phú Sơn	100,0	94	28	CLN	ONT
712	Nguyễn Đình Định	Phú Sơn	200,0	38	25	CLN	ONT
713	Nguyễn Phước Nghĩa	Phú Sơn	300,0	68	28	CLN	ONT
714	Nguyễn Thị Bé	Phú Sơn	100,0	430	19	CLN	ONT

715	Nguyễn Thị Diệu Hiền	Phú Sơn	100,0	111	24	CLN	ONT
716	Nguyễn Thị Lành	Phú Sơn	1.400,0	143	22	CLN	ONT
717	Nguyễn Việt Hiếu	Phú Sơn	100,0	441	19	CLN	ONT
718	Trần Ngọc Quý	Phú Sơn	300,0	330	19	CLN	ONT
719	Vũ Thiên Phú	Phú Sơn	200,0	234	33	CLN	ONT
720	Bùi Xuân Khương	Phú Sơn	100,0	245	33	CLN	ONT
721	Bùi Xuân Khương	Phú Sơn	300,0	246	33	CLN	ONT
722	Nguyễn Trường Thi	Phú Sơn	100,0	256	21	CLN	ONT
723	Cao Văn Hiệp	Phước Sơn	3.500,0	42	10	CLN	ONT
724	Chu Thị Bé	Phước Sơn	1.600,0	29	9	CLN	ONT
725	Dương Quảng	Phước Sơn	800,0	277	3	CLN	ONT
726	Dương Văn Dung	Phước Sơn	500,0	327	6	CLN	ONT
727	Dương Văn Dung	Phước Sơn	300,0	332	6	CLN	ONT
728	Đàm Văn Khai	Phước Sơn	100,0	104	5	CLN	ONT
729	Điền Klan	Phước Sơn	300,0	287	9	CLN	ONT
730	Điền Thị Bui	Phước Sơn	200,0	219	16	CLN	ONT
731	Đặng Thành Nam Đồng sử dụng Nguyễn Ngọc Tiến	Phước Sơn	2.300,0	102	6	CLN	ONT
732	Nguyễn Bá Huy đồng sử dụng Nguyễn Ngọc Tiến	Phước Sơn	2.000,0	302	4	CLN	ONT
733	Đinh Thị Thanh	Phước Sơn	200,0	73	29	CLN	ONT
734	Hà Văn Liên	Phước Sơn	100,0	38	5	CLN	ONT
735	Hoàng Thị Ngoạt	Phước Sơn	100,0	59	21	CLN	ONT
736	Hoàng Thị Tuất	Phước Sơn	200,0	564	9	CLN	ONT
737	Phạm Đức Đạt	Phước Sơn	1.000,0	96	14	CLN	ONT
738	Lê Văn Lượng	Phước Sơn	2.500,0	272	6	CLN	ONT
739	Lê Đức Hùng	Phước Sơn	700,0	80	29	CLN	ONT
740	Hoàng Văn Độ	Phước Sơn	400,0	29	24	CLN	ONT
741	Hoàng Văn Hòa	Phước Sơn	500,0	462	9	CLN	ONT
742	Hoàng Văn Then	Phước Sơn	100,0	38	5	CLN	ONT
743	Lương Đình Cường	Phước Sơn	3.300,0	266	4	CLN	ONT
744	Nguyễn Văn Thành	Phước Sơn	800,0	543	6	CLN	ONT
745	Trương Minh Tuấn	Phước Sơn	600,0	533	6	CLN	ONT
746	Hồ Chí Bằng	Phước Sơn	350,0	565	9	CLN	ONT
747	Huỳnh Công Vàng	Phước Sơn	200,0	58	40	CLN	ONT
748	Lương Danh	Phước Sơn	800,0	10	14	CLN	ONT
749	Huỳnh Ngọc Phúc	Phước Sơn	200,0	69	26	CLN	ONT
750	Nguyễn Hạnh Phúc	Phước Sơn	200,0	36	27	CLN	ONT
751	Lành Văn Hiện	Phước Sơn	200,0	125	22	CLN	ONT
752	Lê Duy Hải	Phước Sơn	200,0	156	22	CLN	ONT
753	Lê Hiền	Phước Sơn	300,0	63	19	CLN	ONT
754	Lê Nguyễn Phương	Phước Sơn	400,0	42	13	CLN	ONT
755	Lê Thanh Lương	Phước Sơn	5.000,0	385	26	CLN	ONT
756	Lê Thị Huyền Trang	Phước Sơn	2.000,0	389	26	CLN	ONT
757	Lê Văn Tuất	Phước Sơn	200,0	13	33	CLN	ONT
758	Lê Văn Trung	Phước Sơn	200,0	189	5	CLN	ONT
759	Linh Văn Vòng	Phước Sơn	300,0	161	9	CLN	ONT
760	Linh Văn Vòng	Phước Sơn	300,0	175	9	CLN	ONT
761	Đặng Đình Phóng	Phước Sơn	500,0	534	6	CLN	ONT
762	Lương Tú Phương	Phước Sơn	200,0	602	9	CLN	ONT
763	Ngô Đồng Hưng	Phước Sơn	400,0	22	36	CLN	ONT
764	Ngô Văn Hưng	Phước Sơn	150,0	648	9	CLN	ONT
765	Nguyễn Minh Hùng	Phước Sơn	400,0	14	31	CLN	ONT
766	Nguyễn Thị Minh	Phước Sơn	200,0	439	9	CLN	ONT

767	Nguyễn Văn Hải	Phước Sơn	400,0	86	14	CLN	ONT
768	Nguyễn Văn Thiệu	Phước Sơn	200,0	38	35	CLN	ONT
769	Phạm Thị Phương	Phước Sơn	400,0	362	9	CLN	ONT
770	Phạm Thị Phương Anh	Phước Sơn	500,0	646	9	CLN	ONT
771	Trần Anh Hùng	Phước Sơn	400,0	73	19	CLN	ONT
772	Nguyễn Thị Ninh	Phước Sơn	2.700,0	62	3	CLN	ONT
773	Trần Thị Thêu	Phước Sơn	400,0	333	9	CLN	ONT
774	Trương Hùng Thắng	Phước Sơn	500,0	1	0	CLN	ONT
775	Trương Hùng Thắng	Phước Sơn	500,0	2	0	CLN	ONT
776	Võ Văn Thành	Phước Sơn	400,0	652	9	CLN	ONT
777	Vũ Văn Kiêm	Phước Sơn	200,0	24	40	CLN	ONT
778	Nguyễn Đình Nhuận	Phước Sơn	200,0	578	9	CLN	ONT
779	Bạch Thị Thanh Hương	Thọ Sơn	100,0	197	3	CLN	ONT
780	Bùi Xuân Điền	Thọ Sơn	100,0	341	45	CLN	ONT
781	Cao Văn Thanh	Thọ Sơn	200,0	193	14	CLN	ONT
782	Dương Ngọc Tâm	Thọ Sơn	100,0	94	14	CLN	ONT
783	Đặng Chí Linh	Thọ Sơn	100,0	49	4	CLN	ONT
784	Điền Don	Thọ Sơn	400,0	40	32	CLN	ONT
785	Điền Huân	Thọ Sơn	200,0	184	22	CLN	ONT
786	Đỗ Minh Định	Thọ Sơn	400,0	154	39	CLN	ONT
787	Hà Nhân Chiến	Thọ Sơn	300,0	185	35	CLN	ONT
788	Hoàng Minh Thắng	Thọ Sơn	200,0	166	6	CLN	ONT
789	Hoàng Thị Tuyết Minh	Thọ Sơn	100,0	7	14	CLN	ONT
790	Hoàng Thị Tuyết Minh	Thọ Sơn	100,0	202	14	CLN	ONT
791	Huỳnh Tấn Thanh	Thọ Sơn	400,0	100	12	CLN	ONT
792	Huỳnh Văn Nghệ	Thọ Sơn	100,0	44	40	CLN	ONT
793	Lê Sỹ Thanh	Thọ Sơn	100,0	137	48	CLN	ONT
794	Lê Thị Lý	Thọ Sơn	1.500,0	1	15	CLN	ONT
795	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	600,0	60	38	CLN	ONT
796	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	600,0	61	38	CLN	ONT
797	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	600,0	62	38	CLN	ONT
798	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	600,0	63	38	CLN	ONT
799	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	600,0	64	38	CLN	ONT
800	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	600,0	65	38	CLN	ONT
801	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	600,0	66	38	CLN	ONT
802	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	600,0	67	38	CLN	ONT
803	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	700,0	68	38	CLN	ONT
804	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	1.400,0	69	38	CLN	ONT
805	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	1.000,0	70	38	CLN	ONT
806	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	700,0	71	38	CLN	ONT
807	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	700,0	72	38	CLN	ONT
808	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	700,0	73	38	CLN	ONT
809	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	700,0	74	38	CLN	ONT
810	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	700,0	75	38	CLN	ONT
811	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	700,0	76	38	CLN	ONT
812	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	700,0	77	38	CLN	ONT
813	Phạm Ngọc Loan	Thọ Sơn	700,0	78	38	CLN	ONT
814	Đặng Thị Quê	Thọ Sơn	600,0	79	38	CLN	ONT
815	Đặng Thị Quê	Thọ Sơn	600,0	80	38	CLN	ONT
816	Đặng Thị Quê	Thọ Sơn	600,0	81	38	CLN	ONT
817	Đặng Thị Quê	Thọ Sơn	500,0	82	38	CLN	ONT
818	Đặng Thị Quê	Thọ Sơn	900,0	83	38	CLN	ONT
819	Đặng Thị Quê	Thọ Sơn	900,0	84	38	CLN	ONT
820	Lê Văn Chung	Thọ Sơn	400,0	27	39	CLN	ONT
821	Lê Văn Chung	Thọ Sơn	400,0	135	39	CLN	ONT

822	Nguyễn Thị Anh Đào	Thọ Sơn	1.200,0	334	32	CLN	ONT
823	Lê Văn Chung	Thọ Sơn	400,0	71	32	CLN	ONT
824	Lê Văn Năng	Thọ Sơn	100,0	191	14	CLN	ONT
825	Lê Văn Pha	Thọ Sơn	100,0	190	14	CLN	ONT
826	Lê Văn Tấn	Thọ Sơn	200,0	99	19	CLN	ONT
827	Lê Văn Thú	Thọ Sơn	400,0	497	18	CLN	ONT
828	Nguyễn Chí Cường	Thọ Sơn	100,0	16	14	CLN	ONT
829	Nguyễn Ngọc Đẹp	Thọ Sơn	100,0	55	32	CLN	ONT
830	Nguyễn Ngọc Đẹp	Thọ Sơn	100,0	56	32	CLN	ONT
831	Nguyễn Ngọc Đẹp	Thọ Sơn	500,0	386	32	CLN	ONT
832	Nguyễn Thanh Hải	Thọ Sơn	200,0	48	9	CLN	ONT
833	Nguyễn Thị Lan	Thọ Sơn	100,0	170	14	CLN	ONT
834	Nguyễn Thị Nga	Thọ Sơn	200,0	150	6	CLN	ONT
835	Nguyễn Thị Nhung	Thọ Sơn	200,0	66	13	CLN	ONT
836	Nguyễn Thị Nhung	Thọ Sơn	200,0	149	45	CLN	ONT
837	Nguyễn Văn Chương	Thọ Sơn	400,0	40	5	CLN	ONT
838	Nguyễn Văn Hải	Thọ Sơn	300,0	263	17	CLN	ONT
839	Điền VRông	Thọ Sơn	1.200,0	263	17	CLN	ONT
840	Điền VRông	Thọ Sơn	600,0	106	17	CLN	ONT
841	Điền VRông	Thọ Sơn	400,0	223	17	CLN	ONT
842	Nguyễn Viết Tuấn	Thọ Sơn	400,0	26	18	CLN	ONT
843	Phạm Thị Ngọc Uyên	Thọ Sơn	300,0	299	35	CLN	ONT
844	Phan Trọng Công	Thọ Sơn	100,0	37	46	CLN	ONT
845	Thân Thị Diện	Thọ Sơn	100,0	175	41	CLN	ONT
846	Thị Phức	Thọ Sơn	300,0	43	32	CLN	ONT
847	Trần Thị Hòe	Thọ Sơn	100,0	167	48	CLN	ONT
848	Trần Thị Sung	Thọ Sơn	200,0	89	18	CLN	ONT
849	Trần Thị Thùy Trang	Thọ Sơn	50,0	34	46	CLN	ONT
850	Trần Thị Thùy Trang	Thọ Sơn	200,0	37	46	CLN	ONT
851	Trần Văn Chung	Thọ Sơn	100,0	218	48	CLN	ONT
852	Trần Văn Chung	Thọ Sơn	200,0	210	48	CLN	ONT
853	Trương Thị Chúc	Thọ Sơn	100,0	123	5	CLN	ONT
854	Trương Thị Oanh	Thọ Sơn	100,0	186	21	CLN	ONT
855	Võ Khôi Tùng	Thọ Sơn	249,5	6	21	CLN	ONT
856	Võ Khôi Tùng	Thọ Sơn	246,8	287	18	CLN	ONT
857	Vũ Văn Hiệp	Thọ Sơn	100,0	308	10	CLN	ONT
858	Nguyễn Khuỳnh Khánh Quốc	Thọ Sơn	100,0	285	14	CLN	ONT
859	Vũ Trọng Ninh	Thọ Sơn	300,0	151	39	CLN	ONT
860	Vũ Văn Hiệp	Thọ Sơn	200,0	308	18	CLN	ONT
861	Diệp Tiểu Giao	Thống Nhất	400,0	178	18	CLN	ONT
862	Diệp Tiểu Giao	Thống Nhất	300,0	6	1	CLN	ONT
863	Diệp Tiểu Giao	Thống Nhất	200,0	8	1	CLN	ONT
864	Diệp Tiểu Giao	Thống Nhất	200,0	7	1	CLN	ONT
865	Đinh Thị Lệ Quyên	Thống Nhất	4.000,0	14	6	CLN	ONT
866	Lê Thị Hồng	Thống Nhất	2.200,0	260	6	CLN	ONT
867	Điền Đùm	Thống Nhất	300,0	92	14	CLN	ONT
868	Điền La	Thống Nhất	300,0	116	61	CLN	ONT
869	Đoàn Văn Chánh	Thống Nhất	96,4	245	86	CLN	ONT
870	Đoàn Văn Phong	Thống Nhất	400,0	151	36	CLN	ONT
871	Đỗ Anh Vũ	Thống Nhất	700,0	162	47	CLN	ONT
872	Đỗ Văn Sơn	Thống Nhất	300,0	1	0	CLN	ONT
873	Hoàng Hải Minh	Thống Nhất	100,0	284	86	CLN	ONT
874	Hoàng Tuấn Anh	Thống Nhất	1.500,0	69	76	CLN	ONT
875	Hoàng Thị Kim Oanh	Thống Nhất	400,0	1	72	CLN	ONT

876	Nguyễn Kim Lâm	Thông Nhất	2.200,0	61	16	CLN	ONT
877	Hoàng Văn Toại	Thông Nhất	600,0	26	74	CLN	ONT
878	Nguyễn Thị Thu	Thông Nhất	1.700,0	65	9	CLN	ONT
879	Nguyễn Thị Thu	Thông Nhất	2.700,0	4	73	CLN	ONT
880	Nguyễn Thị Thu	Thông Nhất	1.600,0	11	73	CLN	ONT
881	Hồ Thảo Kiều	Thông Nhất	200,0	122	62	CLN	ONT
882	Hứa Thị Diệp	Thông Nhất	300,0	194	27	CLN	ONT
883	Lăng Văn Thủy	Thông Nhất	400,0	46	24	CLN	ONT
884	Lăng Văn Thủy	Thông Nhất	400,0	9	32	CLN	ONT
885	Lê Thanh Lương	Thông Nhất	200,0	162	45	CLN	ONT
886	Lê Thanh Lương	Thông Nhất	5.000,0	8	70	CLN	ONT
887	Phạm Văn Thái	Thông Nhất	3.500,0	32	31	CLN	ONT
888	Phạm Văn Thái	Thông Nhất	2.200,0	25	49	CLN	ONT
889	Phạm Văn Thái	Thông Nhất	1.200,0	28	49	CLN	ONT
890	Lục Thị Tám	Thông Nhất	200,0	23	65	CLN	ONT
891	Lương Văn Thọ	Thông Nhất	300,0	370	88	CLN	ONT
892	Lý Tiến Tài	Thông Nhất	200,0	329	36	CLN	ONT
893	Ma Thị Tơ	Thông Nhất	400,0	88	74	CLN	ONT
894	Mông Thị Hiền	Thông Nhất	300,0	233	46	CLN	ONT
895	Mông Văn Lợi	Thông Nhất	300,0	125	74	CLN	ONT
896	Nông Thị Linh	Thông Nhất	100,0	115	62	CLN	ONT
897	Ngô Xuân Hồ	Thông Nhất	400,0	13	56	CLN	ONT
898	Nguyễn Duy Đoàn	Thông Nhất	300,0	48	18	CLN	ONT
899	Nguyễn Hữu Thủy	Thông Nhất	400,0	9	28	CLN	ONT
900	Nguyễn Hữu Thủy	Thông Nhất	400,0	10	28	CLN	ONT
901	Nguyễn Song Đoàn	Thông Nhất	700,0	138	68	CLN	ONT
902	Nguyễn Song Đoàn	Thông Nhất	200,0	137	68	CLN	ONT
903	Đinh Văn Hải	Thông Nhất	1.500,0	18	73	CLN	ONT
904	Nguyễn Thanh Hải	Thông Nhất	300,0	113	62	CLN	ONT
905	Nguyễn Thơm	Thông Nhất	500,0	27	56	CLN	ONT
906	Nguyễn Văn Toàn	Thông Nhất	4.000,0	142	10	CLN	ONT
907	Phạm Văn Bình	Thông Nhất	400,0	28	7	CLN	ONT
908	Phạm Viết Thoảng	Thông Nhất	100,0	223	47	CLN	ONT
909	Phạm Viết Thoảng	Thông Nhất	200,0	350	88	CLN	ONT
910	Phan Duy Phúc	Thông Nhất	400,0	29	67	CLN	ONT
911	Phan Duy Phúc	Thông Nhất	200,0	9	1	CLN	ONT
912	Phan Duy Phúc	Thông Nhất	200,0	10	1	CLN	ONT
913	Phan Hành Sơn	Thông Nhất	200,0	126	66	CLN	ONT
914	Phan Hành Sơn	Thông Nhất	200,0	23	73	CLN	ONT
915	Quách Công Hoạch	Thông Nhất	100,0	55	124	CLN	ONT
916	Trần Chung Nam Phong	Thông Nhất	1.313,7	164	2	NTS	CLN
917	Trần Chung Nam Phong	Thông Nhất	1.411,2	169	2	NTS	CLN
918	Trần Chung Nam Phong	Thông Nhất	1.388,3	163	2	NTS	CLN
919	Trần Viết Phạm Đức	Thông Nhất	200,0	227	7	CLN	ONT
920	Triệu Thị Đồng	Thông Nhất	2.700,0	128	68	CLN	ONT
921	Triệu Thị Tươi	Thông Nhất	500,0	198	56	CLN	ONT
922	Trương Văn Lâm	Thông Nhất	400,0	200	56	CLN	ONT
923	Vì Văn Huân	Thông Nhất	200,0	85	74	CLN	ONT
924	Võ Văn Việt	Thông Nhất	200,0	86	29	CLN	ONT
925	Vũ Thân Ái	Thông Nhất	200,0	118	74	CLN	ONT
926	Vũ Văn Phúc	Thông Nhất	100,0	84	35	CLN	ONT
927	Nguyễn Trí Dũng	Thông Nhất	4.000,0	121	47	CLN	SKC
928	Nguyễn Trí Dũng	Thông Nhất	4.000,0	56	47	CLN	SKC
929	Vy Thị Nam	Thông Nhất	400,0	233	46	CLN	ONT
930	Hoàng Văn Việt	Thông Nhất	300,0	128	76	CLN	ONT

931	Lê Đình Quyết	Thông Nhất	200,0	203	87	CLN	ONT
932	Mã Thị Yên	Thông Nhất	200,0	135	76	CLN	ONT
933	Bàn Văn Nam	Thông Nhất	5.000,0	156	10	CLN	ONT
934	Nguyễn Văn Toàn	Thông Nhất	3.500,0	15	75	CLN	ONT
935	Nguyễn Thị Kim Yên	Thông Nhất	200,0	23	26	CLN	ONT
936	Nguyễn Văn Chung	Thông Nhất	200,0	176	56	CLN	ONT
Tổng			3.168.802,2				